

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH, NGHỀ: CÔNG TÁC XÃ HỘI
MÃ NGÀNH, NGHỀ: 6760101
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

*Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-CDKT ngày 25 tháng 8 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum*

Quảng Ngãi, năm 2025

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành, nghề: Công tác xã hội. Tiếng Anh: Community service

Mã ngành, nghề: 6760101

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 3 năm

Danh hiệu được công nhận: Cử nhân thực hành

A. GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH/MÔ TẢ NGÀNH, NGHỀ ĐÀO TẠO

Ngành Công tác xã hội (CTXH) là một ngành học tập trung vào việc hỗ trợ, tư vấn, và giúp đỡ các cá nhân, gia đình và cộng đồng nhằm giải quyết các vấn đề xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và thúc đẩy công bằng xã hội. CTXH bao gồm các hoạt động như tư vấn tâm lý, hỗ trợ pháp lý, giáo dục xã hội và phát triển cộng đồng. Những người làm CTXH thường làm việc tại các tổ chức phi chính phủ (NGO), cơ quan chính phủ, bệnh viện, trường học, và các trung tâm bảo trợ xã hội.

Chương trình đào tạo ngành, nghề CTXH trình độ cao đẳng được thiết kế kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, trang bị những kiến thức, kỹ năng và năng lực cần thiết cho sinh viên, bảo đảm ra trường có thể áp dụng kiến thức học được vào thực tế công việc. Mục tiêu của chương trình là đào tạo ra những nhân viên CTXH có năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và khả năng thích ứng với các tình huống xã hội đa dạng.

B. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

I. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo cử nhân trình độ cao đẳng ngành CTXH nhằm trang bị cho người học hệ thống kiến thức, kỹ năng, phương pháp nghiên cứu Công tác xã hội, có đạo đức nghề nghiệp và năng lực cung cấp các dịch vụ CTXH nhằm trợ giúp người yếu thế trong phòng ngừa, can thiệp, phục hồi và phát triển các chức năng xã hội; để làm việc tại các cơ quan, tổ chức liên quan đến CTXH trong nước và quốc tế; làm việc tại các cơ sở giáo dục; có khả năng khởi nghiệp và nghiên cứu, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời.

II. Mục tiêu cụ thể

1. Yêu cầu về kiến thức

1.1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2. Trình bày được kiến thức cơ bản về: quá trình hình thành và phát triển công tác xã hội trên thế giới và Việt Nam; đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của công tác xã hội; mối quan hệ giữa công tác xã hội và một số ngành học khác; xử lý căng thẳng, khủng hoảng, các mô hình trong công tác xã hội;

1.3. Mô tả được lịch sử hình thành và các lý thuyết kinh điển trong công tác xã hội; các mô hình tiếp cận khác nhau về giúp đỡ đối tượng có vấn đề trong cuộc sống; nghiên cứu và xây dựng chính sách;

1.4. Giải thích được các kiến thức về tâm lý xã hội, giao tiếp, tham vấn, quản lý, điều hành các hoạt động, dịch vụ trợ giúp cá nhân, gia đình, nhóm;

1.5. Phân loại được các cấp độ can thiệp xã hội: cá nhân, nhóm, cộng đồng. Giải thích được phương pháp và kỹ năng trong tham vấn và vận dụng một cách linh hoạt vào thực hành CTXH cá nhân, CTXH nhóm và phát triển cộng đồng;

2. Yêu cầu về kỹ năng

2.1. Sử dụng được các kỹ năng CTXH cá nhân, nhóm vào việc cung cấp các dịch vụ trợ giúp các cá nhân, gia đình và nhóm để giúp họ tăng cường năng lực tự giải quyết vấn đề và đáp ứng nhu cầu của mình;

2.2. Đề xuất được các biện pháp để kết nối các nguồn lực góp phần cải thiện, giải quyết vấn đề xã hội; Kết nối được phương pháp và kỹ năng trong tham vấn để ứng dụng một cách linh hoạt vào thực hành CTXH cá nhân, CTXH nhóm

và phát triển cộng đồng;

2.3. Áp dụng kiến thức, kỹ năng CTXH để chữa trị và phục hồi các chức năng xã hội cho các đối tượng yếu thế. Kết nối, phát huy nguồn lực nhằm phát triển con người, quản lý xã hội một cách hài hòa ở cấp độ cá nhân, tổ chức nhằm phòng ngừa các yếu tố nguy cơ về tệ nạn xã hội, lệch lạc xã hội,...;

2.4. Biện hộ cho thân chủ được thụ hưởng các quyền lợi chính đáng và phản hồi điều chỉnh chính sách;

2.5. Sử dụng được các kỹ năng: Lắng nghe, quan sát, vấn đàm, vãng gia, tham vấn và viết báo cáo, truyền thông nhóm, xử lý xung đột nhóm, xử lý căng thẳng, khủng hoảng, kỹ năng thương lượng trong thực hiện các công việc của mình.

2.6. Thực hiện được các kỹ năng nghiên cứu xã hội, lập kế hoạch, đánh giá được các vấn đề trong cộng đồng, huy động nguồn lực phát triển cộng đồng, tham gia quản lý và thực hiện các dự án phát triển cộng đồng.

2.7. Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản; khai thác, xử lý, ứng dụng các phần mềm trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

2.8. Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

3.1. Tuân thủ các quy định đạo đức nghề nghiệp, trung thực và có tính kỷ luật cao, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao.

3.2. Có ý thức phục vụ cộng đồng, trách nhiệm công dân và tinh thần khởi nghiệp, tự tạo việc làm.

C. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành CTXH trình độ cao đẳng, có thể phát triển nghề nghiệp ở các vị trí việc làm thuộc các lĩnh vực sau, bao gồm:

- CTXH trong trường học;
- CTXH với người cao tuổi;

- Phát triển cộng đồng;
- CTXH trẻ em và gia đình;
- CTXH trong bệnh viện;
- CTXH cơ sở;
- CTXH với người khuyết tật;
- CTXH với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm.

D. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN HỌC TẬP

1. Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1800 giờ/76 tín chỉ.
2. Số lượng môn học, mô đun: 39.
3. Khối lượng học tập các môn học chung: 447giờ/19 tín chỉ.
4. Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1353 giờ/57 tín chỉ.
5. Khối lượng lý thuyết: 726 giờ/41 tín chỉ; thực hành, thực tập: 1074 giờ/35 tín chỉ.

E. TỔNG HỢP CÁC NĂNG LỰC CỦA NGÀNH, NGHỀ

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, an ninh quốc phòng, lịch sử và pháp luật.
2	NLCB-02	Có kiến thức đại cương về tâm lý học, xã hội học, văn hóa Việt Nam và thống kê xã hội.
3	NLCB-03	Có kỹ năng giao tiếp ở các dạng khác nhau như đối thoại, lắng nghe, viết, trình bày, kỹ năng hợp tác khi làm việc trong các nhóm chuyên ngành và đa ngành.
4	NLCB-04	Sử dụng tiếng Anh giao tiếp ở cấp độ cơ bản.

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
5	NLCB-05	Áp dụng kiến thức về công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp.
6	NLCB- 06	Bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, sử dụng hiệu quả các nguồn lực sẵn có của địa phương.
7	NLCB – 07	Áp dụng các nguyên tắc về quy điều đạo đức nghề CTXH.
8	NLCB – 08	Ứng xử hiệu quả với sự đa dạng và khác biệt trong thực hành CTXH.
9	NLCB – 09	Am hiểu chính sách xã hội và hệ thống dịch vụ an sinh xã hội.
10	NLCB – 10	Áp dụng các phương pháp thực hành CTXH dựa trên nghiên cứu.
11	NLCB – 11	Thiết lập quan hệ với các cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng.
12	NLCB – 12	Can thiệp với cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng.
13	NLCB – 13	Lượng giá việc can thiệp với cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng.
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
14	NLCL-01	Hỗ trợ trực tiếp học sinh gặp những khó khăn gây trở ngại cho việc học tập và phát triển của bản thân.
15	NLCL-02	Kết nối học sinh có nhu cầu trợ giúp với các cơ sở hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ an sinh xã hội.
16	NLCL-03	Kết nối phụ huynh với nhà trường nhằm hỗ trợ học sinh khắc phục những khó khăn gây trở ngại cho việc học tập và phát triển của bản thân.
17	NLCL-04	Tham vấn tâm lý học sinh.
18	NLCL-05	Tham vấn hướng nghiệp học sinh.
19	NLCL-06	Xây dựng chương trình, các hoạt động phòng ngừa nhằm hạn chế nguy cơ học sinh rơi vào các hoàn cảnh đặc biệt.

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
20	NLCL-07	Xây dựng chương trình, các hoạt động hướng nghiệp cho học sinh, hỗ trợ học sinh phát triển kỹ năng xã hội và chăm sóc sức khỏe tâm thần.
21	NLCL-08	Cung cấp các dịch vụ an sinh xã hội cho người cao tuổi.
22	NLCL-09	Kết nối người cao tuổi với các cơ sở cung cấp dịch vụ an sinh xã hội.
23	NLCL-10	Hỗ trợ trực tiếp người cao tuổi.
24	NLCL-11	Tham vấn tâm lý người cao tuổi.
25	NLCL-12	Xây dựng chương trình, các hoạt động hỗ trợ tâm lý, xã hội và sức khỏe tâm thần cho người cao tuổi.
26	NLCL-13	Thu thập thông tin, xác định mục tiêu, lập kế hoạch kết nối dịch vụ.
27	NLCL-14	Chẩn đoán và hỗ trợ tâm lý trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.
28	NLCL-15	Lập kế hoạch và thực hiện các chương trình hỗ trợ cho trẻ có hoàn cảnh đặc biệt.
29	NLCL-16	Đứng trên quan điểm đối tượng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đối tượng.
30	NLCL-17	Tiếp nhận, đánh giá, lập kế hoạch trị liệu.
31	NLCL-18	Xây dựng mạng lưới hỗ trợ, kết nối các nguồn lực trợ giúp.
32	NLCL-19	Ghi chép và lưu giữ hồ sơ theo đúng quy định.
33	NLCL-20	Nghiên cứu, xác định, phân tích và đưa ra phương án tư vấn chính sách cho từng đối tượng cụ thể.
34	NLCL-21	Xây dựng và triển khai các chiến dịch tuyên truyền giáo dục cộng đồng.
35	NLCL-22	Lập kế hoạch và lên thời gian biểu, thực hiện kế hoạch hỗ trợ cộng đồng.
36	NLCL-23	Triển khai tập huấn, bồi dưỡng nhóm nòng cốt trong cộng đồng.

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
37	NLCL-24	Tăng năng lực cộng đồng, giúp người dân được tiếp cận nguồn lực, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân trong cộng đồng.
38	NLCL-25	Tìm kiếm, viết đề xuất, huy động nguồn lực.
39	NLCL-26	Xây dựng và tổ chức các chương trình hỗ trợ.
40	NLCL-27	Nhận diện vấn đề và xử lý khủng hoảng bảo đảm an toàn thể chất và tinh thần cho đối tượng.
41	NLCL-28	Chẩn đoán, hỗ trợ tâm lý đối tượng.
42	NLCL-29	Áp dụng các hình thức tham vấn tâm lý cho cá nhân hoặc nhóm trong từng trường hợp cụ thể.
43	NLCL-30	Xây dựng mạng lưới hỗ trợ, kết nối các nguồn lực trợ giúp.
44	NLCL-31	Tuyên truyền giáo dục về sức khỏe cộng đồng.
45	NLCL-32	Tìm kiếm, viết đề xuất, huy động nguồn lực.
46	NLCL-33	Theo dõi, đánh giá diễn biến tình trạng sức khỏe, quan hệ gia đình, xã hội và các nhu cầu trợ giúp đối tượng.
47	NLCL-34	Kết nối người dân tại địa bàn với các cơ sở cung cấp dịch vụ an sinh xã hội.
48	NLCL-35	Hỗ trợ trực tiếp người dân tại địa bàn có nhu cầu trợ giúp xã hội.
49	NLCL-36	Tham gia phối hợp thực hiện các chính sách, chương trình hoặc dự án xã hội đang được triển khai tại địa bàn.
50	NLCL-37	Tham gia phối hợp giám sát và báo cáo kết quả thực hiện các chính sách, chương trình hoặc dự án xã hội đang được triển khai tại địa bàn.
51	NLCL-38	Tham gia phối hợp tiến hành các cuộc điều tra, khảo sát về lao động và xã hội của chính phủ và địa phương đang triển khai tại địa bàn.
52	NLCL-39	Tham gia phối hợp thực hiện các hoạt động giáo dục truyền thông của chính phủ và địa phương đang triển khai

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
		tại địa bàn.
53	NLCL-40	Kết nối người dân tại địa bàn với các cơ sở cung cấp dịch vụ an sinh xã hội.
54	NLCL-41	Cung cấp dịch vụ an sinh xã hội cho người khuyết tật.
55	NLCL-42	Giáo dục nâng cao nhận thức cho người khuyết tật.
56	NLCL-43	Biện hộ trong việc thực hiện các chính sách ưu đãi cho người khuyết tật và gia đình.
57	NLCL-44	Truyền thông giảm kì thị với người khuyết tật.
58	NLCL-45	Hỗ trợ trực tiếp người khuyết tật.
59	NLCL-46	Tham vấn tâm lý người khuyết tật
60	NLCL-47	Hỗ trợ trực tiếp người nghiện chất
61	NLCL-48	Hỗ trợ gia đình người nghiện
62	NLCL-49	Xây dựng chương trình, các hoạt động hỗ trợ tâm lý, xã hội và sức khỏe tâm thần cho người nghiện chất.
63	NLCL-50	Truyền thông
64	NLCL-51	Tham vấn tâm lý người nghiện chất

F. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ (LT,TH,TT)	Thời gian học tập (giờ)					
			Tổng số giờ	Trong đó				
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành/ thí nghiệm	Thực tập	Thi (LT, TH)/ Kiểm tra (LT, TH)
I	Các môn học chung	19 (12,7,0)	447	159	111	145	0	12(5,7)/20(13,7)
610150012	Giáo dục chính trị	5(5,0,0)	77	41	29	0	0	2(2,0)/5(5,0)
611720022	Pháp luật	2(2,0,0)	31	18	10	0	0	1(1,0)/2(2,0)
610420012	Giáo dục thể chất	2(0,2,0)	62	5	0	51	0	2(0,2)/4(0,4)
610430032	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3(2,1,0)	78	36	0	36	0	3(0,3)/3(2,1)
612730012	Tin học	3(1,2,0)	77	15	0	58	0	2(0,2)/2(0,2)
642840082	Tiếng Anh	4(2,2,0)	122	44	72	0	0	2(2,0)/4(4,0)
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	57(29,23,5)	1353	370	18	681	225	28(27,1)/31(23,8)
1	Môn học, mô đun cơ sở	12(10,2,0)	294	117	18	141	0	9(8,1)/9(7,2)
612729043	Ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyên ngành Công tác xã hội	2(1,1,0)	45	15	0	28	0	1(0,1)/1(0,1)
610221182	Kiến thức, kỹ năng cơ bản về	2(2,0,0)	30	10	18	0	0	1(1,0)/1(1,0)

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ (LT,TH,TT)	Thời gian học tập (giờ)					
			Tổng số giờ	Trong đó				
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành/ thí nghiệm	Thực tập	Thi (LT, TH)/ Kiểm tra (LT, TH)
	sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường							
610310252	Xã hội học	1(1,0,0)	29	13		14	0	1(1,0)/1(1,0)
610810272	Kỹ năng giao tiếp ngành Công tác xã hội	1(1,0,0)	29	13	0	14	0	1(1,0)/1(1,0)
610310302	Chính sách xã hội	1(1,0,0)	29	13	0	14		1(1,0)/1(1,0)
610310322	Nhập môn Công tác xã hội	1(1,0,0)	29	13		14		1(1,0)/1(1,0)
610310272	Cơ sở văn hóa Việt Nam	1(1,0,0)	29	13		14		1(1,0)/1(1,0)
610320432	Điều tra xã hội học	2(1,1,0)	45	14	0	29	0	1(1,0)/1(0,1)
610810282	Tâm lý học xã hội	1(1,0,0)	29	13		14	0	1(1,0)/1(1,0)
2	Môn học, mô đun chuyên môn	42(17,20,5)	1001	227	0	512	225	17(17,0)/20(14,6)
610310332	An sinh xã hội	1(1,0,0)	29	13	0	14	0	1(1,0)/1(1,0)
610320342	Công tác xã hội cá nhân	2(1,1,0)	30	13	0	15	0	1(1,0)/1(1,0)
610320352	Công tác xã hội với nhóm	2(1,1,0)	30	13	0	15	0	1(1,0)/1(1,0)
610320412	Công tác xã hội trường học	2(1,1,0)	45	14	0	29	0	1(1,0)/1(0,1)

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ (LT,TH,TT)	Thời gian học tập (giờ)					
			Tổng số giờ	Trong đó				
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành/ thí nghiệm	Thực tập	Thi (LT, TH)/ Kiểm tra (LT, TH)
610320362	Phát triển cộng đồng	2(1,1,0)	30	13	0	15	0	1(1,0)/1(1,0)
610320382	Tham vấn	2(1,1,0)	45	14	0	29	0	1(1,0)/1(1,0)
610310392	Sức khỏe cộng đồng	1(1,0,0)	29	13	0	14	0	1(1,0)/1(1,0)
610320422	Công tác xã hội với trẻ em	2(1,1,0)	45	14	0	29	0	1(1,0)/1(1,0)
610320402	Công tác xã hội với người cao tuổi	2(1,1,0)	45	14	0	29	0	1(1,0)/1(0,1)
610320582	Công tác xã hội với sức khỏe tâm thần	2(1,1,0)	30	13	0	15	0	1(1,0)/1(1,0)
610320312	Công tác xã hội với người khuyết tật	2(1,1,0)	30	13	0	15	0	1(1,0)/1(1,0)
610321202	Công tác xã hội với gia đình	2(1,1,0)	30	13	0	15	0	1(1,0)/1(1,0)
610320452	Công tác xã hội với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV, AIDS	2(1,1,0)	45	14	0	29	0	1(1,0)/1(1,0)
610320472	Công tác xã hội trong bệnh viện	2(1,1,0)	45	14	0	29	0	1(1,0)/1(0,1)
610310462	Công tác xã hội với cộng	1(1,0,0)	28	13	0	13	0	1(1,0)/1(1,0)

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ (LT,TH,TT)	Thời gian học tập (giờ)					
			Tổng số giờ	Trong đó				
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành/ thí nghiệm	Thực tập	Thi (LT, TH)/ Kiểm tra (LT, TH)
	đồng dân tộc thiểu số							
610320482	Truyền thông và vận động xã hội	2(1,1,0)	30	13	0	15	0	1(1,0)/1(1,0)
610320522	Hành vi con người và môi trường xã hội	2(1,1,0)	30	13	0	15	0	1(1,0)/1(1,0)
610320493	Thực hành Công tác xã hội 1	2(0,2,0)	60	0	0	59	0	0(0,0)/1(0,1)
610320503	Thực hành Công tác xã hội 2	2(0,2,0)	60	0	0	59	0	0(0,0)/1(0,1)
610320513	Thực hành Công tác xã hội 3	2(0,2,0)	60	0	0	59	0	0(0,0)/1(0,1)
610350593	Thực tập tại cơ sở	5(0,0,5)	225	0	0	0	225	0(0,0)/0(0,0)
3	Môn học, mô đun tự chọn, nâng cao (sinh viên chọn 2 môn học tương đương 3 tín chỉ)	3(2,1,0)	58	26	0	28	0	2(2,0)/2(2,0)
610320532	Cứu trợ xã hội	2(1,1,0)	30	13	0	15	0	1(1,0)/1(1,0)
610310552	Công tác xã hội với trẻ tự kỷ	1(1,0,0)	28	13	0	13	0	1(1,0)/1(1,0)
610320372	Quản trị ngành công tác xã hội	2(1,1,0)	30	13	0	15	0	1(1,0)/1(1,0)

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ (LT,TH,TT)	Thời gian học tập (giờ)					
			Tổng số giờ	Trong đó				
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành/ thí nghiệm	Thực tập	Thi (LT, TH)/ Kiểm tra (LT, TH)
Tổng cộng:		76(41,30,5)	1800	529	129	826	225	40(32,8)/51(36,15)

Ghi chú:

- Môn học, môn đun thực hành, thực tập tại cơ sở bao gồm: Thực hành CTXH 1, Thực hành CTXH 2, Thực hành CTXH 3, Thực tập tại cơ sở.
- Tổng thời lượng các môn học, mô đun thực hành, thực tập tại cơ sở 405 giờ (tỉ lệ $405/1800 = 22,5\%$).

G. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

I. CÁC MÔN HỌC CHUNG THỰC HIỆN THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Môn học Giáo dục chính trị thực hiện theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Môn học Pháp luật thực hiện theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Môn học Tin học thực hiện theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Môn học Giáo dục thể chất thực hiện theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Môn học Tiếng Anh thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Số tín chỉ các môn học chung thực hiện theo thông tư 01/2024/TT-

BLĐTBXH ngày 19/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành về Quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

II. HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN CHO CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao:	Bố trí linh hoạt ngoài giờ học
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 1 buổi/tuần (<i>nếu thuận lợi</i>)
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu, điện tử...	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	- Đoàn thanh niên tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề: + Kiến thức về pháp luật liên quan trực tiếp đến ngành, nghề đào tạo, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, về phòng, chống tham nhũng; + Kiến thức về kinh doanh và khởi nghiệp; + Kiến thức về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; + Kiến thức cơ bản về bình đẳng giới; + Kiến thức cơ bản về an toàn

TT	Nội dung	Thời gian
		giao thông; + Các kỹ năng bổ trợ gồm: Kỹ năng thuyết trình; kỹ năng đàm phán; kỹ năng định hướng và phát triển nghề nghiệp; kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng quản lý điều hành; kỹ năng xây dựng đội ngũ vững mạnh; kỹ năng quản lý và giải quyết xung đột; kỹ năng nghiên cứu khoa học, công nghệ; kỹ năng làm việc trong môi trường áp lực; - Nhà trường tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân học sinh, sinh viên đầu khoá” hàng năm với nội dung: Kiến thức cơ bản về phòng, chống tệ nạn xã hội; HIV/AIDS; tác hại thuốc lá;
5	Tham quan, dã ngoại: Tham quan một số cơ quan, đoàn thể, trung tâm bảo trợ... có liên quan đến ngành học.	Được tổ chức linh hoạt, bảo đảm mỗi học kỳ 1 lần (<i>nếu thuận lợi</i>)

III. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC KIỂM TRA HẾT MÔN HỌC, MÔ ĐUN

1. Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ

- Nhà giáo giảng dạy môn học, mô đun chủ động thực hiện theo khoản 1 Điều 12 Quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp các ngành, nghề Giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ (ban hành theo Quyết định số 1229/QĐ-CĐKT ngày 22/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum và Quyết định số 701/QĐ-CĐKT ngày 18/4/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp các ngành, nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ); Quy định kiểm tra,

đánh giá kết quả học tập của người học theo năng lực (ban hành theo Quyết định 963/QĐ-CDKT ngày 25/7/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum).

- Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học theo năng lực phải được thể hiện trong kế hoạch bài giảng.

- Đề kiểm tra định kỳ được thể hiện trong kế hoạch bài giảng lý thuyết, thực hành, tích hợp (tuỳ tính chất bài kiểm tra). Nội dung bao gồm: Câu hỏi kiểm tra, đáp án chấm điểm và bảng tổng hợp thể hiện các mục tiêu của chương trình môn học, chương trình mô đun được kiểm tra, đánh giá qua bài kiểm tra.

2. Thi kết thúc môn học, mô đun

- Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng chủ trì, tổ chức theo kế hoạch Khảo thí hàng năm; thực hiện theo Quy định tổ chức thi kết thúc học phần, môn học, mô đun (ban hành theo Quyết định số 287/QĐ-CDKT ngày 08/3/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum); khoản 2 Điều 12 Quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp các ngành, nghề Giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ (ban hành theo Quyết định số 1229/QĐ-CDKT ngày 22/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum).

- Đề thi, kiểm tra kết thúc môn học/mô đun được nhà giáo giảng dạy xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành (ban hành theo Quyết định số 897/QĐ-CDKT ngày 12/7/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum) và phải thể hiện rõ nội dung đề thi, kiểm tra nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình môn học/chương trình mô đun.

- Đối với các môn học, mô đun do tính chất, điều kiện triển khai thực hiện, cần tổ chức thi ngay sau giảng dạy; bộ môn chủ trì, phối hợp với khoa có tờ trình đề xuất thi sau khi hoàn thành việc giảng dạy, trình Hiệu trưởng phê duyệt; phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng triển khai thực hiện (cần ghi rõ những môn học mô đun nào đăng ký thi “cuốn chiếu” sau khi dạy xong).

- Đối với các môn học, mô đun thực hành, thực tập tại cơ sở, không tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun; khoa, bộ môn, nhà giáo hướng dẫn triển khai thực hiện kiểm tra, đánh giá theo Quy định thực hành và thực tập trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng Giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Quyết

định số 945/QĐ-CĐKT ngày 23/7/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum (ghi rõ tên các môn học, mô đun được kiểm tra, đánh theo Quy định này).

IV. HƯỚNG DẪN XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo Quyết định số 1229/QĐ-CĐKT ngày 22/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum về việc ban hành Quy chế đào tạo, quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp các ngành, nghề Giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ và Quyết định số 701/QĐ-CĐKT ngày 18/4/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp các ngành, nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ. Cụ thể:

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học và các điều kiện khác theo quy chế đào tạo để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

- Căn cứ vào kết quả xét tốt nghiệp của Hội đồng xét tốt nghiệp nhà trường, Hiệu trưởng nhà trường ban hành Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trình độ Cao đẳng ngành, nghề Công tác xã hội.

V. CÁC CHÚ Ý KHÁC

1. Về địa điểm đào tạo: Được thực hiện tại Trường đối với các nội dung lý thuyết, thực hành theo kế hoạch đào tạo. Đối với các mô đun chuyên môn ngành, nghề nhà trường xây dựng kế hoạch thực hành tại các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, qua đó giúp người học từng bước tiếp cận với thực tế sản xuất, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

2. Trong chương trình đào tạo các môn học, mô đun được thiết kế nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có thể tiếp tục theo học liên thông để nâng cao trình độ sau khi ra trường và tiếp cận hướng phát triển của khoa học và công nghệ hiện nay.

3. Có thể tổ chức hình thức đào tạo trực tuyến hoặc đào tạo kết hợp (trực tuyến và trực tiếp) đối với các môn học, mô đun sau nếu người học có đủ điều

kiện cần thiết cho học tập trực tuyến:

- Đào tạo kết hợp đối với các môn học, mô đun: Giáo dục Chính trị; Tin học; Pháp luật; Tiếng Anh; Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường; CTXH với người cao tuổi; Ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyên ngành CTXH; CTXH cá nhân; CTXH nhóm; Kỹ năng giao tiếp ngành CTXH; Cơ sở văn hóa Việt Nam; CTXH với gia đình; An sinh xã hội; CTXH trong bệnh viện; Truyền thông và vận động xã hội; Xã hội học; Chính sách xã hội; Nhập môn CTXH; Điều tra xã hội học; Tâm lý học xã hội; CTXH trường học; Phát triển cộng đồng; Tham vấn; Sức khỏe cộng đồng; CTXH với trẻ em, CTXH với người cao tuổi; CTXH với sức khỏe tâm thần; CTXH với người khuyết tật; CTXH với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV, AIDS; Hành vi con người và môi trường xã hội; Cứu trợ xã hội; CTXH với trẻ tự kỷ; Quản trị ngành CTXH.

Đầu mỗi học kỳ, khoa tổ chức khảo sát về điều kiện học tập trực tuyến của người học để lập kế hoạch đào tạo trực tuyến hoặc đào tạo kết hợp cho phù hợp.

4. Hướng dẫn giảng dạy các môn học, mô đun: tùy theo tính chất của môn học là lý thuyết, thảo luận hay thực hành mà nhà giáo có thể vận dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau cho phù hợp. Đồng thời thiết kế các loại kế hoạch bài giảng khác nhau cho từng giờ dạy (kế hoạch bài giảng thực hành, lý thuyết, tích hợp).

H. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH (tại Phụ lục kèm theo)

1. Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

3. Thư viện và học liệu

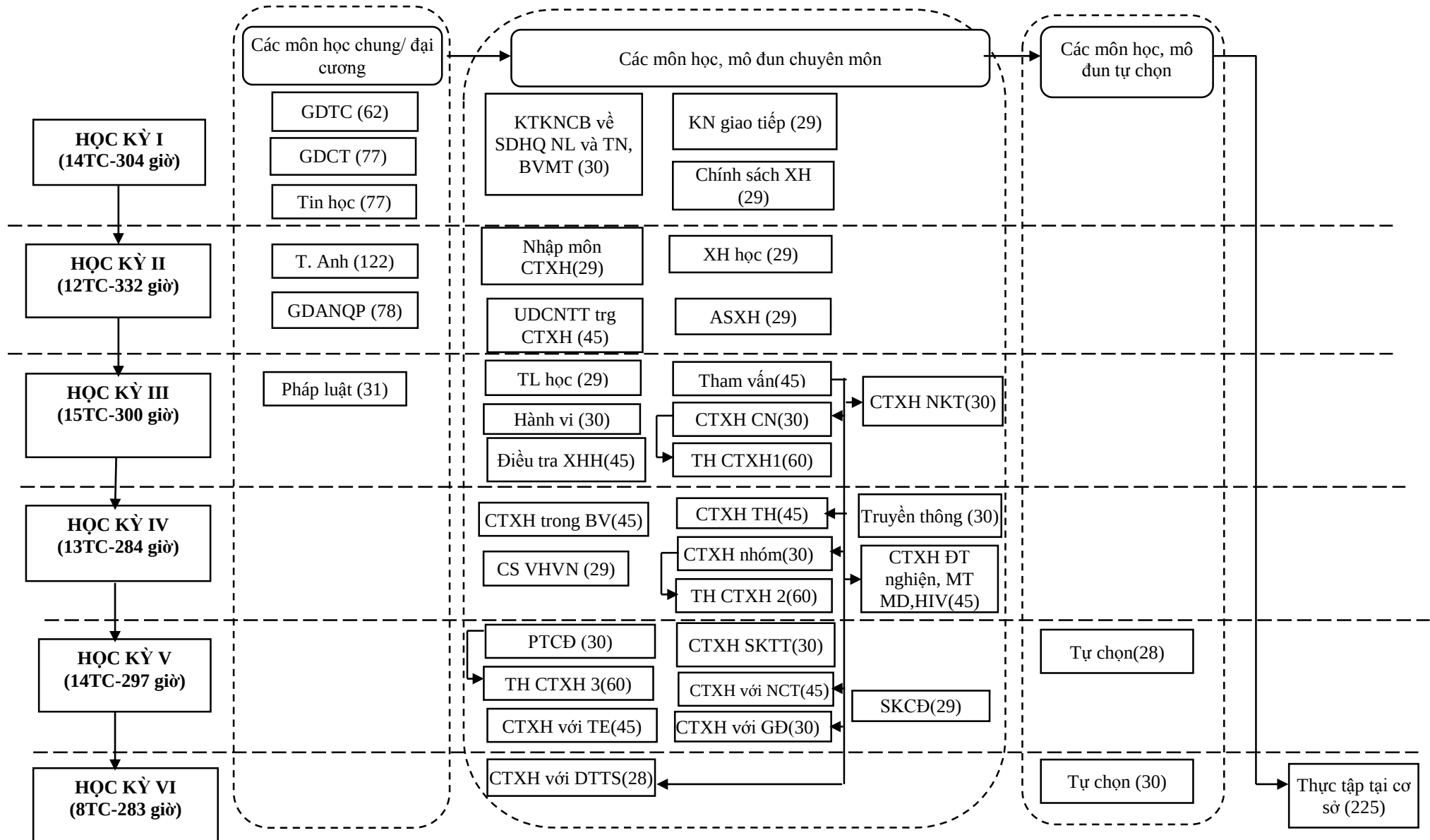
4. Các điều kiện khác

HIỆU TRƯỞNG

Lê Trí Khải

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề: Công tác xã hội. Mã ngành, nghề: **6760101**



Phụ lục**ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH****1. Nhà giáo****a) Nhà giáo cơ hữu**

TT	Họ và tên nhà giáo	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun được phân công giảng dạy
1	Dương Thị Thanh Bình	Đại học	Chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng		CTXH cá nhân; CTXH với trẻ em; CTXH trong bệnh viện; Thực hành CTXH 2,3; CTXH trường học.
2	Võ Tuấn Mạnh	Thạc sĩ	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học		CTXH với trẻ tự kỷ; CTXH với sức khỏe tâm thần; Thực hành CTXH 1,2,3. Điều tra xã hội học; CTXH với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV, AIDS. Tham vấn
3	Lê Thị Hoan	Thạc sĩ	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học		Giáo dục Chính trị; Cứu trợ xã hội
4	Nguyễn Văn Hào	Thạc sĩ	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên		Ứng dụng Công nghệ thông tin trong chuyên ngành

TT	Họ và tên nhà giáo	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, môn được phân công giảng dạy
			trong cơ sở giáo dục đại học		CTXH
5	Trần Thị Ngọc Hà	Thạc sĩ	C Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học		Tin học
6	Nguyễn Thị Thu Hoài	Thạc sĩ	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học		Tiếng Anh
7	Phạm Thị Mai Hiền	Thạc sĩ	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Công tác xã hội	Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường; Phát triển cộng đồng; Thực hành CTXH 1
8	Nguyễn Hữu Hà	Thạc sĩ	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Công tác xã hội	Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường; Hành vi con người và môi trường xã hội; CTXH với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV,

TT	Họ và tên nhà giáo	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun được phân công giảng dạy
					AIDS
9	Nguyễn Trần Kim Tuyền	Thạc sĩ	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học		Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường; Quản trị ngành CTXH.
10	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Đại học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học		Xã hội học; CTXH với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV, AIDS; CTXH với cộng đồng dân tộc thiểu số; Cơ sở văn hóa Việt Nam.
11	Nguyễn Thị Bích Hạnh	Thạc sĩ	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Công tác xã hội	CTXH trường học; Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường;
12	Nguyễn Thị Hoài Thu	Thạc sĩ	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học		Giáo dục chính trị; CTXH với người khuyết tật; Hành vi con người và môi trường xã hội
13	Nguyễn Văn Phúc	Thạc sĩ	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở		Chính sách xã hội

TT	Họ và tên nhà giáo	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun được phân công giảng dạy
			giáo dục đại học		
14	Lê Thị Thanh Hòa	Thạc sĩ	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học		CTXH với người cao tuổi; CTXH nhóm
15	Trần Thị Hưởng	Thạc sĩ	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ cao đẳng		An sinh xã hội; Nhập môn CTXH;
16	Nguyễn Thị Cúc	Thạc sĩ	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học		Kỹ năng giao tiếp ngành CTXH
17	Võ Đại Nam Anh	Thạc sĩ	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học		Tâm lý học xã hội
18	Trần Hồng Đỉnh	Thạc sĩ	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học		Sức khỏe cộng đồng;
19	Nguyễn Thị Hạnh	Đại học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở		Tham vấn

TT	Họ và tên nhà giáo	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun được phân công giảng dạy
			giáo dục đại học		
20	Trần Thị Hằng	Đại học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học		CTXH với phòng chống bạo lực gia đình
21	Trương Thị Minh Nguyệt	Thạc sĩ	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học		CTXH với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV, AIDS; Giới và phát triển; Truyền thông và vận động xã hội.
22	Nguyễn Thị Anh Hiếu	Thạc sĩ	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học	Chứng nhận giảng viên đào tạo nghề CTXH	CTXH với cá nhân và nhóm
23	Trương Thị Thanh	Thạc sĩ	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học		Giáo dục chính trị
24	Vũ Thị Hằng Nga	Thạc sĩ	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học		Giáo dục chính trị
25	Hoàng Văn	Đại học	Chứng chỉ		Giáo dục thể

TT	Họ và tên nhà giáo	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun được phân công giảng dạy
	Vỹ		nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học		chất
26	Nguyễn Thị Châu	Đại học	Chúng tôi nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học		Giáo dục thể chất
27	Trần Cao Diệp	Đại học	Chúng tôi nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học		Giáo dục quốc phòng và an ninh

b) Nhà giáo thỉnh giảng (nếu có)

TT	Họ và tên nhà giáo	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun được phân công giảng dạy	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hồng Chuyên	ThS Công tác xã hội	Chúng tôi nghiệp vụ sư phạm giảng dạy Đại học, Cao đẳng Chúng tôi nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên		Thực hành CTXH 2,3	

			trong cơ sở giáo dục đại học			
--	--	--	------------------------------------	--	--	--

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Phòng học, thực hành và các loại thiết bị, máy móc hiện có:

TT	Tên loại	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng học lý thuyết	Phòng	4	
	- Tivi	Cái	4	
	- Cây sắc màu	Cây	3	
2	Phòng thực hành	Không có		
3	Phòng máy vi tính	Phòng	3	
	Số lượng máy tính/phòng	Máy	26	Phòng TH vi tính 1
		Máy	13	Phòng TH vi tính 1
		Máy	36	Phòng TH vi tính 1
4	Phòng học nghe nhìn	Phòng	1	Phòng thực hành ngoại ngữ
	- Máy tính xách tay Acer	Máy	1	
	- Tivi Màn hình phẳng Tương tác công nghệ Châu Âu 4K- 75’’	Máy	1	
	- Bộ âm thanh trợ giảng di động không dây LAVPA-120	Máy	1	

TT	Tên loại	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Bộ Phần mềm dạy học tiếng Anh dành cho Cao đẳng, Đại học: I-Discover	Máy	1	
5	Phòng thực hành TDDT	Phòng	1	Phòng đa năng

b) Cơ sở thực hành, thực tập (*đơn vị tính là: Xưởng, vườn, trạm, trại, sân bãi..*)

- Trung tâm bảo trợ và CTXH tỉnh
- Bệnh viện đa khoa tỉnh, bệnh viện Vạn Gia An
- Hội chữ thập đỏ tỉnh
- Các làng, xã, ủy ban nhân dân xã, phường trong địa bàn tỉnh...

3. Thư viện và học liệu (*giáo trình, sách, tài liệu tham khảo, phần mềm máy tính...*).

TT	TÊN TÁC PHẨM	TÁC GIẢ	NĂM XUẤT BẢN
I	Giáo trình		
1	CTXH với gia đình	Lê Thị Thanh Hòa Nguyễn Thị Bích Ngọc	2025
2	Xã hội học	Nguyễn Thị Bích Ngọc Lê Thị Thanh Hòa	2025
3	CTXH với người khuyết tật	Nguyễn Thị Hoài Thu Nguyễn Thị Anh Hiếu	2021
4	Hành vi con người và môi trường xã hội	Nguyễn Thị Hoài Thu Nguyễn Thị Hạnh	2021
5	Chính sách xã hội	Nguyễn Thị Hoài Thu	2021

TT	TÊN TÁC PHẨM	TÁC GIẢ	NĂM XUẤT BẢN
		Trương Thị Thạnh	
6	CTXH với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV, AIDS	Trần Thị Hương Trương Thị Thạnh	2021
7	CTXH với cộng đồng dân tộc thiểu số	Trần Thị Hương Trương Thị Thạnh	2021
8	Cứu trợ xã hội	Lê Thị Hoan Huỳnh Hà Tố Uyên	2025
9	An sinh xã hội	Trần Thị Hương Lê Thị Thanh Hòa	2025
10	Sức khỏe cộng đồng	Nguyễn Thị Bích Hạnh Đặng Thị Thanh Hà	2021
11	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Nguyễn Thị Bích Ngọc Lê Thị Việt Hoa	2021
12	Điều tra xã hội học	Võ Mạnh Tuấn Nguyễn Thị Bích Ngọc	2021
13	CTXH cá nhân	Nguyễn Thị Hồng Chuyên Võ Mạnh Tuấn	2021
14	CTXH với nhóm	Nguyễn Thị Hồng Chuyên Trần Thị Hằng	2021
15	Phát triển cộng đồng	Phạm Thị Mai Hiền Nguyễn Thị Bích Hạnh	2025
16	Tham vấn	Nguyễn Thị Hạnh Nguyễn Thị Anh Hiếu	2025

TT	TÊN TÁC PHẨM	TÁC GIẢ	NĂM XUẤT BẢN
17	CTXH trong trường học	Nguyễn Thị Bích Hạnh Dương Thị Thanh Bình	2025
18	CTXH với người cao tuổi	Dương Thị Thanh Bình Trần Thị Hương	2025
19	CTXH với trẻ tự kỷ	Võ Mạnh Tuấn Nguyễn Thị Bích Hạnh Nguyễn Hương Giang Nguyễn Thị Hà Nguyễn Thị Hiền	2025
20	CTXH trong bệnh viện	Nguyễn Thị Hồng Chuyên Trương Thị Minh Nguyệt	2021
21	Truyền thông và vận động xã hội	Trương Thị Minh Nguyệt Trần Thị Hằng	2021
22	Pháp luật	Trịnh Ngọc Thủy Nguyễn Huỳnh Nhật Thương Nguyễn Thị Hồng Vân	2021
23	UDCNTT trong chuyên ngành CTXH	Nguyễn Văn Hào Trần Thị Ngọc Hà	2021
24	CTXH với trẻ em	Bùi Thị Thảo Nguyên	2021
25	Thực hành CTXH I	Nguyễn Thị Hồng Chuyên Võ Mạnh Tuấn	2021
26		Nguyễn Thị Hồng Chuyên	2021

TT	TÊN TÁC PHẨM	TÁC GIẢ	NĂM XUẤT BẢN
	Thực hành CTXH II	Võ Mạnh Tuấn	
27	Thực hành CTXH III	Nguyễn Thị Hồng Chuyên Nguyễn Thị Bích Ngọc	2021
28	Quản trị ngành CTXH	Nguyễn Thị Mỹ Lê Thị Kim Bình Nguyễn Thị Hòa Huỳnh Thị Thu Hương Đoàn Văn Quang Nguyễn Thị Bích Hiền	2024
29	Kỹ năng mềm	Lưu Thiên Phong Nguyễn Thị Hồng Chuyên	2021
30	Kỹ năng giao tiếp ngành CTXH	Nguyễn Thị Cúc Nguyễn Thị Hương	2025
31	CTXH trong lĩnh vực sức khỏe tâm thần	Nguyễn Thị Mỹ Lộc; Nguyễn Hồng Kiên	2013
32	Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường	Nguyễn Trần Kim Tuyền Phạm Thị Mai Hiền	2025
33	Nhập môn công tác xã hội	Trần Thị Hương Lê Thị Thanh Hòa	2025
II	Sách		
1	Xã hội học đại cương	Hoàng Quốc Tuấn, Đinh Thị Minh Lý	2011
2	Kỹ năng giao tiếp	Đinh Văn Đáng	2016

TT	TÊN TÁC PHẨM	TÁC GIẢ	NĂM XUẤT BẢN
3	Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên	TS. Nguyễn Văn Khai, TS. Bùi Thị Thanh Hương	2021
4	Nhập môn công tác xã hội.	Bùi Thị Xuân Mai.	2016
5	Tâm lý học xã hội	Nguyễn Đình Chinh, Phạm Ngọc Uyển	2001
6	CTXH lý thuyết và thực hành	Trần Đình Luận	2020
7	Đại cương CTXH trường học	Nguyễn Hiệp Thương	2020
8	CTXH với vấn đề bạo lực học đường	Lương Quang Hưng	2020
9	Sổ tay hướng dẫn phát triển cộng đồng	Lê Văn An	2021
10	Phát triển cộng đồng	Bộ lao động thương binh xã hội	2017
11	Tham vấn căn bản	Bộ lao động thương binh xã hội	2016
12	Gia đình trẻ em và sự kế thừa các giá trị truyền thống	Đặng Cảnh Khanh	2003
13	Xây dựng mô hình trung tâm CTXH và nghiệp vụ quản lý trường hợp	Bùi Văn Hồi; Trần Hữu Trung	2011
14	Hướng dẫn phát hiện sớm can thiệp sớm khuyết tật	Bộ Y tế.	2011

TT	TÊN TÁC PHẨM	TÁC GIẢ	NĂM XUẤT BẢN
15	CTXH với người mại dâm	Bộ Lao động Thương binh và xã hội	2016
16	Tài liệu CTXH trong bệnh viện.	Phạm Tiến Nam; Bùi Thị Thu Hà.	2019
17	Sách bỏ túi dành cho Nhân viên xã hội	Nguyễn Ngọc Lâm	2015
18	Phong tục tập quán và lễ hội của người Việt	Ngô Trọng Báu	2012
19	Quản trị ngành CTXH	Lê Chí An	2018

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyên ngành Công tác xã hội (Information technology application in community service)

Mã mô đun: 612729043

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (lý thuyết: 15 giờ; bài tập, thảo luận; thực hành, thí nghiệm: 28 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN**I. Vị trí**

Là mô đun cơ sở trong chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội. Được bố trí học sau môn học Tin học, ở Học kỳ II của chương trình đào tạo

II. Tính chất

Mô đun Ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyên ngành công tác xã hội là mô đun tích hợp lý thuyết và thực hành. Thông qua mô đun sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cần thiết để thực hiện tốt các ứng dụng công nghệ thông tin vào trong ngành công tác xã hội.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được các chức năng của ứng dụng Google như Google Docs, Google Sheets, Google Form, v.v; các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo hiện nay.
2. Trình bày được cách thiết kế một bài trình chiếu, các thao tác để tạo một bài trình chiếu;
3. Mô tả được chức năng của các phần mềm ứng dụng để biên tập phim bằng hình ảnh, video;
4. Phân loại được các công cụ xử lý phim ảnh.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Sử dụng thành thạo các chức năng trên Google để xây dựng các phiếu khảo sát trực tuyến;
2. Tìm kiếm được thông tin cần tìm trên internet và tải được một số chương trình;

3. Xây dựng được bài trình diễn sinh động theo yêu cầu bằng phần mềm PowerPoint.

4. Sử dụng được công cụ Canva để biên tập phim bằng hình ảnh, tạo banner, video, v.v.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Học tập nghiêm túc, sáng tạo, tinh thần làm việc khoa học, có ý thức tiết kiệm, bảo vệ tài sản.

2. Mong muốn tạo ra các sản phẩm hoàn chỉnh: bài báo cáo, các đoạn phim, câu chuyện bằng ảnh động bằng các phần mềm được học nhằm phục vụ cho công tác truyền thông, tuyên truyền giáo dục đối với ngành, nghề;

3. Tinh thần hợp tác, đoàn kết, học hỏi trong nhóm, trong lớp.

4. Chủ động tìm kiếm các nguồn tài liệu liên quan đến mô đun.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/ Kiểm tra
1	Bài 1: Mở đầu	1	1			
	1. Giới thiệu mô đun	1	1	0	0	0
	2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác xã hội					
	3. Công cụ giao tiếp và cộng tác					
2	Bài 2: Sử dụng internet và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác xã hội	5	3		2	
	1. Ứng dụng của internet trong công tác xã hội	2	1		1	

STT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	1.1. Cứu trợ và ứng phó thiên tai 1.2. Giáo dục và phát triển kỹ năng 2. Triển khai các giải pháp AI trong công tác xã hội 2.1. Trong giáo dục 2.2. Trong dịch vụ chăm sóc sức khỏe	3	2		1	
3	Bài 3: Sử dụng các ứng dụng của Google	9	3		6	
	1. Sử dụng Google Meet	3	1		2	
	2. Sử dụng Google Drive và tạo nhóm trên Gmail	2	1		1	
	3. Sử dụng Google Docs	1			1	
	4. Sử dụng Google Sheets	1			1	
	5. Sử dụng Google Forms	2	1		1	
4	Bài 4: Tạo bài thuyết trình	10	3		7	
	1. Giới thiệu công cụ tạo bài thuyết trình	0.5	0.5			
	2. Một số kỹ thuật thiết kế bài thuyết trình	0.5	0.5			
	3. Thiết kế bài thuyết trình bằng Microsoft PowerPoint	3	1		2	
	4. Thiết kế bài thuyết trình bằng					

STT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	Canva	3			3	
	5. Ứng dụng AI tạo bài thuyết trình	3	1		2	
5	Kiểm tra định kỳ	1				1
6	Bài 5: Biên tập video và các ấn phẩm truyền thông	18	5		13	
	1. Giới thiệu các công cụ biên tập video	1	1			
	2. Xử lý hình ảnh, âm thanh cho video	4	1		3	
	3. Biên tập phim với Camtasia	4	1		3	
	4. Biên tập phim với Canva	4	1		3	
	5. Tạo một số ấn phẩm truyền thông	5	1		4	
7	Thi kết thúc mô đun	1	0	0	0	1
	Tổng cộng	45	15	0	28	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: MỞ ĐẦU

(Thời gian: 1 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được các ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác xã hội
2. Trình bày được cách để tổ chức các cuộc họp trực tuyến trên các phần

mềm Google Meet, Zoom, v.v.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Giới thiệu mô đun

2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác xã hội (1)

3. Công cụ giao tiếp và cộng tác (1, 2)

BÀI 2: SỬ DỤNG INTERNET VÀ ỨNG DỤNG AI TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các ứng dụng của internet và trí tuệ nhân tạo trong công tác xã hội
2. Sử dụng internet để lên lịch hẹn theo dõi sức khỏe và các dịch vụ cộng đồng
3. Phát triển các hình thức học tập trực tuyến, kèm cặp và hỗ trợ giáo dục đặc biệt

II. NỘI DUNG BÀI

1. Ứng dụng của internet và AI trong công tác xã hội (3)

1.1. Cứu trợ và ứng phó thiên tai

1.2. Giáo dục và phát triển kỹ năng

2. Triển khai các giải pháp AI (3)

2.1. Trong giáo dục

2.2. Trong dịch vụ chăm sóc sức khỏe

BÀI 3: SỬ DỤNG CÁC ỨNG DỤNG CỦA GOOGLE

(Thời gian: 9 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các chức năng của ứng dụng Google như Google Docs, Google Sheets, Google Form, v.v.
2. Sử dụng thành thạo các chức năng trên Google để xây dựng các tài liệu,

phiếu khảo sát trực tuyến; tổ chức được cuộc họp trực tuyến trên Google Meet;

3. Tinh thần hợp tác, đoàn kết, học hỏi trong nhóm, trong lớp;

II. NỘI DUNG BÀI

1. Sử dụng phần mềm Google Meet (1)

2. Sử dụng Google Drive và tạo nhóm trên Gmail (1, 2)

3. Sử dụng Google Docs, Google Sheets và Google Forms (1)

BÀI 4: TẠO BÀI THUYẾT TRÌNH

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được cách thiết kế một bài trình chiếu, các thao tác để tạo một bài trình chiếu.

2. Xây dựng được bài trình diễn sinh động theo yêu cầu bằng phần mềm PowerPoint.

3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, khoa học, chủ động và sáng tạo trong thực hành, nghiên cứu tài liệu, bảo đảm an toàn lao động trong thực hành với mong muốn tạo ra sản phẩm báo cáo hoàn chỉnh bằng các phần mềm PowerPoint.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Giới thiệu công cụ tạo bài thuyết trình (4)

2. Một số kỹ thuật thiết kế bài thuyết trình (4)

3. Thiết kế bài thuyết trình bằng Microsoft PowerPoint (4)

4. Thiết kế bài thuyết trình bằng Canva (5)

BÀI 5: BIÊN TẬP VIDEO VÀ CÁC SẢN PHẨM

TRUYỀN THÔNG

(Thời gian: 18 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Phân tích được một số phần mềm ứng dụng biên tập phim bằng hình ảnh, video để hỗ trợ trong công tác xã hội; Trình bày được các chức năng của công cụ Canva.

2. Sử dụng được phần mềm Canva để biên tập phim, banner, bài viết trên mạng xã hội, video.

3. Tinh thần hợp tác, đoàn kết, học hỏi trong nhóm, trong lớp với mong muốn tạo ra các sản phẩm hoàn chỉnh: bài báo cáo, các đoạn phim, câu chuyện bằng ảnh động bằng các phần mềm được học.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Giới thiệu các công cụ biên tập video (6)

2. Xử lý hình ảnh, âm thanh cho video (6)

3. Biên tập phim với Camtasia (6)

4. Biên tập phim với Canva (5)

5. Tạo một số ấn phẩm truyền thông (5)

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn nhà xưởng

- Phòng thực hành máy tính sử dụng hệ điều hành Windows 10 trở lên, các phần mềm ứng dụng trên Google, MS PowerPoint, Camtasia, các máy có kết nối internet tốc độ cao.

II. Trang thiết bị máy móc

Máy tính có kết nối Internet, máy chiếu, v.v.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Máy chiếu, phần bảng, giáo trình, kế hoạch bài giảng

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Các phần mềm ứng dụng trên Google
- Một số chức năng nâng cao trong soạn thảo Microsoft Word, Powerpoint.
- Các phần mềm ứng dụng để biên tập phim bằng hình ảnh, video.

2. Kỹ năng

- Sử dụng các phần mềm Google để xây dựng các phiếu khảo sát, tổ chức họp trực tuyến;
- Xây dựng được bài trình diễn sinh động theo yêu cầu bằng phần mềm PowerPoint.

- Sử dụng các thao tác soạn thảo văn bản nâng cao;
- Sử dụng phần mềm Camtasia để biên tập phim bằng hình ảnh, video để tạo các đoạn phim.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Mong muốn tạo ra các sản phẩm hoàn chỉnh: bài báo cáo, các đoạn phim, câu chuyện bằng ảnh động bằng các phần mềm được học;
- Tinh thần hợp tác, đoàn kết, học hỏi trong nhóm, trong lớp;
- Thực hiện nghiêm túc, tích cực, rèn luyện tính bao quát, tổng hợp, phân tích, cẩn thận, chính xác và linh hoạt trong học tập;
- Chủ động tìm kiếm các nguồn tài liệu liên quan đến môn học.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên: 01 bài. Hình thức: Đánh giá sinh viên thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra một số nội dung thực hành, chấm điểm bài tập hoặc đánh giá kết hợp các hình thức trên, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ:

+ Số bài kiểm tra: 01

+ Hình thức kiểm tra: Thực hành

+ Thời gian kiểm tra: 60 phút

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ phải được trình bày/đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Thực hành
- Thời gian kiểm tra: 1 giờ
- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ II của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).
- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc mô đun: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CDKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình mô đun Ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyên ngành công tác xã hội được sử dụng để đào tạo trình độ Cao đẳng dành cho ngành Công tác xã hội và làm tài liệu tham khảo cho các ngành, nghề khác.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để bảo đảm chất lượng giảng dạy.
- Nhà giáo giảng dạy lý thuyết kết hợp với thực hành trên phòng máy;
- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan như: máy chiếu, phim demo,...trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.
- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

2. Đối với người học

- Lắng nghe, quan sát, tích cực trong học tập, chuẩn bị các tài liệu cần thiết do nhà giáo cung cấp và các tài liệu từ các nguồn khác trên internet;
- Chuẩn bị đầy đủ các bảng quy trình trước khi thực hành và thực hiện các thao tác đúng trong quy trình.
- Thực hiện đúng quy định về bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.

III. Những trọng tâm cần chú ý

1. Về lý thuyết

Trình bày được các ứng dụng trên Google, thao tác cơ bản trên PowerPoint và các phần mềm ứng dụng khác

2. Về thực hành

Sử dụng thành thạo các phần mềm PowerPoint, Canva, v.v.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Lành. Bài giảng Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Trường Cao đẳng Kon Tum: Lưu hành nội bộ; 2016.
2. Đỗ Thanh Liên Ngân, Hồ Văn Tú. Giáo trình Tin học căn bản. Đại học Cần Thơ: Lưu hành nội bộ; 2015.
3. Thái Hồng Quang. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong lĩnh vực Y tế Bệnh viện Hồng Phát; 2024 available from <https://benhvienhongphat.vn/ung-dung-tri-tue-nhan-tao-ai-trong-y-te/>
4. Nguyễn Sơn Hải. Microsoft Powerpoint. Hà Nội: NXB Giáo dục; 2012.
5. Đinh Văn Lộc. Thành thạo Canva trong 21 ngày. Hà Nội: NXB Dân Trí; 2021.
6. Trần Thị Ngọc Hà. Giáo trình xử lý hình ảnh, âm thanh, biên tập phim. Trường Cao đẳng Kon Tum: Lưu hành nội bộ; 2018.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường (Basic knowledge and skills on efficient use of energy and resources, environmental protection), dành cho trình độ cao đẳng.

Mã môn học: 610221182

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (lý thuyết: 10 giờ; thảo luận, bài tập: 18 giờ; thực hành, thí nghiệm: 0 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi kết thúc môn học: 1 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**I. Vị trí**

Bố trí dạy ở học kì 1 của khóa học để sinh viên nâng cao ý thức sử dụng năng lượng, tài nguyên hiệu quả và bảo vệ môi trường ngay từ đầu khóa học.

II. Tính chất

Là môn học bắt buộc dùng chung cho tất cả các ngành, nghề trình độ cao đẳng tại Trường Cao đẳng Kon Tum.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được các khái niệm cơ bản về tài nguyên, năng lượng, chất thải và chất độc hại.
2. Trình bày được các biện pháp sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, năng lượng cũng như các biện pháp quản lý chất thải và chất độc hại.
3. Phân biệt, nhận diện được các dạng khác nhau về tài nguyên, năng lượng, chất thải và chất độc hại theo cách phân loại phổ biến.
4. Phân tích được nguyên nhân, tác động của việc sử dụng năng lượng và tài nguyên không hiệu quả, gây ô nhiễm môi trường.
5. Giải thích được các tác động đến môi trường của việc khai thác và sử dụng tài nguyên, năng lượng, ảnh hưởng của chất thải và chất độc hại đến môi trường.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Thực hiện các biện pháp sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường vào thực tế.
2. Tuyên truyền, giáo dục về sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường.
3. Áp dụng nguyên tắc 3R trong việc thu gom, lưu trữ và xử lý chất thải.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Tự giác, chủ động trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng một cách tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, tài nguyên.
2. Phê phán những hành động trong việc thu gom rác thải và sử dụng chất độc hại gây nguy hại cho môi trường; lãng phí năng lượng và tài nguyên trong học tập, sinh hoạt.
3. Tuyên truyền và lan tỏa về ý thức bảo vệ môi trường.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1: Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng hiệu quả năng lượng	10	4	6		
	1. Khái niệm, phân loại năng lượng 1.1. Khái niệm 1.2. Phân loại năng lượng		1	1		
	1.3. Tổng quan về năng lượng tại Việt Nam 2. Vai trò của năng lượng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và cuộc sống con người		1	1		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	3. Ảnh hưởng của việc sản xuất và sử dụng năng lượng đến môi trường 3.1. Ảnh hưởng của nhà máy thủy điện đến môi trường 3.2. Ảnh hưởng của nhà máy nhiệt điện đến môi trường 3.3. Ảnh hưởng từ các nhà máy điện hạt nhân 3.4. Ảnh hưởng của quá trình sử dụng năng lượng tới môi trường		1	1		
	4. Các giải pháp sử dụng hiệu quả năng lượng 4.1. Định nghĩa 4.2. Các giải pháp sử dụng hiệu quả năng lượng		1	3		
	Chương 2: Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng hiệu quả tài nguyên	9	3	6		
	1. Khái niệm, phân loại tài nguyên 1.1. Khái niệm tài nguyên 1.2. Phân loại tài nguyên		1	1		
	2. Vai trò của tài nguyên đối với sản xuất và cuộc sống con người		1	1		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2.1. Tài nguyên đối với sản xuất 2.2. Tài nguyên đối với cuộc sống con người					
	3. Ảnh hưởng của việc khai thác và sử dụng tài nguyên 3.1. Ảnh hưởng tích cực 3.2. Ảnh hưởng tiêu cực			1		
	4. Các biện pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên 4.1. Sử dụng tài nguyên nước			1		
	4.2. Sử dụng, bảo vệ tài nguyên rừng và sinh vật			1		
	4.3. Sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất 4.4. Sử dụng nhiên liệu, nguyên liệu, vật tư trong sản xuất		1	1		
3	Kiểm tra định kì	1				1
4	Chương 3: Bảo vệ môi trường	9	3	6		0
	1. Khái niệm, phân loại và vai trò của môi trường 1.1. Khái niệm môi trường 1.2. Phân loại môi trường 1.3. Vai trò của môi trường 2. Nguyên nhân gây ô nhiễm		1	1		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	môi trường 2.1. Nguyên nhân tự nhiên 2.2. Nguyên nhân nhân tạo 2.2.1. Hoạt động sản xuất công nghiệp 2.2.2. Hoạt động nông nghiệp 2.2.3. Hoạt động sinh hoạt của con người 2.2.4. Biến đổi khí hậu					
	3. Hậu quả của ô nhiễm môi trường 3.1. Ảnh hưởng đến sức khỏe con người 3.2. Gây ô nhiễm nguồn nước 3.3. Gây ô nhiễm đất 3.4. Gây ảnh hưởng đến hệ sinh thái 3.5. Gây ảnh hưởng đến kinh tế		1	1		
	4. Các biện pháp bảo vệ môi trường 4.1. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường 4.2. Có những chính sách bảo vệ môi trường hiệu quả 4.3. Áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật			2		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	4.4. Trồng cây xanh 4.5. Hạn chế sử dụng rác thải nhựa 4.6. Tiết kiệm năng lượng: 4.7. Nâng cao ý thức cộng đồng					
	5. Nguyên tắc 3R 5.1. Tiết giảm (Reduce) 5.2. Tái sử dụng (Reuse) 5.3. Tái chế (Recycle)		1	1		
	6. Áp dụng nguyên tắc 3R trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi			1		
5	Thi kết thúc môn học	1				1
	Cộng	30	10	18	0	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ BẢN VỀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ NĂNG LƯỢNG

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm và phân loại năng lượng; phân tích được vai trò của năng lượng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và cuộc sống con người; mô tả được các biện pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn năng lượng.

2. Phân biệt các dạng năng lượng phổ biến; giải thích tác động của việc sản xuất và tiêu thụ năng lượng đến môi trường; rèn luyện ý thức sử dụng tiết kiệm các loại năng lượng trong học tập và cuộc sống.

3. Tự giác, chủ động sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng. Phê phán

những hành động lãng phí năng lượng trong học tập, sinh hoạt; có ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ năng lượng.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm, phân loại năng lượng (1-3)

1.1. Khái niệm

1.2. Phân loại năng lượng

1.3. Tổng quan về năng lượng tại Việt Nam

2. Vai trò của năng lượng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và cuộc sống con người (1, 4)

3. Ảnh hưởng của việc sản xuất và sử dụng năng lượng đến môi trường (1)

3.1. Ảnh hưởng của nhà máy thủy điện đến môi trường

3.2. Ảnh hưởng của nhà máy nhiệt điện đến môi trường

3.3. Ảnh hưởng từ các nhà máy điện hạt nhân

3.4. Ảnh hưởng của quá trình sử dụng năng lượng tới môi trường

4. Các giải pháp sử dụng hiệu quả năng lượng (1, 4)

4.1. Định nghĩa

4.2. Các giải pháp sử dụng hiệu quả năng lượng

4.2.1. Giải pháp chung

4.2.2. Các giải pháp cụ thể tại một số khu vực điển hình

4.2.3. Các giải pháp sử dụng hiệu quả năng lượng tại Quảng Ngãi

CHƯƠNG 2: KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ BẢN VỀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN

(Thời gian: 9 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm tài nguyên, các dạng tài nguyên; vai trò của tài nguyên đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và cuộc sống con người, các biện pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên.

2. Phân biệt được các dạng tài nguyên, giải thích được tác động của việc sử dụng tài nguyên đối với môi trường và sử dụng một cách tiết kiệm các loại tài

nguyên trong học tập.

3. Tự giác, chủ động trong việc sử dụng một cách tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên. Phê phán những hành động gây lãng phí tài nguyên trong cuộc sống, sinh hoạt và học tập. Tuyên truyền và lan tỏa nâng cao nhận thức cho cộng đồng về bảo vệ tài nguyên.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm, phân loại tài nguyên (1)

1.1. Khái niệm tài nguyên

1.2. Phân loại tài nguyên

2. Vai trò của tài nguyên đối với sản xuất và cuộc sống con người (1)

2.1. Tài nguyên đối với sản xuất

2.2. Tài nguyên đối với cuộc sống con người

3. Ảnh hưởng của việc khai thác và sử dụng tài nguyên (1)

3.1. Ảnh hưởng tích cực

3.2. Ảnh hưởng tiêu cực

4. Các biện pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên (1)

4.1. Sử dụng tài nguyên nước

4.2. Sử dụng, bảo vệ tài nguyên rừng và sinh vật

4.3. Sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất

4.4. Sử dụng nhiên liệu, nguyên liệu, vật tư trong sản xuất

CHƯƠNG 3: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Thời gian: 9 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, phân loại và vai trò của môi trường; phân tích được những nguyên nhân, hậu quả của ô nhiễm môi trường; mô tả được các biện pháp bảo vệ môi trường; áp dụng được nguyên tắc 3R trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Hình thành kỹ năng áp dụng các biện pháp để bảo vệ môi trường; tham gia tích cực các hoạt động bảo vệ môi trường trong gia đình, trường học và địa phương; rèn luyện ý thức, kỹ năng tuyên truyền và giáo dục về bảo vệ môi trường

trong gia đình, trường học và địa phương.

3. Tự giác, chủ động, tuyên truyền và lan tỏa về ý thức bảo vệ môi trường trong gia đình, trường học và địa phương; phê phán những hành động trong việc thu gom rác thải và sử dụng chất độc hại gây nguy hại cho môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm, phân loại và vai trò của môi trường (1)

1.1. Khái niệm môi trường

1.2. Phân loại môi trường

1.3. Vai trò của môi trường

2. Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường (1, 5)

2.1. Nguyên nhân tự nhiên

2.2. Nguyên nhân nhân tạo

2.2.1. Hoạt động sản xuất công nghiệp

2.2.2. Hoạt động nông nghiệp

2.2.3. Hoạt động sinh hoạt của con người

2.2.4. Biến đổi khí hậu

3. Hậu quả của ô nhiễm môi trường (1, 5)

3.1. Ảnh hưởng đến sức khỏe con người

3.2. Gây ô nhiễm nguồn nước

3.3. Gây ô nhiễm đất

3.4. Gây ảnh hưởng đến hệ sinh thái

3.5. Gây ảnh hưởng đến kinh tế

4. Các biện pháp bảo vệ môi trường (6)

4.1. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường

4.2. Có những chính sách bảo vệ môi trường hiệu quả

4.3. Áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật

4.4. Trồng cây xanh

4.5. Hạn chế sử dụng rác thải nhựa

4.6. Tiết kiệm năng lượng

4.7. Nâng cao ý thức cộng đồng

5. Nguyên tắc 3R (1, 5)

5.1. Tiết giảm (Reduce)

5.2. Tái sử dụng (Reuse)

5.3. Tái chế (Recycle)

6. Áp dụng nguyên tắc 3R trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (5)

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng

Phòng học lý thuyết phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm.

II. Trang thiết bị, máy móc

Tivi, máy vi tính.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Học liệu

+ Giáo trình mô đun Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên. Đồng Nai: Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi 2021.

+ Bài giảng Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường.

- Dụng cụ, nguyên vật liệu

Tranh ảnh, video liên quan tới từng bài giảng dạy, giấy A4, A0, bút chì, thước, bút lông, bút dạ, bảng làm việc nhóm, giấy note, nam châm,...

IV. Các điều kiện khác: Không

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Sinh viên phải đạt được các mục tiêu theo từng chương. Thông qua lượng giá sau mỗi bài học.

- Hoàn thành các nội dung tự học.

- Trình bày thảo luận theo chủ đề đã bốc thăm.

2. Kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả.
- Sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường; tuyên truyền, giáo dục về các nội dung này.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, khoa học. Trung thực với kết quả làm việc nhóm.
- Tự giác, chủ động trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng một cách tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, tài nguyên.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:
 - + Số bài kiểm tra: 02 bài
 - + Hình thức kiểm tra: Đánh giá sinh viên thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ:
 - + Số bài kiểm tra: 01 bài
 - + Hình thức kiểm tra: Tự luận;
 - + Thời gian kiểm tra: 45 phút

Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày/đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian môn học; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Tự luận
- Thời gian thi: 60 phút
- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Theo kế hoạch đào tạo của Trường ban hành hằng năm.

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc mô đun: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ

chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo

Quyết định số 1573/QĐ-CDKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường được sử dụng dùng chung cho tất cả các ngành, nghề trình độ cao đẳng tại Trường Cao đẳng Kon Tum

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Trong quá trình giảng dạy có thể vận dụng kết hợp lý thuyết và thực hành. Áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau như (trình bày, diễn giải, chứng minh, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của sinh viên...).

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Nhà giáo hướng dẫn sinh viên nhận thức kiến thức về lý thuyết và những kiến thức thực hành bổ sung cho phần kiến thức lý thuyết đã học.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

- Sinh viên nghiên cứu bài học trước khi đến lớp, tích cực trao đổi thảo

luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này. Tham gia đầy đủ các buổi học thực hành, bài kiểm tra và thi.

- Có tinh thần trách nhiệm hoàn thành công việc đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định;
- Chấp hành nghiêm túc các quy định về giờ học và làm đầy đủ các bài tập về nhà;

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Năng lực và kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm của SV.
- Giải thích được các nguyên nhân, hậu quả của việc sử dụng lãng phí tài nguyên, năng lượng và ô nhiễm môi trường.
- Các biện pháp sử dụng hiệu quả năng lượng, tài nguyên, bảo vệ môi trường

IV. Tài liệu tham khảo

1. Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi. Giáo trình mô đun Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên. Đồng Nai 2021.
2. Báo cáo Triển vọng Năng lượng - Đường đến phát thải ròng bằng không. Bộ Công Thương, Đại sứ quán Đan Mạch, Cục Năng lượng Đan Mạch; 2024.
3. Nguyễn Huy Hoạch, Nguyễn Anh Tuấn. Triển vọng Năng lượng Việt Nam (EOR24) - Gợi ý lộ trình hiệu quả tới Net zero. Năng lượng Việt Nam. 2024.
4. Trần Văn Bình, Nguyễn Hoàng Lan. Quản lý sử dụng năng lượng. Hà Nội: NXB Bách Khoa; 2023.
5. Nguyễn Thị Huế. Giáo trình: Bảo vệ môi trường. Lâm Đồng: Cao đẳng nghề Đà Lạt; 2017.
6. Nguyễn Văn Khai, Bùi Thị Thanh Hương. Giáo trình Bảo vệ môi trường. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia; 2015.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có).

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Xã hội học (Sociology)

Mã môn học: 610320252

Thời gian thực hiện môn học: 29 giờ (lý thuyết: 13 giờ; thảo luận: 0 giờ; thực hành: 14 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi kết thúc môn học: 1 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí

Đây là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, nghề Công tác xã hội, được bố trí vào kỳ II của chương trình đào tạo.

II. Tính chất

Là môn học bắt buộc, cung cấp kiến thức đại cương xã hội học thuộc ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ Cao đẳng.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Yêu cầu về kiến thức

1. Trình bày được một số khái niệm cơ bản: Xã hội học (XHH), xã hội hóa, cộng đồng xã hội, cơ cấu xã hội, hành động xã hội, tương tác xã hội.
2. Giải thích được các đặc trưng cơ bản: Xã hội học nông thôn, xã hội học đô thị, xã hội học gia đình.
3. Phân tích được cơ cấu xã hội, chức năng của xã hội học, hành động xã hội, tương tác xã hội.
4. Chứng minh được vai trò của tương tác xã hội trong việc hình thành, phát triển nhân cách cá nhân.
5. Vận dụng được những kiến thức của môn học vào công việc và cuộc sống.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Nhận diện, phân biệt được: Xã hội học với các môn học khác; các loại hành động xã hội; các loại tương tác xã hội; các loại hình cơ cấu xã hội.
2. Thu thập, xử lý, tổng hợp được thông tin; số liệu điều tra xã hội học.

3. Xây dựng được bảng hỏi điều tra xã hội học.
4. Đánh giá được các môi trường xã hội hóa ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách của mỗi cá nhân.
5. Rèn luyện các kỹ năng: Quan sát, lắng nghe, giải quyết vấn đề...

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Chính kiến đúng đắn về dư luận xã hội, bài trừ những lệch lạc xã hội.
2. Nghiêm túc, tích cực tiếp thu những kiến thức, kỹ năng có ích từ các môi trường xã hội hóa để hoàn thiện nhân cách, phát triển bản thân.
3. Tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, giải quyết được các vấn đề giảng viên yêu cầu.
4. Trách nhiệm cao đối với bản thân, nghề nghiệp và xã hội; có phẩm chất, đạo đức tốt và lối sống lành mạnh.
5. Chịu trách nhiệm về tiến độ và chất lượng bài tập thảo luận, bảo đảm sự phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên trong nhóm.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1: Nhập môn xã hội học 1. Khái niệm xã hội học 2. Sự ra đời xã hội học 3. Các giai đoạn phát triển XHH 4. Các nhà XHH tiêu biểu 5. Mối quan hệ giữa xã hội học với các môn học khác	4	2 0.5 0.5 0.5 0.5		2 1 1	
2	Chương 2: Phương pháp nghiên cứu xã hội học	5	2		3	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	1. Các bước tiến hành một cuộc điều tra nghiên cứu XXH 2. Các phương pháp cụ thể để thu thập thông tin 3. Kỹ thuật lập bảng hỏi và chọn mẫu trong nghiên cứu XHH		0.5 1 0.5		1 2	
3	Chương 3: Hành động xã hội và tương tác xã hội 1. Hành động xã hội 1.1. Khái niệm 1.2. Những yếu tố quy định hành động xã hội 1.3. Phân loại hành động xã hội 2. Tương tác xã hội 2.1. Khái niệm 2.2. Đặc điểm tương tác xã hội 2.3. Các loại hình tương tác xã hội	6	3 2 1		3 1 2	
4	Kiểm tra định kỳ	1				1
5	Chương 4: Cơ cấu xã hội 1. Khái niệm cơ cấu xã hội 2. Các yếu tố cấu thành cơ cấu xã hội. 3. Vai trò nghiên cứu cơ cấu xã hội	4	2 0.5 1 0.5		2 1 1	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
6	Chương 5: Văn hóa và xã hội hóa	4	2		2	
	1. Văn hóa		1		1	
	1.1. Khái niệm văn hóa					
	1.2. Cơ cấu của văn hóa					
	1.3. Các loại hình văn hóa					
	2. Xã hội hóa		1		1	
	2.1. Khái niệm					
	2.2. Môi trường xã hội hóa					
	2.3. Phân đoạn quá trình xã hội hóa					
7	Chương 6: Một số lĩnh vực nghiên cứu xã hội học	4	2		2	
	1. Xã hội học nông thôn		1		1	
	1.1. Khái niệm					
	1.2. Đặc trưng xã hội nông thôn					
	1.3. Một số nội dung nghiên cứu của xã hội học nông thôn		0.5			
	2. Xã hội học đô thị					
	2.1. Khái niệm					
	2.2. Đặc trưng của đô thị					
	2.3. Một số nội dung nghiên cứu xã hội học đô thị					
	3. Xã hội học gia đình		0.5		1	
	3.1. Khái niệm					

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	3.2. Đặc trưng của gia đình 3.3. Một số nội dung nghiên cứu XHH gia đình					
8	Thi kết thúc môn học	1				1
	Cộng	29	13		14	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: NHẬP MÔN XÃ HỘI HỌC

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Giải thích được khái niệm xã hội học, sự ra đời của xã hội học; phân tích được mối quan hệ giữa xã hội học với các môn khoa học khác.
2. Phân biệt được xã hội học với các môn học khác; kỹ năng đọc, xử lý thông tin liên quan nội dung của chương.
3. Tích cực, năng nổ trong học tập; ý thức trách nhiệm với bản thân, nghề nghiệp và xã hội.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm xã hội học (1)
2. Sự ra đời xã hội học (1, 2)
3. Các giai đoạn phát triển XHH(1)
4. Các nhà XHH tiêu biểu (1)
5. Mối quan hệ giữa xã hội học với các môn học khác (1, 2)

CHƯƠNG 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU XÃ HỘI HỌC

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Giải thích được các bước tiến hành một cuộc điều tra nghiên cứu XHH; phân tích được ưu, nhược điểm của các phương pháp thu thập thông tin.
2. Thu thập, xử lý, tổng hợp được thông tin; thiết lập được bảng hỏi điều tra xã hội học.
3. Tích cực rèn luyện các phương pháp nghiên cứu, nâng cao ý thức trách nhiệm đối với nghề nghiệp.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

- 1. Các bước tiến hành một cuộc điều tra nghiên cứu XHH(1, 2)**
- 2. Các phương pháp cụ thể để thu thập thông tin (1)**
- 3. Kỹ thuật lập bảng hỏi và chọn mẫu trong nghiên cứu XHH (1)**

CHƯƠNG 3: HÀNH ĐỘNG XÃ HỘI VÀ TƯƠNG TÁC XÃ HỘI

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm: Hành động xã hội, tương tác xã hội; phân tích được: Những yếu tố quy định hành động xã hội, đặc điểm tương tác xã hội.
2. Thực hiện thành thạo các loại hành động xã hội, các loại tương tác xã hội; phân biệt được: Các loại hành động xã hội; các loại tương tác xã hội.
3. Tích cực phát huy các loại hành động xã hội, các loại tương tác xã hội có ích để rèn luyện, phát triển bản thân.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

- 1. Hành động xã hội (1, 3)**
 - 1.1. Khái niệm hành động xã hội*
 - 1.2. Những yếu tố quy định hành động xã hội*
 - 1.3. Phân loại hành động xã hội*
- 2. Tương tác xã hội (1, 3)**
 - 2.1. Khái niệm tương tác xã hội*
 - 2.2. Đặc điểm của tương tác xã hội*
 - 2.3. Các loại hình tương tác xã hội*

CHƯƠNG 4: CƠ CẤU XÃ HỘI

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm cơ cấu xã hội, phân tích được các yếu tố cấu thành cơ cấu xã hội.
2. Kỹ năng quan sát, thu thập số liệu; nhận diện, phân biệt được các loại hình cơ cấu xã hội.
3. Nghiêm túc, tích cực trong học tập, có ý thức, trách nhiệm cao trong việc giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

- 1. Khái niệm cơ cấu xã hội (1, 3)**
- 2. Các yếu tố cấu thành cơ cấu xã hội. (1, 3)**
- 3. Vai trò nghiên cứu cơ cấu xã hội (1, 3)**

CHƯƠNG 5: VĂN HÓA VÀ XÃ HỘI HÓA

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Giải thích được cơ cấu của văn hóa, môi trường xã hội hóa; phân tích được các loại hình văn hóa.
2. Đánh giá được các môi trường xã hội hóa ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách của mỗi cá nhân; phân biệt được các loại hình văn hóa.
3. Nghiêm túc, tích cực tiếp thu những kiến thức, kỹ năng có ích từ các môi trường xã hội hóa để hoàn thiện nhân cách, phát triển bản thân.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

- 1. Văn hóa(1, 4)**
 - 1.1. Khái niệm văn hóa*
 - 1.2. Cơ cấu của văn hóa*
 - 1.3. Các loại hình văn hóa*
- 2. Xã hội hóa (1)**

2.1. Khái niệm xã hội hóa**2.2. Môi trường xã hội hóa****2.3. Phân đoạn quá trình xã hội hóa****CHƯƠNG 6: MỘT SỐ LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU XÃ HỘI HỌC****(Thời gian: 4 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Giải thích được các khái niệm: Xã hội học nông thôn, xã hội học đô thị, xã hội học gia đình; phân tích được đặc trưng của nông thôn, đặc trưng đô thị, đặc trưng gia đình.

2. Nhận diện, phân biệt được xã hội học chuyên biệt: Xã hội học nông thôn, xã hội học đô thị, xã hội học gia đình...

3. Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần làm việc nhóm và ý thức chịu trách nhiệm cá nhân.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG**1. Xã hội học nông thôn(1)****1.1. Khái niệm****1.2. Đặc trưng của nông thôn****1.3. Một số nội dung nghiên cứu XHH nông thôn****2. Xã hội học đô thị (1, 3)****1.1. Khái niệm****1.2. Đặc trưng của đô thị****1.3. Một số nội dung nghiên cứu XHH đô thị****3. Xã hội học gia đình(1, 5)****1.1. Khái niệm****1.2. Đặc trưng của gia đình****1.3. Một số nội dung nghiên cứu XHH gia đình****D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

I. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết.

II. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, đèn chiếu, phần mềm hỗ trợ...

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, tài liệu tham khảo, giấy A0, giấy màu, bút lông, tranh ảnh, bảng phụ, bài tập tình huống...

IV. Các điều kiện khác: không

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Khái niệm, chức năng xã hội học; mối quan hệ giữa xã hội học và các ngành khoa học khác.
- Các đặc trưng cơ bản: Xã hội học nông thôn, xã hội học đô thị, xã hội học gia đình.
- Cơ cấu xã hội, hành động xã hội, tương tác xã hội, các môi trường xã hội hóa.
- Vai trò của tương tác xã hội trong việc hình thành nhân cách cá nhân.
- Vận dụng được những kiến thức của môn học vào công việc và cuộc sống.

2. Yêu cầu về kỹ năng

- Nhận diện, phân biệt được: Xã hội học với các môn học khác; các loại hành động xã hội; các loại tương tác xã hội; các loại hình cơ cấu xã hội.
- Thu thập, xử lý, tổng hợp được thông tin; số liệu điều tra xã hội học.
- Xây dựng được bảng hỏi điều tra xã hội học.
- Thực hiện thành thạo hành động xã hội, tương tác xã hội.
- Đánh giá được các môi trường xã hội hóa ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách của mỗi cá nhân.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Chính kiến đúng đắn về dư luận xã hội, bài trừ những lệch lạc xã hội.
- Nghiêm túc, tích cực tiếp thu những kiến thức, kỹ năng có ích từ các môi trường xã hội hóa để hoàn thiện nhân cách, phát triển bản thân.
- Tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, giải quyết được các vấn đề giảng viên yêu cầu.
- Trách nhiệm cao đối với bản thân, nghề nghiệp và xã hội; có phẩm chất,

đạo đức tốt và lối sống lành mạnh.

- Chịu trách nhiệm về tiến độ và chất lượng bài tập thảo luận, bảo đảm sự phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên trong nhóm.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

+ Số bài kiểm tra: 1

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ:

+ Số bài kiểm tra: 1

+ Hình thức kiểm tra: Tự luận

+ Thời gian kiểm tra: 1 giờ

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ phải được trình bày, đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian thi: 1 giờ

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi/ đề thi: Học kỳ II của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các học sinh sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay

cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CĐKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

E. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Xã hội học được sử dụng đào tạo trình độ Cao đẳng ngành, nghề Công tác xã hội.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực: phương pháp nêu vấn đề, giải thích, phân tích, chứng minh, thảo luận (có sử dụng các thiết bị giáo dục hiện đại);
- Sử dụng các dụng cụ trực quan trọng giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

2. Đối với người học

- Nghiên cứu, thảo luận nhóm, quan sát, động não trả lời câu hỏi.
- Người học tìm hiểu trước giáo trình Nghiên cứu khoa học y học, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này.

III. Những trọng tâm cần chú ý

1. Giải thích được khái niệm xã hội học; mối quan hệ giữa xã hội học và các ngành khoa học khác.
2. Nhận diện, phân biệt được các ngành xã hội học chuyên biệt: xã hội học nông thôn, xã hội học đô thị, xã hội học gia đình...
3. Phân tích được các yếu tố cơ cấu xã hội, vai trò của tương tác xã hội, các môi trường xã hội hóa.
4. Vận dụng được những kiến thức của môn học như giá trị xã hội, chuẩn mực xã hội và lịch lạc xã hội vào cuộc sống.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Trương Thị Hiền. Giáo trình Xã hội học đại cương: Nxb Thành phố Hồ Chí Minh; 2020.

2. Lưu Hồng Minh. Giáo trình Nhập môn Xã hội học. Hà Nội;: Nxb Lý luận chính trị; 2014.
3. Lê Thị Hoan. Giáo trình xã hội học: Trường Cao đẳng Kon Tum; 2021.
4. Mai Văn Hai. Xã hội học văn hóa: Nxb Khoa học xã hội; 2018.
5. Vũ Hào Quang. Xã hội học gia đình - Những nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội; 2017.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Kỹ năng giao tiếp ngành Công tác xã hội (Social Work communication skills)

Mã môn học: 610810272

Thời gian thực hiện môn học: 29 giờ (lý thuyết: 13 giờ thực hành, thảo luận, bài tập: 14 giờ; kiểm tra: 01 thi: 01 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí

Đây là môn học thuộc nhóm các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo của ngành Công tác xã hội, môn học được bố trí học tại học kỳ I.

I. Tính chất

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Yêu cầu về kiến thức

1. Trình bày được các khái niệm cơ bản, vai trò và đặc điểm của hoạt động giao tiếp ngành, nghề Công tác xã hội.

2. Phân tích được cấu trúc, bản chất của quá trình giao tiếp;

3. Phân tích được đặc điểm của mỗi loại phương tiện giao tiếp, phong cách giao tiếp, các kỹ năng giao tiếp gắn liền với lĩnh vực đào tạo ngành, nghề CTXH.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Thực hiện thành thạo kỹ năng lắng nghe - phản hồi, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng đặt câu hỏi trong quá trình giao tiếp.

2. Thực hiện đúng quy trình của kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề trong quá trình giao tiếp.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Chủ động rèn luyện các kỹ năng giao tiếp trong quá trình học tập và làm việc, có khả năng tự học để nâng cao năng lực của bản thân.

2. Có ý thức trách nhiệm, nghiêm túc trong quá trình học tập, rèn luyện khả năng giao tiếp của bản thân.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (45 giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, Thảo luận,	Thực hành, thí nghiệm	Thi/ Kiểm tra
2	Chương 1: Khái quát chung về giao tiếp	4	3		1	
	1. Khái niệm giao tiếp 1.1. Giao tiếp là gì? 1.2. Vai trò của giao tiếp		1			
	2. Chức năng của giao tiếp 2.1. Nhóm chức năng xã hội 2.2. Nhóm chức năng tâm lý		2			
	3. Phân loại giao tiếp 3.1. Dựa trên tính chất giao tiếp 3.2. Dựa trên quy cách giao tiếp. 3.3. Dựa theo vị thế 3.4. Dựa theo số lượng				1	
3	Chương 2: Cấu trúc của quá trình giao tiếp	6	2		4	
	1. Truyền thông trong giao tiếp 1.1. Quá trình truyền thông giữa hai cá nhân. 1.2. Truyền thông trong tổ chức		1		2	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (45 giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, Thảo luận,	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2. Nhận thức trong giao tiếp 2.1. Nhận thức đối tượng giao tiếp 2.2. Tự nhận thức trong giao tiếp. 2.3. Tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau trong giao tiếp					
	3. Ảnh hưởng tác động qua lại trong giao tiếp 3.1. Lây lan cảm xúc 3.2. Âm thị trong giao tiếp 3.3. Áp lực nhóm 3.4. Bắt chước * Thực hành mục 2, 3.		1		2	
4	Kiểm tra định kì	1				1
5	Chương 3: Phương tiện và phong cách giao tiếp	7	3		4	
	1. Các loại phương tiện giao tiếp 1.1. Phương tiện giao tiếp ngôn ngữ 1.2. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ		1		1	
	2. Các loại phong cách giao tiếp 2.1. Khái niệm phong cách giao tiếp		1		1	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (45 giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, Thảo luận,	Thực hành, thí nghiệm	Thi/ Kiểm tra
	2.2. Đặc trưng của phong cách giao tiếp					
	2.3. Các loại phong cách giao tiếp 2.3.1. Phong cách giao tiếp tự do 2.3.2. Phong cách giao tiếp độc đoán 2.3.3. Phong cách giao tiếp dân chủ		1		2	
	Chương 4: Các kỹ năng giao tiếp trong ngành công tác xã hội	10	5		5	
6	1. Kỹ năng lắng nghe trong giao tiếp 1.1. Lợi ích của lắng nghe 1.2. Những yếu tố cản trở lắng nghe hiệu quả 1.3. Các mức độ lắng nghe và kỹ năng lắng nghe hiệu quả		1		1	
	2. Kỹ năng làm việc nhóm 2.1. Khái niệm và các hình thức nhóm 2.2. Các giai đoạn hình thành và phát triển nhóm làm việc hiệu quả 2.3. Các yếu tố tạo nên hiệu quả		1		1	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (45 giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, Thảo luận,	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	trong làm việc nhóm 2.4. Các kỹ năng cần có để làm việc nhóm hiệu quả					
	3. Kỹ năng giải quyết vấn đề 3.1. Vấn đề và kỹ năng giải quyết vấn đề 3.2. Nguyên nhân giải quyết vấn đề không hiệu quả 3.3. Quy trình giải quyết vấn đề		1		1	
	4. Kỹ năng đặt câu hỏi 4.1. Ý nghĩa của câu hỏi 4.2. Các loại câu hỏi 4.3. Dùng câu hỏi với các mục đích khác nhau trong giao tiếp		1		1	
	5. Kỹ năng thuyết phục 5.1. Thuyết phục là gì? 5.2. Những lưu ý khi sử dụng kỹ năng thuyết phục 5.3. Quy trình kỹ năng thuyết phục		1		1	
7	Thi kết thúc môn học	1				1
8	Cộng	29	13	0	14	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ GIAO TIẾP

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm: giao tiếp, ứng xử; Phân tích được vai trò của hoạt động giao tiếp đối với nhân viên ngành Công tác xã hội.
2. Thực hiện được kỹ năng phân tích, đánh giá một hiện tượng giao tiếp.
3. Có khả năng tự học, tự tìm kiếm các thông tin liên qua đến hoạt động giao tiếp; Đánh giá đúng vai trò của kỹ năng giao tiếp trong học tập và quá trình làm việc.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm giao tiếp (1)

1.1. *Giao tiếp là gì?*

1.2. *Vai trò của giao tiếp*

2. Chức năng của giao tiếp (2)

2.1. *Nhóm chức năng xã hội*

2.2. *Nhóm chức năng tâm lý*

3. Phân loại giao tiếp

3.1. *Dựa trên tính chất giao tiếp*

3.2. *Dựa trên quy cách giao tiếp.*

3.3. *Dựa theo vị thế*

3.4. *Dựa theo số lượng người.*

CHƯƠNG 2: CẤU TRÚC CỦA QUÁ TRÌNH GIAO TIẾP

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được bản chất, đặc điểm của các quá trình truyền thông trong giao tiếp; phân tích được mối quan hệ giữa các yếu tố: truyền thông - nhận thức - sự tác động lẫn nhau trong giao tiếp.
2. Tổ chức trao đổi thông tin chính xác; thực hiện được việc tạo ấn tượng tốt cho bản thân ngay trong lần đầu tiếp xúc.
3. Chủ động tự rèn luyện để tạo ảnh hưởng tích cực trong quá trình giao

tiếp của bản thân với những người xung quanh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Truyền thông trong giao tiếp (3)

1.1 Quá trình truyền thông giữa hai cá nhân.

1.2 Truyền thông trong tổ chức

2. Nhận thức trong giao tiếp

2.1. Nhận thức đối tượng giao tiếp

2.2. Tự nhận thức trong giao tiếp.

2.3. Tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau trong giao tiếp

3. Ảnh hưởng tác động qua lại trong giao tiếp (4)

3.1. Lây lan cảm xúc

3.2. Ám thị trong giao tiếp

3.3. Áp lực nhóm

3.4. Bất chước

CHƯƠNG 3: PHƯƠNG TIỆN VÀ PHONG CÁCH GIAO TIẾP

(Thời gian: 7 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được phong cách giao tiếp, phương tiện giao tiếp; phân tích được đặc điểm của phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ; phân tích được đặc trưng của từng loại phong cách giao tiếp.

2. Lựa chọn được phương tiện giao tiếp phù hợp với từng tình huống giao tiếp cụ thể; vận dụng phong cách giao tiếp phù hợp với từng tình huống, đối tượng giao tiếp.

3. Tích cực rèn luyện kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp nhằm nâng cao hiệu quả của quá trình giao tiếp của bản thân

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Các loại phương tiện giao tiếp(4)

1.1. Phương tiện giao tiếp ngôn ngữ

1.1.1. Giao tiếp bằng ngôn ngữ nói

1.1.2. *Giao tiếp bằng ngôn ngữ viết*

1.2. *Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ*

1.2.1. *Ánh mắt, nét mặt, nụ cười*

1.2.2. *Ăn mặc, trang điểm, trang sức*

1.2.3. *Tư thế, động tác*

1.2.4. *Khoảng cách, quà tặng*

2. Các loại phong cách giao tiếp

2.1. *Khái niệm phong cách giao tiếp*

2.2. *Đặc trưng của phong cách giao tiếp*

2.2.1. *Tính ổn định của phong cách giao tiếp*

2.2.2. *Tính chuẩn mực của phong cách giao tiếp*

2.2.3. *Tính linh hoạt của phong cách giao tiếp*

2.3. *Các loại phong cách giao tiếp*

2.3.1. *Phong cách giao tiếp tự do*

2.3.2. *Phong cách giao tiếp độc đoán*

2.3.3. *Phong cách giao tiếp dân chủ*

CHƯƠNG 4: CÁC KỸ NĂNG GIAO TIẾP TRONG NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được đặc điểm của kỹ năng lắng nghe - phản hồi, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng thuyết trình.

2. Thực hiện được kỹ năng kỹ năng lắng nghe; tổ chức được hoạt động nhóm; giải quyết được các vấn đề nảy sinh trong quá trình giao tiếp; xây dựng được một số dạng câu hỏi trong giao tiếp; thực hiện đúng quy trình của kỹ năng thuyết trình gắn liền với nội dung giao tiếp trong lĩnh vực ngành, nghề Công tác xã hội.

3. Tích cực rèn luyện các kỹ năng giao tiếp phù hợp với năng lực của bản thân. Có ý thức rèn luyện các kỹ năng phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Kỹ năng lắng nghe trong giao tiếp (3, 4)

1.1. Lợi ích của lắng nghe

1.2. Những yếu tố cản trở lắng nghe có hiệu quả

1.3. Các mức độ lắng nghe và kỹ năng lắng nghe hiệu quả

2. Kỹ năng làm việc nhóm

2.1. Khái niệm và các hình thức nhóm

2.2. Các giai đoạn hình thành và phát triển nhóm làm việc hiệu quả

2.3. Các yếu tố tạo nên hiệu quả trong làm việc nhóm

2.4. Các kỹ năng cần có để làm việc nhóm hiệu quả

3. Kỹ năng giải quyết vấn đề

3.1. Vấn đề và kỹ năng giải quyết vấn đề

3.2. Nguyên nhân giải quyết vấn đề không hiệu quả

3.3. Quy trình giải quyết vấn đề

4. Kỹ năng đặt câu hỏi

4.1. Ý nghĩa của câu hỏi

4.2. Các loại câu hỏi

4.3. Dùng câu hỏi với các mục đích khác nhau trong giao tiếp

5. Kỹ năng thuyết phục

5.1. Thuyết phục là gì?

5.2. Những lưu ý khi sử dụng kỹ năng thuyết phục

5.3. Quy trình kỹ năng thuyết phục

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa

Phòng học bảo đảm rộng rãi, có không gian để tổ chức các hoạt động nhóm, hoạt động tình huống, hoạt động trải nghiệm.

II. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu hoặc tivi, Máy tính xách tay.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Học liệu: Giáo trình : "Kỹ năng giao tiếp ngành Công tác xã hội", Nguyễn Thị Cúc (tài liệu lưu hành nội bộ).

- Dụng cụ, nguyên vật liệu: giấy A0, A4, bút viết, giấy màu, kéo, video, hình ảnh, tài liệu phát tay, phương tiện dạy học khác....

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Khái niệm, vai trò, đặc điểm cơ bản thuộc lĩnh vực giao tiếp;
- Cấu trúc, bản chất và đặc điểm của mỗi loại phương tiện giao tiếp, phong cách giao tiếp, các kỹ năng giao tiếp gắn liền với lĩnh vực đào tạo ngành, nghề CTXH.

2. Kỹ năng

- phân tích, tổng hợp vấn đề; làm việc nhóm; xử lý xung đột, giao tiếp trong các tình huống giao tiếp thuộc lĩnh vực ngành, nghề Công tác xã hội.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc nhóm tích cực, tác phong làm việc khoa học, có trách nhiệm với công việc.

- Tích cực, chủ động rèn luyện các kỹ năng giao tiếp nhằm nâng cao năng lực nghiệp vụ ngành Công tác xã hội.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:
 - + Số bài kiểm tra: 01
 - + Hình thức: Đánh giá thông qua sản phẩm hoạt động thảo luận nhóm, thời gian 30'.
 - + Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.
- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ:
 - + Số bài kiểm tra: 01

- + Hình thức kiểm tra: tự luận
- + Thời gian kiểm tra: 1 giờ
- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày/đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Tự luận
- Thời gian thi: 1 giờ
- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ I của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

Đề thi kết thúc môn học được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình môn học.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Kỹ năng giao tiếp ngành Công tác xã hội được áp dụng trong chương trình đào tạo chuyên ngành Công tác xã hội, trình độ Cao đẳng.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

Trong quá trình giảng dạy nhà giáo cần quan tâm phát huy kinh nghiệm của người học trong quá trình lên lớp; chú trọng đầu tư tổ chức tốt các giờ thực hành cả về nội dung lẫn hình thức nhằm hình thành cho người học những kỹ năng, năng lực phù hợp.

2. Đối với người học

- Người học cần có giáo trình "Kỹ năng giao tiếp ngành Công tác xã hội"

để làm nguồn tài liệu chính; tham khảo thêm các nguồn tài liệu khác theo hướng dẫn của nhà giáo. Tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động trên lớp.

III. Những trọng tâm cần chú ý

Khi học tập môn học này sinh viên cần chú ý các vấn đề sau:

- Nhận biết rõ các hiện tượng giao tiếp; phân biệt được giữa hoạt động giao tiếp và hành vi ứng xử; mô tả được cấu trúc chung của hoạt động giao tiếp;
- Xác định được một số đặc trưng của từng loại phong cách giao tiếp và biểu hiện của các loại phong cách giao tiếp trong thực tế cuộc sống;
- Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cần có của nhân viên Công tác xã hội như: kỹ năng lắng nghe, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng thuyết phục.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu. Kỹ năng giao tiếp: Đại học công nghiệp thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh; 2018.
2. Chu Văn Đức. Giáo trình Kỹ năng giao tiếp: Nhà xuất bản Hà Nội; 2005.
3. Nguyễn Văn Đính. Giáo trình Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh du lịch. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống kê; 2006.
4. Nguyễn Văn Đính. Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử. Nhà xuất bản thống kê: Hà Nội; 2015.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**Tên môn học:** Chính sách xã hội (Social Policy)**Mã môn học:** 610310302**Thời gian thực hiện môn học:** 29 giờ (13 giờ lý thuyết; 14 giờ thảo luận, bài tập, thực hành; 1 giờ kiểm tra định kỳ và 1 giờ thi kết thúc môn học)**A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC****I. Vị trí**

Chính sách xã hội là môn học thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội trình độ cao đẳng và được bố trí vào học kỳ I năm nhất.

II. Tính chất

Môn học bắt buộc, trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và kỹ năng về các chính sách xã hội Việt Nam.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được những kiến thức cơ bản của chính sách xã hội như khuôn khổ lý thuyết của chính sách xã hội, hệ thống chính sách xã hội để vận dụng vào thực tiễn.

2. Phân tích được các kiến thức cơ bản về chính sách xã hội, các chính sách xã hội của Việt Nam, tiến trình hoạch định, xây dựng chính sách; các mối quan hệ của chính sách xã hội với các chính sách khác trong hệ thống chính sách chung của Nhà nước.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Vận dụng được chính sách xã hội vào công tác hỗ trợ, bảo vệ nhóm đối tượng yếu thế thông qua các chính sách, chủ trương của Đảng, nhà nước.

2. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thảo luận, làm việc nhóm.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Có ý thức, trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến các chính sách xã hội của Đảng và nhà nước ta nhằm “đền ơn đáp nghĩa” đối với những người có công với cách mạng; giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn..., đề hướng tới một xã hội công bằng, văn minh;

2. Tích cực, chủ động hơn trong việc tham gia vào các chương trình góp phần nâng cao an sinh xã hội.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1. Khái quát về chính sách xã hội	6	3	0	3	0
	1. Khái niệm chính sách xã hội	0.5	0.5		0	
	2. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về các vấn đề xã hội và chính sách xã hội	1	1		0	
	3. Đối tượng, nhiệm vụ, phân loại và hệ thống	0.5	0.5			
	4. Vai trò, nội dung và đặc trưng của chính sách xã hội	1.5	0.5		1	
	5. Các mối quan hệ của chính sách xã hội	2.5	0.5		2	
2	Chương 2. Chính sách xã hội trong một số lĩnh vực	10	4	0	6	0
	1. Chính sách về giáo dục và đào tạo	2	1		1	

	2. Chính sách việc làm	2	1		1	
	3. Chính sách y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân	3	1		2	
	4. Chính sách xóa đói giảm nghèo	3	1		2	
	Chương 3. Chính sách xã hội đối với các nhóm đối tượng	11	6	0	5	0
	1. Chính sách đối với giai cấp công nhân	1.5	0.5		1	
	2. Chính sách đối với nông dân	1.5	1		0.5	
	3. Chính sách đối với tầng lớp trí thức	1	0.5		0.5	
	4. Chính sách đối với thanh niên	1.5	0.5		1	
	5. Chính sách đối với phụ nữ	1.5	1		0.5	
	6. Chính sách đối với các dân tộc	1.5	1		0.5	
	7. Chính sách đối với tôn giáo	1.5	1		0.5	
	8. Chính sách đối với người định cư ở nước ngoài	1	0.5		0.5	
4	Kiểm tra định kỳ	1				1
5	Thi kết thúc môn	1				1
	Tổng cộng	29	13	0	14	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN VỀ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được một số vấn đề lý luận và phương pháp luận về chính sách

xã hội và phân tích được các mối quan hệ của chính sách xã hội với các chính sách khác trong hệ thống chính sách chung của Nhà nước.

2. Phân tích, thảo luận, vận dụng được lý thuyết vào các tình huống thực tiễn. Phát triển kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình.

3. Chủ động và có ý thức, trách nhiệm cao trong tuyên truyền, hướng dẫn đến mọi tầng lớp nhân dân về đường lối, chủ trương chính sách xã hội của Đảng, Nhà nước. Có tinh thần chủ động, trách nhiệm trong học tập và vận dụng chính sách xã hội vào thực tiễn.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm chính sách xã hội

2. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về các vấn đề xã hội và chính sách xã hội

2.1. Các vấn đề xã hội.

2.2. Các chính sách xã hội

3. Đối tượng, nhiệm vụ, phân loại và hệ thống

3.1. Đối tượng

3.2. Nhiệm vụ

3.3. Phân loại chính sách xã hội

4. Vai trò, nội dung và đặc trưng của chính sách xã hội

4.1. Vai trò của chính sách xã hội

4.2. Nội dung của chính sách xã hội

4.3. Đặc trưng của chính sách xã hội

5. Các mối quan hệ của chính sách xã hội

5.1. Mối quan hệ giữa chính sách xã hội với thể chế chính trị

5.2. Mối quan hệ giữa chính sách xã hội với chính sách kinh tế

5.3. Mối quan hệ giữa chính sách xã hội với chính sách văn hóa

CHƯƠNG 2. CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nội dung cơ bản của một số chính sách xã hội quan trọng như: chính sách giáo dục, chính sách việc làm, chính sách y tế, chính sách xóa đói giảm nghèo. Phân tích được vai trò, tác động của các chính sách xã hội đối với phát triển kinh tế - xã hội.

2. Hoàn thiện kỹ năng tìm kiếm thông tin, liên hệ chính sách vào thực tế địa phương. Kỹ năng làm việc nhóm, xử lý tình huống, trình bày và bảo vệ quan điểm.

3. Có ý thức, trách nhiệm trong việc học tập nâng cao nhận thức và trình độ chuyên môn nghiệp vụ để làm tốt công tác tuyên truyền, thực hiện chính sách xã hội; từ những hiểu biết về các chính sách xã hội để giải quyết một số vấn đề cụ thể trong cộng đồng.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Chính sách về giáo dục và đào tạo

1.1. Vai trò của chính sách giáo dục và đào tạo

1.2. Chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về giáo dục và đào tạo

2. Chính sách việc làm

2.1. Vị trí, vai trò của chính sách việc làm

2.2. Quan điểm chỉ đạo và chính sách việc làm hiện hành

3. Chính sách y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

3.1. Các quan điểm cơ bản phát triển sự nghiệp y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân của Đảng và Nhà nước ta

3.2. Chính sách y tế cơ bản hiện nay

4. Chính sách xóa đói giảm nghèo

4.1. Quan điểm, phương pháp tiếp cận mới cho xóa đói giảm nghèo

4.2. Một số chính sách hỗ trợ giảm nghèo hiện hành

CHƯƠNG 3. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC NHÓM ĐỐI TƯỢNG

(Thời gian: 11 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được một số nét cơ bản về các chính sách xã hội đối với công nhân, nông dân, trí thức thanh niên, phụ nữ, dân tộc thiểu số.

2. Rèn luyện kỹ năng thu thập thông tin, làm việc nhóm, thuyết trình và vận dụng chính sách vào thực tiễn địa phương. Nhận diện đúng nhóm đối tượng và chính sách phù hợp để tư vấn, hỗ trợ.

3. Có ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ quyền lợi của các nhóm yếu thế. Chủ động đề xuất giải pháp cải thiện chính sách tại cộng đồng

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Chính sách đối với giai cấp công nhân

1.1. *Vai trò, đặc điểm của giai cấp công nhân*

1.2. *Một số chính sách cơ bản đối với giai cấp công nhân hiện nay (Chính sách về việc làm, bảo hiểm, đào tạo lại, nhà ở,...)*

2. Chính sách đối với nông dân

2.1. *Đặc điểm của giai cấp nông dân Việt Nam*

2.2. *Một số chính sách cơ bản liên quan đến nông dân hiện nay (Chính sách về đất đai, tín dụng, đào tạo nghề, khuyến nông,...)*

3. Chính sách đối với tầng lớp trí thức

3.1. *Vị trí, vai trò của trí thức*

3.2. *Một số chính sách đối với tầng lớp trí thức (thu hút, đãi ngộ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao,...)*

4. Chính sách đối với thanh niên

4.1. *Vai trò thanh niên*

4.2. *Chính sách đối với thanh niên*

5. Chính sách đối với phụ nữ

5.1. *Vai trò của người phụ nữ*

5.2. *Chính sách xã hội đối với phụ nữ*

6. Chính sách đối với các dân tộc

6.1. *Quan điểm của Đảng và Nhà nước*

6.2. *Chính sách dân tộc*

7. Chính sách tôn giáo

7.1. *Quan điểm của Đảng và Nhà nước*

7.2. *Chính sách đối với tôn giáo*

8. Chính sách đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài

8.1. Quan điểm của Đảng, Nhà nước

8.2. Chính sách đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm.

II. Trang thiết bị máy móc: Tivi, máy vi tính, phần mềm hỗ trợ,....

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo trình chính sách xã hội. Trường CĐCD Kon Tum: Bộ môn Xã hội; 2021.

- Cập nhật các chủ trương của Đảng và chính sách của nhà nước vào nội dung bài học.

- Người học cần chuẩn bị bài giảng, bài thảo luận do nhà giáo yêu cầu.

IV. Các điều kiện khác: Người học nghiên cứu tài liệu, làm việc có trách nhiệm, hiệu quả, liên hệ thực tiễn thực hiện các chính sách tại địa phương nơi cư trú, đánh giá và nhận diện vấn đề, lên kế hoạch trợ giúp giải quyết vấn đề mà nhóm cộng đồng các dân tộc thiểu số mắc phải.

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Khuôn khổ lý thuyết của chính sách xã hội
- Hệ thống chính sách xã hội
- Các chính sách xã hội của Việt Nam
- Tiến trình hoạch định, xây dựng chính sách;
- Các mối quan hệ của chính sách xã hội với các chính sách khác trong hệ thống chính sách chung của Nhà nước.

2. Kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả.
- Hoàn thành tốt vai trò của người làm công tác xã hội khi giúp đỡ, bảo vệ nhóm đối tượng yếu thế.

- Nhận diện các hệ thống chính sách xã hội đã được triển khai tại địa phương nơi cư trú.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Thường xuyên có ý thức, trách nhiệm cập nhật kiến thức qua các văn bản của Đảng, nhà nước về chính sách xã hội; tuyên truyền, phổ biến các chính sách xã hội của Đảng và nhà nước ta nhằm “đền ơn đáp nghĩa” đối với những người có công với cách mạng; giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn..., để hướng tới một xã hội công bằng, văn minh;

- Có thái độ tích cực hơn trong việc tham gia vào các chương trình góp phần nâng cao an sinh xã hội.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

+ Số bài kiểm tra: 01 bài.

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ:

+ Số bài kiểm tra: 1 bài lý thuyết.

+ Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận.

- Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê

duyet)

- Hình thức thi: Tự luận.
- Thời gian thi: 60 phút
- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ I của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

Đề thi kết thúc môn học được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình môn học.

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CDKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Chính sách xã hội được sử dụng đào tạo trình độ cao đẳng ngành, nghề Công tác xã hội tại Trường Cao đẳng Kon Tum.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Trong quá trình giảng dạy có thể sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp với đàm thoại trên cơ sở cập nhật các chính sách được áp dụng và ban hành; đặt ra những vấn đề phù hợp với điều kiện học tập, sinh hoạt của người học qua đó yêu cầu người học tiến hành trao đổi, thảo luận và nêu những chính kiến của cá nhân, nhóm.

- Nhà giáo hướng dẫn sinh viên nhận thức kiến thức về lý thuyết và những kiến thức thực hành bổ sung cho phần kiến thức lý thuyết đã học.

- Sử dụng đèn chiếu, màn hình đa năng và sử dụng một số phần mềm thông dụng để trình chiếu những nét cơ bản của bài học

2. Đối với người học

- Người học tham dự 80% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học thực hành, thảo luận, bài tập.

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10. Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, thực hành, bài kiểm tra

và thi.

- Nghiên cứu trước tài liệu;
- Có thái độ nghiêm túc trong học tập: tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài học và trong các hoạt động nhóm;
- Chuẩn bị nội dung thảo luận, xêmina, làm bài tập, tìm hiểu thực tiễn.... đầy đủ theo yêu cầu của nhà giáo giảng dạy.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Năng lực và kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm của SV.
- Sinh viên vận dụng các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước đối với chính sách xã hội tại địa phương.
- Chính sách về giáo dục và đào tạo, việc làm, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, xóa đói giảm nghèo, chính sách đối với các giai tầng, chính sách với các giới đồng bào.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Giáo trình chính sách xã hội. Trường CĐCD Kon Tum. Bộ môn Xã hội; 2021.
 2. Nguyễn Tuấn Anh. Giáo trình chính sách xã hội; NXB Đại học Quốc gia Hà Nội; 2021.
 3. Lê Đăng Doanh. Tăng trưởng kinh tế và chính sách xã hội ở Việt Nam trong quá trình chuyển đổi từ năm 1991 đến nay
 4. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Hà Nội: Chính trị Quốc gia - Sự thật; 2021.
 5. Các văn bản pháp luật về chính sách hỗ trợ đối với người nghèo và bảo trợ công tác xã hội.
- V. Ghi chú và giải thích (nếu có).**

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Nhập môn công tác xã hội (introduction to social work)

Mã môn học: 610330322

Thời gian thực hiện môn học: 29 giờ (lý thuyết: 13 giờ; bài tập, thảo luận: 14 giờ; thực hành: 0 giờ, kiểm tra: 1 giờ, thi kết thúc môn học: 1 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí

Nhập môn công tác xã hội là môn học thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội, bố trí dạy ở học kỳ II của chương trình đào tạo.

II. Tính chất

Nhập môn công tác xã hội là môn học bắt buộc dùng chung cho ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ cao đẳng tại Trường Cao đẳng Kon Tum.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Yêu cầu về kiến thức

1. Trình bày được những kiến thức về triết lý nghề nghiệp, nguyên tắc và vai trò của nhân viên xã hội để vận dụng trong công tác xã hội với đối tượng.

2. Phân tích được các thành tố cơ bản trong công tác xã hội; hệ thống các lĩnh vực hoạt động của công tác xã hội. Nhận diện vấn đề và xử lý khủng hoảng bảo đảm an toàn thể chất và tinh thần cho đối tượng.

5. Phân tích được một số kỹ năng: Tăng năng lực cộng đồng, giúp người dân được tiếp cận nguồn lực, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân trong cộng đồng.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Thực hiện thành thạo các kỹ năng: phân tích, đánh giá, làm việc nhóm; thực hành các nguyên tắc hành động khi làm việc với cá nhân;

2. Tham gia phối hợp giám sát và báo cáo kết quả thực hiện các chính sách, chương trình hoặc dự án xã hội đang được triển khai tại địa bàn.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Nâng cao ý thức trách nhiệm đối với nghề nghiệp; biết phát huy tính chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập, rèn luyện.

2. Tuân thủ các quy định đạo đức nghề nghiệp, trung thực và có tính kỷ luật cao, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Thực hành	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1: Khái niệm, triết lý và các giá trị trong Công tác xã hội	9	4		5	
	1. Khái niệm về công tác xã hội 1.1. Khái niệm về công tác xã hội 1.2. Phân biệt công tác xã hội với hoạt động từ thiện	1.5	1.5			
	2. Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển nghề công tác xã hội 2.1. Sơ lược lịch sử công tác xã hội trên thế giới 2.2. Sơ lược lịch sử công tác xã hội ở Việt Nam	1.0	1.0			
	3. Triết lý và giá trị của nghề công tác xã hội 3.1. Triết lý của nghề công tác xã hội 3.2. Các giá trị của nghề công tác xã hội 3.3. Chuẩn mực đạo đức trong Công tác xã hội	6.5	1.5		5.0	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Thực hành	Thi/Kiểm tra
2	Chương 2: Mục đích, nhiệm vụ và các nguyên tắc nghề nghiệp trong công tác xã hội	10	6		4	
	1. Mục đích, nhiệm vụ của công tác xã hội 1.1. Đối tượng của nghề công tác xã hội 1.2. Mục đích của nghề công tác xã hội 1.3. Vai trò của nghề công tác xã hội	1.5	1.5			
	2. Chức năng của công tác xã hội 2.1. Phòng ngừa các vấn đề xã hội 2.2. Can thiệp giải quyết các vấn đề xã hội 2.3. Phục hồi chức năng xã hội của con người 2.4. Phát triển chức năng xã hội của con người	3.5	1.5		2.0	
	3. Nguyên tắc nghề nghiệp trong công tác xã hội 3.1. Chấp nhận đối tượng 3.2. Đối tượng cùng tham gia giải quyết vấn đề 3.3. Dành quyền tự quyết cho đối tượng	3.0	1.0		2.0	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Thực hành	Thi/Kiểm tra
	3.4. Cá biệt hoá sự giúp đỡ 3.5. Giữ bí mật thông tin về đối tượng 3.6. Tự ý thức về bản thân 3.7. Bảo đảm mối quan hệ nghề nghiệp	1.0	1.0			
	4. Phương pháp tiếp cận và phương pháp nghề công tác xã hội 4.1. Phương pháp tiếp cận 4.2. Các phương pháp nghề công tác xã hội	1.0	1.0			
	Chương 3: Hệ thống cơ quan, tổ chức làm công tác xã hội và nhân viên xã hội chuyên nghiệp	8	3		5	
3	1. Các thành tố cơ bản trong công tác xã hội 1.1. Đối tượng của công tác xã hội 1.2. Vấn đề của đối tượng 1.3. Cơ quan xã hội 1.4. Tiến trình hoạt động	1.0	1.0			
	2. Hệ thống các lĩnh vực hoạt động của công tác xã hội 2.1. Các lĩnh vực hoạt động của công tác xã hội 2.2. Các cơ quan, tổ chức làm công tác	1.0	1.0			

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Thực hành	Thi/Kiểm tra
	xã hội					
	3. Nhân viên xã hội chuyên nghiệp 3.1. Nhân viên xã hội 3.2. Vai trò của nhân viên xã hội chuyên nghiệp	6.0	1.0		5.0	
4	Kiểm tra định kì	1				1(1,0)
5	Thi kết thúc môn học	1				1(1,0)
6	Cộng	29	13		14	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: KHÁI NIỆM, TRIẾT LÝ VÀ GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI

(Thời gian: 9 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày khái niệm, lịch sử hình thành công tác xã hội trên thế giới và Việt Nam; phân tích triết lý nghề, các giá trị của ngành, nghề công tác xã hội, chuẩn mực đạo đức nghề công tác xã hội.

2. Thực hiện thành thạo các kỹ năng thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề được nêu trong nội dung bài học,

3. Rèn luyện tính tích cực trong học tập như: sự chăm chỉ, sáng tạo và tự học tập nghiên cứu bổ sung kiến thức; tôn trọng quyền con người và quyền được chăm sóc hỗ trợ của thân chủ.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm về công tác xã hội (1-3)

1.1. Khái niệm về công tác xã hội

1.2. Phân biệt công tác xã hội với hoạt động từ thiện

2. Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển nghề công tác xã hội (1-3)

2.1. Sơ lược lịch sử công tác xã hội trên thế giới

2.2. Sơ lược lịch sử công tác xã hội ở Việt Nam

3. Triết lý và giá trị của nghề công tác xã hội (1-4)

3.1. Triết lý của nghề công tác xã hội

3.2. Các giá trị của nghề công tác xã hội

3.3. Chuẩn mực đạo đức trong Công tác xã hội.

CHƯƠNG 2: MỤC ĐÍCH, VAI TRÒ, CHỨC NĂNG VÀ NGUYÊN TẮC NGHỀ NGHIỆP TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các mục đích, nhiệm vụ và các nguyên tắc nghề nghiệp trong công tác xã hội; xác định rõ vai trò, chức năng nghề công tác xã hội; vận dụng thường xuyên các nguyên tắc nghề nghiệp trong khi học các môn chuyên ngành công tác xã hội.

2. Thực hiện thành thạo kỹ năng tham gia phối hợp tiến hành các cuộc điều tra, khảo sát về lao động và xã hội của chính phủ và địa phương đang triển khai tại địa bàn.

3. Tôn trọng các nguyên tắc làm việc với thân chủ, đặc biệt là nguyên tắc giữ bí mật, cá biệt hóa và giành quyền tự quyết cho thân chủ.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Mục đích, nhiệm vụ của công tác xã hội (1-4)

1.1. Đối tượng của nghề công tác xã hội

1.2. Mục đích của nghề công tác xã hội

1.3. Vai trò của nghề công tác xã hội

2. Chức năng của công tác xã hội (2, 4, 5)

2.1. Phòng ngừa các vấn đề xã hội

2.2. Can thiệp giải quyết các vấn đề xã hội

2.3. Phục hồi chức năng xã hội của con người

2.4. Phát triển chức năng xã hội của con người

3. Nguyên tắc nghề nghiệp trong công tác xã hội (3, 6, 7)

3.1. Chấp nhận đối tượng

3.2. Đối tượng cùng tham gia giải quyết vấn đề

3.3. Dành quyền tự quyết cho đối tượng

3.4. Cá biệt hoá sự giúp đỡ

3.5. Giữ bí mật thông tin về đối tượng

3.6. Tự ý thức về bản thân

3.7. Bảo đảm mối quan hệ nghề nghiệp

4. Phương pháp tiếp cận và phương pháp nghề công tác xã hội (2, 8, 9)

4.1. Phương pháp tiếp cận

4.2. Các phương pháp nghề công tác xã hội.

CHƯƠNG 3: HỆ THỐNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC LÀM CÔNG TÁC XÃ HỘI VÀ NHÂN VIÊN XÃ HỘI CHUYÊN NGHIỆP

(Thời gian: 8 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các thành tố, cơ quan tổ chức làm công tác xã hội và nhận thức được tầm quan trọng của việc phối hợp với các tổ chức để thực hiện công tác xã hội, như các tổ chức dân sự xã hội; phân tích các yếu tố cần có của một nhân viên xã hội chuyên nghiệp

2. Thiết lập quan hệ với các cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng. Đứng trên quan điểm đối tượng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đối tượng.

3. Tích cực xây dựng mạng lưới và tham gia bảo đảm quyền được chăm sóc và hỗ trợ đối tượng.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Các thành tố cơ bản trong công tác xã hội (2, 5, 8, 9)

1.1. Đối tượng của công tác xã hội

1.2. Vấn đề của đối tượng

1.3. Cơ quan xã hội

1.4. Tiến trình hoạt động

2. Hệ thống các lĩnh vực hoạt động của công tác xã hội (4, 6, 10)

2.1. Các lĩnh vực hoạt động của công tác xã hội

2.2. Các cơ quan, tổ chức làm công tác xã hội

3. Nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp (2, 3)

3.1. Nhân viên xã hội

3.2. Vai trò của nhân viên xã hội chuyên nghiệp

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng

Phòng học lý thuyết phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm.

II. Trang thiết bị, máy móc

Tivi, máy vi tính.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Học liệu

+ Giáo trình nhập môn công tác xã hội

- Dụng cụ, nguyên vật liệu

Tranh ảnh, video liên quan tới từng bài giảng dạy, giấy A4, A0, bút chì, thước, bút lông, bút dạ, bảng làm việc nhóm, giấy note, nam châm,...

IV. Các điều kiện khác

Không

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Khái niệm về công tác xã hội, phân biệt công tác xã hội với từ thiện; hiểu rõ triết lý, các giá trị và chuẩn mực đạo đức trong nghề công tác xã hội.

- Phân biệt, nhận diện được mục đích, vai trò, chức năng và nguyên tắc nghề nghiệp trong công tác xã hội; xác định được đối tượng, vấn đề và phương pháp tiếp cận khi làm việc với thân chủ.

- Nhận biết được hệ thống các lĩnh vực hoạt động, các cơ quan, tổ chức làm công tác xã hội; vai trò và phẩm chất của nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp.

- Thực hiện đầy đủ yêu cầu tự học theo kế hoạch giảng dạy; nghiên cứu

trước nội dung bài học, chủ động chuẩn bị tài liệu để tham gia thảo luận.

2. Kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả.
- Hình thành kỹ năng tiếp cận thực tiễn, vận dụng những kiến thức đã học vào học tập và rèn luyện; hình thành và phát triển các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, giải quyết vấn đề, làm việc theo nhóm.
- Các kỹ năng về vấn đề, ghi chép hồ sơ cá nhân, kỹ năng truyền thông, kỹ năng quan sát - lắng nghe, can thiệp - giải quyết vấn đề, kỹ năng tham vấn, kỹ năng lập kế hoạch...

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, khoa học. Trung thực với kết quả làm việc nhóm.
- Chủ động tìm hiểu các thông tin, sách.. nhằm hoàn thiện thêm các kiến thức và kỹ năng bảo đảm thực hành công tác xã hội hiệu quả.
- Có khả năng tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; có trách nhiệm với công việc và ý thức được vai trò của bản thân.
- Thể hiện sự yêu thích và mong muốn theo đuổi nghề công tác xã hội qua việc tích cực tham gia các hoạt động học tập, tìm hiểu thực tế và tự bồi dưỡng kỹ năng nghề.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên
- + Số bài kiểm tra: 01 bài.
- + Hình thức kiểm tra: Đánh giá sinh viên thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kỹ năng, thao tác, kết quả thực hành, thí nghiệm, chấm điểm tường trình thí nghiệm hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.
- + Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.
- Kiểm tra, đánh giá định kỳ: 01 bài.
- + Số bài kiểm tra: 01

- + Hình thức kiểm tra: Tự luận
- + Thời gian kiểm tra: 1 giờ
- + Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian thi: 1 giờ

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ II của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc mô đun: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CDKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Nhập môn công tác xã hội được sử dụng đào tạo trình độ Cao đẳng chuyên ngành, nghề Công tác xã hội.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Trong quá trình giảng dạy có thể vận dụng kết hợp lý thuyết và thực hành. Áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau như (trình bày, diễn giải, chứng minh, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của sinh viên...).

- Nhà giáo hướng dẫn sinh viên nhận thức kiến thức về lý thuyết và những kiến thức thực hành bổ sung cho phần kiến thức lý thuyết đã học.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.
- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.
- Sinh viên nghiên cứu bài học trước khi đến lớp, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này. Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, thực hành, bài kiểm tra và thi.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Khái niệm công tác xã hội, triết lý và giá trị của nghề công tác xã hội;
- Nguyên tắc nghề nghiệp, chức năng và phương pháp trong công tác xã hội;
- Các thành tố cơ bản trong công tác xã hội.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Lê Chí An. Công tác xã hội nhập môn: Đại học Mở-Bán công TP. HCM; 2006.
2. Bùi Thị Xuân Mai. Giáo trình Nhập môn công tác xã hội. Hà Nội: Nxb Lao động - Xã hội; 2012.
3. Bùi Thị Xuân Mai. Nhập môn công tác xã hội. Hà Nội: Bộ Lao động TB-XH; 2016.
4. Gia NV, Bùi Xuân Mai. Công tác xã hội Trường cao đẳng Lao động - Xã hội; 2001.
5. Mai Lâm. Việt Nam đã vào nhóm các nước có Chỉ số phát triển con người ở mức cao. Tạp chí Tài Chính. 16/12/2020.
6. 01/2017/TT-BLĐTBH Tt. quy định về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đối với người làm công tác xã hội, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 2017.
7. Nguyễn Thị Oanh. Mấy vấn đề phát triển xã hội: Đại học mở bán công Tp Hồ Chí Minh; 1995.
8. Hiến pháp. 9/11/1946.
9. Hiến pháp. Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa việt nam. Hà Nội; 2013.

10. Lê Hùng Cường. Giáo trình nhập môn Công tác xã hội: Ninh Bình; 2018.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có).

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**Tên môn học:** Cơ sở văn hóa Việt Nam (Vietnamese cultural foundation)**Mã môn học:** 610320272**Thời gian thực hiện môn học:** 29 giờ (lý thuyết: 13 giờ; thực hành: 14 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi kết thúc môn học: 1 giờ).**A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC****I. Vị trí**

Đây là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, nghề Công tác xã hội, được bố trí vào kỳ IV của chương trình đào tạo.

II. Tính chất

Là môn học bắt buộc, cung cấp kiến thức văn hóa Việt Nam thuộc ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ Cao đẳng.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được vai trò của văn hóa trong đời sống; tiến trình văn hóa Việt Nam.
2. Giải thích được tính tổng hợp - dung hợp - tích hợp trong ứng phó với môi trường xã hội.
3. Chứng minh được văn hóa Việt Nam thuộc loại hình văn hóa gốc nông nghiệp.
4. Phân tích được các giá trị văn hóa: Lễ hội, lễ tết, tín ngưỡng, phong tục; văn hóa ăn uống; văn hóa mặc; văn hóa ở và đi lại.
5. Vận dụng được những kiến thức của môn học vào cuộc sống, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Nhận diện, phân biệt được: Các đặc trưng cơ bản của văn hóa tổ chức nông thôn, tổ chức đô thị; văn hóa Việt Nam với văn hóa một số nước trên thế giới.

2. Thuyết trình được: Một số tín ngưỡng, phong tục tập quán của người Việt Nam; phong tục tập quán của cộng đồng dân tộc thiểu số ở Kon Tum.

3. Rèn kỹ năng sống của bản thân có văn hóa: Giao tiếp, ăn uống, ở, mặc và đi lại.

4. Đánh giá được thực trạng về sự giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc hiện nay ở địa phương đang sinh sống.

5. Lựa chọn được những tinh hoa văn hóa thế giới để dung hợp rèn luyện, phát triển bản thân.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Nghiêm túc trong văn hóa ăn, ở, mặc và đi lại. Bài trừ những cách ăn, ở, mặc và đi lại không phù hợp với văn hóa Việt Nam.

2. Trân trọng những nghi lễ truyền thống; có thái độ đúng đắn trong việc xóa bỏ tập tục lạc hậu như tảo hôn, đa thê...

3. Quý trọng những giá trị sáng tạo của văn hóa truyền thống Việt Nam; giữ gìn những nét đẹp của văn hóa truyền thống Việt Nam.

4. Trách nhiệm trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Có thái độ đúng đắn trong việc dung hợp những tinh hoa văn hóa thế giới.

5. Chịu trách nhiệm về tiến độ và chất lượng công việc của bài tập thực hành, bảo đảm sự phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên trong nhóm.

6. Tích cực xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Luôn có ý thức, trách nhiệm trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận,	Thực hành	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1: Văn hóa học và văn hóa Việt Nam	4	2		2	
	1. Văn hóa và văn hóa học		0.5			

[illegible]

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận,	Thực hành	Thi/Kiểm tra
	1.1. Nguyên tắc tổ chức nông thôn 1.2. Tính cộng đồng và tính tự trị 2. Tổ chức quốc gia 2.1. Từ làng đến nước và việc quản lý xã hội 2.2. Nước với truyền thống dân chủ của văn hóa nông nghiệp 3. Tổ chức đô thị 3.1. Đô thị Việt Nam trong quan hệ với quốc gia 3.2. Đô thị Việt Nam trong quan hệ với nông thôn 3.3. Văn hóa tổ chức đô thị ngày nay		0.5 0.5		1	
3	Chương 3: Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân 1. Tín ngưỡng 1.1. Tín ngưỡng phồn thực 1.2. Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên 1.3. Tín ngưỡng sùng bái con người 2. Phong tục 2.1. Phong tục hôn nhân 2.2. Phong tục tang lễ 2.3. Phong tục lễ tết và lễ hội 3. Văn hóa giao tiếp và nghệ thuật ngôn từ	5	3 0.5 1 0.5		2 1 1	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận,	Thực hành	Thi/Kiểm tra
	4. Nghệ thuật thanh sắc và hình khối 4.1. Tính biểu trưng 4.2. Tính biểu cảm 4.3. Tính tổng hợp 4.4. Tính linh hoạt		1			
4	Kiểm tra định kỳ	1				1
5	Chương 4: Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên 1. Văn hóa ăn uống 1.1. Quan niệm về ăn và dấu ấn nông nghiệp trong bữa ăn của người Việt 1.2. Tính tổng hợp 1.3. Tính cộng đồng và tính mực thước 1.4. Tính biện chứng, linh hoạt 2. Văn hóa mặc 2.1. Quan niệm về mặc và dấu ấn nông nghiệp trong cách mặc của người Việt 2.2. Tính linh hoạt 2.3. Tính thẩm mỹ 3. Văn hóa ở và đi lại 3.1. Văn hóa ở 3.2. Văn hóa đi lại	5	2 1 0.5 0.5		3 1 1 1	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận,	Thực hành	Thi/Kiểm tra
6	Chương 5: Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội	5	2		3	
	1. Giao lưu với văn hóa Ấn Độ, Trung Hoa		0.5		1	
	1.1. Văn hóa cổ truyền Việt Nam qua giao lưu tiếp xúc với văn hóa Ấn Độ					
	1.2. Văn hóa cổ truyền Việt Nam qua giao lưu tiếp xúc với văn hóa Trung Hoa					
	2. Giao lưu với văn hóa phương Tây		0.5		1	
	2.1. Vài nét về văn hóa Pháp và văn hóa phương Tây					
7	2.2. Văn hóa Việt Nam tiếp xúc giao lưu với văn hóa Pháp					
	3. Tính dung hợp trong ứng phó với môi trường xã hội		0.5		1	
	3.1. Ứng phó trong quân sự, ngoại giao					
	3.2. Dung hợp tôn giáo					
	3.3. Dung hợp trong nghệ thuật					
	Chương 6: Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc	4	2		2	
	1. Sự cần thiết phải giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc		1		1	
	1.1. Văn hóa là cầu nối các quốc gia,					

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận,	Thực hành	Thi/Kiểm tra
	các dân tộc 1.2. Văn hóa là điều kiện để phát triển đất nước 1.3. Văn hóa là điều kiện phát triển bền vững 2. Định hướng giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc 2.1. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện 2.2. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh 2.3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa		1		1	
8	Thi kết thúc môn học	1				1
	Cộng	29	13		14	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: VĂN HÓA VÀ VĂN HÓA HỌC

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Giải thích được vai trò của văn hóa trong đời sống; chứng minh được văn hóa Việt Nam thuộc loại hình văn hóa gốc nông nghiệp.
2. Nhận diện, phân biệt được văn hóa Việt Nam với văn hóa một số nước trên thế giới.
3. Quý trọng những giá trị sáng tạo của văn hóa truyền thống Việt Nam; giữ gìn những nét đẹp của văn hóa truyền thống Việt Nam.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Văn hóa học và văn hóa Việt Nam

1.1. Khái niệm văn hóa(1)

1.2. Vai trò của văn hóa trong đời sống

1.3. Văn hóa học(1)

2. Định vị văn hóa Việt Nam (1)

2.1. Văn hóa Việt Nam thuộc loại hình văn hóa gốc nông nghiệp

2.2. Chủ thể văn hóa và thời gian văn hóa

2.3. Hoàn cảnh địa lý, không gian văn hóa

2.4. Vùng văn hóa

3. Tiến trình văn hóa Việt Nam (1)

3.1. Lớp văn hóa bản địa

3.2. Lớp văn hóa giao lưu với khu vực

3.3. Lớp văn hóa giao lưu với văn hóa phương Tây

4. Khái niệm văn hóa nhận thức truyền thống Việt Nam (1)

4.1. Triết lý âm – dương

4.2. Lịch Âm Dương và hệ đếm Can Chi

CHƯƠNG 2. VĂN HÓA TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG TẬP THỂ

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Giải thích được những đặc trưng cơ bản của văn hóa tổ chức nông thôn, văn hóa tổ chức đô thị; phân tích được tính cộng đồng và tính tự trị.

2. Nhận diện, phân biệt được những đặc trưng văn hóa tổ chức nông thôn, tổ chức đô thị.

3. Tôn trọng các nét đẹp văn hóa tổ chức cộng đồng của địa phương; ứng xử văn hóa khi tiếp xúc, công tác tại các cộng đồng dân cư.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Tổ chức nông thôn(1)

1.1. Nguyên tắc tổ chức nông thôn

1.2. Tính cộng đồng và tính tự trị

2. Tổ chức quốc gia

2.1. Từ làng đến nước và việc quản lý xã hội

2.2. Nước với truyền thống dân chủ của văn hóa nông nghiệp

3. Tổ chức đô thị (1)

3.1. Đô thị Việt Nam trong quan hệ với quốc gia

3.2. Đô thị Việt Nam trong quan hệ với nông thôn

3.3. Văn hóa tổ chức đô thị ngày nay

CHƯƠNG 3: VĂN HÓA TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG CÁ NHÂN

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Giải thích được các đặc trưng văn hóa giao tiếp của người Việt; phân tích được các nội dung văn hóa: Lễ hội, lễ tết, tín ngưỡng, phong tục.

2. Thuyết trình được: Một số tín ngưỡng, phong tục tập quán của người Việt Nam; giới thiệu, quảng bá được các loại hình văn hóa của cộng đồng dân tộc thiểu số ở Kon Tum.

3. Trân trọng những nghi lễ truyền thống; có thái độ đúng đắn trong việc xóa bỏ tập tục lạc hậu như tảo hôn, đa thê...

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Tín ngưỡng (1, 2)

1.1. Tín ngưỡng phồn thực

1.2. Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên

1.3. Tín ngưỡng sùng bái con người

2. Phong tục (1, 2)

2.1. Phong tục hôn nhân

2.2. Phong tục tang lễ

2.3. Phong tục lễ tết và lễ hội

3. Văn hóa giao tiếp và nghệ thuật ngôn từ (1)

3.1. Các đặc trưng văn hóa giao tiếp của người Việt

3.2. Nghệ thuật ngôn từ

4. Nghệ thuật thanh sắc và hình khối (1)

4.1. Tính biểu trưng

4.2. Tính biểu cảm

4.3. Tính tổng hợp

4.4. Tính linh hoạt

CHƯƠNG 4: VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Phân tích được những nét văn hóa đặc trưng của người Việt Nam: Văn hóa ăn uống; văn hóa mặc; văn hóa ở và đi lại. Chứng minh được dấu ấn nông nghiệp trong bữa ăn của người Việt.

2. Nhận diện, đánh giá được văn hóa ăn uống, ở, mặc và đi lại của người Việt Nam.

3. Có thái độ đúng đắn, tích cực trong văn hóa ăn, ở, mặc và đi lại. Bài trừ những cách ăn, ở, mặc và đi lại không phù hợp với văn hóa Việt Nam.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Văn hóa ăn uống (1, 3)

1.1. Quan niệm về ăn và dấu ấn nông nghiệp trong bữa ăn của người Việt

1.2. Tính tổng hợp

1.3. Tính cộng đồng và tính mực thước

1.4. Tính biện chứng, linh hoạt

2. Văn hóa mặc (1)

2.1. Quan niệm về mặc và dấu ấn nông nghiệp trong cách mặc của người Việt

2.2. Tính linh hoạt

2.3. Tính thẩm mỹ

3. Văn hóa ở và đi lại

3.1. Văn hóa ở

3.2. Văn hóa đi lại

CHƯƠNG 5: VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Giải thích được những nội dung cơ bản, trọng tâm: Giao lưu với văn hóa Ấn Độ, Trung Hoa; giao lưu với văn hóa phương Tây. Phân tích được tính tổng hợp - dung hợp- tích hợp trong ứng phó với môi trường xã hội.

2. Lựa chọn được những tinh hoa văn hóa thế giới để dung hợp rèn luyện, phát triển bản thân.

3. Trách nhiệm trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Có thái độ đúng đắn trong việc dung hợp những tinh hoa văn hóa thế giới.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Giao lưu với văn hóa Ấn Độ, Trung Hoa (1)

1.1. Văn hóa cổ truyền Việt Nam qua giao lưu tiếp xúc với văn hóa Ấn Độ

1.2. Văn hóa cổ truyền Việt Nam qua giao lưu tiếp xúc với văn hóa Trung Hoa

2. Giao lưu với văn hóa phương Tây (1)

2.1. Vài nét về văn hóa Pháp và văn hóa phương Tây

2.2. Văn hóa Việt Nam tiếp xúc giao lưu với văn hóa Pháp

3. Tính dung hợp trong ứng phó với môi trường xã hội

3.1. Ứng phó trong quân sự, ngoại giao

3.2. Dung hợp tôn giáo

3.3. Dung hợp trong nghệ thuật

CHƯƠNG 6: GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA

DÂN TỘC

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được sự cần thiết phải giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; phân tích được định hướng giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

2. Đánh giá được thực trạng về sự giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân

tộc hiện nay.

3. Tích cực xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Luôn có ý thức, trách nhiệm trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Sự cần thiết phải giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc (1, 5)

1.1. Văn hóa là cầu nối các quốc gia, các dân tộc

1.2. Văn hóa là điều kiện để phát triển đất nước

1.3. Văn hóa là điều kiện phát triển bền vững

2. Định hướng giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc (4, 5)

2.1. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện

2.2. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh

2.3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết.

II. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, đèn chiếu, phần mềm hỗ trợ...

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, tài liệu tham khảo, giấy A0, giấy màu, bút lông, tranh ảnh, bảng phụ, bài tập tình huống...

IV. Các điều kiện khác: không

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Văn hóa tổ chức đời sống tập thể; văn hóa tổ chức đời sống cá nhân.
- Tính tổng hợp - dung hợp - tích hợp trong ứng phó với môi trường xã hội.
- Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên; văn hóa ứng xử với môi trường xã hội.
- Vai trò của văn hóa trong đời sống và phát triển đất nước.
- Một số tín ngưỡng, phong tục tập quán của người Việt Nam; phong tục tập quán của cộng đồng dân tộc thiểu số ở Kon Tum.

2. Kỹ năng

- Nhận diện được văn hóa Việt Nam là loại hình văn hóa gốc nông nghiệp.
- Phân biệt được văn hóa và văn minh, văn vật.
- Thuyết trình được: Một số tín ngưỡng, phong tục tập quán của người Việt Nam; phong tục tập quán của cộng đồng dân tộc thiểu số ở Kon Tum.
- Quan sát, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, thuyết trình, vấn đáp.
- Đánh giá được thực trạng về sự giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc hiện nay ở địa phương đang sinh sống.
- Lựa chọn được những tinh hoa văn hóa thế giới để dung hợp rèn luyện, phát triển bản thân.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài, tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, khoa học, trung thực với kết quả làm việc nhóm.
- Quý trọng những giá trị sáng tạo của văn hóa truyền thống Việt Nam; giữ gìn những nét đẹp của văn hóa truyền thống Việt Nam.
- Tự giác, chủ động trong việc tiếp thu tinh hoa văn hóa để rèn luyện, phát triển bản thân.
- Chịu trách nhiệm về tiến độ và chất lượng công việc của bài tập thực hành, bảo đảm sự phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên trong nhóm.
- Nghiêm túc trong văn hóa ăn, ở, mặc và đi lại. Bài trừ những cách ăn, ở, mặc và đi lại không phù hợp với văn hóa Việt Nam.
- Tích cực xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Luôn có ý thức, trách nhiệm trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:
 - + Số bài kiểm tra: 01
 - + Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.
 - + Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi

vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ:
- + Số bài kiểm tra: 1
- + Hình thức kiểm tra: Tự luận
- + Thời gian kiểm tra: 1 giờ.
- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ phải được trình bày, đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Tự luận
- Thời gian thi: 1 giờ
- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi/ đề thi: Học kỳ IV của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).
- Các học sinh sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CDKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

E. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Cơ sở văn hóa Việt Nam được sử dụng đào tạo trình độ Cao đẳng ngành, nghề Công tác xã hội.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực: phương pháp nêu vấn đề, giải thích, phân tích, chứng minh, thảo luận (có sử dụng các thiết bị giáo dục hiện đại);
- Sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

2. Đối với người học

- Nghiên cứu, quan sát, động não trả lời câu hỏi.
- Người học tìm hiểu trước giáo trình Nghiên cứu khoa học y học, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Giải thích được các giá trị văn hóa trong lễ hội, lễ tết, tín ngưỡng, phong tục...
- Phân tích được những nét văn hóa đặc trưng của người Việt: Văn hóa ăn uống; văn hóa mặc; văn hóa ở và đi lại.
- Chứng minh được tính tổng hợp - dung hợp- tích hợp trong ứng phó với môi trường xã hội.

IV. Tài liệu tham khảo

1. PGS. TSKH Trần Ngọc Thêm. Cơ sở văn hóa Việt Nam: Nxb Đại học quốc gia Hà Nội; năm 2023.
2. Ngô Đức Thịnh. Giá trị văn hóa Việt Nam truyền thống và biến đổi: Nxb Chính trị Quốc gia sự thật; năm 2014.
3. Võ Thị Thu Hà. Giáo trình văn hoá ẩm thực Việt Nam Đại học Quốc gia Hà Nội; năm 2022.
4. Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, thấm nhuần tinh thần dân tộc. 12/6/2014.
5. Nguyễn Thị Bích Ngọc. Giáo trình cơ sở văn hóa Việt Nam: Trường Cao đẳng Kon Tum; năm 2022.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**Tên môn học:** Điều tra xã hội học (Sociological investigation)**Mã môn học:** 610320432**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ (lý thuyết: 14 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành: 29 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi kết thúc môn học: 1 giờ)**A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC****I. Vị trí**

Môn học thuộc khối kiến thức kỹ thuật cơ sở bắt buộc của ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ cao đẳng; môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ III.

II. Tính chất

Điều tra xã hội học là môn kỹ thuật cơ sở quan trọng của chương trình đào tạo ngành, nghề công tác xã hội, liên quan đến kỹ năng tác nghiệp trong công tác xã hội, trợ giúp đối tượng.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được những đặc trưng cơ bản của cuộc điều tra xã hội học; trình tự các bước tiến hành một cuộc điều tra xã hội học.

2. Mô tả được trình tự các bước tiến hành một cuộc điều tra xã hội học như: đặt tên đề tài, xác định mục đích, nhiệm vụ,...

3. Phân tích được các phương pháp cơ bản của điều tra xã hội học.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Phân tích các vấn đề xã hội có liên quan đến hoạt động trợ giúp.

2. Nghiên cứu, đề xuất để xây dựng chính sách và quy trình thay đổi tại nơi làm việc, tại cộng đồng hay ở các tổ chức xã hội cấp địa phương.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có trách nhiệm, trung thực, khách quan với kết quả nghiên cứu và học tập.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
2	Chương 1: Một số vấn đề chung về điều tra xã hội học 1. Khái niệm, chức năng và mục đích của điều tra xã hội học trong công tác xã hội 1.1. Khái niệm điều tra xã hội học. 1.2. Đối tượng điều tra xã hội học. 1.3. Chức năng của điều tra xã hội học. 1.4. Nhiệm vụ của điều tra xã hội học. 2. Cơ sở lý luận và phương pháp luận của điều tra xã hội học trong công tác xã hội	5	5	0	0	
			3.0			
2	Chương 2: Các giai đoạn điều tra xã hội học 1. Giai đoạn chuẩn bị điều tra 1.1. Xác định vấn đề nghiên cứu và đặt tên đề tài 1.2. Xác định mục đích, nhiệm vụ của cuộc điều tra 1.3. Xây dựng giả thuyết nghiên cứu	10	4	0	6	
			1.5		1.0	

1.4. Xây dựng mô hình lý luận. thao tác hoá khái niệm					
1.5. Xây dựng bảng hỏi (Phiếu điều tra)					
1.5.1. Các yêu cầu khi thiết kế phiếu điều tra					
1.5.2. Hình thức của phiếu điều tra					
1.6. Chọn phương pháp điều tra					
1.7. Xác định mẫu điều tra					
1.8. Dự kiến phương án xử lý thông tin					
1.9. Điều tra thử và hoàn thiện phương án điều tra					
1.10. Chuẩn bị kinh phí					
2. Giai đoạn thu thập thông tin		1.5		1.0	
2.1. Chọn thời điểm điều tra					
2.2. Tiến hành công tác tiền trạm					
2.3. Lập biểu đồ tiến độ điều tra					
2.4. Tập huấn điều tra viên					
2.5. Tiến hành thu thập thông tin					
3. Giai đoạn xử lý. phân tích thông tin. trình bày báo cáo		1.0		1.0	
3.1. Phân tích tương quan các biến					
3.2. Kiểm tra giả thuyết					
3.3. Trình bày báo cáo					
4. Thực hành thiết kế phiếu hỏi				3.0	

3	Chương 3: Một số phương pháp cơ bản của điều tra xã hội học	15	3	0	12	
	1. Phương pháp chọn mẫu		0,5		2,0	
	1.1. Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên (probability sampling methods)					
	1.2. Phương pháp chọn mẫu phi ngẫu nhiên (non-probability sampling methods)					
	2. Phương pháp phân tích tài liệu		0,5		2,0	
	2.1. Khái niệm					
	2.2. Các loại phân tích tài liệu					
	2.3. Những ưu, nhược điểm của phương pháp phân tích tài liệu					
	3. Phương pháp trưng cầu ý kiến bằng bảng hỏi tự ghi (Poll)					
	3.1. Những đặc điểm của trưng cầu ý kiến bằng bảng hỏi tự ghi (Poll)		0,5		2,0	
	3.2. Một số loại trưng cầu chủ yếu					
	3.3. Những ưu, nhược điểm của trưng cầu ý kiến		0,5			
	4. Phương pháp quan sát					
	4.1. Khái niệm				2,0	
	4.2. Các bước thực hiện quan sát					
	4.3. Các loại quan sát					
	4.4. Ưu, nhược điểm của phương pháp quan sát		0,5		2,0	

	5. Phương pháp nghiên cứu tình huống 6. Phương pháp phỏng vấn 6.1. Khái niệm phương pháp phỏng vấn 6.2. Các loại phỏng vấn 6.3. Một số quy tắc cho việc thực hiện phỏng vấn 6.4. Ưu, nhược điểm của phương pháp phỏng vấn		0,5		2,0	
4	Chương 4: Báo cáo kết quả điều tra xã hội học 1. Phương pháp lập kế hoạch trình bày với các nhóm đối tượng và các nhà quản lý 2. Phương pháp trình bày kết quả nghiên cứu cho tổ chức của mình và các tổ chức khác hay chính quyền 3. Phương pháp thu thập phản hồi cho nghiên cứu 3.1. Khái niệm và đặc điểm của thu thập thông tin 3.2. Khái niệm và đặc điểm xử lý thông tin. 3.3. Vai trò của thu thập, xử lý thông tin	13	2 0,5 1,0 0,5	0	11 4,0 4,0 3,0	
5	Kiểm tra định kỳ	1				1,0
6	Thi kết thúc môn học	1				1,0
	Cộng	45	13	0	29	3

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các khái niệm, chức năng và mục đích của điều tra xã hội học.
2. Tuân thủ các nguyên tắc của điều tra xã hội học; thực hiện được các kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, thuyết trình.
3. Hình thành thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài, tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm, chức năng và mục đích của điều tra xã hội học trong công tác xã hội (1)

1.1. Khái niệm điều tra xã hội học.

1.2. Đối tượng điều tra xã hội học.

1.3. Chức năng của điều tra xã hội học.

1.3.1. Chức năng quản lý

1.3.2. Chức năng nhận thức

1.3.3. Chức năng tư tưởng

1.3.4. Chức năng thực tiễn

1.3.5. Chức năng dự báo

1.4. Nhiệm vụ của điều tra xã hội học.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp luận của điều tra xã hội học trong công tác xã hội (1)

CHƯƠNG 2: CÁC GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được quy trình của một cuộc điều tra xã hội học và những vấn đề cơ bản của điều tra xã hội học như: đặt tên đề tài, xác định mục đích, nhiệm vụ, xây dựng giả thuyết nghiên cứu, mô hình và thao tác lý luận. Phân tích, so sánh, đánh giá về các phương pháp điều tra xã hội học.

2. Thực hiện đủ, đúng các giai đoạn trong việc điều tra xã hội học, xây dựng được phiếu hỏi, hoàn thiện được các mẫu điều tra.

3. Hình thành thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài, tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Giai đoạn chuẩn bị điều tra (1-3)

1.1. Xác định vấn đề nghiên cứu và đặt tên đề tài

1.2. Xác định mục đích, nhiệm vụ của cuộc điều tra

1.3. Xây dựng giả thuyết nghiên cứu

1.4. Xây dựng mô hình lý luận, thao tác hoá khái niệm

1.5. Xây dựng bảng hỏi (Phiếu điều tra)

1.5.1. Các yêu cầu khi thiết kế phiếu điều tra

1.5.2. Hình thức của phiếu điều tra

1.6. Chọn phương pháp điều tra

1.7. Xác định mẫu điều tra

1.8. Dự kiến phương án xử lý thông tin

1.9. Điều tra thử và hoàn thiện phương án điều tra

1.10. Chuẩn bị kinh phí

2. Giai đoạn thu thập thông tin (1-3)

2.1. Chọn thời điểm điều tra

2.2. Tiến hành công tác tiền trạm

2.3. Lập biểu đồ tiến độ điều tra

2.4. Tập huấn điều tra viên

2.5. Tiến hành thu thập thông tin

3. Giai đoạn xử lý, phân tích thông tin, trình bày báo cáo (1-3)

3.1. Phân tích tương quan các biến

3.2. Kiểm tra giả thuyết**3.3. Trình bày báo cáo****4. Thực hành thiết kế phiếu hỏi****CHƯƠNG 3: MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP CƠ BẢN CỦA ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC****(Thời gian: 15 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các phương pháp trong điều tra xã hội học.
2. Thực hiện được việc thu thập, xử lý tài liệu để phục vụ công tác điều tra xã hội học.
3. Nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài; cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực trong quá trình điều tra.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG**1. Phương pháp chọn mẫu (2-3)****1.1. Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên (probability sampling methods)****1.2. Phương pháp chọn mẫu phi ngẫu nhiên (non-probability sampling methods)****2. Phương pháp phân tích tài liệu (2-3)****2.1. Khái niệm****2.2. Các loại phân tích tài liệu****2.2.1. Phân tích truyền thống (phân tích định tính)****2.2.2. Phân tích hình thức hóa (Phân tích định lượng)****2.3. Những ưu, nhược điểm của phương pháp phân tích tài liệu****2.3.1. Ưu điểm****2.3.2. Nhược điểm****3. Phương pháp trưng cầu ý kiến bằng bảng hỏi tự ghi (Poll) (2-3)****3.1. Những đặc điểm của trưng cầu ý kiến bằng bảng hỏi tự ghi (Poll)****3.2. Một số loại trưng cầu chủ yếu**

3.2.1. Trưng cầu tại nhà hay nơi làm việc

3.2.2. Trưng cầu qua bưu điện

3.2.3. Trưng cầu qua báo chí

3.2.4. Trưng cầu theo nhóm

3.3. Những ưu, nhược điểm của trưng cầu ý kiến

3.3.1. Ưu điểm

3.3.2. Nhược điểm

4. Phương pháp quan sát (2-3)

4.1. Khái niệm

4.2. Các bước thực hiện quan sát

4.3. Các loại quan sát

4.4. Ưu, nhược điểm của phương pháp quan sát

4.4.1. Ưu điểm

4.4.2. Nhược điểm

5. Phương pháp nghiên cứu tình huống (2-3)

6. Phương pháp phỏng vấn (2-3)

6.1. Khái niệm phương pháp phỏng vấn

6.2. Các loại phỏng vấn

6.3. Một số quy tắc cho việc thực hiện phỏng vấn

6.4. Ưu, nhược điểm của phương pháp phỏng vấn

6.4.1. Ưu điểm

6.4.2. Nhược điểm

CHƯƠNG 4: BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

(Thời gian: 13 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày kết quả điều tra xã hội học thông qua một vài phương pháp để tác động đến xây dựng chính sách.

2. Thực hiện được kỹ năng viết báo cáo, kỹ năng trình bày trước đám đông

3. Nghiêm túc, tích cực, trung thực, sẵn sàng phục vụ vì lợi ích của thân

chủ, phối hợp trong công việc.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Phương pháp lập kế hoạch trình bày với các nhóm đối tượng và các nhà quản lý (1-2-3)

2. Phương pháp trình bày kết quả nghiên cứu cho tổ chức của mình và các tổ chức khác hay chính quyền (1-2-3)

3. Phương pháp thu thập phản hồi cho nghiên cứu (1-2-3)

3.1. Khái niệm và đặc điểm của thu thập thông tin

3.2. Khái niệm và đặc điểm xử lý thông tin.

3.3. Vai trò của thu thập, xử lý thông tin

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng

Phòng học chuyên môn hóa, bảo đảm các điều kiện ánh sáng, vệ sinh...

II. Trang thiết bị, máy móc

Máy chiếu projector, hoặc tivi, bút lật trang

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Phấn, bảng, bút, sách, giấy A0, A4, bút lông, nam châm...

IV. Các điều kiện khác: Không

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Những đặc trưng cơ bản của cuộc điều tra xã hội học; trình tự các bước tiến hành một cuộc điều tra xã hội học.

- Trình tự các bước tiến hành một cuộc điều tra xã hội học như: đặt tên đề tài, xác định mục đích, nhiệm vụ,...

- Các phương pháp cơ bản của điều tra xã hội học.

2. Kỹ năng

- Các vấn đề xã hội có liên quan đến hoạt động trợ giúp.

- Xây dựng chính sách và quy trình thay đổi tại nơi làm việc, tại cộng đồng

hay ở các tổ chức xã hội cấp địa phương.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có trách nhiệm, trung thực, khách quan với kết quả nghiên cứu và học tập.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

+ Số bài kiểm tra: 01 bài.

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ: 01 bài

+ Số bài kiểm tra: 1 bài thực hành.

+ Hình thức kiểm tra: Thực hành

- Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian thi: 1 giờ

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: vào học kì III trong chương trình

đào tạo hoặc theo kế hoạch của Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

Đề thi kết thúc môn học được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình môn học.

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CDKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn Điều tra xã hội học được sử dụng đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội trình độ Cao đẳng hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực.
- Quan tâm phát huy kinh nghiệm của người học trong quá trình lên lớp; chú trọng đầu tư tổ chức tốt các tiết thảo luận cả về nội dung lẫn hình thức.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.
- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.
- Học sinh nghiên cứu bài học trước khi đến lớp, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này. Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, thực hành, bài kiểm tra và thi.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Các giai đoạn điều tra xã hội học
- Phương pháp điều tra xã hội học
- Thực hành thiết kế bảng hỏi

IV. Tài liệu tham khảo

1. Trần Thị Kim Thu, Giáo trình Điều tra xã hội học. Trường Đại học kinh tế Quốc dân năm 2012
2. Phan Văn Quyết, Nguyễn Thanh Quý, Phương pháp nghiên cứu Xã hội học. NXB Đại Học Quốc Gia 2012
3. Võ Mạnh Tuấn, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Giáo trình môn học Điều tra xã hội học. Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum; 2021.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có).

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**Tên môn học:** Tâm lý học xã hội (Social psychology)**Mã môn học:** 610820282**Thời gian thực hiện môn học:** 29 giờ (lý thuyết: 13 giờ; thảo luận, bài tập: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 14 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi kết thúc môn học: 1 giờ)**A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC****I. Vị trí**

Môn học thuộc nhóm các môn học chuyên môn. Vì vậy, môn học được bố trí trong học kỳ III trong chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội.

II. Tính chất

Tâm lý học xã hội là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được các khái niệm, bản chất của các hiện tượng tâm lý xã hội; khái niệm liên nhân cách, nhóm lớn, nhóm nhỏ, tập thể...
2. Mô tả được đặc điểm tập thể và cấu trúc quan hệ cá nhân trong tập thể.
3. Phân tích được vai trò, biểu hiện của quan hệ liên nhân cách; những ảnh hưởng của nhóm, tâm lý nhóm đến hành vi cá nhân;
4. Phân tích được các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách, đặc điểm của các kiểu nhân cách xã hội.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Tổ chức được các mối quan hệ tốt trong nhóm nhỏ. Xây dựng tập thể vững mạnh.
2. Xây dựng, tạo lập và giữ vững mối quan hệ liên nhân cách.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Tích cực, chủ động trong quá trình học tập; thường xuyên nâng cao năng

lực tự học, tự rèn luyện bản thân.

2. Có ý thức trách nhiệm, nghiêm túc trong quá trình học tập môn học. Tương tác tốt với các thành viên trong quá trình làm việc nhóm.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (29 giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Thực hành	Thi/Kiểm tra
2	Chương 1: Một số vấn đề chung về Tâm lý học xã hội	5	3		2	
	1. Bản chất của các hiện tượng tâm lý xã hội 1.1. Các hiện tượng tâm lý xã hội là gì? 1.2. Bản chất và chức năng của các hiện tượng tâm lý xã hội 1.3. Phân biệt các hiện tượng tâm lý xã hội với các hiện tượng xã hội.		1			
	2. Đối tượng và nhiệm vụ của Tâm lý học xã hội 2.1. Các quan điểm về đối tượng nghiên cứu của Tâm lý học xã hội 2.2. Đối tượng nghiên cứu của Tâm lý học xã hội. 2.3. Nhiệm vụ của Tâm lý học xã hội		1		1	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (29 giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Thực hành	Thi/Kiểm tra
	3. Các quy luật và cơ chế tâm lý xã hội 3.1. Các quy luật tâm lý xã hội 3.1.1. Quy luật kế thừa 3.1.2. Quy luật về sự quyết định của các điều kiện kinh tế xã hội đối với tâm lý xã hội 3.1.3. Quy luật bất chước 3.1.4. Quy luật tác động qua lại giữa con người với con người 3.2. Các cơ chế tâm lý xã hội 3.2.1. Cơ chế lây lan 3.2.2. Cơ chế đồng nhất hóa 3.2.3. Cơ chế ám thị 3.2.4. Cơ chế thỏa hiệp		1		1	
	Chương 2: Quan hệ liên nhân cách	6	3		3	
	1. Khái niệm chung về quan hệ liên nhân cách 1.1. Khái niệm quan hệ liên nhân cách 1.2. Vai trò của quan hệ		1		1	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (29 giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Thực hành	Thi/Kiểm tra
	liên nhân cách 1.3. Biểu hiện của quan hệ liên nhân cách 1.4. Những yếu tố tâm lý xã hội của quan hệ liên nhân cách. 2. Quan hệ liên nhân cách trong quan hệ cá nhân và quan hệ xã hội 2.1. Quan hệ xã hội 2.2. Quan hệ cá nhân					
3	3. Quan hệ giữa quan hệ xã hội và quan hệ cá nhân. Các yếu tố chi phối quan hệ cá nhân 3.1. Quan hệ giữa quan hệ xã hội và quan hệ cá nhân 3.2. Các yếu tố chi phối quan hệ cá nhân		1		1	
	4. Quan hệ liên nhân cách trong xã hội 4.1. Tình bạn trong quan hệ liên nhân cách 4.2. Tình yêu trong quan hệ liên nhân cách của những người khác giới.		1		1	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (29 giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Thực hành	Thi/Kiểm tra
	4.3. Hôn nhân và gia đình trong quan hệ liên nhân cách					
4	Kiểm tra định kỳ	1				1
	Chương 3. Một số vấn đề Tâm lý học xã hội của nhóm và tập thể	8	3		5	
	1. Khái niệm chung về nhóm và phân loại nhóm 1.1. Khái niệm nhóm 1.2. Phân loại nhóm 2. Nhóm lớn và tâm lý dân tộc 2.1. Nhóm lớn 2.2. Các thành phần trong tâm lý dân tộc 2.3. Những điều kiện hình thành tâm lý dân tộc 2.4. Những đặc điểm tâm lý dân tộc đáng chú ý		1		1	
	3. Tâm lý các nhóm lớn 3.1. Đặc điểm tâm lý xã hội của công nhân Việt Nam 3.2. Một số đặc điểm tâm		1		2	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (29 giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Thực hành	Thi/Kiểm tra
	lý xã hội của nông dân Việt Nam 3.3. Một số đặc điểm tâm lý xã hội của trí thức Việt Nam 3.4. Đặc trưng tâm lý của các doanh nhân Việt Nam 3.5. Tâm lý thanh niên, học sinh và sinh viên 3.6. Tâm lý phụ nữ 3.7. Tâm lý công nghiệp 3.8. Tâm lý tôn giáo					
5	4. Tập thể và cấu trúc quan hệ cá nhân trong tập thể 4.1. Khái niệm tập thể 4.2. Cấu trúc quan hệ cá nhân trong tập thể 5. Một số đặc điểm tâm lý của sự liên kết trong nhóm và tập thể 5.1. Đoàn kết trong nhóm và tập thể 5.2. Tinh thần tập thể là một hiện tượng liên kết tâm lý của nhóm.		1		2	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (29 giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Thực hành	Thi/Kiểm tra
	6. Một số hiện tượng đáng lưu ý trong đời sống tập thể 6.1. Thủ lĩnh trong tập thể 6.2. Sự tương hợp tâm lý 6.3. Bầu không khí tập thể trong tập thể. 6.4. Dư luận xã hội					
	Chương 4: Nhân cách trong Tâm lý học xã hội	8	4		4	
	1. Khái niệm nhân cách trong tâm lý học xã hội 1.1. Quan điểm của các tác giả nước ngoài. 1.2. Quan điểm của các tác giả Việt Nam 2. Cấu trúc của nhân cách 2.1. Cái tôi 2.2. Vai trò của xã hội của cá nhân		1		1	
	3. Các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách 3.1. Ảnh hưởng của yếu tố sinh học		1		1	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (29 giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Thực hành	Thi/Kiểm tra
	3.2. Ảnh hưởng của yếu tố môi trường 3.3. Giáo dục và nhân cách 3.4. Ảnh hưởng của hoạt động cá nhân					
	4. Sự suy thoái nhân cách 4.1. Sự suy thoái nhân cách là gì? 4.2. Các mức độ suy thoái nhân cách 4.3. Các nguyên nhân suy thoái nhân cách		1		1	
6	5. Kiểu nhân cách xã hội 5.1. Khái niệm kiểu nhân cách 5.2. Sự khác nhau giữa hai khái niệm nhân cách và kiểu nhân cách. 5.3. Phân biệt kiểu nhân cách xã hội và nhân vật điển hình của nghệ thuật. 5.4. Ví dụ về nghiên cứu kiểu nhân cách xã hội * Thảo luận mục 2; 3.		1		1	
7	Thi kết thúc môn học	1				1

TT	Tên chương, mục	Thời gian (29 giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Thực hành	Thi/Kiểm tra
	Cộng	29	13	0	14	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TÂM LÝ HỌC XÃ HỘI

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các khái niệm, bản chất của các hiện tượng tâm lý xã hội; Phân tích được các quan điểm nghiên cứu của Tâm lý học xã hội; Phân tích được nội dung của các quy luật và cơ chế tâm lý xã hội.

2. Vận dụng các kiến thức của tâm lý xã hội để giải thích một số các hiện tượng tâm lý đơn giản trong đời sống xã hội; Vận dụng các phương pháp nghiên cứu để nhìn nhận, đánh giá các hiện tượng tâm lý xã hội.

3. Tích cực tự học, tự nghiên cứu tài liệu học tập; Tự giác vận dụng các kiến thức của tâm lý xã hội vào ngành công tác xã hội.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Bản chất của các hiện tượng tâm lý xã hội (1)

1.1. Các hiện tượng tâm lý xã hội là gì?

1.2. Bản chất và chức năng của các hiện tượng tâm lý xã hội

1.3. Phân biệt các hiện tượng tâm lý xã hội với các hiện tượng xã hội.

2. Đối tượng và nhiệm vụ của Tâm lý học xã hội (1)

2.1. Các quan điểm về đối tượng nghiên cứu của Tâm lý học xã hội

2.2. Đối tượng nghiên cứu của Tâm lý học xã hội.

2.3. Nhiệm vụ của Tâm lý học xã hội

3. Các quy luật và cơ chế tâm lý xã hội (1)

3.1. Các quy luật tâm lý xã hội

3.1.1. Quy luật kế thừa

3.1.2. Quy luật về sự quyết định của các điều kiện kinh tế xã hội đối với tâm lý xã hội

3.1.3. Quy luật bắt chước

3.1.4. Quy luật tác động qua lại giữa con người với con người

3.2. Các cơ chế tâm lý xã hội

3.2.1. Cơ chế lây lan

3.2.2. Cơ chế đồng nhất hóa

3.2.3. Cơ chế ám thị

3.2.4. Cơ chế thỏa hiệp

CHƯƠNG 2: QUAN HỆ LIÊN NHÂN CÁCH

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các khái niệm liên nhân cách; Phân tích được vai trò, biểu hiện của quan hệ liên nhân cách.
2. Xây dựng được các quan hệ xã hội, quan hệ cá nhân;
3. Linh hoạt, mềm dẻo trong ứng xử, tiếp xúc trong mối quan hệ cá nhân, nhóm trong quá trình công tác.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm chung về quan hệ liên nhân cách (1)

1.1. Khái niệm quan hệ liên nhân cách

1.2. Vai trò của quan hệ liên nhân cách

1.3. Biểu hiện của quan hệ liên nhân cách

1.4. Những yếu tố tâm lý xã hội của quan hệ liên nhân cách.

2. Quan hệ liên nhân cách trong quan hệ cá nhân và quan hệ xã hội (1, 2)

2.1. Quan hệ xã hội

2.2. Quan hệ cá nhân

3. Quan hệ giữa quan hệ xã hội và quan hệ cá nhân. Các yếu tố chi phối quan hệ cá nhân (1, 2)

3.1. Quan hệ giữa quan hệ xã hội và quan hệ cá nhân

3.2. Các yếu tố chi phối quan hệ cá nhân

4. Quan hệ liên nhân cách trong xã hội (1, 2)

4.1. Tình bạn trong quan hệ liên nhân cách

4.2. Tình yêu trong quan hệ liên nhân cách của những người khác giới.

4.3. Hôn nhân và gia đình trong quan hệ liên nhân cách

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ VẤN ĐỀ TÂM LÝ HỌC XÃ HỘI CỦA CÁ NHÂN VÀ TẬP THỂ

(Thời gian: 8 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được khái niệm nhóm. Phân tích được những ảnh hưởng của nhóm, tâm lý nhóm đến hành vi cá nhân; Mô tả được tập thể và cấu trúc quan hệ cá nhân trong tập thể.

2. Xây dựng được các mối quan hệ liên nhân cách tốt đẹp cho cá nhân trong quan hệ xã hội và quan hệ cá nhân; Rèn luyện kỹ năng thể năng thể hiện bản thân một cách đúng đắn trong các mối quan hệ xã hội.

3. Tích cực, chủ động trong việc tạo lập các mối quan hệ liên nhân cách tốt đẹp trong cuộc sống; Có tinh thần trách nhiệm cao, thái độ nghiêm túc khi tham gia và thực hiện các mối quan hệ xã hội trong quá trình giao tiếp và hoạt động.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm chung về nhóm và phân loại nhóm (1)

1.1. Khái niệm nhóm

1.2. Phân loại nhóm

2. Nhóm lớn và tâm lý dân tộc (1-4)

2.1. Nhóm lớn

2.2. Các thành phần trong tâm lý dân tộc

2.3. Những điều kiện hình thành tâm lý dân tộc

2.4. Những đặc điểm tâm lý dân tộc đáng chú ý

3. Tâm lý các nhóm lớn (1, 2, 4)

3.1. Đặc điểm tâm lý xã hội của công nhân Việt Nam

3.2. Một số đặc điểm tâm lý xã hội của nông dân Việt Nam

3.3. Một số đặc điểm tâm lý xã hội của trí thức Việt Nam

3.4. Đặc trưng tâm lý của các doanh nhân Việt Nam

3.5. Tâm lý thanh niên, học sinh và sinh viên

3.6. Tâm lý phụ nữ

3.7. Tâm lý công nghiệp

3.8. Tâm lý tôn giáo

4. Tập thể và cấu trúc quan hệ cá nhân trong tập thể (1-4)

4.1. Khái niệm tập thể

4.2. Cấu trúc quan hệ cá nhân trong tập thể

5. Một số đặc điểm tâm lý của sự liên kết trong nhóm và tập thể (1, 3)

5.1. Đoàn kết trong nhóm và tập thể

5.2. Tình thần tập thể là một hiện tượng liên kết tâm lý của nhóm.

6. Một số hiện tượng đáng lưu ý trong đời sống tập thể (1, 3)

6.1. Thủ lĩnh trong tập thể

6.2. Sự tương hợp tâm lý

6.3. Bầu không khí tập thể trong tập thể.

6.4. Dư luận xã hội

CHƯƠNG 4: NHÂN CÁCH TRONG TÂM LÝ HỌC XÃ HỘI

(Thời gian: 8 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được khái niệm nhân cách của Tâm lý học xã hội; Phân tích được các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách;
2. Xây dựng được mô hình nhân cách của cá nhân; Rèn luyện nhân cách cá nhân phù hợp với các mối quan hệ xã hội.
3. Tích cực, chủ động rèn luyện nhân cách; Có tinh thần trách nhiệm cao, thái độ nghiêm túc khi tham gia và thực hiện các mối quan hệ xã hội trong quá trình giao tiếp và hoạt động.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm nhân cách trong tâm lý học xã hội (2, 3)

1.1. Quan điểm của các tác giả nước ngoài.

1.2. Quan điểm của các tác giả Việt Nam

2. Cấu trúc của nhân cách (3, 5)

2.1. Cái tôi

2.2. Vai trò của xã hội của cá nhân

3. Các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách (3, 5)

3.1. Ảnh hưởng của yếu tố sinh học

3.2. Ảnh hưởng của yếu tố môi trường

3.3. Giáo dục và nhân cách

3.4. Ảnh hưởng của hoạt động cá nhân

4. Sự suy thoái nhân cách (2, 3)

4.1. Sự suy thoái nhân cách là gì?

4.2. Các mức độ suy thoái nhân cách

4.3. Các nguyên nhân suy thoái nhân cách

5. Kiểu nhân cách xã hội (3, 5)

5.1. Khái niệm kiểu nhân cách

5.2. Sự khác nhau giữa hai khái niệm nhân cách và kiểu nhân cách.

5.3. Phân biệt kiểu nhân cách xã hội và nhân vật điển hình của nghệ thuật.

5.4. Ví dụ về nghiên cứu kiểu nhân cách xã hội

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn

Phòng học bảo đảm rộng rãi, có không gian để tổ chức các hoạt động nhóm, hoạt động tình huống, hoạt động trải nghiệm.

II. Trang thiết bị, máy móc

Máy chiếu (Projector), Máy tính xách tay

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Học liệu: Giáo trình: Tâm lý học xã hội. Trần Quốc Thành, Nguyễn Đức Sơn. Hà Nội: 2018.

- Dụng cụ, nguyên vật liệu: giấy A0, A4, bút viết, giấy màu, kéo, hộp màu tô, video, hình ảnh, tài liệu phát tay, phương tiện dạy học khác.

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Các khái niệm, bản chất của các hiện tượng tâm lý xã hội; khái niệm liên nhân cách, nhóm lớn, nhóm nhỏ, tập thể...

- Vai trò, biểu hiện của quan hệ liên nhân cách; những ảnh hưởng của nhóm, tâm lý nhóm đến hành vi cá nhân;

- Các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách, đặc điểm của các kiểu nhân cách xã hội.

2. Kỹ năng

- Phân tích, tổng hợp vấn đề; giải quyết xung đột trong nhóm, tập thể;

- Xây dựng được các mối quan hệ liên nhân cách tốt đẹp cho cá nhân trong

quan hệ xã hội và quan hệ cá nhân.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc nhóm tích cực, tác phong làm việc khoa học, có trách nhiệm với công việc.

- Chủ động rèn luyện bản thân hình thành những năng lực phù hợp với nghiệp vụ ngành Công tác xã hội.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

+ Số bài kiểm tra: 02

+ Hình thức: một bài thực hiện và đánh giá thông qua các giờ thảo luận; một bài kiểm tra viết, thời gian 30', hình thức tự luận;

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ:

+ Số bài kiểm tra: 01

+ Hình thức kiểm tra: tự luận

+ Thời gian kiểm tra: 45 phút

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ phải được trình bày/đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: tự luận

- Thời gian thi: 1 giờ

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ III của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Đề thi kết thúc môn học được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình môn học.

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CDKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Tâm lý học xã hội được xây dựng cho chương trình đào tạo chuyên ngành Công tác xã hội, trình độ Cao đẳng.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

Trong quá trình giảng dạy, nhà giáo cần quan tâm phát huy kinh nghiệm của người học trong quá trình lên lớp; chú trọng đầu tư tổ chức tốt các tiết thảo luận cả về nội dung lẫn hình thức; tăng cường dạy học theo định hướng phát huy năng lực người học; đánh giá kết quả người học theo năng lực.

2. Đối với người học

- Có giáo trình "Tâm lý học xã hội" để làm nguồn tài liệu chính; tham khảo thêm các tài liệu khác trên mạng internet và ở thư viện theo giới thiệu của nhà giáo giảng dạy. Tích cực tham gia các hoạt động học và hoạt động nhóm tại lớp, xây dựng kế hoạch tự học cá nhân.

III. Những trọng tâm cần chú ý

Khi học tập môn học này người học cần chú ý các vấn đề trọng tâm sau:

- Phân biệt được đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý xã hội, nhận thức đúng và đầy đủ ý nghĩa của môn học đối với nghề nghiệp trong tương lai. Mô tả được nội dung của các quy luật và cơ chế tâm lý xã hội.

- Xác định đúng các mối quan hệ liên nhân cách trong Tâm lý học xã hội.
- Xác định chính xác những hiện tượng tâm lý nổi bật của nhóm nhỏ, nhóm lớn; đặc biệt chú trọng liên hệ với bản thân, tập thể lớp học với những vấn đề lý thuyết được nghiên cứu.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Trần Quốc Thành, Nguyễn Đức Sơn. Tâm lý học xã hội. Hà Nội.
2. Vũ Dũng. Tâm lý học xã hội với quản lý. Hà Nội 2000.
3. C. George Boeree (Nguyễn Hồng Trang dịch). Tâm lý học xã hội: Nhà xuất bản Sự thật; 2015.
4. Vũ Dũng. Cơ sở tâm lý học của ê kíp lãnh đạo. Hà Nội 2005.
5. Nguyễn Đình Chính, Phạm Ngọc Uyển. Tâm lý học xã hội. Hà Nội 2008.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: An sinh xã hội (Social Security)

Mã môn học: 610330332

Thời gian thực hiện môn học: 29 giờ (lý thuyết: 13 giờ; thảo luận, bài tập: 0 giờ, thực hành: 14 giờ; kiểm tra: 1 giờ, thi kết thúc môn học: 1 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**I. Vị trí**

An sinh xã hội, là môn học thuộc khối các môn chuyên môn trong chương trình đào tạo của ngành, nghề Công tác xã hội. Môn học được bố trí học kỳ II của chương trình đào tạo.

II. Tính chất

Là môn học bắt buộc dùng chung cho ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ cao đẳng tại Trường Cao đẳng Kon Tum.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về an sinh xã hội, lịch sử hình thành an sinh xã hội; quỹ dự phòng và chương trình xóa đói giảm nghèo;
2. Trình bày được trợ giúp xã hội; phân tích các chức năng trợ giúp xã hội;
3. Mô tả và phân tích được bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thương mại và các dịch vụ hỗ trợ an sinh xã hội; phân tích được vai trò quản lý nhà nước về an sinh xã hội.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Thực hiện thành thạo các kỹ năng: về thu thập và xử lý thông tin, đánh giá các được hệ thống an sinh xã hội Việt Nam hiện nay, hướng dẫn cho đối tượng có hoàn cảnh khó khăn thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội.
2. Giao tiếp, hợp tác, chia sẻ, vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

3. Tự tìm kiếm tài liệu liên quan đến môn học và trình bày được nội dung của các tài liệu này; xây dựng tác phong làm việc khoa học: làm việc cá nhân và làm việc nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung môn học.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Nghiêm túc học tập; có ý thức vận dụng các chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội.

2. Có năng lực tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận,	Thực hành thí nghiệm	Thi/ Kiểm tra
1	Chương 1: Tổng quan về An sinh xã hội	5	2		3	
	1. Vấn đề xã hội và vai trò của an sinh xã hội	0.5	0.5			
	2. Các khái niệm và cơ sở khoa học của an sinh xã hội	0.5	0.5			
	3. An sinh xã hội và nghề công tác xã hội 4. Diễn biến ngành an sinh xã hội	4.0	1.0		3.0	
	Chương 2: Quỹ dự phòng và chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững	5	2		3	
	1. Quỹ dự phòng	1.0	1.0			

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận,	Thực hành thí nghiệm	Thi/ Kiểm tra
2	1.1. Lý do thiết lập Quỹ dự phòng 1.2. Đặc điểm Quỹ dự phòng 1.3. Nguồn hình thành và mục đích sử dụng quỹ dự phòng					
	2. Chương trình giảm nghèo bền vững 2.1. Vai trò của giảm nghèo trong hệ thống An sinh xã hội 2.2. Nội dung và mục tiêu của chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững	4.5	1.0		3.0	
3	Chương 3: Trợ giúp xã hội	6	3		3	
	1. Một số vấn đề chung về trợ giúp xã hội 1.1. Khái niệm trợ giúp xã hội 1.2. Chức năng của trợ giúp xã hội	1.5	1.5			
	2. Sự hình thành trợ giúp xã hội 2.1. Sự hình thành trợ giúp xã hội trên thế giới 2.2. Sự hình thành trợ	4.5	1.5		3.0	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận,	Thực hành thí nghiệm	Thi/ Kiểm tra
	giúp xã hội ở Việt Nam					
	Chương 4: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thương mại và các dịch vụ hỗ trợ an sinh xã hội	6	3		3	
	1. Bảo hiểm xã hội 1.1. Sự ra đời và phát triển của Bảo hiểm xã hội 1.2. Các chế độ bảo hiểm xã hội hiện hành 1.3. Quỹ bảo hiểm xã hội ở Việt Nam	1.0	1.0			
	2. Bảo hiểm thương mại 2.1. Khái quát chung về bảo hiểm thương mại 2.2. Bảo hiểm thương mại trong cơ chế quản lý rủi ro của xã hội 2.3. Vai trò của bảo hiểm thương mại trong hệ thống an sinh xã hội 2.4. Những nghiệp vụ Bảo hiểm thương mại chủ yếu	5.0	2.0		3.0	
	Chương 5: Quản lý nhà nước về an sinh xã hội	5	3		2	
5	1. Sự cần thiết quản lý của nhà nước về an sinh xã hội	1.0	1.0			

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận,	Thực hành thí nghiệm	Thi/ Kiểm tra
	2. Nguyên tắc và cơ sở quản lý nhà nước về an sinh xã hội 2.1. Nguyên tắc của quản lý Nhà nước về ASXH 2.2. Cơ sở quản lý Nhà nước về ASXH					
	3. Nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về an sinh xã hội 3.1. Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển ASXH 3.2. Hoạch định hệ thống các chính sách ASXH 3.3. Ban hành văn bản pháp quy 3.4. Tổ chức bộ máy, hướng dẫn, giám sát, thanh tra và kiểm tra việc thực hiện chính sách ASXH	4.0	2.0		2.0	
6	Kiểm tra định kỳ	1				1(1,0)
7	Thi kết thúc môn học	1				1(1,0)
Tổng g		29	13		14	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ AN SINH XÃ HỘI

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm an sinh xã hội, cơ sở khoa học của an sinh xã hội; vai trò và mối liên hệ giữa an sinh xã hội và công tác xã hội; diễn biến về an sinh xã hội ở Việt Nam và trên thế giới.

2. Thực hiện thành thạo các kỹ năng thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề được nêu trong nội dung bài học,

3. Tích cực, chủ động phát huy vai trò, trách nhiệm của bản thân trong hệ thống an sinh xã hội, có ý thức cập nhật các chính sách an sinh xã hội trong từng giai đoạn phát triển của xã hội.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Vấn đề xã hội và vai trò của an sinh xã hội (1-3)

2. Các khái niệm và cơ sở khoa học của an sinh xã hội (1-3)

3. An sinh xã hội và nghề công tác xã hội (2)

4. Diễn biến ngành an sinh xã hội (2)

CHƯƠNG 2: QUỸ DỰ PHÒNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả và phân tích được lý do thiết lập quỹ dự phòng, nguồn gốc hình thành và mục đích của quỹ dự phòng.

2. Thực hiện được các kỹ năng phân tích, đánh giá, làm việc nhóm; vận dụng lý thuyết vào thực tế thực hiện kỹ năng phối hợp thực hiện các chính sách, chương trình hoặc dự án xã hội đang được triển khai tại địa bàn.

3. Nhận thức đúng đắn quan điểm của Đảng, nhà nước đối với việc thực hiện các chính sách đối nghèo; các nguồn tài chính cho việc thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Quỹ dự phòng (1-3)

1.1. Lý do thiết lập Quỹ dự phòng

1.2. Đặc điểm Quỹ dự phòng

1.3. Nguồn hình thành và mục đích sử dụng quỹ dự phòng

2. Chương trình giảm nghèo bền vững (1-3)

2.1. Vai trò của giảm nghèo trong hệ thống An sinh xã hội

2.2. Nội dung và mục tiêu của chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững.

CHƯƠNG 3: TRỢ GIÚP XÃ HỘI

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả và phân tích các nội dung về trợ giúp xã hội, các chức năng của trợ giúp xã hội;

2. Thực hiện các kỹ năng trong việc giúp đỡ các trường hợp gặp khó khăn trong cuộc sống; Hỗ trợ trực tiếp người dân tại địa bàn có nhu cầu trợ giúp xã hội. Lập kế hoạch và lên thời gian biểu, thực hiện kế hoạch hỗ trợ cộng đồng.

3. Nhận thức đầy đủ, đúng quan điểm của Đảng, nhà nước đối với việc thực hiện trợ giúp trong xã hội.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Một số vấn đề chung về trợ giúp xã hội (1, 2)

1.1. Khái niệm trợ giúp xã hội

1.2. Chức năng của trợ giúp xã hội

2. Sự hình thành trợ giúp xã hội (1, 2)

2.1. Sự hình thành trợ giúp xã hội trên thế giới

2.2. Sự hình thành trợ giúp xã hội ở Việt Nam

CHƯƠNG 4: BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THƯƠNG MẠI VÀ CÁC DỊCH VỤ HỖ TRỢ AN SINH XÃ HỘI

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày và phân tích được vấn đề bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thương mại và các dịch vụ hỗ trợ an sinh xã hội; phân tích thực trạng, nguyên nhân và vai trò của bảo hiểm thương mại trong hệ thống an sinh xã hội.

2. Hình thành một số kỹ năng phân tích, tổng hợp các vấn đề; vận dụng lý thuyết đã học để giải thích, tư vấn về nội dung cơ bản của bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thương mại.

3. Nâng cao ý thức trách nhiệm đối với nghề nghiệp; biết phát huy tính chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập, rèn luyện.

II. NỘI DUNG

1. Bảo hiểm xã hội (4)

1.1. Sự ra đời và phát triển của Bảo hiểm xã hội

1.2. Các chế độ bảo hiểm xã hội hiện hành

1.3. Quỹ bảo hiểm xã hội ở Việt Nam

2. Bảo hiểm thương mại (5)

2.1. Khái quát chung về bảo hiểm thương mại

2.2. Bảo hiểm thương mại trong cơ chế quản lý rủi ro của xã hội

2.3. Vai trò của Bảo hiểm thương mại trong hệ thống an sinh xã hội

2.4. Những nghiệp vụ Bảo hiểm thương mại chủ yếu

CHƯƠNG 5: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN SINH XÃ HỘI

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả và phân tích được sự cần thiết quản lý nhà nước về an sinh xã hội

2. Thực hiện được các kỹ năng: can thiệp, phân tích, đánh giá, làm việc nhóm; Đứng trên quan điểm đối tượng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đối tượng.

3. Nâng cao ý thức trách nhiệm đối với nghề nghiệp; biết phát huy tính chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập, rèn luyện.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Sự cần thiết quản lý của nhà nước về an sinh xã hội (1, 3)

2. Nguyên tắc và cơ sở quản lý nhà nước về an sinh xã hội (1, 3)

2.1. Nguyên tắc của quản lý nhà nước về an sinh xã hội

2.2. Cơ sở quản lý Nhà nước về an sinh xã hội

3. Nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về an sinh xã hội

3.1. Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển an sinh xã hội

3.2. Hoạch định hệ thống các chính sách an sinh xã hội

3.3. Ban hành văn bản pháp quy (1-3)

3.4. Tổ chức bộ máy, hướng dẫn, giám sát, thanh tra và kiểm tra việc thực hiện chính sách an sinh xã hội

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm.

II. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, đèn chiếu, phần mềm hỗ trợ...

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Học liệu

+ Giáo trình An sinh xã hội, trường Cao đẳng Kon Tum, năm 2021.

- Dụng cụ, nguyên vật liệu

Tranh ảnh, video liên quan tới từng bài giảng dạy, giấy A4, Ao, bút chì, thước, bút lông, bút dạ, bảng làm việc nhóm, giấy note, nam châm,...

IV. Các điều kiện khác: Không

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Các khái niệm cơ bản về an sinh xã hội, bao gồm: khái niệm, chức năng, vai trò và cơ sở hình thành;

- Phân tích được lịch sử hình thành và phát triển hệ thống an sinh xã hội; hiểu rõ vai trò của quỹ dự phòng và chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững trong hệ thống an sinh xã hội Việt Nam;

- Nhận biết và lý giải được mối liên hệ giữa an sinh xã hội và nghề công tác xã hội.

2. Kỹ năng

- Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, khoa học. Trung thực với kết quả làm việc nhóm.

- Tự giác, chủ động trong việc thu thập và xử lý thông tin, đọc hiểu tài liệu chuyên ngành, trình bày và phân tích dữ liệu về an sinh xã hội;

- Vận dụng kiến thức đã học để đánh giá các vấn đề thực tiễn của hệ thống an sinh xã hội hiện nay, đặc biệt là việc hướng dẫn đối tượng yếu thế tiếp cận các

chính sách hỗ trợ xã hội;

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Đánh giá ý thức, tổ chức, chấp hành nội quy học tập, tuân thủ các quy định về an toàn lao động, bảo vệ dữ liệu, bảo vệ máy tính.

- Tinh thần hợp tác, thảo luận theo nhóm tích cực.

- Có khả năng tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên

+ Số bài kiểm tra: 01 bài.

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá sinh viên thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kỹ năng, thao tác, kết quả thực hành, thí nghiệm, chấm điểm tường trình thí nghiệm hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Kiểm tra, đánh giá định kỳ:.

+ Số bài kiểm tra: 01

+ Hình thức kiểm tra: Tự luận

+ Thời gian kiểm tra: 1 giờ

+ Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê

duyet)

- Hình thức thi: Tự luận
- Thời gian thi: 1 giờ
- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ II của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).
- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CDKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học An sinh xã hội được sử dụng đào tạo trình độ Cao đẳng chuyên ngành, nghề Công tác xã hội.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực.
- Sử dụng các dụng cụ trực quan trọng giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.
- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

2. Đối với người học

- Có ý thức học tập tốt, xây dựng môi trường học tập lành mạnh.
- Bảo đảm số giờ học và điểm kiểm tra theo quy chế đào tạo.
- Chấp hành các nội quy, quy định của lớp, nhà trường; Thực hiện đúng quy định về bảo đảm an toàn lao động.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu cần thiết do nhà giáo cung cấp và các tài liệu từ các nguồn khác trên internet; Đọc giáo trình, tài liệu làm bài tập, thực hành theo giáo trình.
- Chuẩn bị đầy đủ các bảng quy trình trước khi thực hành và thực hiện các thao tác đúng trong quy trình.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Vai trò của an sinh xã hội

- Quỹ dự phòng và chương trình xóa đói giảm nghèo
- Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm thương mại và các dịch vụ an sinh xã hội
- Quản lý nhà nước về an sinh xã hội.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Định. Giáo trình An sinh xã hội. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân; 2008.
2. Nguyễn Hải Hữu. Giáo trình Nhập môn An sinh xã hội: Nxb Lao động - Xã hội; 2012.
3. Nguyễn Thị Oanh. An sinh xã hội và các vấn đề xã hội: Đại học Mở - Bán công, Tp. Hồ Chí Minh; 1997.
4. Hoàng Mạnh Cừ, Đoàn Thị Thu Hương. Giáo trình Bảo hiểm xã hội: NXB Tài chính; 2011.
5. Nguyễn Văn Định. Giáo trình Bảo hiểm thương mại: Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân; 2020.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**Tên môn học:** Công tác xã hội cá nhân (Personal social work)**Mã môn học:** 610320342**Thời gian thực hiện môn học:** 30 giờ (lý thuyết: 13 giờ; Bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành: 15 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi kết thúc môn học: 1 giờ)**A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC****I. Vị trí**

Công tác xã hội với cá nhân là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề công tác xã hội trình độ cao đẳng, môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ III của chương trình đào tạo.

II. Tính chất

Môn công tác xã hội cá nhân là môn học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành công tác xã hội trình độ cao đẳng.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được tổng quan về công tác xã hội cá nhân, một số lý thuyết ứng dụng trong công tác xã hội cá nhân. Phân tích các thành tố trong công tác xã hội cá nhân

2. Phân tích được các nguyên tắc hành động, các bước thực hiện trong tiến trình giải quyết vấn đề và các kỹ năng cần thiết khi thực hành công tác xã hội với cá nhân.

3. Trình bày và phân tích các lý thuyết trong công tác xã hội với cá nhân như lý thuyết hệ thống sinh thái, hệ thống trọng tâm, quan niệm sức mạnh của thân chủ, thuyết hành vi, thuyết thể hệ.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Thực hiện được các kỹ năng về vấn đàm, vãng gia, ghi chép hồ sơ cá nhân, giao tiếp, lắng nghe, quan sát, tham vấn; vẽ sơ đồ sinh thái, sơ đồ SWOT, sơ đồ phá hệ, sơ đồ cây vấn đề.

2. Thực hiện đúng các tiến trình trong công tác xã hội cá nhân

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có trách nhiệm, chủ động giải quyết những vấn đề của thân chủ theo từng tình huống thông qua phương pháp thực hành công tác xã hội cá nhân.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1. Tổng quan về công tác xã hội cá nhân	6	5	0	1	
	1. Khái niệm về CTXH với cá nhân		1.0			
	2. Lịch sử CTXH với cá nhân		0.5			
	3. Mục đích, mục tiêu CTXH cá nhân		0.5			
	4. Các nguyên tắc hành động trong CTXH với cá nhân		1.0			
	4.1. Chấp nhận thân chủ					
	4.2. Thân chủ tham gia giải quyết vấn đề					
	4.3. Tôn trọng quyền tự quyết định của thân chủ					
	4.4. Cá nhân hoá					
	4.5. Bảo đảm sự bí mật riêng tư cho đối tượng					
	4.6. Nhân viên xã hội luôn ý thức về mình					

	6. Sơ đồ sinh thái		0.5		.0	
			0.5		1	
					.0	
					1	
					.0	
3	Chương 3. Một số kỹ năng chuyên ngành áp dụng trong công tác xã hội cá nhân 1. Kỹ năng quan sát 1.1. Khái niệm quan sát và kỹ năng quan sát 1.2. Mục đích của quan sát 1.3. Những yêu cầu đối với nhân viên công tác xã hội khi thực hiện kỹ năng quan sát 2. Kỹ năng thấu cảm 2.1. Khái niệm kỹ năng thấu cảm 2.2. Mục đích kỹ năng thấu cảm 2.3. Những yêu cầu đối với nhân viên công tác xã hội khi thấu cảm 3. Kỹ năng phản hồi 3.1. Khái niệm 3.2. Mục đích, ý nghĩa của kỹ năng phản hồi 3.3. Phân loại kỹ năng phản hồi 4. Kỹ năng vấn đàm. 4.1. Khái niệm vấn đàm 4.2. Mục đích của vấn đàm 4.3. Đặc điểm của vấn đàm 4.4. Các giai đoạn/tiến trình của	8	2	0	6	
			0.25		1.0	
			0.25		1.0	
			0.25		1.0	
			0.5		1.0	

	vấn đàm 4.5. Những điều kiện cần thiết cho một buổi vấn đàm 4.6. Những điều nên và không nên trong cuộc vấn đàm 5. Kỹ năng xử lý khủng hoảng 6. Kỹ năng ghi chép và lưu trữ hồ sơ công tác xã hội cá nhân		0.25 0.5		1.0 1.0	
4	Chương 4. Tiến trình trong công tác xã hội cá nhân 1. Khái niệm tiến trình 2. Các kết quả có thể đạt được 3. Các bước trong tiến trình 3.1. Thiết lập mối quan hệ 3.2. Xác định và phân tích vấn đề 3.3. Lượng giá đầu vào 3.4. Phát triển kế hoạch can thiệp 3.5. Thực hiện và giám sát 3.6. Lượng giá đầu ra 3.7. Kết thúc	8	3 1.0 1.0 1.0	0	5 5.0	
5	Kiểm tra định kì	1				1.0
6	Thi kết thúc môn học	1				1.0
	Cộng	30	13	0	15	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI CÁ NHÂN

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1 Trình bày được khái niệm, mục đích, các nguyên tắc hành động của công tác xã hội cá nhân và phân tích các thành tố trong công tác xã hội cá nhân.

2. Thực hiện được các kỹ năng phân tích, đánh giá, làm việc nhóm. Thực hiện đúng các nguyên tắc hành động khi làm việc với cá nhân.

3. Hình thành thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài, tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm về công tác xã hội với cá nhân (1-2-3)

2. Lịch sử công tác xã hội với cá nhân (1-2-3)

3. Mục đích, mục tiêu công tác xã hội cá nhân (1-2-3)

4. Các nguyên tắc hành động trong công tác xã hội với cá nhân (1-2-3)

4.1. Chấp nhận thân chủ.

4.2. Thân chủ tham gia giải quyết vấn đề

4.3. Tôn trọng quyền tự quyết định của thân chủ

4.4. Cá nhân hoá

4.5. Bảo đảm sự bí mật riêng tư cho đối tượng

4.6. Nhân viên xã hội luôn ý thức về mình

4.7. Xây dựng mối quan hệ nghề nghiệp giữa nhân viên xã hội và thân chủ

5. Các phương pháp công tác xã hội với cá nhân (1-2-3)

6. Các thành tố trong công tác xã hội với cá nhân (1-2-3)

6.1. Con người

6.2. Vấn đề của thân chủ

6.3. Cơ quan giải quyết vấn đề (Tổ chức xã hội, nơi NVXH công tác)

6.4. Công cụ: Tiến trình công tác xã hội với cá nhân

CHƯƠNG 2. MỘT SỐ LÝ THUYẾT ỨNG DỤNG TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI CÁ NHÂN

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày và phân tích các lý thuyết trong công tác xã hội với cá nhân như lý thuyết hệ thống sinh thái, hệ thống trọng tâm, quan niệm sức mạnh của thân chủ, thuyết hành vi, thuyết thể hệ và sơ đồ sinh thái.

2. Vẽ được sơ đồ sinh thái, sơ đồ SWOT, sơ đồ phả hệ, sơ đồ cây vấn đề

3. Lắng nghe và thừa nhận tính chuyên nghiệp, sẵn sàng dần thân với nghề nghiệp sau này.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Lý thuyết hệ thống và sinh thái (3)

1.1. Quan niệm hệ thống sinh thái

1.2. Nguyên nhân sử dụng thuyết HTST vào TH CTXH

1.3. Nội dung cơ bản của thuyết hệ thống sinh thái

1.4. Phân tích hệ thống sinh thái trong thực hành

2. Nhận diện hệ thống trọng tâm (3)

3. Quan niệm sức mạnh thân chủ (3)

3.1. Các nguyên tắc của lối tiếp cận dựa trên sức mạnh thân chủ

3.2. Mô hình đánh giá sức mạnh thân chủ áp dụng trong TH CTXH

4. Thuyết hành vi (3)

5. Lý thuyết thể hệ (3)

6. Sơ đồ sinh thái (3)

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ KỸ NĂNG CHUYÊN NGÀNH ÁP DỤNG TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI CÁ NHÂN

(Thời gian: 8 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các kỹ năng trong công tác xã hội cá nhân.

2. Thực hiện được các kỹ năng quan sát, thấu cảm, phản hồi, xử lý khủng hoảng và ghi chép, lưu trữ hồ sơ của các trường hợp điển cứu chuyên ngành.

3. Sáng tạo trong giải quyết những vấn đề của thân chủ theo từng tình huống thông qua phương pháp thực hành công tác xã hội với cá nhân.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Kỹ năng quan sát (2-3)**1.1. Khái niệm quan sát và kỹ năng quan sát****1.2. Mục đích của quan sát****1.3. Những yêu cầu đối với NVXH/NTV khi thực hiện kỹ năng quan sát****2. Kỹ năng thấu cảm (2-3)****2.1. Khái niệm kỹ năng thấu cảm****2.2. Mục đích kỹ năng thấu cảm****2.3. Những yêu cầu đối với NVCTXH khi thấu cảm****3. Kỹ năng phản hồi (2-3)****3.1. Khái niệm****3.2. Mục đích, ý nghĩa của kỹ năng phản hồi****3.3. Phân loại kỹ năng phản hồi****4. Kỹ năng vấn đàm (2-3)****4.1. Khái niệm vấn đàm****4.2. Mục đích của vấn đàm****4.3. Đặc điểm của vấn đàm****4.4. Các giai đoạn/tiến trình của vấn đàm****4.5. Những điều kiện cần thiết cho một buổi vấn đàm****4.6. Những điều nên và không nên trong cuộc vấn đàm****5. Kỹ năng xử lý khủng hoảng (2-3)****6. Kỹ năng ghi chép và lưu trữ hồ sơ công tác xã hội cá nhân (2-3)****CHƯƠNG 4. TIẾN TRÌNH TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI CÁ NHÂN****(Thời gian: 8 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm, các kết quả có thể đạt được và các bước trong tiến trình công tác xã hội cá nhân.

2. Thực hiện được các bước trong tiến trình công tác xã hội cá nhân và giải quyết một vài trường hợp.

3. Hình thành được thái độ nghiêm túc, tỉ mỉ trong hoạt động công tác xã hội cá

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm tiến trình (3)

2. Các kết quả có thể đạt được (3)

3. Các bước trong tiến trình (3)

3.1. Thiết lập mối quan hệ

3.2. Xác định và phân tích vấn đề

3.3. Lượng giá đầu vào

3.4. Phát triển kế hoạch can thiệp

3.5. Thực hiện và giám sát

3.6. Lượng giá đầu ra

3.7. Kết thúc

4. Giải quyết một vài trường hợp điển cứu (3)

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng

Phòng học chuyên môn hóa, bảo đảm các điều kiện ánh sáng, vệ sinh...

II. Trang thiết bị, máy móc

Máy chiếu projector, hoặc tivi, bút lật trang.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Phấn, bảng, bút, sách, giấy A0, bút lông, nam châm...

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Khái niệm, mục đích, các thành tố của công tác xã hội cá nhân.

- Các nguyên tắc hành động của công tác xã hội cá nhân.

- Các lý thuyết trong công tác xã hội với cá nhân như lý thuyết hệ thống sinh thái, hệ thống trọng tâm, quan niệm sức mạnh của thân chủ, thuyết hành vi, thuyết thể hệ.

- Các bước trong tiến trình CTXH cá nhân.

2. Kỹ năng

- Vấn đàm, vãng gia.
- Ghi chép hồ sơ cá nhân.
- Giao tiếp, lắng nghe, quan sát, tham vấn.
- Vẽ sơ đồ sinh thái, sơ đồ SWOT, sơ đồ phả hệ, sơ đồ cây vấn đề.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, khoa học. Trung thực với kết quả làm việc nhóm.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

+ Số bài kiểm tra: 01 bài.

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ: 01 bài

+ Số bài kiểm tra: 1 bài

+ Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận.

- Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường

hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian thi: 1 giờ

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: vào học kì III trong chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc mô đun: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CDKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn Công tác xã hội cá nhân được sử dụng đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội trình độ Cao đẳng hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực;

- Quan tâm phát huy kinh nghiệm của người học trong quá trình lên lớp; chú trọng đầu tư tổ chức tốt các tiết thảo luận cả về nội dung lẫn hình thức.

2. Đối với người học

- Học sinh nghiên cứu bài học trước khi đến lớp, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này. Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, thực hành, bài kiểm tra và thi.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Khái niệm và các nguyên tắc hành động trong CTXH với cá nhân.

- Lý thuyết hệ thống sinh thái, hệ thống trọng tâm, quan niệm sức mạnh của thân chủ, thuyết hành vi, thuyết thể hệ.

- Các kỹ năng lắng nghe, quan sát, đặt câu hỏi, thấu cảm, phản hồi,...

- Các bước trong tiến trình công tác xã hội cá nhân.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Thu Hà, Phạm Thị Mên, Nguyễn Thị Kim Phụng, Đặng Thị Ngọc Anh, Nguyễn Thị Bích Vân, ThS. Nguyễn Ngọc Lâm hiệu đính: *Một số trường hợp điển cứu về trẻ em trong công tác xã hội cá nhân*, NXB Đại học Mở - BC, TP.HCM, 2000

2. Lê Chí An: *Công tác xã hội cá nhân*, NXB Đại học Mở - BC, TP.HCM, 2006

3. Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Võ Mạnh Tuấn, Giáo trình môn học Công tác xã hội với cá nhân. Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum; 2021.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có).

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Công tác xã hội nhóm (Social work group)

Mã môn học: 610320352

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (lý thuyết: 13 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 15 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi kết thúc môn học: 1 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**I. Vị trí**

Môn học Công tác xã hội nhóm là môn học thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội, bố trí dạy ở học kỳ IV của khóa học.

II. Tính chất

Là môn học bắt buộc dùng chung cho ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ cao đẳng tại Trường Cao đẳng Kon Tum.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Mô tả được kiến thức về công tác xã hội nhóm, tâm lý nhóm và kỹ năng điều hòa sinh hoạt nhóm.
2. Trình bày và phân tích được các bước thực hiện trong tiến trình công tác xã hội nhóm và các kỹ năng cần thiết để có thể can thiệp giúp sinh hoạt nhóm nhằm đạt được những mục tiêu xã hội theo kế hoạch đã dự định.
3. Phân tích được một số kỹ năng cơ bản và kỹ thuật tác nghiệp trong công tác xã hội nhóm.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Thực hiện thành thạo các kỹ năng: Lãnh đạo nhóm, giải quyết mâu thuẫn, tạo lập liên kết giữa các cá nhân, điều phối, thấu cảm, lắng nghe tích cực; thiết lập quan hệ với các cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng.
2. Thiết lập quan hệ với các cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng; am hiểu

năng động nhóm; kỹ năng điều hòa sự tham gia của các nhóm viên; biết cách can thiệp đúng lúc để giải quyết vấn đề và thực hiện đúng vai trò của mình.

3. Xây dựng mạng lưới hỗ trợ, kết nối các nguồn lực trợ giúp.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Nghiêm túc, chủ động, tích cực học tập và nghiên cứu môn học, cập nhật kiến thức mới liên quan đến môn học một cách khoa học.

2. Tuân thủ các quy định đạo đức nghề nghiệp, trung thực và có tính kỷ luật cao, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao.; có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện môi trường làm việc thay đổi.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1. Tổng quan về công tác xã hội nhóm	5	2		3	
	1. Sự hình thành và phát triển công tác xã hội nhóm 2. Khái niệm, đặc trưng, tầm quan trọng của công tác xã hội nhóm		1		1	
	3. Mục đích, giá trị đạo đức công tác xã hội nhóm 4. Các mô hình tiếp cận công tác xã hội nhóm 5. Phân loại nhóm.		1		2	
2	Chương 2: Nền tảng lý thuyết trong công tác xã hội nhóm	8	4		4	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	1. Một số lý thuyết cơ bản ứng dụng trong công tác xã hội nhóm		1		1	
	2. Một số kiến thức về năng động nhóm		1		1	
	3. Các giai đoạn phát triển của nhóm.		1		1	
	4. Một số yếu tố sử dụng trong can thiệp nhóm		1		1	
3	Kiểm tra định kì	1				1(1.0)
4	Chương 3. Tiến trình trong công tác xã hội nhóm	8	4		4	
	1. Giai đoạn chuẩn bị và thành lập nhóm		1		1	
	2. Giai đoạn nhóm bắt đầu hoạt động		1		1	
	3. Giai đoạn can thiệp/thực hiện nhiệm vụ		1		1	
	4. Giai đoạn kết thúc.		1		1	
5	Chương 4. Một số kỹ năng cơ bản và kỹ thuật tác nghiệp trong công tác xã hội nhóm	7	3		4	
	1. Một số kỹ năng trong công tác xã hội nhóm		1		2	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2. Một số kỹ thuật tác nghiệp sử dụng trong công tác xã hội nhóm		2		2	
6	Thi kết thúc môn học	1				1(1.0)
	Cộng	30	13	0	15	2(2.0)

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI NHÓM

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được sự hình thành, phát triển, khái niệm, đặc trưng và tầm quan trọng công tác xã hội nhóm; mô tả được các mô hình tiếp cận công tác xã hội nhóm; phân tích được mục đích, giá trị đạo đức công tác xã hội nhóm.

2. Thực hiện thành thạo các kỹ năng thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề được nêu trong nội dung bài học,

3. Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng vai trò nhân viên xã hội trong công tác xã hội nhóm; không ngừng học hỏi để trau dồi kiến thức, kỹ năng cần thiết phục vụ cho bản thân.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Sự hình thành và phát triển công tác xã hội nhóm (1, 2)

2. Khái niệm, đặc trưng, tầm quan trọng của công tác xã hội nhóm (1, 3, 4)

3. Mục đích, giá trị đạo đức công tác xã hội nhóm (1, 2)

4. Các mô hình tiếp cận công tác xã hội nhóm (1, 3)

5. Phân loại nhóm. (2, 4, 5)

CHƯƠNG 2: NỀN TẢNG LÝ THUYẾT TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI NHÓM

(Thời gian: 8 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các lý thuyết cơ bản ứng dụng trong công tác xã hội nhóm; mô tả được kiến thức về năng động nhóm; phân tích được các giai đoạn phát triển của nhóm và các yếu tố sử dụng trong can thiệp nhóm.

2. Thực hiện thành thạo kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả; thuyết trình mạch lạc, rõ ràng, tự tin; nhận diện đánh giá vấn đề chính xác; phát huy vai trò kết nối, không ngừng học hỏi để trau dồi kiến thức phục vụ cho bản thân.

3. Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng vai trò nhân viên xã hội trong công tác xã hội nhóm; có tinh thần hợp tác nhóm tốt, chủ động thực hiện công việc được giao; vận dụng kiến thức vào giải quyết các mâu thuẫn thường gặp trong nhóm.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Một số lý thuyết cơ bản ứng dụng trong công tác xã hội nhóm (1, 2)

2. Một số kiến thức về năng động nhóm (1-3)

3. Các giai đoạn phát triển của nhóm. (1, 4, 5)

4. Một số yếu tố sử dụng trong can thiệp nhóm. (1, 4, 5)

CHƯƠNG 3: TIẾN TRÌNH TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI NHÓM

(Thời gian: 9 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả và phân tích các giai đoạn trong tiến trình công tác xã hội nhóm.

2. Thực hiện được các kỹ năng: can thiệp, phân tích, đánh giá, làm việc nhóm; vận dụng lý thuyết vào thực tế thực hiện kỹ năng điều hòa sự tham gia của các nhóm viên, can thiệp đúng lúc để giải quyết vấn đề.

3. Tinh thần hợp tác nhóm tốt, chủ động thực hiện công việc được giao; Vận dụng làm việc nhóm hiệu quả hơn, hạn chế được các xung đột nhóm, giải quyết các mâu thuẫn thường gặp trong nhóm.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Giai đoạn chuẩn bị và thành lập nhóm (1, 3)

2. Giai đoạn nhóm bắt đầu hoạt động (1, 2, 4)
3. Giai đoạn can thiệp/thực hiện nhiệm vụ (2, 3, 5)
4. Giai đoạn kết thúc. (1-3)

CHƯƠNG 4: MỘT SỐ KỸ NĂNG CƠ BẢN VÀ KỸ THUẬT TÁC NGHIỆP TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI NHÓM

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả và phân tích được một số kỹ năng cơ bản và kỹ thuật tác nghiệp trong công tác xã hội nhóm.
2. Thực hiện được kỹ năng: lãnh đạo nhóm, tạo lập liên hệ giữa các cá nhân trong nhóm, điều phối, tự bộc lộ, lắng nghe tích cực; kỹ năng viết báo cáo buổi sinh hoạt nhóm, tổ chức trò chơi, lấy ý kiến của cả nhóm có hiệu quả.
3. Tinh thần hợp tác nhóm tốt, chủ động thực hiện công việc được giao; nhận thức được tầm quan trọng của các kỹ năng, kỹ thuật tác nghiệp trong hoạt động nhóm.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Một số kỹ năng trong công tác xã hội nhóm (1, 2, 5)
2. Một số kỹ thuật tác nghiệp sử dụng trong công tác xã hội nhóm (1-3, 5)

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng

Phòng học lý thuyết phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm.

II. Trang thiết bị, máy móc: Tivi, máy vi tính.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Học liệu

- + Giáo trình Công tác xã hội nhóm, trường Cao đẳng Kon Tum, năm 2021.
- + Nguyễn Thị Thái Lan, Giáo trình Công tác xã hội nhóm, NXB Lao động xã hội, Hà Nội 2008.

- Dụng cụ, nguyên vật liệu

Tranh ảnh, video liên quan tới từng bài giảng dạy, giấy A4, Ao, bút chì,

thước, bút lông, bút dạ, bảng làm việc nhóm, giấy note, nam châm,...

IV. Các điều kiện khác: Không

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Trình bày được những khái niệm cơ bản về công tác xã hội với nhóm: định nghĩa, đặc điểm, vai trò và ý nghĩa của công tác xã hội nhóm trong thực hành nghề.

- Nhận biết được vai trò và trách nhiệm của nhân viên xã hội khi làm việc với nhóm, đặc biệt trong việc điều phối, hỗ trợ, và đánh giá hiệu quả nhóm.

- Phân tích được tiến trình làm việc nhóm trong công tác xã hội, gồm các giai đoạn: hình thành nhóm, giai đoạn chuyển tiếp, giai đoạn hoạt động, và giai đoạn kết thúc; phân tích được các vấn đề xã hội có thể áp dụng hình thức can thiệp nhóm và đánh giá được tính phù hợp của phương pháp nhóm trong từng bối cảnh.

2. Kỹ năng

- Thực hiện tốt kỹ năng làm việc nhóm có hiệu quả; tự nghiên cứu tài liệu, giải quyết được các vấn đề liên quan đến nội dung môn học.

- Áp dụng linh hoạt các kỹ năng giao tiếp nhóm, lắng nghe, phản hồi, xử lý xung đột và tạo động lực cho thành viên trong nhóm.

- Thực hiện có hiệu quả các kỹ năng cơ bản và kỹ thuật tác nghiệp trong công tác xã hội nhóm.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có thái độ học tập nghiêm túc, phương pháp học tập phù hợp, tự nghiên cứu thực tiễn và rèn luyện kỹ năng nhằm nâng cao năng lực của bản thân. Trung thực với kết quả làm việc nhóm.

- Tích cực nghiên cứu, nâng cao trình độ và tham gia vào các hoạt động nhằm bảo vệ quyền lợi trong hoạt động nhóm.

- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, đây là hoạt động nhóm không thể thiếu trong bối cảnh hiện nay của một nhân viên công tác xã hội. Qua đó, sinh viên sẽ có trách nhiệm hơn trong các hoạt động xã hội.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên

- + Số bài kiểm tra: 01

- + Hình thức kiểm tra: Đánh giá sinh viên thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kỹ năng, thao tác, kết quả thực hành, thí nghiệm, chấm điểm tường trình thí nghiệm hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

- + Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Kiểm tra, đánh giá định kỳ

- + Số bài kiểm tra: 01

- + Hình thức kiểm tra: Tự luận/ trắc nghiệm/ vấn đáp

- + Thời gian kiểm tra: 45 phút

- + Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian thi: 60 phút

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ IV của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Đề thi kết thúc môn học được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình môn học.

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo

Quyết định số 1573/QĐ-CDKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Công tác xã hội nhóm được sử dụng dùng chung cho ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ cao đẳng, tại Trường Cao đẳng Kon Tum

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Trong quá trình giảng dạy có thể vận dụng kết hợp lý thuyết và thực hành. Áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau như (trình bày, diễn giải, chứng minh, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của sinh viên...).

- Nhà giáo hướng dẫn sinh viên nhận thức kiến thức về lý thuyết và những kiến thức thực hành bổ sung cho phần kiến thức lý thuyết đã học.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

- Sinh viên nghiên cứu bài học trước khi đến lớp, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này. Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, thực hành, bài kiểm tra và thi.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Khái niệm, đặc trưng, tầm quan trọng của công tác xã hội nhóm; mục đích, giá trị đạo đức công tác xã hội nhóm;

- Một số kiến thức về năng động nhóm; các giai đoạn phát triển của nhóm;

- Tiến trình trong công tác xã hội nhóm;

- Một số kỹ năng cơ bản và kỹ thuật tác nghiệp trong công tác xã hội nhóm.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Thái Lan, Giáo trình công tác xã hội nhóm. NXB Lao động – xã hội; năm 2008.
2. Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Trần Thị Hằng, Giáo trình Công tác xã hội nhóm. Trường CĐCD Kon Tum (Lưu hành nội bộ) năm 2021.
3. Bùi Thị Chớm, Giáo trình Công tác xã hội cá nhân và nhóm. NXB Lao động - Xã hội; năm 2015.
4. Bùi Thị Xuân Mai, Nhập môn Công tác xã hội. NXB Lao động – xã hội; năm 2017.
5. Nguyễn Ngọc Lâm, Giáo trình Công tác xã hội nhóm. Đại học mở bán công: TP, HCM; năm 2006.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có).

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**Tên môn học:** Công tác xã hội trường học (School Social Work)**Mã môn học:** 610320412**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ (lý thuyết: 14 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành: 29 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi kết thúc môn học: 1 giờ)**A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC****I. Vị trí**

Công tác xã hội (CTXH) trường học là môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành, nghề CTXH, trình độ cao đẳng, được bố trí học ở học kỳ III của khóa đào tạo.

II. Tính chất

CTXH trường học là môn học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề CTXH, trình độ cao đẳng.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về CTXH trong trường học như: Sự hình thành, khái niệm, đối tượng, mục đích, nhiệm vụ của CTXH trong trường học.

2. Mô tả được các vấn đề trong trường học, vai trò của nhân viên CTXH trong trường học, các kỹ năng cần thiết của nhân viên CTXH trường học.

3. Giải thích được các vấn đề CTXH trong trường học hiện nay.

4. Phân tích tiến trình giải quyết các vấn đề và các phương pháp can thiệp CTXH trong trường học.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Làm việc nhóm hiệu quả; thuyết trình mạch lạc, rõ ràng, tự tin; nhận diện đánh giá vấn đề chính xác.

2. Hỗ trợ trực tiếp học sinh gặp những khó khăn, kết nối học sinh có nhu cầu trợ giúp với các cơ sở hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ an sinh xã hội. Kết nối phụ huynh với nhà trường nhằm hỗ trợ học sinh khắc phục những khó.

3. Xây dựng chương trình, các hoạt động phòng ngừa nhằm hạn chế nguy cơ học sinh rơi vào các hoàn cảnh đặc biệt, xây dựng chương trình, các hoạt động hướng nghiệp cho học sinh, hỗ trợ học sinh phát triển kỹ năng xã hội và chăm sóc sức khỏe tâm thần.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Có thái độ ứng xử phù hợp, tôn trọng đối tượng và có trách nhiệm khi thực hiện can thiệp CTXH trong trường học.

2. Có ý thức trách nhiệm, thái độ nghiêm túc đối với môn học, với nghề nghiệp sau này.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập/ Thảo luận,	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1: Khái quát về CTXH trong trường học	6	2	0	4	
	1. Khái niệm CTXH trong trường học		0.5			
	2. Nhu cầu của CTXH trong trường học		0.5			
	3. Đối tượng và mục đích của CTXH trong trường học		0.25			
	4. Sự phát triển CTXH trường học trên thế giới, Việt Nam		0.5			
	4.1. CTXH trong trường học trên thế giới		0.25			
	4.2. CTXH trong trường học ở Việt Nam					
	5. Các giá trị định hướng của CTXH trong trường học					

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập/ Thảo luận,	Thực hành, thí nghiệm	Thi/ Kiểm tra
2	Chương 2: Nhân viên CTXH trong trường học	10	4	0	6	
	1. Công việc của nhân viên CTXH trong trường học		0.5			
	2. Vai trò của nhân viên CTXH trong trường học		1.5			
	2.1. Đối với các cấp quản lý nhà trường					
	2.2. Đối với giáo viên					
	2.3. Đối với học sinh					
	2.4. Đối với phụ huynh học sinh		2			
	3. Các kỹ năng cần thiết của nhân viên CTXH trong trường học				3	
	3.1. Kỹ năng lưu trữ hồ sơ học sinh					
	3.2. Kỹ năng biện hộ				3	
	3.3. Kỹ năng lập kế hoạch tổ chức các hoạt động phòng ngừa					
	3.4. Kỹ năng tìm kiếm nguồn lực					
3	Chương 3: Vấn đề CTXH trong trường học	13	4	0	9	
	1. Các vấn đề trong trường học		1.5			
	1.1. Vấn đề của học sinh				3	
	1.2. Vấn đề của nhà trường và giáo viên					
	1.3. Nguồn gốc của các vấn đề trong trường học					

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập/ Thảo luận,	Thực hành, thí nghiệm	Thi/ Kiểm tra
	2. Các vấn đề CTXH trong trường học 2.1. CTXH trong trường học với vấn đề sức khỏe tâm thần 2.2. CTXH trong trường học với vấn đề bạo lực trường học 2.3. CTXH trong trường học với vấn đề học sinh khuyết tật hoà nhập		2.5		6	
4	Kiểm tra định kỳ	1				1
5	Chương 4: Phương pháp và tiến trình giải quyết vấn đề CTXH trong trường học 1. Các phương pháp áp dụng trong CTXH trường học 1.1. Quản lý trường hợp 1.2. Khủng hoảng và xử lý khủng hoảng 1.3. Tiếp cận tập trung vào giải pháp 2. Tiến trình giải quyết vấn đề CTXH trong trường học 2.1. Tiếp nhận tình huống và hoàn thành đánh giá ban đầu 2.2. Đánh giá nhu cầu và những mặt mạnh 2.3. Xây dựng và thực hiện kế	14	4 1.5 2.5	0	10 5 5	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập/ Thảo luận,	Thực hành, thí nghiệm	Thi/ Kiểm tra
	hoạch 2.4. Kết thúc Kiểm tra thường xuyên					
6	Thi kết thúc môn học	1				1
	Cộng	45	14	0	29	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ CTXH TRONG TRƯỜNG HỌC

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, nhu cầu, mục đích của CTXH trong trường học; phân tích được sự phát triển CTXH trường học trên thế giới và ở Việt Nam, các giá trị định hướng CTXH trong trường học.

2. Làm việc nhóm hiệu quả; thảo luận sôi nổi, tích cực. Nhận diện được các tình huống có vấn đề xảy ra với học sinh.

3. Tích cực, học tập, tự giác và có trách nhiệm với nghề nghiệp sau này.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm CTXH trong trường học (2, 3)

2. Nhu cầu của CTXH trong trường học (2-4)

3. Đối tượng và mục đích của CTXH trong trường học (2-4)

4. Sự phát triển CTXH trường học trên thế giới, Việt Nam (1, 2)

4.1. CTXH trong trường học trên thế giới

4.2. CTXH trong trường học ở Việt Nam

5. Các giá trị định hướng của CTXH trong trường học (2-5)

CHƯƠNG 2: NHÂN VIÊN CTXH TRONG TRƯỜNG HỌC

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được một số công việc, kỹ năng và vai trò của nhân viên CTXH trong trường học.
2. Giao tiếp rõ ràng; lắng nghe, quan sát, biện hộ một cách tự tin, chính xác; thuyết phục hiệu quả. Phân tích các nguồn lực, các yếu tố tác động đến đối tượng một cách hiệu quả.
3. Nhận thức được vai trò của nhân viên CTXH trong trường học; trau dồi kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm để trở thành một nhân viên CTXH trường học trong tương lai.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Công việc của nhân viên CTXH trong trường học (2, 4, 6)

2. Vai trò của nhân viên CTXH trong trường học (2, 4, 6)

2.1. Đối với các cấp quản lý nhà trường

2.2. Đối với giáo viên

2.3. Đối với học sinh

2.4. Đối với phụ huynh học sinh

3. Các kỹ năng cần thiết của nhân viên CTXH trường học (2-4, 6)

3.1. Kỹ năng lưu trữ hồ sơ học sinh

3.2. Kỹ năng biện hộ

3.3. Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động phòng ngừa

3.4. Kỹ năng tìm kiếm nguồn lực

CHƯƠNG 3: VẤN ĐỀ CTXH TRONG TRƯỜNG HỌC

(Thời gian: 13 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Phân tích được các vấn đề trong trường học và CTXH trong trường học. Giải thích được các kỹ năng cần thiết khi thực hiện dịch vụ CTXH trường học.

2. Hỗ trợ trực tiếp học sinh gặp những khó khăn, kết nối học sinh có nhu cầu trợ giúp với các cơ sở hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ an sinh xã hội. Kết nối phụ huynh với nhà trường nhằm hỗ trợ học sinh khắc phục những khó.

3. Tích cực, tự giác và có thái độ ứng xử phù hợp khi giải quyết các vấn đề CTXH trong trường học.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Các vấn đề trong trường học (2, 5-7)

1.1. Vấn đề của học sinh

1.2. Vấn đề của nhà trường và giáo viên

1.3. Nguồn gốc của các vấn đề trong trường học

2. Các vấn đề CTXH trong trường học (2, 5-7)

2.1. CTXH trong trường học với vấn đề sức khỏe tâm thần

2.2. CTXH trong trường học với vấn đề bạo lực trường học

2.3. CTXH trong trường học với vấn đề học sinh khuyết tật hoà nhập

CHƯƠNG 4: PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ CTXH TRONG TRƯỜNG HỌC

(Thời gian: 14 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả, phân tích được phương pháp và tiến trình giải quyết vấn đề trong trường học.

2. Đánh giá và nhận diện vấn đề chính xác, giải quyết được các vấn đề trong trường học hiện nay. Xây dựng chương trình, các hoạt động phòng ngừa nhằm hạn chế nguy cơ học sinh rơi vào các hoàn cảnh đặc biệt, xây dựng chương trình, các hoạt động hướng nghiệp cho học sinh, hỗ trợ học sinh phát triển kỹ năng xã hội và chăm sóc sức khỏe tâm thần.

3. Ý thức vai trò, vị trí của môn học; từ đó có động lực và định hướng để trở thành những nhân viên xã hội học đường trong tương lai.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Các phương pháp áp dụng trong CTXH trường học (2, 4-7)

1.1. Quản lý trường học

1.2. Khủng hoảng và xử lý khủng hoảng**1.3. Tiếp cận tập trung vào giải pháp****2. Tiến trình giải quyết vấn đề CTXH trong trường học (2-7)****2.1. Tiếp nhận tình huống và hoàn thành đánh giá ban đầu****2.2. Đánh giá nhu cầu và những mặt mạnh****2.3. Xây dựng và thực hiện kế hoạch****2.4. Kết thúc****D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC****I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

- Phòng học lý thuyết phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm.
- Phòng thực hành: Có đầy đủ trang thiết bị phục vụ môn học, bàn, ghế, bảng.

II. Trang thiết bị, máy móc

Tivi, máy vi tính, máy chiếu.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**- Học liệu**

Giáo trình CTXH trường học, tài liệu tham khảo, video, tranh ảnh liên quan.

- Dụng cụ, nguyên vật liệu

Giấy màu, bút lông, phấn, bảng phụ, bút viết bảng, giấy A0, giấy A4, bút chì, nam châm, kéo.

IV. Các điều kiện khác

Cơ sở thực hành (các trường trung học cơ sở, các cơ sở nuôi dạy trẻ khuyết tật)

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**I. Nội dung****1. Kiến thức**

- Trình bày được khái niệm, đối tượng, mục đích, nhiệm vụ của CTXH trong trường học.
- Nêu được các đặc điểm nổi bật trong lịch sử phát triển CTXH trường học trên thế giới và Việt Nam

- Mô tả được các vấn đề trong trường học hiện nay.
- Trình bày vai trò của nhân viên CTXH trong trường học, các kỹ năng cần thiết của nhân viên CTXH trường học.
- Giải thích được các vấn đề CTXH trong trường học hiện nay.
- Phân tích tiến trình giải quyết các vấn đề và các phương pháp can thiệp CTXH trong trường học.

2. Kỹ năng

- Làm việc nhóm hiệu quả; thuyết trình mạch lạc, rõ ràng, tự tin; nhận diện đánh giá vấn đề chính xác.
- Giải quyết được các tình huống học sinh gặp những khó khăn, thực hành tìm kiếm cách kết nối học sinh có nhu cầu trợ giúp với các cơ sở hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ an sinh xã hội.
- Đề xuất được các giải pháp kết nối phụ huynh với nhà trường nhằm hỗ trợ học sinh khắc phục những khó khăn thông qua các tình huống thực hành tại lớp.
- Xây dựng được các chương trình, các hoạt động phòng ngừa giả định nhằm hạn chế nguy cơ học sinh rơi vào các hoàn cảnh đặc biệt, xây dựng chương trình, các hoạt động hướng nghiệp cho học sinh, hỗ trợ học sinh phát triển kỹ năng xã hội và chăm sóc sức khỏe tâm thần.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có thái độ ứng xử phù hợp khi thực hiện can thiệp CTXH trong trường học.
- Có ý thức trách nhiệm đối với nghề nghiệp, với môn học, có tinh thần trách nhiệm trong học tập và công tác sau khi tốt nghiệp.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:
 - + Số bài kiểm tra: 01
 - + Hình thức kiểm tra: Đánh giá sinh viên thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm) với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập.
 - + Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ:

+ Số bài kiểm tra: 01

+ Hình thức kiểm tra: Thực hành

+ Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian thi: 60 phút

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ III của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc mô đun: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CDKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học CTXH trường học được sử dụng đào tạo ngành, nghề CTXH trình độ Cao đẳng hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực.

- Sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự hướng dẫn kỹ năng.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành và các yêu cầu của môn học được quy định trong chương trình môn học.

- Điểm trung bình chung của môn học có tổng điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

- Hoàn thành nghĩa vụ đóng học phí theo quy định của nhà trường.

- Sinh nghiên cứu bài học trước khi đến lớp, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm. Tham gia đầy đủ các thực hành, bài kiểm tra và thi.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Khái niệm, vai trò, nhu cầu của CTXH trong trường học.

- Các kỹ năng cần thiết của nhân viên CTXH trường học.

- Các phương pháp tiếp cận và giải quyết vấn đề CTXH trong trường học.

- Vai trò của nhân viên xã hội trong trường học.

- Các vấn đề CTXH trong trường học.

- Thực hành xử lý các tình huống xảy ra trong trường học như: bạo lực học đường, sức khỏe tâm thần, nghiện game, trẻ khuyết tật hòa nhập cộng đồng.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Lê Hải Thanh. CTXH đại cương. TP Hồ Chí Minh: NXB Đại học Quốc gia; 2015.

2. Nguyễn Hiệp Thương. Đại cương công tác xã hội trường học. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam; 2020.

3. Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Nguyễn Thị Hạnh. Giáo trình môn học CTXH trong trường học. Trường Cao đẳng Kon Tum; 2021.

4. Nguyễn Thanh Bình, Phạm Văn Tư, Đỗ Nghiêm Thanh Phương. Tài liệu tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện CTXH trường học tại các cơ sở giáo dục. Hà Nội; 2022.

5. Nguyễn Thanh Đề (chủ biên). Tài liệu truyền thông về sức khỏe tâm thần

của học sinh phổ thông của Bộ giáo dục và đào tạo. Hà Nội; 2023.

6. Nguyễn Thanh Bình. CTXH với gia đình, cộng đồng và hệ thống nhà trường. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội; 2007.

7. Lương Quang Hưng. CTXH với vấn đề bạo lực học đường. NXB Giáo dục Việt Nam. Hà Nội; 2020.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có).

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Phát triển cộng đồng (Community Development).

Mã môn học: 610320362

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (lý thuyết: 13 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 15 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi kết thúc môn học: 1 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí:

Là môn học chuyên ngành quan trọng trong chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng ngành, nghề Công tác xã hội, được học được bố trí thực hiện trong học kỳ V của chương trình đào tạo.

II. Tính chất:

Là môn học bắt buộc, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ cao đẳng hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Yêu cầu về kiến thức

1. Trình bày được các khái niệm cộng đồng, phát triển cộng đồng và phương pháp tổ chức phát triển cộng đồng, các kiến thức cơ bản về cách tổ chức phát triển cộng đồng.
2. Phân tích được mục đích, nội dung, biện pháp tổ chức và phát triển cộng đồng
3. Nhận diện được nguồn lực, hạn chế của cộng đồng để giải quyết các vấn đề hiện tại, tương lai để phát triển bền vững.
4. Vận dụng phương pháp khảo sát PRA để tìm kiếm thông tin
5. Xác định, phân tích cộng đồng nhằm đưa ra phương án tư vấn chính sách cho từng loại đối tượng cụ thể.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Xây dựng và triển khai các chiến dịch tuyên truyền giáo dục cộng đồng
2. Lập kế hoạch và lên thời gian biểu, thực hiện kế hoạch hỗ trợ cộng đồng.

3. Triển khai tập huấn, bồi dưỡng nhóm nòng cốt trong cộng đồng.
4. Tăng năng lực cộng đồng, giúp người dân được tiếp cận nguồn lực, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân trong cộng đồng.
6. Tìm kiếm, viết đề xuất, huy động nguồn lực

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Tự giác, chủ động trong việc học tập, thảo luận nhóm, thực hành.
2. Nghiêm túc, cẩn thận trong việc nhìn nhận thực trạng cộng đồng, tác khoa học. Trung thực với kết quả làm việc nhóm, có ý thức trong việc phát triển cộng đồng.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1: Tổng quan về Phát triển cộng đồng	3	3			
	1. Lịch sử xuất phát và diễn tiến 2. Khái niệm 2.1. Cộng đồng 2.2. Phát triển		1			
	3. Phát triển cộng đồng 3.1. Định nghĩa phát triển cộng đồng 3.2. Cộng đồng kém phát triển và phát triển 3.3. Các giá trị của phát triển cộng đồng		1			

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	3.4. Mục đích của phát triển cộng đồng					
	3.5. Nội dung của phát triển cộng đồng					
	3.6. Tiến trình phát triển cộng đồng					
	4. Các nguyên tắc trong Phát triển cộng đồng		1			
2	Chương 2: Tiến trình Tổ chức cộng đồng	8	3		5	
	1. Khái niệm, mục tiêu, tiến trình 1.1. Khái niệm tổ chức cộng đồng 1.2. Mục tiêu của tổ chức cộng đồng 1.3. Tiến trình tổ chức cộng đồng		1			
	2. Các bước tiến hành 2.1. Chọn cộng đồng 2.2. Hội nhập cộng đồng, nhận diện những người có khả năng và tích cực 2.3. Xây dựng và tập huấn, bồi dưỡng nhóm lãnh đạo nòng cốt		2		5	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2.4. Tìm hiểu và phân tích cộng đồng 2.5. Chính thức hình thành ban đại diện cộng đồng và lập kế hoạch các chương trình phát triển 2.6. Vận động, phát huy tiềm năng nhóm và củng cố tổ chức 2.7. Rút kinh nghiệm – Lượng giá các chương trình hành động và sự phát triển của các nhóm. 2.8. Liên kết các nhóm hành động 2.9. Chuyển giao					
3	Chương 3: Tác viên Phát triển cộng đồng	2	1		1	
	1. Vai trò 1.1. Người xúc tác 1.2. Người biện hộ 1.3. Người nghiên cứu 1.4. Người huấn luyện 1.5. Người tư vấn lập kế hoạch		1			
	2. Phẩm chất của Tác viên cộng đồng		1		1	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	3. Mối quan hệ của tác viên cộng đồng					
4	Kiểm tra định kì	1				1
5	Chương 4: Sự tham gia của Cộng đồng	3	2		1	
	1. Khái niệm, ý nghĩa sự tham gia của cộng đồng 2. Các loại hình tham gia 2.1. Tham gia thụ động 2.2. Tham gia bằng cách cung cấp thông tin 2.3. Tham gia qua tư vấn 2.4. Tham gia vì những khích lệ vật chất 2.5. Tham gia chức năng 2.6. Tham gia tương tác 2.7. Tự huy động		1			
	3. Sự tham gia của người dân 3.1. Những lợi ích khi có sự tham gia của người dân 3.2. Yếu tố để thúc đẩy sự tham gia		0.5		1	
	4. Những cản trở đến sự tham gia của người dân		0.5			

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
6	Chương 5: Phương pháp khảo sát nhanh có sự tham gia (PRA)	5	2		3	
	1. Xuất phát PRA 2. Khái niệm PRA 3. Mục đích 4. Nguyên tắc trong PRA 5. Ứng dụng PRA 6. Điều căn bản của PRA		1			
	7. Phương pháp PRA 7.1. Phương pháp theo không gian 7.2. Phương pháp theo thời gian 7.3. Phương pháp theo mối liên hệ 8. Các đặc điểm của PRA 8.1. Yêu cầu khi thực hiện PRA 8.2. Những ưu điểm của PRA 9. Một số kỹ thuật cơ bản trước khi sử dụng PR 9.1. Thu thập tài liệu có sẵn 9.2. Tạo lập mối quan hệ		1		1	
	10. Một số công cụ PRA				2	
7	Chương 6: Dự án Phát triển cộng	7	2		5	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	đồng					
	1. Một số khái niệm 1.1. Dự án 1.2. Các bên liên quan (Stakeholders) 1.3. Nguồn lực của dự án 1.4. Dự án nhánh hay tiểu dự án (Sub-Project) 1.5. Chương trình (Program)		1			
	2. Các yếu tố cấu thành dự án 3. Quản lý dự án 3.1. Giai đoạn 1: Phân tích tình hình 3.2. Giai đoạn 2: Lập kế hoạch 3.3. Giai đoạn 3: Viết và nộp đề xuất dự án 3.4. Giai đoạn 4: Thực hiện dự án 3.5. Giai đoạn 5: Lượng giá		1		5	
8	Thi kết thúc môn học	1				1
	Tổng cộng:	30	13	0	15	02

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

(Thời gian: 3 giờ)

I. MỤC TIÊU:

1. Trình bày về các khái niệm, giá trị, mục đích, nội dung, các nguyên tắc phát triển cộng đồng.
2. Sơ đồ hóa và phân tích được tiến trình Phát triển cộng đồng.
3. Tự giác, chủ động trong việc học tập, thảo luận nhóm, thực hành.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG:

1. Lịch sử xuất phát và diễn tiến (1)

2. Khái niệm (1)

2.1. Cộng đồng

2.2. Phát triển

3. Phát triển cộng đồng (1, 2)

3.1. Định nghĩa phát triển cộng đồng

3.2. Cộng đồng kém phát triển và phát triển

3.3. Các giá trị của phát triển cộng đồng

3.4. Mục đích của phát triển cộng đồng

3.5. Nội dung của phát triển cộng đồng

3.6. Tiến trình phát triển cộng đồng

4. Các nguyên tắc trong Phát triển cộng đồng (1)

CHƯƠNG 2: TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

(Thời gian: 8 giờ)

1. MỤC TIÊU:

1. Trình bày được các khái niệm, mục tiêu, tiến trình và các bước tiến hành trong tiến trình tổ chức cộng đồng. Nhận diện những cá nhân có năng lực làm nòng cốt trong cộng đồng. Sơ đồ hóa Tiến trình tổ chức cộng đồng và các điểm cần lưu ý.
2. Thực hiện đầy đủ và đúng các bước trong tiến trình tổ chức cộng đồng. Lập kế hoạch tăng năng lực phát triển cộng đồng, tiếp cận nguồn lực, hỗ trợ, tuyên truyền giáo dục cộng đồng, viết đề xuất, huy động nguồn lực.

3. Tự giác, chủ động trong việc học tập, thảo luận nhóm, thực hành.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG:

1. Khái niệm, mục tiêu, tiến trình (1, 3)

1.1. Khái niệm tổ chức cộng đồng

1.2. Mục tiêu của tổ chức cộng đồng

1.3. Tiến trình tổ chức cộng đồng

2. Các bước tiến hành (1, 3, 4)

2.1. Chọn cộng đồng

2.2. Hội nhập cộng đồng, nhận diện những người có khả năng và tích cực

2.3. Xây dựng và tập huấn, bồi dưỡng nhóm lãnh đạo nòng cốt

2.4. Tìm hiểu và phân tích cộng đồng

2.5. Chính thức hình thành ban đại diện cộng đồng và lập kế hoạch các chương trình phát triển

2.6. Vận động, phát huy tiềm năng nhóm và củng cố tổ chức

2.7. Rút kinh nghiệm – Lượng giá các chương trình hành động và sự phát triển của các nhóm.

2.8. Liên kết các nhóm hành động

2.9. Chuyển giao

CHƯƠNG 3: TÁC VIÊN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

(Thời gian: 2 giờ)

I. MỤC TIÊU:

1. Trình bày được vai trò, phẩm chất của tác viên cộng đồng và mối quan hệ của tác viên cộng đồng. Xác định được những phẩm chất cần có của một tác viên cộng đồng

2. Thực hiện được mối quan hệ với cộng đồng

3. Tự giác, chủ động trong việc học tập, thảo luận nhóm, thực hành

2. NỘI DUNG CHƯƠNG:

1. Vai trò (1)

- 1.1. Người xúc tác*
- 1.2. Người biện hộ*
- 1.3. Người nghiên cứu*
- 1.4. Người huấn luyện*
- 1.5. Người tư vấn lập kế hoạch*
- 2. Phẩm chất của Tác viên cộng đồng (3)**
- 3. Mối quan hệ của tác viên cộng đồng (3, 4)**

CHƯƠNG 4: SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG

(Thời gian: 3 giờ)

1. MỤC TIÊU:

1. Trình bày ý nghĩa, các loại hình tham gia của người dân trong cộng đồng, các cản trở khi họ tham gia. Phân tích được các yếu tố thúc đẩy người dân tham gia dự án
2. Đánh giá được sự tham gia của cộng đồng trong các dự án;
3. Tự giác, chủ động trong việc học tập, thảo luận nhóm, thực hành

II. NỘI DUNG CHƯƠNG:

- 1. Khái niệm, ý nghĩa sự tham gia của cộng đồng (1)**
- 2. Các loại hình tham gia (1, 5)**
 - 2.1. Tham gia thụ động*
 - 2.2. Tham gia bằng cách cung cấp thông tin*
 - 2.3. Tham gia qua tư vấn*
 - 2.4. Tham gia vì những khích lệ vật chất*
 - 2.5. Tham gia chức năng: Người dân tham gia bằng cách tổ chức nhóm nhằm đạt đến những mục tiêu dự định của dự án phát triển.*
 - 2.6. Tham gia tương tác*
 - 2.7. Tự huy động*
- 3. Sự tham gia của người dân (5)**
 - 3.1. Những lợi ích khi có sự tham gia của người dân*

3.2. Yếu tố để thúc đẩy sự tham gia

4. Những cản trở đến sự tham gia của người dân (1)

CHƯƠNG 5: PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT NHANH CÓ SỰ THAM GIA (PRA)

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU:

1. Trình bày được mục đích, nguyên tắc, đặc điểm, kỹ thuật trong phương pháp khảo sát nhanh có sự tham gia (PRA).

2. Thực hiện khảo sát nhanh một cộng đồng nhỏ bằng phương pháp PRA. Xác định, phân tích cộng đồng nhằm đưa ra phương án tư vấn chính sách cho từng loại đối tượng cụ thể.

3. Tự giác, chủ động trong việc học tập, thảo luận nhóm, thực hành

II. NỘI DUNG CHƯƠNG:

1. Xuất phát PRA (1)

2. Khái niệm (1)

3. Mục đích (3)

4. Nguyên tắc trong PRA (3)

5. Ứng dụng PRA (3)

6. Điều căn bản của PRA (3)

7. Phương pháp PRA (3)

7.1. Phương pháp theo không gian

7.2. Phương pháp theo thời gian

7.3. Phương pháp theo mối liên hệ

8. Các đặc điểm của PRA (1)

8.1. Yêu cầu khi thực hiện PRA

8.2. Những ưu điểm của PRA

9. Một số kỹ thuật cơ bản trước khi sử dụng PRA (1)

9.1. Thu thập tài liệu có sẵn

9.2. Tạo lập mối quan hệ

10. Một số công cụ PRA

CHƯƠNG 6: DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

(Thời gian: 7 giờ)

I. MỤC TIÊU:

1. Trình bày các khái niệm, yếu tố cấu thành một dự án; Phân tích các yếu tố hình thành một dự án phát triển cộng đồng
2. Thực hiện được việc lập kế hoạch tăng năng lực cộng đồng, giúp người dân được tiếp cận nguồn lực, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân trong cộng đồng; viết đề xuất, huy động nguồn lực
3. Tự giác, chủ động trong việc học tập, thảo luận nhóm, thực hành

II. NỘI DUNG CHƯƠNG:

1. Một số khái niệm (1)

1.1. Dự án

1.2. Các bên liên quan (Stakeholders)

1.3. Nguồn lực của dự án

1.4. Dự án nhánh/Tiểu dự án (Sub-Project)

1.5. Chương trình (Program)

2. Các yếu tố cấu thành dự án (1)

3. Quản lý dự án (1, 4)

3.1. Giai đoạn 1: Phân tích tình hình

3.2. Giai đoạn 2: Lập kế hoạch

3.3. Giai đoạn 3: Viết và nộp đề xuất dự án

3.4. Giai đoạn 4: Thực hiện dự án

3.5. Giai đoạn 5: Lượng giá

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm.

II. Trang thiết bị máy móc: Tivi, máy vi tính, projector

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Học liệu

Giáo trình, tài liệu tham khảo, văn bản pháp luật liên quan Phát triển cộng đồng

- Dụng cụ, nguyên vật liệu

Giấy A4, A0; bút chì, thước, bút lông, bút màu, nam châm, kéo, tranh ảnh về bài tập tình huống...

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung:

1. Kiến thức:

- Khái niệm cộng đồng, phát triển cộng đồng, phương pháp tổ chức phát triển cộng đồng, khảo sát cộng đồng, các bước trong tiến trình phát triển cộng đồng

- Mục đích, nội dung, biện pháp tổ chức và phát triển cộng đồng.

- Nguồn lực, hạn chế của cộng đồng

2. Kỹ năng:

- Xây dựng các chiến dịch tuyên truyền giáo dục;

- Lập kế hoạch và lên thời gian biểu để thực hiện kế hoạch hỗ trợ, tập huấn, bồi dưỡng nhóm nòng cốt trong;

- Tiếp cận nguồn lực, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.

- Đánh giá được sự tham gia của người dân

- Viết đề xuất, huy động nguồn lực

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Tự giác, chủ động trong việc học tập, thảo luận nhóm, thực hành.

- Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận thực trạng cộng đồng, tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, khoa học. Trung thực với kết quả làm việc nhóm. Có ý thức trong việc phát triển cộng đồng.

II. Phương pháp:

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên

+ Số bài kiểm tra: 01

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ:

+ Số bài kiểm tra: 01

+ Hình thức kiểm tra: Tự luận

+ Thời gian kiểm tra: 1 giờ

+ Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ phải được trình bày/đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt).

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian thi: 1 giờ

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: học kì V của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc mô đun: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn Phát triển cộng đồng được sử dụng đào tạo trình độ Cao đẳng ngành, nghề Công tác xã hội.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực;
- Quan tâm phát huy kinh nghiệm của người học trong quá trình lên lớp; chú trọng đầu tư tổ chức tốt các tiết thảo luận cả về nội dung lẫn hình thức.

2. Đối với người học

- Nghiên cứu, quan sát, động não trả lời câu hỏi.
- Người học tìm hiểu trước giáo trình Phát triển cộng đồng, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Các khái niệm, vai trò và các vấn đề của cộng đồng; Các phương pháp tiếp cận và giải quyết vấn đề của cộng đồng;
- Tiến trình phát triển cộng đồng;
- Phương pháp khảo sát nhanh có sự tham gia (PRA);
- Các bước trong chu trình dự án phát triển cộng đồng.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Võ Mạnh Tuấn, Nguyễn Thị Hạnh. Giáo trình phát triển cộng đồng: Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum; 2021.
2. Đỗ Văn Bình. Phát triển cộng đồng. Trường Đại học Văn Hiến 2014.
3. Lê Văn An. Sổ tay hướng dẫn phát triển cộng đồng. Hà Nội: NXB Nông nghiệp; 2021.
4. Bộ lao động thương binh xã hội. Phát triển cộng đồng. Hà Nội 2017.
5. Nguyễn Kim Liên. Phát triển cộng đồng: NXB Lao động; 2008.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có).

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**Tên môn học:** Tham vấn (Consultation)**Mã môn học:** 610320382**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ (lý thuyết: 14 giờ; thực hành, thí nghiệm: 29 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi kết thúc môn học: 1 giờ).**A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC****I. Vị trí:**

Môn học Tham vấn thuộc khối môn học chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành, nghề công tác xã hội, trình độ cao đẳng, được bố trí vào học kỳ III, năm thứ 2 của khoá học.

II. Tính chất môn học:

Là môn học chuyên ngành bắt buộc đối với ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ cao đẳng.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được khái niệm tham vấn; đối tượng, mục đích, nhiệm vụ và các nguyên tắc đạo đức trong tham vấn.
2. Trình bày và phân tích được các hình thức tham vấn cá nhân, tham vấn nhóm, tham vấn gia đình.
3. Trình bày và phân tích được một số kỹ năng giao tiếp tham vấn cơ bản.
4. Mô tả và phân tích được tiến trình tham vấn.
5. Phân tích được đặc điểm của các nhóm thân chủ: Trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, người khuyết tật, người nghiện ma túy, người nghèo.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Thực hành được các kỹ năng giao tiếp tham vấn cơ bản: Lắng nghe, quan sát, phản hồi, đặt câu hỏi.
2. Thực hành được tiến trình tham vấn trong từng tình huống cụ thể.
3. Thực hành tiến trình tham vấn với các nhóm thân chủ: Trẻ em có hoàn

cảnh khó khăn, người khuyết tật, người nghiện ma túy, người nghèo,

4. Thực hành được tham vấn nhóm, tham vấn cá nhân và tham vấn gia đình.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Rèn luyện ý thức chuyên nghiệp, có trách nhiệm với công việc và ý thức được vai trò của bản thân.

2. Nhận thức được những khó khăn thường gặp phải đối với nhà tham vấn trong quá trình làm việc với thân chủ.

3. Tư duy nhanh nhẹn, sắc bén, chủ động, suy nghĩ tích cực trước các vấn đề trong thực tiễn; có thái độ đúng mực, chuyên nghiệp của nhà tham vấn; tích cực, chủ động, nghiêm túc trong học tập.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1: Những vấn đề chung về tham vấn	19	7		12	
	1. Các khái niệm 1.1. Khái niệm tham vấn 1.2. Một số khái niệm liên quan	1	1		0	
	2. Đối tượng của tham vấn 2.1. Thân chủ 2.2. Vấn đề của thân chủ	2	1		1	
	3. Mục đích, nhiệm vụ của tham vấn 3.1. Mục đích của tham vấn 3.2. Nhiệm vụ của tham vấn	2	1		1	

	4. Các hình thức tham vấn 4.1. Tham vấn cá nhân 4.2. Tham vấn nhóm 4.3. Tham vấn gia đình	10	2		8	
	5. Nguyên tắc đạo đức 5.1. Nguyên tắc tôn trọng thân chủ 5.2. Nguyên tắc tin tưởng vào khả năng giải quyết vấn đề của thân chủ 5.3. Nguyên tắc bí mật 5.4. Nguyên tắc nhà tham vấn không gắn mình vào các mối quan hệ cá nhân với thân chủ 5.5. Nguyên tắc thân chủ là trọng tâm	3	1		2	
2	Chương 2: Tiến trình tham vấn	24	6		18	
	1. Quy trình tham vấn 1.1. Xây dựng mối quan hệ 1.2. Thu thập thông tin, đánh giá và xác định vấn đề 1.3. Thiết lập và thống nhất mục tiêu và giải pháp thực hiện 1.4. Can thiệp và giải quyết vấn đề 1.5. Lượng giá và kết thúc 1.6. Theo dõi sau kết thúc	10	2		8	
	2. Tham vấn với các nhóm thân chủ 2.1. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	8	2		6	

	2.2. Người khuyết tật					
	2.3. Người cao tuổi					
	2.4. Người nghiện ma túy					
	2.5. Người nghèo					
	3. Một số kỹ năng tham vấn					
	3.1. Kỹ năng quan sát					
	3.2. Kỹ năng lắng nghe	6	2		4	
	3.3. Kỹ năng phản hồi					
	3.4. Kỹ năng đặt câu hỏi					
3	Kiểm tra định kỳ	1				1(0,1)
4	Thi kết thúc môn học	1				1(1,0)
	Cộng	45	14		29	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THAM VẤN

(Thời gian: 19 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các khái niệm tham vấn và các khái niệm liên quan; đối tượng, mục đích và nhiệm vụ của tham vấn; phân tích được các nguyên tắc đạo đức và các hình thức tham vấn cá nhân, tham vấn nhóm, tham vấn gia đình và trị liệu gia đình.

2. Thực hiện tốt các nguyên tắc đạo đức đạo đức tham vấn trong quá trình làm việc với thân chủ; thực hành tham vấn cá nhân, tham vấn nhóm, tham vấn gia đình.

3. Nhận thức được những khó khăn thường gặp phải đối với nhà tham vấn trong quá trình làm việc với thân chủ; có thái độ đúng mực, chuyên nghiệp của nhà tham vấn; tích cực, chủ động, nghiêm túc trong học tập.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Các khái niệm (1, 3)

1.1. Khái niệm tham vấn

1.2. Một số khái niệm liên quan

2. Đối tượng tham vấn (1, 3)

2.1. Thân chủ

2.2. Vấn đề của thân chủ

3. Mục đích, nhiệm vụ của tham vấn (2, 3)

3.1. Mục đích của tham vấn

3.2. Nhiệm vụ của tham vấn

4. Các hình thức tham vấn (1, 3)

4.1. Tham vấn cá nhân

4.2. Tham vấn nhóm

4.3. Tham vấn gia đình

5. Nguyên tắc đạo đức (3)

5.1. Nguyên tắc tôn trọng thân chủ

5.2. Nguyên tắc tin tưởng vào khả năng giải quyết vấn đề của thân chủ

5.3. Nguyên tắc bí mật

5.4. Nguyên tắc nhà tham vấn không gắn mình vào các mối quan hệ cá nhân với thân chủ

5.5. Nguyên tắc thân chủ là trọng tâm

CHƯƠNG 2: TIẾN TRÌNH THAM VẤN

(Thời gian: 24 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được tiến trình tham vấn; đặc điểm nhóm thân chủ: Trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, người khuyết tật, người nghiện ma túy, người cao tuổi, người nghèo; đặc điểm các kỹ năng giao tiếp tham vấn cơ bản và phân tích được các giai đoạn trong tiến trình tham vấn.

2. Thực hành được một số kỹ năng giao tiếp tham vấn cơ bản; thực hành được các giai đoạn trong tiến trình tham vấn; thực hành tiến trình tham vấn với

trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, người khuyết tật, người nghiện ma túy, người cao tuổi, người nghèo.

3. Rèn luyện ý thức chuyên nghiệp, có trách nhiệm với công việc và ý thức được vai trò của bản thân.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Các giai đoạn của tiến trình tham vấn (2,3,4,5)

1.1. Xây dựng mối quan hệ

1.2. Thu thập thông tin, đánh giá và xác định vấn đề

1.3. Thiết lập và thống nhất mục tiêu và giải pháp thực hiện

1.4. Can thiệp và giải quyết vấn đề

1.5. Lượng giá và kết thúc

1.6. Theo dõi sau kết thúc

2. Tham vấn với các nhóm thân chủ (2,3,4,5)

2.1. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

2.2. Người khuyết tật

2.3. Người cao tuổi

2.4. Người nghiện ma túy

2.5. Người nghèo

3. Kỹ năng tham vấn

3.1. Kỹ năng quan sát

3.2. Kỹ năng lắng nghe

3.3. Kỹ năng phản hồi

3.4. Kỹ năng đặt câu hỏi

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng:

- Phòng học lý thuyết phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm.
- Phòng thực hành: Có đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ, bàn, ghế, bảng...

II. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, đèn chiếu, phần mềm hỗ trợ...

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Học liệu: Giáo trình Tham vấn ban hành theo QĐ số 63/QĐ-CĐCĐ ngày 10/1/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Kon Tum.

- Dụng cụ, nguyên vật liệu: Tranh ảnh, video liên quan tới từng bài giảng dạy, giấy A4, A0, bút chì, thước, bút lông, bút dạ, bảng làm việc nhóm, giấy note, nam châm,...

IV. Các điều kiện khác:

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Trình bày được khái niệm tham vấn; đối tượng, mục đích, nhiệm vụ của tham vấn.

- Phân biệt được tham vấn với tư vấn và cố vấn.

- Trình bày và phân tích được các nguyên tắc tham vấn.

- Trình bày và phân tích được hình thức tham vấn cá nhân, tham vấn nhóm, tham vấn gia đình.

- Trình bày và phân tích được một số kỹ năng giao tiếp tham vấn cơ bản.

- Mô tả và phân tích được các giai đoạn của tiến trình tham vấn.

- Phân tích được đặc điểm của các nhóm thân chủ: Trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, người khuyết tật, người nghiện ma túy, người nghèo.

2. Kỹ năng

- Thực hành được các kỹ năng giao tiếp tham vấn cơ bản: Lắng nghe, quan sát, phản hồi, đặt câu hỏi.

- Thực hành được tiến trình tham vấn trong từng tình huống cụ thể.

- Thực hành tiến trình tham vấn với các nhóm thân chủ: Trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, người khuyết tật, người nghiện ma túy, người nghèo.

- Thực hành được tham vấn nhóm, tham vấn cá nhân và tham vấn gia đình.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Chủ động chuẩn bị nội dung, kế hoạch và tổ chức buổi tham vấn với thân chủ hoặc nhóm.

- Tự học, tự nghiên cứu tài liệu, mô hình lý thuyết, tình huống thực tiễn để nâng cao năng lực tham vấn.

- Rèn luyện ý thức chuyên nghiệp, có trách nhiệm với công việc và ý thức được vai trò của bản thân.

- Nhận thức được những khó khăn thường gặp phải đối với nhà tham vấn trong quá trình làm việc với thân chủ.

- Tư duy nhanh nhẹn, sắc bén, chủ động, suy nghĩ tích cực trước các vấn đề trong thực tiễn; có thái độ đúng mực, chuyên nghiệp của nhà tham vấn; tích cực, chủ động, nghiêm túc trong học tập.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

+ Số bài kiểm tra: Ít nhất 1 bài

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ:

+ Số bài kiểm tra: 01 bài

+ Hình thức kiểm tra: Thực hành

+ Thời gian kiểm tra: 1 giờ

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Tự luận
- Thời gian thi: 1 giờ
- Thời gian để hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ III của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).
- Đề thi kết thúc môn học được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình môn học.
- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CDKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Tham vấn được sử dụng đào tạo trình độ Cao đẳng ngành, nghề Công tác xã hội.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

1. Đối với nhà giáo

- Trong quá trình giảng dạy có thể vận dụng kết hợp lý thuyết và thực hành. Áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau như (trình bày, diễn giải, chứng minh, thảo luận và làm việc nhóm; thảo luận nhóm, bài tập tình huống, sắm vai, hỏi đáp, trực quan... đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của sinh viên...).

- Nhà giáo hướng dẫn sinh viên nhận thức kiến thức về lý thuyết và những kiến thức thực hành bổ sung cho phần kiến thức lý thuyết đã học.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của Nhà trường.

- Sinh viên nghiên cứu bài học trước khi đến lớp, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên

quan đến môn học này. Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, thực hành, bài kiểm tra và thi.

III. Những trọng tâm cần chú ý:

- Mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng và nguyên tắc tham vấn.
- Các hình thức tham vấn.
- Tiến trình tham vấn.
- Tham vấn với các nhóm thân chủ.
- Kỹ năng tham vấn cơ bản.

IV. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Thị Anh Hiếu, Võ Mạnh Tuấn. Giáo trình Tham vấn. Trường CĐCD Kon Tum (Lưu hành nội bộ); 2021.
2. Võ Thị Tường Vy. Kỹ năng tham vấn căn bản. Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh; 2022.
3. Nguyễn Hồi Loan. Giáo trình Tham vấn trong công tác xã hội. Đại học Quốc gia Hà Nội; 2020.
4. Trần Thị Minh Đức. Giáo trình tham vấn tâm lý. Đại học Quốc gia Hà Nội; 2021.
5. Bích Hằng, Quỳnh Trang. Từ điển Tiếng Việt: NXB Hồng Đức; 2022.
6. Bùi Thị Xuân Mai. Giáo trình tham vấn. Đại học Lao động xã hội; 2014.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**Tên môn học:** Sức khỏe cộng đồng (Community health)**Mã môn học:** 610310392**Thời gian thực hiện môn học:** 29 giờ (lý thuyết: 13 giờ; thực hành: 14 giờ; kiểm tra định kỳ: 1 giờ; thi kết thúc môn học: 1 giờ).**A. VỊ TRÍ TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC****I. Vị trí:**

Đây là môn học thuộc nhóm các môn chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội (CTXH), môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ V.

II. Tính chất:

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề CTXH, trình độ cao đẳng.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Phát biểu được các khái niệm về sức khỏe, sức khỏe cộng đồng, chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Xác định được các yếu tố ảnh hưởng và nguyên tắc chăm sóc sức khỏe.

2. Trình bày được các vấn đề về dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, sức khỏe sinh sản và giáo dục sức khỏe sinh sản. Nhận diện và biết cách phòng chống các bệnh lây nhiễm phổ biến.

3. Trình bày được vai trò của nhân viên CTXH trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng, mối quan hệ với nhân viên y tế cộng đồng. Mô tả được quy trình thúc đẩy và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, giao tiếp, chia sẻ, quan sát, phân tích, so sánh, tổng hợp và sử dụng công nghệ thông tin.

2. Lập được kế hoạch truyền thông giáo dục và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

3. Thu thập, xử lý và trình bày thông tin về tình hình sức khỏe ở cộng đồng qua báo cáo ngắn trước nhóm hoặc lớp.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Rèn luyện đạo đức nghề nghiệp; có khả năng tự học, tự nghiên cứu và tuân thủ quy định.

2. Hợp tác tốt trong học tập, làm việc nhóm, thu thập thông tin và tuân thủ nguyên tắc đạo đức trong các hoạt động liên quan đến sức khỏe cộng đồng.

3. Chọn lối sống khỏe mạnh, bảo vệ sức khỏe bản thân, gia đình và cộng đồng. Trở thành nhân viên CTXH hiệu quả trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1. Những vấn đề chung về sức khỏe cộng đồng	5	3		2	
	1. Sức khỏe 1.1. Khái niệm sức khỏe 1.2. Các tiêu chí đo lường sức khỏe cá nhân 1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe	1	1			
	2. Sức khỏe cộng đồng 2.1. Khái niệm sức khỏe cộng đồng 2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng	2	1		1	
	3. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2	1		1	

	3.1. Khái niệm chăm sóc sức khỏe cộng đồng 3.2. Một số khái niệm thường dùng trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng 3.3. Nguyên tắc chăm sóc sức khỏe cộng đồng.					
2	Chương 2. Một số vấn đề và bệnh thường gặp trong cộng đồng	12	6		6	
	1. Vấn đề về dinh dưỡng	2	2			
	2. Vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm 2.1. Những nguyên nhân dẫn đến mất an toàn vệ sinh thực phẩm 2.2. Một số hướng dẫn vệ sinh an toàn thực phẩm 2.3. Phòng, chống ngộ độc thức ăn	2	1		1	
	3. Vấn đề tai nạn thương tích và phòng, chống tai nạn thương tích 3.1. Tai nạn thương tích trong cộng đồng 3.2. Các biện pháp phòng ngừa tai nạn thương tích	3	1		2	
	4. Vấn đề sức khỏe sinh sản 4.1. Cơ quan sinh dục nam, nữ và cơ chế thụ thai 4.2. Các biện pháp tránh thai 4.3. Các bệnh lây truyền qua đường tình dục	3	1		2	
	5. Một số bệnh dễ lây nhiễm trong cộng đồng và cách phòng chống	2	1		1	

3	Chương 3: Vai trò của nhân viên CTXH trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng	10	4		6	
	1. Khái niệm hai trong một: Con người sinh học và con người xã hội	1	1			
	2. Mối quan hệ giữa nhân viên CTXH và nhân viên y tế cộng đồng 2.1. Vai trò của nhân viên y tế cộng đồng 2.2. Vai trò của nhân viên CTXH trong lĩnh vực y tế 2.3. Mối quan hệ	3	1		2	
	3. Vai trò của nhân viên CTXH trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng	3	1		2	
	4. Quy trình thúc đẩy và chăm sóc sức khỏe cộng đồng 4.1. Xác định vấn đề của sức khỏe cộng đồng 4.2. Lập kế hoạch can thiệp giải quyết vấn đề sức khỏe cộng đồng 4.3. Các phương pháp giải quyết vấn đề sức khỏe cộng đồng	3	1		2	
4	Kiểm tra định kỳ	1				1
5	Thi kết thúc môn học	1				1
Cộng		29	13		14	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ SỨC KHỎE

CỘNG ĐỒNG**(Thời gian: 5 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm về sức khỏe, sức khỏe cộng đồng, chăm sóc sức khỏe cộng đồng; xác định các yếu tố ảnh hưởng và nguyên tắc chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

2. Phân tích được các yếu tố tác động đến sức khỏe; biết tuyên truyền phòng bệnh, nâng cao sức khỏe cộng đồng.

3. Rèn luyện kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm; có ý thức chăm sóc sức khỏe bản thân, gia đình và cộng đồng.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG**1. Sức khỏe (1,2)*****1.1. Khái niệm sức khỏe******1.2. Các tiêu chí đo lường sức khỏe cá nhân******1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe*****2. Sức khỏe cộng đồng (1,2)*****2.1. Khái niệm sức khỏe cộng đồng******2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng*****3. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng (1,2)*****3.1. Khái niệm chăm sóc sức khỏe cộng đồng******3.2. Một số khái niệm thường dùng trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng******3.3. Nguyên tắc chăm sóc sức khỏe cộng đồng*****CHƯƠNG 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VÀ BỆNH THƯỜNG GẶP TRONG CỘNG ĐỒNG****(Thời gian: 12 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được kiến thức cơ bản về dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm, tai nạn thương tích, sức khỏe sinh sản; nhận biết bệnh truyền nhiễm và cách phòng tránh trong cộng đồng.

2. Thu thập, phân tích thông tin sức khỏe cộng đồng và lập báo cáo; tuyên

truyền nâng cao ý thức bảo vệ sức khỏe.

3. Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, viết báo cáo; lựa chọn lối sống lành mạnh và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong các hoạt động liên quan đến sức khỏe cộng đồng.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Vấn đề về dinh dưỡng (3-5)

2. Vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm (3-5)

2.1. Những nguyên nhân dẫn đến mất an toàn vệ sinh thực phẩm

2.2. Một số hướng dẫn vệ sinh an toàn thực phẩm

2.3. Phòng, chống ngộ độc thức ăn

3. Vấn đề tai nạn thương tích và phòng, chống tai nạn thương tích (3-5)

3.1. Tai nạn thương tích trong cộng đồng

3.2. Các biện pháp phòng ngừa tai nạn thương tích

4. Vấn đề sức khỏe sinh sản (1,3,5)

4.1. Cơ quan sinh dục nam, nữ và cơ chế thụ thai

4.2. Các biện pháp tránh thai

4.3. Các bệnh lây truyền qua đường tình dục

5. Một số bệnh dễ lây nhiễm trong cộng đồng và cách phòng chống (3-5)

CHƯƠNG 3: VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CTXH TRONG CHĂM SÓC SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được vai trò của nhân viên CTXH và mối quan hệ với nhân viên y tế cộng đồng; mô tả được quy trình thúc đẩy và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

2. Lập được kế hoạch truyền thông và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

3. Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, lập kế hoạch; có tinh thần trách nhiệm, tận tâm và hiệu quả trong hoạt động CTXH về sức khỏe cộng đồng.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

(4) 1. Khái niệm hai trong một: Con người sinh học và con người xã hội

2. Mối quan hệ giữa nhân viên CTXH và nhân viên y tế cộng đồng (4)

2.1. Vai trò của nhân viên y tế cộng đồng

2.2. Vai trò của nhân viên CTXH trong lĩnh vực y tế

2.3. Mối quan hệ

3. Vai trò của nhân viên CTXH trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng (4)

4. Quy trình thúc đẩy và chăm sóc sức khỏe cộng đồng (4)

4.1. Xác định vấn đề của sức khỏe cộng đồng

4.2. Lập kế hoạch can thiệp giải quyết vấn đề sức khỏe cộng đồng

4.3. Các phương pháp giải quyết vấn đề sức khỏe cộng đồng

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng

Phòng học được trang bị và lắp đặt các thiết bị, phương tiện hỗ trợ phù hợp để dạy học.

II. Trang thiết bị, máy móc

Máy vi tính, tivi hoặc projector.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo trình, kế hoạch bài giảng, tranh ảnh, video clip liên quan tới từng chương giảng dạy; bảng, phấn, giấy A4, giấy A0, bút dạ, nam châm,....

IV. Các điều kiện khác: Không

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Khái niệm sức khỏe, sức khỏe cộng đồng, chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
- Các yếu tố ảnh hưởng và nguyên tắc chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
- Vấn đề dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm, tai nạn thương tích, sức khỏe sinh sản.

- Một số bệnh truyền nhiễm và cách phòng tránh trong cộng đồng.
- Vai trò của nhân viên CTXH và mối quan hệ với nhân viên y tế cộng đồng.
- Quy trình thúc đẩy và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

2. Kỹ năng

- Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.
- Thu thập, xử lý và báo cáo được thông tin liên quan đến sức khỏe cộng đồng.
- Thực hiện được hoạt động tuyên truyền phòng bệnh và nâng cao sức khỏe.
- Lập được kế hoạch truyền thông và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, lập kế hoạch và viết báo cáo.
- Có ý thức chăm sóc sức khỏe bản thân, gia đình và cộng đồng.
- Lựa chọn lối sống lành mạnh, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.
- Thể hiện tinh thần trách nhiệm, tận tâm và hiệu quả trong CTXH về sức khỏe cộng đồng.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:
 - + Số bài kiểm tra: 1 bài.
 - + Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.
 - + Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.
- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ: 1 bài.
 - + Số bài kiểm tra: 1 bài lý thuyết.
 - + Hình thức kiểm tra: Tự luận hoặc trắc nghiệm.
 - + Thời gian kiểm tra: 1 giờ.
- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày

trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian môn học; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt).

- Hình thức thi: Tự luận.

- Thời gian thi: 1 giờ.

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ V của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CDKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Sức khỏe cộng đồng được sử dụng để đào tạo ngành, nghề CTXH, trình độ cao đẳng.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, giảng giải, vấn đáp, nêu vấn đề, thảo luận và làm việc nhóm, thực hành; đặc biệt chú ý sử dụng phương tiện trực quan, liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của người học.

- Chuẩn bị hệ thống bài tập tình huống thực tế, nội dung thảo luận đầy đủ, khoa học theo chương trình môn học để hướng dẫn người học thực hiện hiệu quả.

2. Đối với người học

- Chuẩn bị tài liệu học tập đầy đủ trước khi đến lớp. Thực hiện tốt bài tập trên lớp, về nhà; làm báo cáo, lập kế hoạch.

- Nghiên cứu, thảo luận nhóm, quan sát, động não trả lời câu hỏi.

- Người học tìm hiểu trước giáo trình Sức khỏe cộng đồng, tích cực trao đổi

thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Khái niệm, nguyên tắc chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
- Một số vấn đề và bệnh thường gặp trong cộng đồng.
- Vai trò của nhân viên CTXH trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

IV. Tài liệu tham khảo (1-5)

1. Chu Thị Huyền Yến, Đặng Thị Lan Anh. Giáo trình Chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Hà Nội: Trường Đại học Lao động - Xã hội; 2023.
2. Giáo trình Chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Hà Nội: Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội; 2021.
3. Nguyễn Thị Bích Hạnh, Đặng Thị Thanh Hà. Giáo trình Sức khỏe cộng đồng. Kon Tum: Trường Cao đẳng Kon Tum; 2022.
4. Tài liệu hướng dẫn thực hành (Dành cho cán bộ xã hội cấp cơ sở). Chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Hà Nội: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; 2017.
5. <https://openai.com>; <https://gemini.google.com>

V Ghi chú và giải thích (Nếu có).

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Công tác xã hội với trẻ em (Social work with child)

Mã môn học: 610320422

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (lý thuyết: 14 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 29 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi kết thúc môn học: 1 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí

Môn học Công tác xã hội với trẻ em là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề công tác xã hội trình độ cao đẳng. Được bố trí dạy ở học kỳ V của khóa học.

II. Tính chất:

Môn học kết hợp giữa kiến thức lý thuyết và các kỹ năng thực hành. Số giờ thực hành được thể hiện dưới các hình thức bài tập, thảo luận nhóm, nhằm mục đích tăng cường các kiến thức thực tiễn cho người học trong quá trình học tập.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Yêu cầu về kiến thức

1. Trình bày được một số vấn đề chung về trẻ em;
2. Giải thích được các vấn đề công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc của công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt
3. Mô tả được quy trình quản lý trường hợp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt
4. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Thực hiện được các kỹ năng: Thu thập thông tin, xác định mục tiêu, lập kế hoạch kết nối dịch vụ, chẩn đoán và hỗ trợ tâm lý trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.
2. Lập kế hoạch và thực hiện các chương trình hỗ trợ cho trẻ có hoàn cảnh đặc biệt; xây dựng mạng lưới hỗ trợ, kết nối các nguồn lực trợ giúp; ghi chép, lưu giữ hồ sơ theo đúng quy định.

3. Thiết lập quan hệ với các cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng để bảo vệ trẻ em, đặc biệt trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Ý thức, trách nhiệm với công việc, bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp của một nhân viên công tác xã hội.

2. Quan tâm, chăm sóc và giành những gì tốt đẹp nhất cho trẻ em trên nguyên tắc bình đẳng không phân biệt đối xử; bảo vệ và tạo môi trường phát triển phù hợp, tích cực và an toàn cho trẻ.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1: Một số vấn đề chung về công tác xã hội với trẻ em	9	3		6	
	1. Sự phát triển tâm lý trẻ em		1		2	
	2. Quyền trẻ em trong pháp luật quốc tế và quốc gia		1		2	
	3. Công tác xã hội với trẻ em		1		2	
2	Chương 2: Khái quát về công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	10	3		7	
	1. Khái niệm về công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt		1		2	
	2. Mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc của công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt					

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	3. Các hoạt động của công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt		1		2	
	4. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt		1		3	
3	Kiểm tra định kì	1				1 (0,1)
4	Chương 3: Bảo vệ trẻ em khỏi xâm hại và sao nhãng	14	5		9	
	1. Trẻ em trong hoàn cảnh bị xâm hại và sao nhãng		1		2	
	2. Nguyên nhân và tác động					
	3. Phát triển các dịch vụ chăm sóc ngoài gia đình		1		1	
	4. Ghi chép tài liệu và báo cáo các dấu hiệu về nguy cơ tổn hại		1		2	
	5. Tiến hành các hoạt động bảo vệ và chăm sóc trẻ em		1		2	
	6. Các phương pháp bảo vệ trẻ em ngoài gia đình		1		2	
5	Chương 4: Quản lý trường hợp với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	10	3		7	
	1. Những vấn đề chung về quản lý trường hợp với trẻ em có hoàn		1		2	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	cảnh đặc biệt					
	2. Quy trình quản lý trường hợp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt		1		2	
	3. Một số kỹ năng trong quản lý trường hợp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt		1		3	
6	Thi kết thúc môn học	1				1 (1,0)
	Cộng	45	14	0	29	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI TRẺ EM

(Thời gian: 9 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được sự phát triển tâm lý về trẻ em; mô tả được quyền trẻ em trong pháp luật quốc tế và quốc gia; xây dựng các chương trình giáo dục cho người dân về bảo vệ trẻ em.

2. Thực hiện được kỹ năng phân tích, tư duy lí luận; giải quyết các vấn đề liên quan đến trẻ em trong các trường hợp cụ thể; xây dựng mạng lưới hỗ trợ, kết nối các nguồn lực trợ giúp trẻ.

3. Tích cực, chủ động trong các hoạt động nâng cao năng lực cho trẻ và gia đình trẻ; phát huy vai trò của truyền thông trong công tác bảo vệ trẻ em.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Sự phát triển tâm lý trẻ em (1, 2)

2. Quyền trẻ em trong pháp luật quốc tế và quốc gia (2, 3)

3. Công tác xã hội với trẻ em (2)

CHƯƠNG 2:**KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI TRẺ EM
CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT****(Thời gian: 10 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày và mô tả được tình hình trẻ em trong hoàn cảnh đặc biệt; phân tích các nguyên tắc làm việc với trẻ, xác định các vấn đề và nhu cầu của trẻ em.
2. Thực hiện tốt các kỹ năng: ghi chép hồ sơ cá nhân, kỹ năng quan sát-lắng nghe, kỹ năng can thiệp - giải quyết vấn đề; kỹ năng làm việc với trẻ.
3. Ý thức, trách nhiệm cao trong giải quyết vấn đề trong học tập và thực tiễn; trung thực, bảo mật thông tin của trẻ; tạo môi trường phát triển phù hợp, tích cực và an toàn cho trẻ.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm về công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (1)
2. Mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc của công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (1)
3. Các hoạt động của công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (1, 2)
4. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (1, 2)

CHƯƠNG 3: BẢO VỆ TRẺ EM KHỎI XÂM HẠI VÀ SAO NHÃNG**(Thời gian: 14 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày và phân tích được những vấn đề về khủng hoảng ở trẻ em; cách thức can thiệp, hỗ trợ trẻ em bị khủng hoảng.
2. Thực hiện tốt kỹ năng: phân tích, đánh giá, lập kế hoạch trợ giúp, hỗ trợ trẻ em có hiệu quả; kỹ năng ghi chép tài liệu và báo cáo các dấu hiệu về nguy cơ tổn hại ở trẻ; vận dụng các phương pháp bảo vệ trẻ em ngoài gia đình; chẩn đoán và hỗ trợ tâm lý trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.
3. Ý thức, trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp; phát huy vai trò của truyền

thông trong các hoạt động bảo vệ trẻ em và chăm sóc trẻ em.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

- 1. Trẻ em trong hoàn cảnh bị xâm hại và sao nhãng (4)**
- 2. Nguyên nhân và tác động (5, 6)**
- 3. Phát triển các dịch vụ chăm sóc ngoài gia đình (2, 7)**
- 4. Ghi chép tài liệu và báo cáo các dấu hiệu về nguy cơ tổn hại (2, 4, 7)**
- 5. Tiến hành các hoạt động bảo vệ và chăm sóc trẻ em (4, 6)**
- 6. Các phương pháp bảo vệ trẻ em ngoài gia đình (2, 4, 7)**

CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ TRƯỜNG HỢP VỚI TRẺ EM

CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày và phân tích được những vấn đề về quản lý trường hợp với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; mô tả quy trình quản lý trường hợp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;
2. Thực hiện thành thạo một số kỹ năng trong quản lý trường hợp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;
3. Ý thức, trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp trong giải quyết vấn đề của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trong thực tiễn; thiết lập quan hệ với các cá nhân, gia đình, và cộng đồng nhằm bảo vệ trẻ em.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

- 1. Những vấn đề chung về quản lý trường hợp với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (1)**
- 2. Quy trình quản lý trường hợp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (1)**
- 3. Một số kỹ năng trong quản lý trường hợp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (1)**

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng

Phòng học lý thuyết phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm.

II. Trang thiết bị, máy móc: Tivi, máy vi tính.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Học liệu

+ Giáo trình Công tác xã hội trẻ em, trường Cao đẳng Kon Tum, năm 2021.

+ Giáo trình Công tác xã hội với trẻ em, trường Cao đẳng Giao thông vận tải trung ương I, Hà Nội 2017.

- Dụng cụ, nguyên vật liệu: Tranh ảnh, video liên quan tới từng bài giảng dạy, giấy A4, Ao, bút chì, thước, bút lông, bút dạ, bảng làm việc nhóm, giấy note, nam châm,...

IV. Các điều kiện khác: Không

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Trình bày được các yếu tố cá nhân, gia đình và xã hội tác động đến sự phát triển của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

- Mô tả quy trình, kỹ thuật công tác xã hội chuyên biệt trong việc hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

- Phân tích được các chính sách, pháp luật, dịch vụ xã hội hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam và trên thế giới; vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

2. Kỹ năng

- Thực hiện được các kỹ năng công tác xã hội như: tham vấn, lắng nghe, thiết lập mối quan hệ, giải quyết xung đột... trong làm việc với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; xây dựng kế hoạch can thiệp phù hợp với từng nhóm trẻ em (trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em bị bạo hành, trẻ em có hành vi lệch chuẩn,...).

- Phối hợp với gia đình, nhà trường, cộng đồng và các tổ chức bảo vệ trẻ em trong quá trình hỗ trợ và can thiệp.

- Ghi chép hồ sơ, báo cáo trường hợp và đánh giá kết quả can thiệp với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt một cách chuyên nghiệp.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên

+ Số bài kiểm tra: 01

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá sinh viên thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kỹ năng, thao tác, kết quả thực hành, thí nghiệm, chấm điểm tường trình thí nghiệm hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Kiểm tra, đánh giá định kỳ

+ Số bài kiểm tra: 01

+ Hình thức kiểm tra: Thực hành

+ Thời gian kiểm tra: 1 giờ

+ Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được thể hiện trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian thi: 1 giờ

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ IV của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Đề thi kết thúc môn học được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình môn học.

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CDKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Công tác xã hội với trẻ em được sử dụng dùng chung cho ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ cao đẳng, tại Trường Cao đẳng Kon Tum

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Trong quá trình giảng dạy có thể vận dụng kết hợp lý thuyết và thực hành. Áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau như (trình bày, diễn giải, chứng minh, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của sinh viên...).

- Nhà giáo hướng dẫn sinh viên nhận thức kiến thức về lý thuyết và những kiến thức thực hành bổ sung cho phần kiến thức lý thuyết đã học.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

- Sinh viên nghiên cứu bài học trước khi đến lớp, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này. Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, thực hành, bài kiểm tra và thi.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Một số văn bản pháp lý liên quan đến bảo vệ trẻ em của quốc tế và Việt Nam;

- Vai trò và trách nhiệm của nhân viên công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;

- Nguyên nhân và tác động/hậu quả của việc xâm hại, bóc lột và sao nhãng đối với trẻ em.

- Quy trình quản lý trường hợp và các kỹ năng trong quản lý trường hợp với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Đoàn Thị Thanh Huyền. Giáo trình công tác xã hội với trẻ có hoàn cảnh đặc biệt: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội; năm 2020.

2. Nguyễn Trung Hải. Giáo trình Công tác xã hội với trẻ em. Đại học Lao động xã hội: Hà Nội; năm 2016.

3. Quốc hội. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hà Nội; năm 2013.

4. Giáo trình Công tác xã hội với trẻ em. Trường Cao đẳng Giao thông vận tải trung ương I: Hà Nội; năm 2017.

5. Đặng Cảnh Khanh. Gia đình trẻ em và sự kế thừa các giá trị truyền thống. NXB Lao động xã hội: Hà Nội; năm 2003.

6. Lê Thị Thanh Hòa. Công tác xã hội với trẻ em. trường Cao đẳng Kon Tum; năm 2021.

7. Nguyễn Ngọc Lâm. Giáo trình Công tác xã hội với trẻ em và gia đình. ĐH Mở - Bán công TP HCM; năm 2005.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có).

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Công tác xã hội với người cao tuổi (Social work with the elderly)

Mã môn học: 610320402

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (lý thuyết: 14 giờ; Bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành: 29 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi kết thúc môn học: 1 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**I. Vị trí:**

Công tác xã hội với người cao tuổi là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề công tác xã hội trình độ cao đẳng, môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ V của khoá học.

II. Tính chất

Môn học kết hợp giữa kiến thức lý thuyết và các kỹ năng thực hành. Số giờ thực hành được thể hiện dưới các hình thức bài tập, thảo luận nhóm, nhằm mục đích tăng cường các kiến thức thực tiễn cho người học trong quá trình học tập.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được các kiến thức cơ sở về công tác xã hội với người cao tuổi như: khái niệm, đặc điểm tâm sinh lý, nhu cầu của người cao tuổi.
2. Phân tích được một số văn bản luật và các chính sách xã hội đối với người cao tuổi

II. Yêu cầu về kỹ năng

Thực hiện được các kỹ năng: ghi chép hồ sơ cá nhân, giao tiếp, truyền thông, lắng nghe, quan sát, phân tích, đánh giá vấn đề, can thiệp - giải quyết vấn đề, tham vấn.

Thực hiện được tiến trình công tác xã hội với người cao tuổi vào việc xử lý và giải quyết bài tập tình huống.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có trách nhiệm, trung thực, khách quan với kết quả nghiên cứu và học tập.

Tôn trọng và giúp đỡ người cao tuổi một cách có trách nhiệm.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1: Những vấn đề chung	7	3	0	4	
	1. Vài nét khái quát về người cao tuổi 1.1. Khái niệm về người cao tuổi 1.2. Khái niệm về công tác xã hội với người cao tuổi 1.3. Vai trò của người cao tuổi 1.4. Thực trạng và xu hướng người cao tuổi 2. Các đặc điểm tâm sinh lý và nhu cầu người cao tuổi 2.1. Các đặc điểm tâm sinh lý 2.2. Nhu cầu của người cao tuổi		1.5			
2	Chương 2. Luật pháp và các chính sách xã hội đối với người cao tuổi	12	3	0	9	
	1. Những văn kiện quốc tế cơ bản về công tác người cao tuổi 1.1. Quyền của người cao tuổi 1.2. Chính sách quốc tế về người cao tuổi của liên đoàn quốc tế công tác xã hội. 1.3. Mục đích hỗ trợ các Chính		1.5		4.5	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	sách xã hội 2. Luật pháp Việt Nam liên quan đến người cao tuổi 2.1. Các bộ luật có liên quan 2.2. Luật người cao tuổi 2.3. Chính sách trợ giúp người cao tuổi		1.5		4.5	
4	Chương 3. Các kỹ năng cơ bản trong lĩnh vực trợ giúp người cao tuổi. 1. Kỹ năng nhận diện vấn đề 2. Kỹ năng cung cấp thông tin 3. Kỹ năng xử lý sự im lặng 4. Kỹ năng tóm tắt, diễn giải 4.1. Kỹ năng tóm tắt 4.2. Kỹ năng diễn giải 5. Kỹ năng tự bộc lộ 6. Kỹ năng vận động và kết nối nguồn lực	14	4 0.5 1.0 0.5 0.5 1.0 0.5	0 	10 1.0 2.0 2.0 2.0 2.0 1.0	
5	Chương 4. Phát triển công tác xã hội với người cao tuổi ở Việt Nam 1. Công tác xã hội với người cao tuổi tại Việt Nam 1.1. Những kết quả ban đầu	10	0.5	0	6	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	trong phát triển công tác xã hội chuyên nghiệp ở Việt Nam và những khó khăn đặt ra. 1.2 Định hướng phát triển công tác xã hội với người cao tuổi 2. Một số loại hình chăm sóc, hỗ trợ của nhân viên công tác xã hội người cao tuổi 2.1. Chăm sóc, hỗ trợ người cao tuổi trong các cơ sở dịch vụ 2.2. Chăm sóc, hỗ trợ người cao tuổi ở Viện dưỡng lão 2.3. Chăm sóc, hỗ trợ người cao tuổi ở Trung tâm bảo trợ xã hội 2.4. Chăm sóc, hỗ trợ người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng 3. Tiến trình trợ giúp người cao tuổi 3.1. Tiếp cận người cao tuổi 3.2. Xác định vấn đề 3.3. Thu thập dữ liệu 3.4. Chẩn đoán 3.5. Lên kế hoạch trợ giúp 3.6. Trợ giúp 3.7. Đánh giá 4. Giải quyết trường hợp điển cứu trong công tác xã hội với		1.0		0.5	
			1.5		3.0	
			1.0		2.0	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	người cao tuổi					
6	Kiểm tra định kỳ	1				1
7	Thi kết thúc môn học	1				1
	Cộng	45	14	0	29	3

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG.

(Thời gian: 7 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, thực trạng xu hướng, các đặc điểm tâm sinh lý và nhu cầu của người cao tuổi.
2. Thực hiện thành thạo các kỹ năng thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề được nêu trong nội dung bài học.
3. Hình thành thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài, tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn lao động, vệ sinh môi trường

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Vài nét khái quát về người cao tuổi (6)

1.1. Khái niệm về người cao tuổi

1.2. Khái niệm về công tác xã hội với người cao tuổi

1.3. Vai trò của người cao tuổi

1.4. Thực trạng và xu hướng người cao tuổi

2. Các đặc điểm tâm sinh lý và nhu cầu người cao tuổi. (1)

2.1. Các đặc điểm tâm sinh lý

2.2. Nhu cầu của người cao tuổi

CHƯƠNG 2: LUẬT PHÁP VÀ CÁC CHÍNH SÁCH XÃ HỘI ĐỐI VỚI NGƯỜI CAO TUỔI

(Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày một số luật pháp, các văn kiện và chính sách trợ giúp liên quan người cao tuổi.
2. Kết nối người cao tuổi với các cơ sở cung cấp dịch liên quan. Tư vấn được những chính sách của Nhà nước cho người cao tuổi.
3. Hình thành thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài, tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Những văn kiện quốc tế cơ bản về công tác người cao tuổi

1.1. Quyền của người cao tuổi

1.2. Chính sách quốc tế về người cao tuổi của liên đoàn quốc tế công tác xã hội

1.3. Mục đích hỗ trợ các Chính sách xã hội

2. Luật pháp Việt Nam liên quan đến người cao tuổi (4)

2.1. Các bộ luật có liên quan

2.2. Luật người cao tuổi

2.3. Chính sách trợ giúp người cao tuổi

CHƯƠNG 3: CÁC KỸ NĂNG CƠ BẢN TRONG LĨNH VỰC TRỢ GIÚP NGƯỜI CAO TUỔI

(Thời gian: 14 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày các kỹ năng áp dụng trong công tác xã hội với người cao tuổi, qua đó đánh giá được kỹ năng nào là phù hợp khi tiếp cận và làm việc với người cao tuổi.
2. Thực được các kỹ năng: nhận diện vấn đề, cung cấp thông tin, xử lý im

lặng, tóm tắt, diễn giải, tự bộc lộ và vận động kết nối nguồn lực.

3. Có ý thức học hỏi, phát huy những kỹ năng cơ bản nhân viên công tác xã hội, góp phần hình thành thái độ, ý thức trách nhiệm xã hội - nghề nghiệp tích cực.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Kỹ năng nhận diện vấn đề (2-3)

2. Kỹ năng cung cấp thông tin (2-3)

3. Kỹ năng xử lý sự im lặng (2-3)

4. Kỹ năng tóm tắt, diễn giải (2-3)

4.1. Kỹ năng tóm tắt

4.2. Kỹ năng diễn giải

5. Kỹ năng tự bộc lộ (2-3)

6. Kỹ năng vận động và kết nối nguồn lực (2-3)

CHƯƠNG 4: PHÁT TRIỂN CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI CAO TUỔI Ở VIỆT NAM

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày các định hướng phát triển công tác xã hội với người cao tuổi, phân tích một số loại hình chăm sóc, hỗ trợ của nhân viên xã hội với người cao tuổi. Phân tích tiến trình công tác xã hội với người cao tuổi vào việc xử lý và giải quyết vấn đề.

2. Thực hiện thành thạo các kỹ năng làm việc nhóm, thảo luận, làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề được nêu trong nội dung bài học..

3. Có ý thức, trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp trong giải quyết vấn đề trợ giúp người cao tuổi.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Công tác xã hội với người cao tuổi tại Việt Nam (5)

1.1. Những kết quả ban đầu trong phát triển công tác xã hội chuyên nghiệp ở Việt Nam và những khó khăn đặt ra

1.2 Định hướng phát triển công tác xã hội với người cao tuổi

2. Một số loại hình chăm sóc, hỗ trợ của nhân viên công tác xã hội người cao tuổi

2.1. Chăm sóc, hỗ trợ người cao tuổi trong các cơ sở dịch vụ

2.2. Chăm sóc, hỗ trợ người cao tuổi ở Viện dưỡng lão

2.3. Chăm sóc, hỗ trợ người cao tuổi ở Trung tâm bảo trợ xã hội

2.4. Chăm sóc, hỗ trợ người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng

3. Tiến trình trợ giúp người cao tuổi

3.1. Tiếp cận người cao tuổi

3.2. Xác định vấn đề

3.3. Thu thập dữ liệu

3.4. Chẩn đoán

3.5. Lên kế hoạch trợ giúp

3.6. Trợ giúp

3.7. Đánh giá

4. Giải quyết trường hợp điển cứu trong công tác xã hội với người cao tuổi

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng

Phòng học chuyên môn hóa, bảo đảm các điều kiện ánh sáng, vệ sinh...

II. Trang thiết bị, máy móc

Máy chiếu projector, hoặc tivi, bút lật trang.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Phấn, bảng, bút, sách, giấy A0, bút lông, nam châm...

IV. Các điều kiện khác

Không

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Các kiến thức cơ sở lý thuyết về công tác xã hội với người cao tuổi như: khái niệm, đặc điểm tâm sinh lý, nhu cầu của người cao tuổi;

- Một số luật pháp, chính sách xã hội và xu hướng phát triển công tác xã hội đối với người cao tuổi;

- Các kỹ năng cơ bản trong lĩnh vực trợ giúp người cao tuổi;

- Vận dụng được tiến trình công tác xã hội với người cao tuổi vào việc xử lý và giải quyết bài tập tình huống.

2. Kỹ năng

- Ghi chép hồ sơ cá nhân

- Giao tiếp, truyền thông, lắng nghe, quan sát, phân tích, đánh giá vấn đề

- Can thiệp - giải quyết vấn đề của người cao tuổi

- Tham vấn cho người cao tuổi.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Ý thức được tính chuyên nghiệp. Có trách nhiệm, trung thực, khách quan với kết quả nghiên cứu và học tập.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

- + Số bài kiểm tra: 01 bài.

- + Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

- + Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ: 01 bài

- + Số bài kiểm tra: 1 bài.

- + Hình thức kiểm tra: Thực hành.

- Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian thi: 1 giờ

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: vào học kì V trong chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc mô đun: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CĐKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn Công tác xã hội với người cao tuổi được sử dụng đào tạo ngành/nghề Công tác xã hội trình độ Cao đẳng hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực;
- Quan tâm phát huy kinh nghiệm của người học trong quá trình lên lớp; chú trọng đầu tư tổ chức tốt các tiết thảo luận cả về nội dung lẫn hình thức.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo

thang điểm 10.

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.
- Sinh viên nghiên cứu bài học trước khi đến lớp, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này. Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, thực hành, bài kiểm tra và thi.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Các đặc điểm tâm sinh lý và nhu cầu người cao tuổi.
- Luật người cao tuổi
- Các kỹ năng cơ bản trong lĩnh vực trợ giúp người cao tuổi.
- Một số loại hình chăm sóc, hỗ trợ của NVXH với người cao tuổi.
- Tiến trình trợ giúp người cao tuổi.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Chu Vĩnh Bình. Cuộc sống người cao tuổi. Hà Nội: NXB Thế giới; 2006.
2. Nguyễn Văn Đồng. Tâm lý học phát triển, giai đoạn thanh niên đến tuổi già. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia; 2007.
3. Trần Thị Minh Đức. Giáo trình Tham vấn tâm lý. Hà Nội: NXB Đại học quốc gia; 2009.
4. Bộ Tư pháp. Luật người cao tuổi. Hà Nội: NXB Tư pháp; 2010.
5. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội. Báo cáo tóm tắt về tình hình người cao tuổi ở Việt Nam 2011
6. Nguyễn Thị Bích Ngọc, Huỳnh Hà Tố Uyên, Giáo trình môn học Công tác xã hội với người cao tuổi. Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum; 2021.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có).

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Công tác xã hội với sức khỏe tâm thần (*Social work with mental health*)

Mã môn học: 610320582

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 13 giờ; thảo luận, bài tập 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 15 giờ; kiểm tra: 01 giờ; thi: 01giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí: Là môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Công tác xã hội.

II. Tính chất

Là môn học bắt buộc của ngành Công tác xã hội. Cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết để hỗ trợ, can thiệp và cải thiện sức khỏe tâm thần cho cá nhân, gia đình và cộng đồng. Môn học giúp sinh viên hiểu rõ mối liên hệ giữa các yếu tố xã hội, tâm lý, gia đình và môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần, từ đó có các giải pháp công tác xã hội, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho những người gặp vấn đề về sức khỏe tâm thần.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Yêu cầu về kiến thức

1. Trình bày được đại cương về tâm thần học và phân biệt bệnh tâm thần với bệnh thần kinh; nguyên nhân và các nhân tố thuận lợi gây phát sinh bệnh tâm thần;
2. Mô tả được các bệnh tâm thần thường gặp và cách nhận định tình trạng bệnh nhân.
3. Phân tích được vai trò của công tác xã hội và nhân viên công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần.
4. Trình bày được các trạng thái bệnh lý tâm thần chính trong cấp cứu bệnh tâm thần; Khái niệm, nguyên nhân các trường hợp trong cấp cứu bệnh tâm thần.

II. Yêu cầu về kỹ năng

Thực hiện được những kỹ năng cơ bản như nhận diện, hỗ trợ, giao tiếp để xử trí, theo dõi, chăm sóc và phòng ngừa các trường hợp cấp cứu bệnh tâm thần

thường gặp.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Giáo dục và nâng cao nhận thức cho người dân trong chăm sóc sức khỏe tâm thần;

2. Sinh viên ý thức được tính chuyên nghiệp. Có trách nhiệm với kết quả nghiên cứu và học tập.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Số TT	Tên chương/ mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Thực hành, thí nghiệm	Thi/ Kiểm tra
1	Chương 1: Khái quát chung về tâm thần và sức khỏe tâm thần	4	4	0	0	
	1. Khái niệm và thuật ngữ		1			
	2. Nguyên nhân và các bệnh tâm thần thường gặp		2			
	3. Mô hình chăm sóc sức khỏe tâm thần		1			
2	Chương 2: Vai trò của Công tác xã hội trong các dịch vụ sức khỏe tâm thần	10	4	0	6	
	1. Khái niệm CTXH		1			
	2. Vai trò của công tác xã hội và nhân viên công tác xã hội		1		1	
	3. Các lý thuyết đặc trưng vận dụng trong CTXH với sức khỏe tâm thần		1		3	
	4. Nhu cầu công tác xã hội trong lĩnh vực sức khỏe tâm		1		2	

	thần					
3	Chương 3: Theo dõi, chăm sóc các trường hợp cấp cứu tâm thần	14	5	0	9	0
	1. Tâm thần phân liệt		2		3	
	2. Trầm cảm		1.5		3	
	3. Tự sát		1.5		3	
4	Kiểm tra định kỳ	1				1
5	Thi kết thúc môn học	1				1
	Tổng cộng:	30	13	0	15	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TÂM THẦN VÀ SỨC KHỎE TÂM THẦN

(Thời gian: 04 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Sinh viên trình bày được đại cương về tâm thần học và phân biệt bệnh tâm thần với bệnh thần kinh; nguyên nhân và các nhân tố thuận lợi gây phát sinh bệnh tâm thần; Mô tả được các bệnh tâm thần thường gặp và cách nhận định tình trạng bệnh nhân; Trình bày được các mô hình sức khỏe tâm thần.

2. Có kỹ năng phân biệt và phân tích các mô hình sức khỏe tâm thần.

3. Sinh viên ý thức được tính chuyên nghiệp. Có trách nhiệm với kết quả nghiên cứu và học tập

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm và thuật ngữ (1)

1.1. Khái niệm về sức khỏe tâm thần

1.2. Rối loạn tâm thần

1.3. Bệnh tâm thần

1.4. Phân biệt bệnh tâm thần với bệnh thần kinh

2. Nguyên nhân và các bệnh tâm thần thường gặp (1)

2.1. Nguyên nhân**2.2. Các bệnh tâm thần thường gặp****3. Mô hình sức khỏe tâm thần (1)****3.1. Mô hình y học****3.2. Mô hình xã hội****3.3. Mô hình sinh học – tâm lý – xã hội****CHƯƠNG 2: VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG CÁC DỊCH VỤ SỨC KHỎE TÂM THẦN****(Thời gian: 10 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm công tác xã hội; Phân tích được vai trò của công tác xã hội và nhân viên công tác xã hội; các lý thuyết đặc trưng vận dụng trong CTXH với sức khỏe tâm thần.

2. Có kỹ năng phân tích về nhu cầu công tác xã hội trong lĩnh vực sức khỏe tâm thần.

3. Ý thức được vai trò trong việc hỗ trợ và giúp đỡ người có bệnh về tâm thần. Tôn trọng và chia sẻ cùng đối tượng.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG**1. Khái niệm CTXH (2)****2. Vai trò của công tác xã hội và nhân viên công tác xã hội (2)****3. Các lý thuyết đặc trưng vận dụng trong CTXH với sức khỏe tâm thần (1)****3.1. Lý thuyết hệ thống sinh thái****3.2. Quan niệm sức mạnh thân chủ****3.3. Thuyết hành vi****4. Nhu cầu công tác xã hội trong lĩnh vực sức khỏe tâm thần (1)****4.1. Trên thế giới****4.2. Ở Việt Nam****CHƯƠNG 3: THEO DÕI, CHĂM SÓC CÁC TRƯỜNG HỢP CẤP**

CỨU TÂM THẦN**(Thời gian: 14 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm, nguyên nhân các trường hợp trong cấp cứu bệnh tâm thần; Mô tả được các trạng thái bệnh lý tâm thần chính trong cấp cứu bệnh tâm thần

2. Sinh viên vận dụng xử trí, theo dõi và chăm sóc người có vấn đề về sức khỏe tâm thần.

3. Ý thức được vai trò trong việc hỗ trợ và giúp đỡ người có bệnh về tâm thần. Tôn trọng và chia sẻ cùng đối tượng.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG**1. Tâm thần phân liệt (3)****1.1. Khái niệm****1.2. Triệu chứng****1.3. Nguyên nhân****1.4. Điều trị và can thiệp****2. Trầm cảm (3)****2.1. Khái niệm****2.2. Đặc điểm****2.3. Các mức độ trầm cảm****2.4. Một số dạng đặc biệt của trầm cảm****2.5. Điều trị****3. Tự sát (3)****3.1. Khái niệm****3.2. Nguyên nhân****3.3. Cách xử trí, theo dõi và chăm sóc****3.4. Phòng bệnh****D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC****I. Phòng học chuyên môn**

Phòng học chuyên môn bảo đảm các điều kiện ánh sáng, vệ sinh...

II. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu projector, hoặc tivi, bút lật trang. Máy vi tính cá nhân

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Học liệu: chương trình và giáo trình, phương án bài giảng
- Dụng cụ, nguyên vật liệu: phấn, bảng, bút, giấy A0,...

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Trình bày được khái niệm tâm thần học, phạm vi của tâm thần học bao gồm các rối loạn cảm xúc, tư duy, hành vi và nhận thức.
- Phân biệt bệnh tâm thần với bệnh thần kinh; Nguyên nhân và các nhân tố thuận lợi gây phát sinh bệnh tâm thần. Mô tả được các mô hình sức khỏe tâm thần hiện nay.
- Mô tả các bệnh tâm thần thường gặp như rối loạn trầm cảm, tâm thần phân liệt, rối loạn lo âu.
- Phân tích được vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ bệnh nhân và gia đình tiếp cận các dịch vụ y tế, phúc lợi xã hội và chương trình phục hồi chức năng.
- Trình bày được vai trò của nhân viên công tác xã hội trong tư vấn tâm lý và hỗ trợ xây dựng kế hoạch chăm sóc cá nhân hóa cho bệnh nhân. Phối hợp với đội ngũ y tế để bảo đảm bệnh nhân tuân thủ điều trị và tái hòa nhập cộng đồng.
- Mô tả các trạng thái bệnh lý tâm thần chính trong cấp cứu như tâm thần phân liệt, tự sát hay trầm cảm.

2. Kỹ năng

- Kỹ năng nhận diện bệnh tâm thần phân liệt, trầm cảm và tự sát.
- Kỹ năng hỗ trợ và bảo đảm an toàn đối với bệnh nhân tâm thần phân liệt, trầm cảm và tự sát.
- Kỹ năng giao tiếp hiệu quả với người bệnh và gia đình người bệnh.
- Kỹ năng hỗ trợ gia đình người bệnh và giáo dục cộng đồng về sức khỏe tâm thần.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Sinh viên phải chủ động trong việc nghiên cứu tài liệu, tìm kiếm thông tin

bổ sung để nâng cao hiểu biết về các vấn đề liên quan đến sức khỏe tâm thần và công tác xã hội.

- Tự giác hoàn thành bài tập, đọc tài liệu, và chuẩn bị tốt cho kiểm tra thường xuyên, định kỳ, bài luận hoặc bài thuyết trình.

- Chủ động tham gia vào các hoạt động học tập ngoài giờ lên lớp, như các buổi hội thảo, trao đổi với giảng viên hoặc các chuyên gia trong lĩnh vực công tác xã hội với sức khỏe tâm thần.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

- + Số bài kiểm tra: : 01 bài

- + Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (*tự luận, trắc nghiệm*), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

- + Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ

- + Số bài kiểm tra: 1 bài.

- + Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm hoặc tự luận.

- Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi: Sinh viên phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (*thang điểm 10*) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (*trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt*)

- Hình thức thi: Tự luận.

- Thời gian thi: 1 giờ.

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi

kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CDKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn Công tác xã hội với sức khỏe tâm thần được sử dụng đào tạo trình độ cao đẳng chuyên ngành Công tác xã hội.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: thuyết trình, vấn đáp, diễn giải, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của người học....

- Quan tâm phát huy kinh nghiệm của người học trong quá trình lên lớp; chú trọng đầu tư tổ chức tốt các tiết thảo luận cả về nội dung lẫn hình thức.

2. Đối với người học

- Nghiên cứu, thảo luận nhóm, quan sát, động não trả lời câu hỏi.

- Người học tìm hiểu giáo trình, một số tài liệu liên quan đến môn học này.

III. Những trọng tâm cần chú ý:

Những nội dung trọng tâm cần lưu ý.

1. Vai trò của công tác xã hội và nhân viên công tác xã hội

2. Theo dõi, chăm sóc các trường hợp cấp cứu tâm thần

IV. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Thị Mỹ Lộc. Công tác xã hội trong lĩnh vực sức khỏe tâm thần: Đại học quốc gia Hà Nội; 2013.

2. Nguyễn Thị Thái Lan. Công tác xã hội cá nhân và gia đình: Đại học Lao động - Xã hội; 2014.

3. Bùi Quang Huy. Tâm thần phân liệt, nguyên nhân, chẩn đoán và điều trị: NXB Y học Hà Nội; 2020.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Công tác xã hội với người khuyết tật (Social work with disabled people)

Mã môn học: 610320312

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (lý thuyết: 13 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 15 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**I. Vị trí**

Công tác xã hội với người khuyết tật là học phần chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội, được bố trí học kì III trong chương trình đào tạo.

II. Tính chất môn học

Là môn học chuyên ngành bắt buộc, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội trình độ cao đẳng.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được các kiến thức cơ bản về người khuyết tật
2. Phân tích được các hướng tiếp cận dựa trên quan điểm về người khuyết tật, các loại hình dịch vụ và mô hình trợ giúp người khuyết tật.
3. Phân tích được tiến trình giải quyết vấn đề trong phương pháp công tác xã hội với cá nhân; tiến trình công tác xã hội cá nhân với gia đình người khuyết tật.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Thực hiện tốt kỹ năng giao tiếp và thiết lập mối quan hệ với người khuyết tật
2. Hình thành được kỹ năng đánh giá hoàn cảnh người khuyết tật; xác định được các yếu tố tác động đến chất lượng cuộc sống của người khuyết tật; xác định được các bước thực hiện, nguồn lực cần thiết và vai trò của các bên liên quan trong việc hỗ trợ người khuyết tật.

3. Thực hiện tốt kỹ năng tư vấn – tham vấn; hỗ trợ người khuyết tật tăng khả năng ra quyết định và tự chủ trong cuộc sống.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Ý thức được vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc bảo vệ quyền lợi và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người khuyết tật.

2. Chủ động thực hiện đúng các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp.

3. Tự chủ trong học tập và thực hành công tác xã hội với người khuyết tật.

4. Hình thành ý thức hợp tác và phối hợp hiệu quả với các bên liên quan trong quá trình can thiệp và trợ giúp người khuyết tật.

5. Gương mẫu và truyền cảm hứng trong công tác xã hội với người yếu thế.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
2	Chương 1: Kiến thức chung về người khuyết tật	5	3		2	
	1. Các khái niệm		0.25			
	2. Phân loại khuyết tật		0.5			
	2.1. Phân loại theo nguyên nhân					
	2.2. Phân loại theo nhóm					
	2.3. Phân loại theo dạng tật					
	3. Các mức độ khuyết tật		0.5			
	4. Nguyên nhân gây khiếm khuyết và sự hình thành khuyết tật		0.5			
	5. Đặc điểm tâm lý, nhu cầu của		0.5			

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	người khuyết tật 5.1. Một số đặc điểm tâm lý của người khuyết tật 5.2. Nhu cầu của người khuyết tật và những khó khăn trong đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật 6. Những khó khăn của người khuyết tật 6.1. Kỳ thị và phân biệt đối xử 6.2. Khó khăn trong tiếp cận các dịch vụ 7. Thực trạng khuyết tật		0.5 0.25		1 1	
3	Chương 2: Chính sách, pháp luật và dịch vụ cho người khuyết tật	10	5		5	
	1. Pháp luật về người khuyết tật 1.1. Pháp luật quốc tế về người khuyết tật 1.2. Pháp luật Việt Nam về người khuyết tật 2. Chính sách, chương trình hỗ trợ người khuyết tật 2.1. Chính sách hỗ trợ giáo dục 2.2. Chính sách hỗ trợ dạy nghề và tạo việc làm		1 2		1 2	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2.3. Chính sách ưu đãi về y tế 2.4. Chính sách bảo trợ xã hội 3. Mô hình dịch vụ hỗ trợ cho người khuyết tật 3.1. Mô hình chăm sóc tại trung tâm công tác xã hội 3.2. Mô hình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng (CBR) 3.3. Mô hình giáo dục 3.4. Mô hình sống độc lập 3.5. Mô hình chăm sóc tại cơ sở bảo trợ xã hội		2		2	
4	Chương 3: Kỹ năng và phương pháp công tác xã hội với người khuyết tật 1. Một số kỹ năng công tác xã hội với người khuyết tật 1.1. Kỹ năng biện hộ 1.2. Kỹ năng giúp người khuyết tật sống độc lập 1.3. Kỹ năng xử lý khủng hoảng 1.4. Kỹ năng thúc đẩy sự tham gia của người khuyết tật 2. Công tác xã hội cá nhân và gia đình người khuyết tật	13	5 2 2		8 3 3	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2.1. Công tác xã hội cá nhân với người khuyết tật 2.2. Công tác xã hội với gia đình người khuyết tật 2.3. Tham vấn cho người khuyết tật và gia đình 3. Công tác xã hội nhóm với người khuyết tật 3.1. Công tác xã hội nhóm được sử dụng trong các trường hợp 3.2 Công tác xã hội nhóm với người khuyết tật		1		2	
6	Kiểm tra định kì	1				1
6	Thi kết thúc môn học	1				1
	Cộng	30	13	0	15	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: KIẾN THỨC CHUNG VỀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, phân loại, thực trạng, đặc điểm và nhu cầu người khuyết tật; phân tích được những nguyên nhân gây ra khuyết tật, những khó khăn của người khuyết tật. Phân tích và đánh giá được về tình hình người khuyết tật; giáo dục nâng cao nhận thức cho người khuyết tật; hoàn thành tốt vai trò của người làm công tác xã hội khi giúp đỡ những người khuyết tật.

2. Nhận diện và phân loại các dạng khuyết tật.

3. Có thái độ đúng mực, chuyên nghiệp đối với người khuyết tật và gia đình người khuyết tật; hiểu và đồng cảm, chia sẻ với những người khuyết tật.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Các khái niệm (1)

2. Phân loại khuyết tật (3)

2.1. Phân loại theo nguyên nhân

2.2. Phân loại theo nhóm khuyết tật

2.3. Phân loại theo dạng tật

3. Các mức độ khuyết tật (3)

4. Nguyên nhân gây khiếm khuyết và sự hình thành khuyết tật (2)

5. Đặc điểm tâm lý, nhu cầu của người khuyết tật (3)

5.1. Một số đặc điểm tâm lý của người khuyết tật

5.2. Nhu cầu của người khuyết tật và những khó khăn trong đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật

6. Những khó khăn của người khuyết tật (3)

6.1. Kỳ thị và phân biệt đối xử

6.2. Khó khăn trong tiếp cận các dịch vụ

7. Thực trạng khuyết tật (3)

CHƯƠNG 2: CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VÀ DỊCH VỤ CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nội dung cơ bản của pháp luật quốc tế, pháp luật của Việt Nam về người khuyết tật; phân tích được các chính sách, chương trình hỗ trợ người khuyết tật và một số mô hình dịch vụ hỗ trợ cho người khuyết tật;

2. Vận dụng kiến thức đã học để tìm hiểu, nghiên cứu, đánh giá được công tác triển khai và thực hiện Luật và chính sách người khuyết tật tại cơ sở; có khả năng can thiệp, giải quyết được các vấn đề về người khuyết tật ;

3. Có trách nhiệm với công việc và ý thức được vai trò của bản thân; có ý

thức trau dồi chuyên môn, bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp trong vai trò nhân viên công tác xã hội sau này; quan tâm, chăm sóc và giành những gì tốt đẹp nhất cho người khuyết tật trên nguyên tắc bình đẳng không phân biệt đối xử.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Pháp luật về người khuyết tật (4)

1.1. Pháp luật quốc tế về người khuyết tật

1.2. Pháp luật Việt Nam về người khuyết tật

2. Chính sách, chương trình hỗ trợ người khuyết tật (5)

2.1. Chính sách hỗ trợ giáo dục

2.2. Chính sách hỗ trợ dạy nghề và tạo việc làm

2.3. Chính sách ưu đãi về y tế

2.4. Chính sách bảo trợ xã hội

3. Mô hình dịch vụ hỗ trợ cho người khuyết tật (3)

3.1. Mô hình chăm sóc tại trung tâm công tác xã hội

3.2. Mô hình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng (CBR)

3.3. Mô hình giáo dục

3.4. Mô hình sống độc lập

3.5. Mô hình chăm sóc tại cơ sở bảo trợ xã hội

Kiểm tra định kì

CHƯƠNG 3: KỸ NĂNG VÀ PHƯƠNG PHÁP CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT

(Thời gian: 13 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Phân tích được kỹ năng giúp người khuyết tật sống độc lập; kỹ năng thúc đẩy sự tham gia của người khuyết tật; kỹ năng giúp người khuyết xử lý khủng hoảng; phân tích được tiến trình giải quyết vấn đề trong phương pháp công tác xã hội với cá nhân; tiến trình công tác xã hội cá nhân với gia đình người khuyết tật;

2. Rèn luyện các kỹ năng về ghi chép hồ sơ cá nhân, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng truyền thông, kỹ năng quan sát-lắng nghe, kỹ năng can thiệp - giải quyết vấn

đề, kỹ năng tham vấn.

3. Can thiệp được và giải quyết vấn đề về người khuyết tật; tôn trọng, cảm thông, chia sẻ với gia đình và người khuyết tật. Nghiêm túc, tích cực, chủ động trong học tập.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Một số kỹ năng công tác xã hội với người khuyết tật (3)

1.1. Kỹ năng biện hộ

1.2. Kỹ năng giúp người khuyết tật sống độc lập

1.3. Kỹ năng xử lý khủng hoảng

1.4. Kỹ năng thúc đẩy sự tham gia của người khuyết tật

2. Công tác xã hội cá nhân và gia đình người khuyết tật (3)

2.1. Công tác xã hội cá nhân với người khuyết tật

2.2. Công tác xã hội cá nhân với gia đình người khuyết tật

3. Công tác xã hội nhóm với người khuyết tật (2)

3.1. Công tác xã hội nhóm được sử dụng trong các trường hợp

3.2. Các dạng nhóm trong công tác xã hội

3.3. Công tác xã hội nhóm với người khuyết tật

Kiểm tra định kì

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng: bảo đảm các điều kiện ánh sáng, vệ sinh...

II. Trang thiết bị, máy móc: Máy chiếu projector, hoặc tivi, bút lật trang

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- **Học liệu:** chương trình và giáo trình, kế hoạch bài giảng môn học.

- **Dụng cụ, nguyên vật liệu**

+ Giấy A0, A4, bút lông, bút dạ, phấn viết bảng, bút chì, nam châm, kẹp nhựa, kéo, dao nhỏ, ...

IV. Các điều kiện khác

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về người khuyết tật như phân biệt được các dạng tật, nguyên nhân dẫn đến khuyết tật, khó khăn và nhu cầu của người khuyết tật;

- Phân tích được các hướng tiếp cận dựa trên quan điểm về người khuyết tật, các loại hình dịch vụ và mô hình trợ giúp người khuyết tật như dịch vụ giáo dục, y tế, việc làm, các mô hình chăm sóc tập trung, tại cộng đồng;

- Phân tích được tiến trình giải quyết vấn đề trong phương pháp công tác xã hội với cá nhân; tiến trình công tác xã hội cá nhân với gia đình người khuyết tật.

2. Kỹ năng

- Thực hiện tốt kỹ năng giao tiếp và thiết lập mối quan hệ với người khuyết tật như hình thành được mối quan hệ tin cậy, tôn trọng với người khuyết tật; biết cách lắng nghe chủ động, thể hiện sự đồng cảm và thấu hiểu hoàn cảnh của thân chủ.

- Hình thành kỹ năng đánh giá hoàn cảnh người khuyết tật như thực hiện được việc thu thập thông tin về người khuyết tật qua quan sát, phỏng vấn, hồ sơ và các nguồn thông tin khác; xác định được các yếu tố tác động đến chất lượng cuộc sống của người khuyết tật;

- Xác định được các bước thực hiện, nguồn lực cần thiết và vai trò của các bên liên quan;

Thực hiện tốt kỹ năng tư vấn – tham vấn như xây dựng được quy trình tư vấn cơ bản cho người khuyết tật và người thân trong việc giải quyết vấn đề, nâng cao nhận thức, định hướng nghề nghiệp, hòa nhập cộng đồng; hỗ trợ người khuyết tật tăng khả năng ra quyết định và tự chủ trong cuộc sống.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Ý thức được vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc bảo vệ quyền lợi và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người khuyết tật.

- Chủ động thực hiện đúng các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp: tôn trọng, bình đẳng, bảo mật thông tin, không kỳ thị.

- Tự chủ trong học tập và thực hành như tự giác trong việc cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực làm việc với người khuyết tật; biết đánh giá năng lực bản

thân, xác định mục tiêu học tập và kế hoạch phát triển nghề nghiệp phù hợp.

- Hình thành ý thức hợp tác và phối hợp hiệu quả như phối hợp tốt với đồng nghiệp, gia đình, cộng đồng và các tổ chức hỗ trợ người khuyết tật để thực hiện các chương trình can thiệp và trợ giúp.

- Gương mẫu và truyền cảm hứng trong công tác xã hội như thể hiện thái độ tích cực, trách nhiệm xã hội trong việc đấu tranh chống lại định kiến, phân biệt đối xử với người khuyết tật; là tấm gương về tinh thần phục vụ cộng đồng và sự đồng hành cùng người yếu thế.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

- + Số bài: 1 bài

- + Hình thức kiểm tra: Đánh giá sinh viên thông qua kiểm tra vấn đáp, thảo luận, bài tập tình huống...hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên; với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

- + Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ:

- + Kiểm tra lý thuyết: Số bài kiểm tra: 01;

- + Hình thức kiểm tra: Tự luận; thời gian kiểm tra: 45 phút.

- + Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian thi: 1 giờ
- Thời gian để hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kì III của chương trình đào tạo, hoặc theo kế hoạch của Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).
- Đề thi kết thúc môn học được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình môn học.
- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CDKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn Công tác xã hội với người khuyết tật được sử dụng đào tạo trình độ cao đẳng chuyên ngành Công tác xã hội.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- + Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học giúp người học chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức, thực hành kỹ năng để đạt được mục tiêu của môn học.
- + Sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học: Thảo luận nhóm, thực hành, bài tập tình huống, sắm vai, hỏi đáp, trực quan...

2. Đối với người học

- + Nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình học.
- + Hoàn thành các yêu cầu của nhà giáo đưa ra.
- + Người học tham dự ít nhất 80% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học thực hành, thảo luận, bài tập.
- + Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường..

III. Những trọng tâm cần chú ý

- + Các khái niệm; phân loại khuyết tật, các mức độ khuyết tật;
- + Nguyên nhân gây khiếm khuyết và sự hình thành khuyết tật, những khó khăn của người khuyết tật;

- + Các chính sách, pháp luật, dịch vụ cho người khuyết tật;
- + Một số kỹ năng công tác xã hội với người khuyết tật;
- + Công tác xã hội cá nhân và gia đình người khuyết tật;
- + Công tác xã hội nhóm với người khuyết tật.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Trần Văn Kham. Công tác xã hội với người khuyết tật; Hà Nội: Đại học Quốc Gia; 2016.
2. Nguyễn Thị Hoài Thu, Nguyễn Thị Anh Hiếu, Giáo trình công tác xã hội với người khuyết tật. Trường CĐCD Kon Tum; 2021.
3. Thông tin Người khuyết tật cần biết/ Chương trình Khuyết tật và Phát Triển (DRD); Trường ĐH Mở TPHCM .
4. Chính phủ, Điều 10 NdsN-C. ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về Trợ giúp giáo dục, đào tạo và dạy nghề.
5. Thủ tướng chính phủ, Quyết định Số: 1190/QĐ-TTg ntnv. “Phê duyệt Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012 - 2020”.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có).

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**Tên môn học:** Công tác xã hội với gia đình (Social work with families)**Mã môn học:** 610321202**Thời gian thực hiện môn học:** 30 giờ (lý thuyết: 13 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 15 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi kết thúc môn học: 1 giờ).**A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC****I. Vị trí**

Môn học Công tác xã hội với gia đình là môn học thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội, bố trí dạy ở học kì V của khóa học.

II. Tính chất

Môn học Công tác xã hội với gia đình kết hợp giữa lý thuyết và thực hành; là môn học bắt buộc dùng chung cho ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ cao đẳng tại Trường Cao đẳng Kon Tum.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được các khái niệm cơ bản về gia đình; các chức năng của gia đình; phân loại gia đình.
2. Mô tả được đặc trưng của gia đình Việt Nam; các vấn đề thường gặp trong gia đình Việt Nam.
3. Giải thích được những vấn đề cần chú trọng trong công tác xã hội với gia đình.
4. Phân biệt, nhận diện các cấp độ nhu cầu của gia đình.
5. Phân tích được các chính sách, pháp luật liên quan đến gia đình và công tác xã hội như: Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Phòng chống bạo lực gia đình, Luật Trẻ em, các nghị định, chương trình quốc gia có liên quan.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Thực hiện tốt cách quản lý ca, tiến trình làm việc với gia đình trong quá trình hỗ trợ gia đình theo cấp độ nhu cầu;

2. Thu thập thông tin, xác định mục tiêu, lập kế hoạch kết nối các dịch vụ; ghi chép và lưu giữ hồ sơ theo đúng quy định; xây dựng mạng lưới hỗ trợ, kết nối các nguồn lực trợ giúp.

3. Làm việc cá nhân và làm việc nhóm để thảo luận, giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung môn học; ghi chép, báo cáo, và đánh giá kết quả làm việc với gia đình, bảo đảm tính minh bạch, logic và đúng quy trình nghề nghiệp.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Nghiêm túc, chủ động, tích cực học tập và nghiên cứu môn học, cập nhật kiến thức mới liên quan đến môn học một cách khoa học.

2. Nâng cao năng lực vận dụng các nội dung đã học để kết nối, thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm các nguồn lực nhằm giúp đỡ gia đình vượt qua khó khăn.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
2	Chương 1: Những vấn đề chung về công tác xã hội với gia đình	12	6		6	
	1. Khái niệm về gia đình, chức năng và đặc điểm của gia đình 1.1. Khái niệm về gia đình 1.2. Các chức năng của gia đình 1.3. Đặc điểm của gia đình chức năng lành mạnh 1.4. Đặc điểm của gia đình chức năng suy giảm 1.5. Sự thay đổi trong gia đình		1		1	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	Việt Nam hiện nay					
	2. Những vấn đề trong công tác xã hội với gia đình 2.1. Khái niệm công tác xã hội với gia đình 2.2. Vai trò của công tác xã hội với gia đình 2.3. Một số vấn đề cơ bản cần lưu ý trong làm việc với gia đình 2.4. Sơ lược lịch sử công tác xã hội với gia đình		2		2	
	3. Lĩnh vực thực hành của công tác xã hội với gia đình 3.1. Gia đình nghèo 3.2. Gia đình có bạo lực 3.3. Gia đình có thành viên là người khuyết tật 3.4. Gia đình có thành viên lạm dụng chất gây nghiện (ma túy, rượu, bia,...) 3.5. Gia đình có xung đột giữa các thế hệ		1.5		1.5	
	4. Các cách tiếp cận trong công tác xã hội với gia đình 4.1. Tiếp cận hệ sinh thái 4.2. Tiếp cận trị liệu cấu trúc		1.5		1.5	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	4.3. Tiếp cận can thiệp qua học tập xã hội 4.4. Tiếp cận can thiệp tập trung vào giải pháp 4.5. Tiếp cận can thiệp vào hệ thống gia đình.					
2	Kiểm tra định kì	1				1(1,0)
3	Chương 2: Tiến trình giải quyết vấn đề gia đình theo cấp độ nhu cầu	16	7		9	
	1. Các cấp độ nhu cầu của gia đình 1.1. Nhu cầu gia đình cấp độ I 1.2. Nhu cầu gia đình cấp độ II 1.3. Nhu cầu gia đình cấp độ III 1.4. Nhu cầu gia đình cấp độ IV		2		2	
	2. Quản lý ca trong quá trình hỗ trợ gia đình theo cấp độ nhu cầu 2.1. Khái niệm 2.2. Những đặc điểm cơ bản của quản lý ca với gia đình		1		1	
	3. Tiến trình làm việc với gia đình theo cấp độ nhu cầu 3.1. Tiếp nhận ca/mở hồ sơ ca 3.2. Thu thập thông tin 3.3. Đánh giá cấp độ nhu cầu của gia		2		3	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	đình 3.4. Xây dựng kế hoạch đáp ứng nhu cầu 3.5. Hỗ trợ triển khai kế hoạch 3.6. Lượng giá/đóng hồ sơ.					
	4. Một số kỹ năng trong công tác xã hội với gia đình 4.1. Kỹ năng lắng nghe 4.2. Kỹ năng quan sát 4.3. Kỹ năng biện hộ 4.4. Kỹ năng tham vấn 4.5. Kỹ năng vẽ sơ đồ phả hệ		2		3	
4	Thi kết thúc môn học	1				1(1,0)
	Cộng	30	13	0	15	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI GIA ĐÌNH

(Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm và chức năng của gia đình; mô tả được những vấn đề cần chú trọng trong công tác xã hội với gia đình; phân tích được lĩnh vực thực hành, cách tiếp cận trong công tác xã hội với gia đình.

2. Thực hiện thành thạo các kỹ năng: thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm

để giải quyết các vấn đề được nêu trong nội dung bài học; thu thập thông tin, xác định mục tiêu, lập kế hoạch kết nối các dịch vụ; ghi chép và lưu giữ hồ sơ theo đúng quy định; xây dựng mạng lưới hỗ trợ, kết nối các nguồn lực trợ giúp.

3. Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng vai trò nhân viên xã hội trong công tác xã hội với gia đình; không ngừng học hỏi để trau dồi kiến thức, kỹ năng cần thiết phục vụ cho bản thân.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm về gia đình, chức năng và đặc điểm của gia đình (1-4)

1.1. Khái niệm về gia đình

1.2. Các chức năng của gia đình

1.3. Đặc điểm của gia đình chức năng lành mạnh

1.4. Đặc điểm của gia đình chức năng suy giảm

1.5. Sự thay đổi trong gia đình Việt Nam hiện nay

2. Những vấn đề trong công tác xã hội với gia đình(3, 5, 6)

2.1. Khái niệm công tác xã hội với gia đình

2.2. Vai trò của công tác xã hội với gia đình

2.3. Một số vấn đề cơ bản cần lưu ý trong làm việc với gia đình

2.4. Sơ lược lịch sử công tác xã hội với gia đình

3. Lĩnh vực thực hành của công tác xã hội với gia đình (1, 3, 7, 8)

3.1. Gia đình nghèo

3.2. Gia đình có bạo lực

3.3. Gia đình có thành viên là người khuyết tật

3.4. Gia đình có thành viên lạm dụng chất gây nghiện (ma túy, rượu, bia,...)

3.5. Gia đình có xung đột giữa các thế hệ

4. Các cách tiếp cận trong công tác xã hội với gia đình (3, 6, 9)

4.1. Tiếp cận hệ sinh thái

4.2. Tiếp cận trị liệu cấu trúc

4.3. Tiếp cận can thiệp qua học tập xã hội

4.4. Tiếp cận can thiệp tập trung vào giải pháp

4.5. Tiếp cận can thiệp vào hệ thống gia đình.

CHƯƠNG 2: TIẾN TRÌNH GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH

THEO CẤP ĐỘ NHU CẦU

(Thời gian: 16 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các cấp độ nhu cầu của gia đình; mô tả cách quản lý ca trong quá trình hỗ trợ gia đình theo cấp độ nhu cầu; phân tích được tiến trình làm việc với gia đình theo cấp độ nhu cầu

2. Thực hiện được kỹ năng tham vấn gia đình; kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc nhóm, phát huy vai trò kết nối, tìm kiếm các nguồn lực hỗ trợ để gia đình tiếp cận, vượt qua khó khăn.

3. Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng vai trò nhân viên xã hội trong công tác xã hội với gia đình; thiết lập quan hệ với các cá nhân, gia đình và cộng đồng.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Các cấp độ nhu cầu của gia đình (2, 3, 6)

1.1. Nhu cầu gia đình cấp độ I

1.2. Nhu cầu gia đình cấp độ II

1.3. Nhu cầu gia đình cấp độ III

1.4. Nhu cầu gia đình cấp độ IV

2. Quản lý ca trong quá trình hỗ trợ gia đình theo cấp độ nhu cầu (3, 5)

2.1. Khái niệm

2.2. Những đặc điểm cơ bản của quản lý ca với gia đình

3. Tiến trình làm việc với gia đình theo cấp độ nhu cầu

3.1. Tiếp nhận ca/mở hồ sơ ca

3.2. Thu thập thông tin

3.3. Đánh giá cấp độ nhu cầu của gia đình

3.4. Xây dựng kế hoạch đáp ứng nhu cầu

3.5. Hỗ trợ triển khai kế hoạch**3.6. Lượng giá/đóng hồ sơ****4. Một số kỹ năng trong công tác xã hội với gia đình (2, 3, 5, 10)****4.1. Kỹ năng lắng nghe****4.2. Kỹ năng quan sát****4.3. Kỹ năng biện hộ****4.4. Kỹ năng tham vấn****4.5. Kỹ năng vẽ sơ đồ phả hệ.****D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC****I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

Phòng học lý thuyết phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm.

II. Trang thiết bị, máy móc: Tivi, máy vi tính.**III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu****- Học liệu**

+ Giáo trình Công tác xã hội với phòng chống bạo lực gia đình, trường Cao đẳng Kon Tum, năm 2021.

+ Giáo trình Giáo dục gia đình, NXB Giáo dục, năm 2015.

- Dụng cụ, nguyên vật liệu

Tranh ảnh, video liên quan tới từng bài giảng dạy, giấy A4, Ao, bút chì, thước, bút lông, bút dạ, bảng làm việc nhóm, giấy note, nam châm,...

IV. Các điều kiện khác: Không**E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ****I. Nội dung****1. Kiến thức**

- Các khái niệm cơ bản về gia đình, chức năng của gia đình, các loại hình gia đình và các vấn đề xã hội thường gặp trong gia đình (bạo lực, ly hôn, nghèo đói, nghiện ngập, xung đột thế hệ...).

- Vai trò và vị trí của công tác xã hội với gia đình trong hệ thống an sinh xã hội, đặc biệt trong phòng ngừa và can thiệp các vấn đề xã hội nảy sinh trong gia đình.

- Các lý thuyết và mô hình can thiệp trong công tác xã hội với gia đình như: lý thuyết hệ thống, lý thuyết vai trò, mô hình sinh thái, mô hình can thiệp dựa vào thế mạnh,...

- Các chính sách, pháp luật liên quan đến gia đình và công tác xã hội như: Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Phòng chống bạo lực gia đình, Luật Trẻ em, các nghị định, chương trình quốc gia có liên quan; phân tích được tiến trình thực hành công tác xã hội với gia đình, bao gồm: tiếp cận - đánh giá - lập kế hoạch - can thiệp - giám sát - kết thúc và lượng giá.

2. Kỹ năng

- Thu thập thông tin, đánh giá nhu cầu và nguồn lực của gia đình, từ đó xác định đúng vấn đề và hướng can thiệp phù hợp; xây dựng kế hoạch can thiệp có hệ thống và cụ thể cho từng trường hợp gia đình, với mục tiêu rõ ràng, phương pháp phù hợp và thời gian thực hiện khả thi.

- Tham vấn gia đình, giao tiếp, giải quyết xung đột, làm việc với nhóm và các thành viên khác nhau trong gia đình.

- Phối hợp làm việc hiệu quả với các bên liên quan (như tổ chức cộng đồng, nhà trường, chính quyền địa phương, trung tâm bảo trợ xã hội,...) để hỗ trợ gia đình một cách toàn diện.

- Ghi chép, báo cáo, và đánh giá kết quả làm việc với gia đình, bảo đảm tính minh bạch, logic và đúng quy trình nghề nghiệp.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, khoa học. Trung thực với kết quả làm việc nhóm.

- Yêu thích môn học để từ đó có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và với nghề nghiệp trong tương lai.

- Thực hành đạo đức nghề nghiệp nghiêm túc, giữ bí mật thông tin, tôn trọng quyền riêng tư và sự tự quyết của các thành viên trong gia đình. Tự học, tự nghiên cứu và không ngừng hoàn thiện bản thân, tích cực cập nhật kiến thức và phương pháp mới trong thực hành công tác xã hội với gia đình.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên

+ Số bài kiểm tra: 01

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá sinh viên thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kỹ năng, thao tác, kết quả thực hành, thí nghiệm, chấm điểm tường trình thí nghiệm hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Kiểm tra, đánh giá định kỳ

+ Số bài kiểm tra: 01

+ Hình thức kiểm tra: Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp

+ Thời gian kiểm tra: 45 phút

+ Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian thi: 1 giờ

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ V của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Đề thi kết thúc môn học được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình môn học.

- Các học sinh sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CĐKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Công tác xã hội với gia đình được sử dụng dùng chung cho ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ cao đẳng, tại Trường Cao đẳng Kon Tum

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Trong quá trình giảng dạy có thể vận dụng kết hợp lý thuyết và thực hành. Áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau như (trình bày, diễn giải, chứng minh, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của sinh viên...).

- Nhà giáo hướng dẫn sinh viên nhận thức kiến thức về lý thuyết và những kiến thức thực hành bổ sung cho phần kiến thức lý thuyết đã học.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

- Sinh viên nghiên cứu bài học trước khi đến lớp, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này. Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, thực hành, bài kiểm tra và thi.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Khái niệm gia đình, chức năng, đặc trưng của gia đình;
- Vai trò của nhân viên xã hội trong công tác xã hội với gia đình;
- Tiến trình giải quyết vấn đề gia đình theo cấp độ nhu cầu.
- Một số kỹ năng trong công tác xã hội với gia đình.

IV. Tài liệu tham khảo

1. <https://sovanhoa.hoabinh.gov.vn/gia-dinh/2070-kia-n-tha-c-c-ba-n-va-gia-a-nh-va-ca-c-cha-c-n-ng-c-ba-n-ca-a-gia-a-nh>

2. Nguyễn Thanh Bình. Công tác xã hội với gia đình, cộng đồng và hệ thống

nhà trường: Nxb Giáo dục Việt Nam; năm 2020.

3. Nguyễn Thị Thái Lan. Giáo trình công tác xã hội cá nhân và gia đình. Hà Nội: NXB Lao động - Xã hội; năm 2014.

4. Trần Thị Minh Thi. Những biến đổi của gia đình Việt Nam hiện nay. tạp chí Cộng sản. 10/6/2020.

5. <https://congtacxahoi.com.vn/vi/download/Tai-lieu/lam-viec-voi-ca-nhan-va-gia-dinh.html>

6. Làm việc với cá nhân và gia đình (Chương trình đào tạo cán bộ quản lý công tác xã hội cấp cao). Hà Nội, năm 2014.

7. Quốc Hội, Số: 52/2014/QH13. Luật Hôn nhân và gia đình, ngày 19 tháng 06 năm 2014.

8. Quốc hội. Luật phòng chống bạo lực gia đình. ngày 14 tháng 11 năm 2022.

9. Tài liệu hướng dẫn thực hành (Dành cho cán bộ xã hội cấp cơ sở). Quản lý trường hợp, Bộ Lao động thương binh và xã hội; năm 2016.

10. Bùi Thị Xuân Mai. Giáo trình Tham vấn. NXB Lao động - Xã hội; năm 2014.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có).

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Công tác xã hội với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS (Social work for drug addicts, prostitutes and hiv/aids people)

Mã môn học: 610320452

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (lý thuyết: 14 giờ; thảo luận, bài tập: 0 giờ; thực hành: 29 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi kết thúc môn học: 1 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**I. Vị trí**

Công tác xã hội với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS là môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội, được bố trí học kỳ IV của chương trình.

II. Tính chất

Công tác xã hội với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS là môn học kết hợp giữa lý thuyết, thảo luận và thực hành trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ cao đẳng.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được đặc điểm tâm - sinh lý của đối tượng ma túy, mại dâm, HIV/AIDS; trình bày được tình hình ma túy, mại dâm, HIV/AIDS hiện nay.

2. Mô tả được: Các dấu hiệu nhận biết người nhiễm HIV chuyển sang giai đoạn AIDS và các con đường lây nhiễm; các hoạt động dịch vụ trợ giúp các đối tượng ma túy, mại dâm và HIV/AIDS.

3. Phân tích được vai trò của nhân viên công tác xã hội đối với các đối tượng ma túy, mại dâm, HIV/AIDS.

4. Vận dụng được những kiến thức môn học vào việc can thiệp công tác xã hội đối với các đối tượng ma túy, mại dâm, HIV/AIDS.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Nhận diện vấn đề và xử lý khủng hoảng bảo đảm an toàn thể chất và tinh thần cho đối tượng ma túy, mại dâm và HIV/AIDS.

2. Đánh giá được diễn biến tình trạng sức khỏe, quan hệ gia đình, xã hội và các nhu cầu trợ giúp đối tượng ma túy, mại dâm và HIV/AIDS.

3. Xây dựng được chương trình, các hoạt động hỗ trợ tâm lý, xã hội và sức khỏe tâm thần cho người nghiện chất.

4. Đề xuất được các biện pháp để kết nối các nguồn lực góp phần cải thiện, giải quyết vấn đề xã hội đối với đối tượng ma túy, mại dâm, HIV/AIDS.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Tích cực tự học, tự nghiên cứu tài liệu; thường xuyên học hỏi, bổ sung kinh nghiệm thực tiễn thông qua các hoạt động nhóm, hoạt động tình huống.

2. Xóa bỏ những định kiến xã hội về người nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS; tôn trọng, hợp tác, giúp đỡ các đối tượng ma túy, mại dâm, HIV/AIDS tái hòa nhập cộng đồng.

3. Tăng cường cung cấp, đáp ứng kịp thời các dịch vụ chăm sóc, hỗ trợ cần thiết cho đối tượng ma túy, mại dâm, HIV/AIDS; tạo điều kiện cho mọi người dân tham gia vào các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS; giảm kỳ thị, phân biệt đối xử với người bị nhiễm HIV/AIDS.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1: Tổng quan về ma túy, mại dâm, HIV/AIDS	8	4		4	
	1. Một số vấn đề cơ bản về ma túy 1.1. Khái niệm ma túy và một số khái niệm có liên quan 1.2. Tình hình nghiện ma túy trên thế giới 1.3. Tình hình sử dụng ma túy tại		1			

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Thi/Kiểm tra
	Việt nam					
	2. Một số vấn đề cơ bản về mại dâm 2.1. Vấn đề mại dâm trên thế giới và Việt Nam 2.2. Một số kiến thức liên quan đến mại dâm 2.3. Những vấn đề cơ bản mà người mại dâm ở Việt Nam đang phải đối mặt		1		2	
	3. Một số vấn đề cơ bản về HIV/AIDS 3.1. Khái niệm 3.2. Dấu hiệu nhận biết người nhiễm HIV chuyển sang giai đoạn AIDS 3.3. Các con đường lây nhiễm		2		2	
2	Chương 2: Đặc điểm tâm - sinh lý của đối tượng ma túy, mại dâm, HIV/AIDS	11	4		7	
	1. Đặc điểm tâm - sinh lý của nhóm đối tượng ma túy		1		2	
	2. Đặc điểm tâm - sinh lý của nhóm đối tượng mại dâm		1		2	
	3. Đặc điểm tâm - sinh lý của nhóm đối tượng HIV/AIDS		1		2	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Thi/Kiểm tra
	4. Vai trò, nhiệm vụ của nhân viên CTXH với đối tượng mại dâm, ma túy, HIV/AIDS		1		1	
3	Kiểm tra định kỳ	1				1
4	Chương 3: Một số hoạt động dịch vụ trợ giúp đối tượng ma túy, mại dâm và HIV/AIDS	12	3		9	
	1. Các phương pháp, hoạt động điều trị nghiện và hỗ trợ sau cai tại cộng đồng		0.5		2	
	2. Hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho người mại dâm		1		2	
	3. Hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho người nhiễm HIV/AIDS		1		2	
	4. Chăm sóc sức khỏe, chữa bệnh và phòng ngừa giảm tác hại.		0.5		3	
5	Chương 4: Những can thiệp công tác xã hội với đối tượng ma túy, mại dâm, HIV/AIDS	12	3		9	
	1. Trị liệu cá nhân		1		3	
	2. Trị liệu nhóm		1		3	
	3. Can thiệp cấp độ cộng đồng		0.5		1.5	
	4. Dự phòng		0.5		1.5	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Thi/Kiểm tra
6	Thi kết thúc môn học	1				1
	Cộng	45	14	0	29	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ MA TÚY, MẠI DÂM, HIV/AIDS

(Thời gian: 8 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được tình hình ma túy, mại dâm, HIV/AIDS hiện nay; mô tả được các dấu hiệu nhận biết người nhiễm HIV chuyển sang giai đoạn AIDS và các con đường lây nhiễm.

2. Đánh giá được tình hình nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS hiện nay.

3. Xóa bỏ những định kiến xã hội về người nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS; tạo điều kiện cho mọi người dân tham gia vào các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Một số vấn đề cơ bản về ma túy (1-3)

1.1. Khái niệm ma túy và một số khái niệm có liên quan

1.2. Tình hình nghiện ma túy trên thế giới

1.3. Tình hình sử dụng ma túy tại Việt nam

2. Một số vấn đề cơ bản về mại dâm (1, 2)

2.1. Vấn đề mại dâm trên thế giới và Việt Nam

2.2. Một số kiến thức liên quan đến mại dâm

2.3. Những vấn đề cơ bản mà người mại dâm ở Việt Nam đang phải đối mặt

3. Một số vấn đề cơ bản về HIV/AIDS (2, 4)

3.1. Khái niệm**3.2. Dấu hiệu nhận biết người nhiễm HIV chuyển sang giai đoạn AIDS****3.3. Các con đường lây nhiễm****CHƯƠNG 2: ĐẶC ĐIỂM TÂM - SINH LÝ CỦA ĐỐI TƯỢNG MA TÚY, MẠI DÂM, HIV/AIDS****(Thời gian: 11 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được đặc điểm tâm - sinh lý của các đối tượng ma túy, mại dâm, HIV/AIDS; phân tích được vai trò của nhân viên công tác xã hội đối với các đối tượng ma túy, mại dâm, HIV/AIDS.

2. Đánh giá được diễn biến tình trạng sức khỏe, quan hệ gia đình, xã hội và các nhu cầu trợ giúp đối tượng ma túy, mại dâm và HIV/AIDS.

3. Trách nhiệm, nghiêm túc trong quá trình làm việc với đối tượng ma túy, mại dâm, HIV/AIDS.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Đặc điểm tâm - sinh lý của nhóm đối tượng ma túy (2, 4)

2. Đặc điểm tâm - sinh lý của nhóm đối tượng mại dâm (2, 4)

3. Đặc điểm tâm - sinh lý của nhóm đối tượng HIV/AIDS (2, 4)

4. Vai trò, nhiệm vụ của nhân viên CTXH với đối tượng mại dâm, ma túy, HIV/AIDS (2, 4)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ TRỢ GIÚP CÁC ĐỐI TƯỢNG MA TÚY, MẠI DÂM, HIV/AIDS**(Thời gian: 12 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Mô tả được các hoạt động dịch vụ trợ giúp các đối tượng ma túy, mại dâm và HIV/AIDS; phân tích được các quá trình hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho người mại dâm, nhiễm HIV/AIDS.

2. Xây dựng chương trình, các hoạt động hỗ trợ tâm lý, xã hội và sức khỏe tâm thần cho đối tượng ma túy, mại dâm, HIV/AIDS.

3. Tôn trọng, hợp tác, giúp đỡ các đối tượng ma túy, mại dâm, HIV/AIDS tái hòa nhập cộng đồng; tăng cường cung cấp, đáp ứng kịp thời các dịch vụ chăm sóc, hỗ trợ cần thiết cho đối tượng ma túy, mại dâm, HIV/AIDS.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Các phương pháp, hoạt động điều trị nghiện và hỗ trợ sau cai tại cộng đồng (1, 2, 4)

2. Hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho người mại dâm (1, 2, 4)

3. Hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho người nhiễm HIV/AIDS (2, 4)

4. Chăm sóc sức khỏe, chữa bệnh và phòng ngừa giảm tác hại (2, 4)

CHƯƠNG 4: NHỮNG CAN THIỆP CÔNG TÁC XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG MA TÚY, MẠI DÂM, HIV/AIDS

(Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được các cách trị liệu cá nhân, trị liệu nhóm; phân tích được sự can thiệp cấp độ cộng đồng cho đối tượng ma túy, mại dâm, nhiễm HIV/AIDS.

2. Đề xuất được các biện pháp để kết nối các nguồn lực góp phần cải thiện, giải quyết vấn đề xã hội đối với đối tượng ma túy, mại dâm.

3. Áp dụng các nguyên tắc về quy định đạo đức nghề CTXH; thái độ nghiêm túc khi tham gia và thực hiện giúp đỡ các đối tượng ma túy, mại dâm, HIV/AIDS.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Trị liệu cá nhân (2, 4)

2. Trị liệu nhóm (2, 4)

3. Can thiệp cấp độ cộng đồng (2, 4)

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết.

II. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, đèn chiếu, phần mềm hỗ trợ...

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, tài liệu tham khảo, giấy A0, giấy màu, bút lông, tranh ảnh, bảng phụ, bài tập tình huống...

IV. Các điều kiện khác:

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Những kiến thức cơ bản về mại dâm, ma túy, HIV/AIDS;
- Những vấn đề cơ bản mà người mại dâm, nghiện ma túy đang phải đối mặt;
- Các hoạt động dịch vụ trợ giúp các đối tượng ma túy, mại dâm và HIV/AIDS;
- Những can thiệp công tác xã hội đối với các đối tượng ma túy, mại dâm, HIV/AIDS.
- Đặc điểm tâm - sinh lý của đối tượng mại dâm, ma túy, HIV/AIDS; vai trò của nhân viên công tác xã hội đối với các đối tượng ma túy, mại dâm, HIV/AIDS;

2. Kỹ năng

- Nghiên cứu, xử lý thông tin liên quan đến nội dung kiểm tra, đánh giá.
- Giải thích, phân tích được các nội dung kiểm tra, đánh giá.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Nghiêm túc, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.
- Ý thức, trách nhiệm trong học tập, trong quá trình kiểm tra đánh giá.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:
 - + Số bài kiểm tra: 01 bài
 - + Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.
 - + Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.
- Kiểm tra, đánh giá định kỳ:
 - + Số bài kiểm tra: 01 bài

- + Hình thức kiểm tra: Thực hành
- + Thời gian kiểm tra: 1 giờ
- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Tự luận
- Thời gian thi: 1 giờ
- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ IV của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).
- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc mô đun: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CDKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

E. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Công tác xã hội với đối tượng mại dâm, ma túy HIV/ AIDS được sử dụng đào tạo trình độ Cao đẳng ngành, nghề Công tác xã hội.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực: phương pháp nêu vấn đề, giải thích, phân tích, chứng minh, thảo luận (có sử dụng các thiết bị giáo dục hiện đại);
- Sử dụng các dụng cụ trực quan trọng giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.
- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn

kỹ năng.

2. Đối với người học

- Nghiên cứu, quan sát, động não trả lời câu hỏi.
- Người học tìm hiểu trước giáo trình CTXH với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Vai trò, nhiệm vụ của nhân viên CTXH với đối tượng mại dâm, ma túy, HIV/AIDS; các hoạt động dịch vụ trợ giúp người nghiện ma túy;
- Chống kỳ thị với người mại dâm và hoạt động hỗ trợ giúp giảm kỳ thị;
- Chăm sóc sức khỏe, chữa bệnh và phòng ngừa tác hại cho người mại dâm;

IV. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Lao động Thương binh và xã hội. Công tác xã hội với người mại dâm. Hà Nội. 2016.
2. Trần Thị Hương. Giáo trình Công tác xã hội với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm: Trường Cao đẳng cộng đồng Kon Tum. 2021.
3. Luật phòng, chống ma túy, Hà Nội. 2021.
4. Lê Thị Lâm. Giáo trình CTXH với người nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS: Trường ĐHSP Đà Nẵng. 2023.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Công tác xã hội trong bệnh viện (Medical Social Work)

Mã môn học: 610320472

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (lý thuyết: 14 giờ; Bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành: 29 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi kết thúc môn học: 1 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí

Công tác xã hội với người cao tuổi là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề công tác xã hội trình độ cao đẳng, môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ IV.

II. Tính chất

Môn công tác xã hội trong bệnh viện là môn học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành công tác xã hội trình độ cao đẳng.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Yêu cầu về kiến thức

1. Trình bày được các kiến thức cơ bản, tổng quan về công tác xã hội trong bệnh viện.
2. Phân tích các vai trò của nhân viên xã hội trong bệnh viện cũng như các phương pháp can thiệp/hỗ trợ công tác xã hội trong bệnh viện phù hợp.
3. Phân tích được quy trình thực hành công tác xã hội trong bệnh viện.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Lập kế hoạch, khai thác thông tin liên quan tới thân chủ, nhóm thân chủ trong bệnh viện và hỗ trợ cho các đối tượng khác nhau trong bệnh viện một cách có hiệu quả.
2. Tư vấn, trợ giúp, can thiệp, giải quyết các vấn đề về công tác xã hội trong bệnh viện và các vấn đề khác trong học tập và thực tiễn.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Tích cực nghiên cứu, nâng cao trình độ và tham gia vào các hoạt động

nhằm bảo vệ quyền lợi cho các nhóm đối tượng yếu thế trong bệnh viện.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1: Khái quát chung về công tác xã hội trong bệnh viện.	7	5	0	2	
	1. Khái niệm công tác xã hội bệnh viện và khái niệm liên quan.		1.0			
	1.1. Khái niệm công tác xã hội.					
	1.2. Lĩnh vực và hệ thống tổ chức làm công tác xã hội trong lĩnh vực y tế.					
	1.3. Khái niệm sức khỏe.					
	1.4. Khái niệm công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe.					
	1.5. Khái niệm công tác xã hội trong y tế.					
	1.6. Khái niệm công tác xã hội trong bệnh viện.					
	1.7. Khái niệm y tế công cộng.					
	1.8. Khái niệm nhân viên xã hội y tế.					
	2. Mục đích công tác xã hội trong bệnh viện.		1.0			
	3. Đối tượng công tác xã hội trong bệnh viện.		0.5			

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	4. Đặc trưng công tác xã hội trong bệnh viện. 5. Mối quan hệ giữa y học và công tác xã hội trong bệnh viện. 6. Nhiệm vụ của công tác xã hội trong bệnh viện. 6.1. Hỗ trợ, tư vấn các vấn đề về công tác xã hội cho người bệnh. 6.2. Thông tin, truyền thông và phổ biến, giáo dục pháp luật. 6.3. Vận động tài trợ, hỗ trợ nhân viên y tế và đào tạo, bồi dưỡng. 7. Các hoạt động công tác xã hội trong bệnh viện.		0.5 0.5 1.0 0.5		2.0	
2	Chương 2. Một số phương pháp can thiệp và kỹ năng của người làm công tác xã hội trong bệnh viện. 1.Một số phương pháp can thiệp của công tác xã hội trong bệnh viện 1.1.Quản lý trường hợp, quản lý ca 1.2.Công tác xã hội nhóm trong bệnh viện 1.3.Truyền thông về công tác xã	16	4 2.0	0	12 4.0	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	hội trong bệnh viện 1.4. Tham vấn tâm lý trong bệnh viện 2. Một số kỹ năng của người làm công tác xã hội trong bệnh viện 2.1. Kỹ năng giao tiếp 2.2. Kỹ năng tổ chức cuộc họp 2.3. Kỹ năng lập kế hoạch và quản lý khủng hoảng truyền thông 2.4. Kỹ năng huy động và điều phối nguồn lực 2.5. Kỹ năng xây dựng mạng lưới công tác xã hội trong bệnh viện		2.0		8.0	
3	Chương 3. Quy trình thực hành công tác xã hội trong bệnh viện. 1. Quy trình hỗ trợ người bệnh 1.1. Quy trình hỗ trợ người bệnh khó khăn về thủ tục hành chính 1.2. Quy trình hỗ trợ người bệnh khó khăn về chi phí điều trị 2. Quy trình vận động, tiếp nhận và điều phối nguồn lực 2.1. Quy trình vận động nguồn lực	20	5 1.0 0.5	0	15 1.0 2.0	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2.2. Quy trình điều phối nguồn lực tài trợ 3. Quy trình tổ chức sự kiện 4. Quy trình truyền thông 4.1. Quy trình truyền thông nâng cao nhận thức và quyền lợi trong khám chữa bệnh của người bệnh 4.2. Quy trình phối hợp với phóng viên báo. đài 5. Quy trình quản lý trường hợp. ca 6. Quy trình làm việc nhóm 7. Quy trình tham vấn tâm lý 8. Quy trình kiểm huấn sinh viên thực hành công tác xã hội		0.5 1.0 0.5 0.5 0.5 0.5		2.0 2.0 2.0 2.0 2.0 2.0	
4	Kiểm tra định kì	1				1.0
5	Thi kết thúc môn học	1				1.0
	Cộng	45	14	0	29	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG BỆNH VIỆN.

(Thời gian: 7 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, mục đích, chức năng, nguyên tắc hoạt động.

yêu cầu đối với nhân viên xã hội. một số hoạt động trọng tâm và các chính sách pháp luật có liên quan đến công tác xã hội trong bệnh viện.

2. Thực hiện được các kỹ năng làm việc nhóm. thu thập xử lý thông tin. sắm vai. giải quyết tình huống. quan sát. lắng nghe. truyền thông.

3. Hình thành thái độ học tập nghiêm túc. tích cực. chủ động xây dựng bài. tính cẩn thận. tỷ mỉ. chính xác. trung thực. an toàn lao động. vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm công tác xã hội bệnh viện và khái niệm liên quan (3)

1.1. Khái niệm công tác xã hội

1.2. Lĩnh vực và hệ thống tổ chức làm công tác xã hội trong lĩnh vực y tế

1.3. Khái niệm sức khỏe

1.4. Khái niệm công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe

1.5. Khái niệm công tác xã hội trong y tế

1.6. Khái niệm công tác xã hội trong bệnh viện

1.7. Khái niệm y tế công cộng

1.8. Khái niệm nhân viên xã hội y tế

2. Mục đích công tác xã hội trong bệnh viện (3)

3. Đối tượng công tác xã hội trong bệnh viện (3)

4. Đặc trưng công tác xã hội trong bệnh viện (3)

5. Môi quan hệ giữa y học và công tác xã hội trong bệnh viện (3)

6. Nhiệm vụ của công tác xã hội trong bệnh viện (3)

6.1. Hỗ trợ. tư vấn các vấn đề về công tác xã hội cho người bệnh

6.2. Thông tin. truyền thông và phổ biến. giáo dục pháp luật

6.3. Vận động tài trợ. hỗ trợ nhân viên y tế và đào tạo. bồi dưỡng

7. Các hoạt động công tác xã hội trong bệnh viện (3)

CHƯƠNG 2: MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP CAN THIỆP VÀ KỸ NĂNG CỦA NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG BỆNH VIỆN

(Thời gian: 16 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Phân tích được các phương pháp can thiệp và một số kỹ năng của người làm công tác xã hội trong bệnh viện.
2. Thực hiện được các phương pháp, kỹ năng trong việc trợ giúp người bệnh và người nhà người bệnh tại bệnh viện. Lập được kế hoạch và quản lý khủng hoảng truyền thông.
3. Có ý thức trong việc trau dồi kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm để trở thành một nhân viên công tác xã hội bệnh viện trong tương lai.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Một số phương pháp can thiệp của công tác xã hội trong bệnh viện (3)

1.1. Quản lý trường hợp, quản lý ca

1.2. Công tác xã hội nhóm trong bệnh viện

1.3. Truyền thông về công tác xã hội trong bệnh viện

1.4. Tham vấn tâm lý trong bệnh viện

2. Một số kỹ năng của người làm công tác xã hội trong bệnh viện (3)

2.1. Kỹ năng giao tiếp

2.2. Kỹ năng tổ chức cuộc họp

2.3. Kỹ năng lập kế hoạch và quản lý khủng hoảng truyền thông

2.4. Kỹ năng huy động và điều phối nguồn lực

2.5. Kỹ năng xây dựng mạng lưới công tác xã hội trong bệnh viện

CHƯƠNG 3: QUY TRÌNH THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG BỆNH VIỆN.

(Thời gian: 20 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Phân tích được quy trình thực hành công tác xã hội trong bệnh viện bao gồm: quy trình hỗ trợ người bệnh, quy trình vận động tiếp nhận và điều phối nguồn lực, quy trình tổ chức sự kiện, quy trình truyền thông, quy trình quản lý trường hợp, quy trình làm việc nhóm, quy trình tham vấn tâm lý.
2. Thực hiện được các quy trình hỗ trợ người bệnh, quy trình vận động và tiếp nhận, điều phối nguồn lực, quy trình tổ chức sự kiện, quy trình truyền thông.

quy trình quản lý trường hợp. kiểm huấn sinh viên thực hành trong bệnh viện.

3. Nâng cao năng lực cá nhân ý thức trong việc trau dồi kiến thức. quy trình thực hành để trở thành một nhân viên công tác xã hội phù hợp với tình hình thực tế trong tương lai.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Quy trình hỗ trợ người bệnh (1-2)

1.1. Quy trình hỗ trợ người bệnh khó khăn về thủ tục hành chính

1.2. Quy trình hỗ trợ người bệnh khó khăn về chi phí điều trị

2. Quy trình vận động, tiếp nhận và điều phối nguồn lực (1-2)

2.1. Quy trình vận động nguồn lực

2.2. Quy trình điều phối nguồn lực tài trợ

3. Quy trình tổ chức sự kiện (1-2)

4. Quy trình truyền thông (1-2)

4.1. Quy trình truyền thông nâng cao nhận thức và quyền lợi trong khám chữa bệnh của người bệnh

4.2. Quy trình phối hợp với phóng viên báo. đài

5. Quy trình quản lý trường hợp. ca (1-2)

6. Quy trình làm việc nhóm (1-2)

7. Quy trình tham vấn tâm lý (1-2)

8. Quy trình kiểm huấn sinh viên thực hành công tác xã hội

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn. nhà xưởng

1. Phòng học chuyên môn hóa. bảo đảm các điều kiện ánh sáng. vệ sinh...

2. Liên hệ với các cơ sở thực hành trong hoặc ngoài tỉnh có các đối tượng xã hội cụ thể. đáp ứng các nhu cầu học tập cho sinh viên và tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong quá trình thực hành công tác xã hội trong bệnh viện.

II. Trang thiết bị. máy móc

Máy chiếu projector. hoặc tivi. bút lật trang.

III. Học liệu. dụng cụ. nguyên vật liệu

Giấy A0. A4. bút viết. giấy màu. kéo. hồ dán. video. hình ảnh. tài liệu phát

tay. phương tiện dạy học khác...

IV. Các điều kiện khác

Sinh viên nghiên cứu tài liệu. nộp kế hoạch. lượng giá và báo cáo tuần.

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Tổng quan về công tác xã hội trong bệnh viện.
- Vai trò của nhân viên xã hội trong bệnh viện
- Các phương pháp can thiệp. hỗ trợ công tác xã hội trong bệnh viện
- Quy trình thực hành trong công tác xã hội bệnh viện.
- Nhận biết. phân tích. đánh giá vấn đề của các đối tượng xã hội;
- Thu thập thông tin. xác định mục tiêu. lập kế hoạch kết nối dịch vụ hỗ trợ đối tượng xã hội

2. Kỹ năng

- Lập kế hoạch. khai thác thông tin liên quan tới thân chủ. nhóm thân chủ trong bệnh viện và hỗ trợ cho các đối tượng khác nhau trong bệnh viện một cách có hiệu quả.
- Giao tiếp. quan sát. lắng nghe. phản hồi. đặt câu hỏi. thấu cảm. lập kế hoạch và quản lý khủng hoảng truyền thông. huy động và điều phối nguồn lực. xây dựng mạng lưới công tác xã hội trong bệnh viện.
- Tư vấn. hỗ trợ. can thiệp. giải quyết các vấn đề về công tác xã hội trong bệnh viện và các vấn đề khác trong học tập và thực tiễn.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có được tính chuyên nghiệp. Có trách nhiệm. trung thực. khách quan với kết quả nghiên cứu. học tập và công việc sau này.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra. đánh giá thường xuyên:
 - + Số bài kiểm tra: 01
 - + Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong

giờ học. kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm). kiểm tra một số nội dung thực hành. hoặc kiểm tra. đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra. đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra. đánh giá định kỳ:

+ Số bài kiểm tra: 01 bài kiểm tra

+ Hình thức kiểm tra: tự luận

+ Thời gian kiểm tra: 1 giờ

- Đề kiểm tra. đáp án và công cụ kiểm tra. đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian thi: 1 giờ

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: vào học kì IV trong chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Đề thi kết thúc môn học được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra. đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình môn học.

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc mô đun: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh. sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CDKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn Công tác xã hội trong bệnh viện được sử dụng đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội trình độ Cao đẳng hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực;
- Quan tâm phát huy kinh nghiệm của người học trong quá trình lên lớp; chú trọng đầu tư tổ chức tốt các tiết thảo luận cả về nội dung lẫn hình thức.

2. Đối với người học

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5.0 điểm trở lên theo thang điểm 10.
- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.
- Sinh viên nghiên cứu bài học trước khi đến lớp, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này. Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, thực hành, bài kiểm tra và thi.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Khái niệm công tác xã hội trong bệnh viện, các mục đích, nguyên tắc, một số hoạt động trọng tâm của công tác xã hội trong bệnh viện và một số chính sách pháp luật có liên quan
- Các phương pháp can thiệp trong công tác xã hội bệnh viện
- Các kỹ năng của người làm công tác xã hội trong bệnh viện
- Quy trình thực hành công tác xã hội trong bệnh viện

IV. Tài liệu tham khảo

1. Bùi Thị Xuân Mai (2012). *Giáo trình nhập môn công tác xã hội*. NXB Lao động – xã hội
2. Unicef và Bộ Lao động thương binh và xã hội (2017). *Tài liệu hướng dẫn thực hành Chăm sóc sức khỏe cộng đồng*. Hà Nội
3. Phạm Tiến Nam, Bùi Thị Thu Hà (2019). *tài liệu CTXH trong bệnh viện*.

NXB Lao động-Xã hội.

4. Công tác xã hội lý thuyết và thực hành. Trần Đình Luận. NXB Đại học quốc gia Hà Nội. 2009.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có).

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Công tác xã hội với cộng đồng dân tộc thiểu số (Social work Ethnic community)

Mã môn học: 610320462

Thời gian thực hiện môn học: 28 giờ (lý thuyết: 13 giờ; thực hành: 13 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi kết thúc môn học: 1 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí

Đây là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành đối với ngành, nghề Công tác xã hội, được bố trí kỳ VI của chương trình đào tạo.

II. Tính chất

Đây là môn học tự chọn, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ cao đẳng.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Yêu cầu về kiến thức

1. Trình bày được khái niệm, đối tượng, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước trong việc bảo đảm quyền của các dân tộc thiểu số Việt Nam.
2. Mô tả được nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam.
3. Giải thích được quy trình bảo tồn và phát huy văn hóa cho cộng đồng dân tộc thiểu số.
4. Phân tích được chất lượng giáo dục đối với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số.
5. Vận dụng được kiến thức môn học vào thực tiễn nghề nghiệp sau này.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Nhận diện được nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam; nhận diện được vấn đề nghèo đói đối với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số.
2. Giao tiếp được ở các dạng khác nhau như đối thoại, lắng nghe, viết, trình bày, hợp tác khi làm việc với nhóm cộng đồng DTTS.

3. Đề xuất được một số biện pháp phối hợp với các tổ chức xã hội để can thiệp trợ giúp với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số.

4. Tạo lập được mối quan hệ với nhóm cộng đồng DTTS, thu thập thông tin xác định vấn đề, lên kế hoạch làm việc với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số.

5. Thực hiện thành thạo các kỹ năng: Quan sát, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, thuyết trình, vấn đáp.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Trách nhiệm nghề nghiệp, có thái độ ứng xử phù hợp với nhóm cộng đồng các dân tộc thiểu số;

2. Tích cực, chủ động nâng cao năng lực tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với môi trường làm việc.

3. Phổ biến các chính của Đảng và Nhà nước đối với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số.

4. Chịu trách nhiệm về tiến độ và chất lượng của các bài thảo luận, bảo đảm sự phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên trong nhóm.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1: Khái quát về cộng đồng dân tộc thiểu số	4	2		2	
	1. Những vấn đề chung về dân tộc thiểu số		0.5			
	2. Sự phân bố nhóm dân tộc thiểu số ở Việt Nam		0.5		1	
	3. Một số chính sách của Nhà nước đối với nhóm dân tộc thiểu số		0.5		1	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	4. Một số vấn đề khó khăn cơ bản của nhóm dân tộc thiểu số 4.1. Vấn đề nghèo đói 4.2. Vấn đề văn hóa, lối sống 4.3. Vấn đề sức khỏe và vệ sinh môi trường 4.4. Vấn đề giáo dục		0.5			
2	Chương 2: CTXH về vấn đề nghèo đói đối với nhóm cộng đồng DTTS 1. Thực trạng nghèo đói ở các vùng dân tộc thiểu số 2. CTXH với vấn đề giảm nghèo của nhóm dân tộc thiểu số 2.1. Phương pháp phát triển cộng đồng trong việc xóa đói giảm nghèo 2.2. Một vài đặc điểm của cộng đồng nghèo 2.3. Quy trình và kỹ năng giải quyết vấn đề nghèo đói theo tiến trình của phát triển cộng đồng	6	3 1 2		3 1 2	
3	Chương 3: CTXH về vấn đề văn hóa, lối sống đối với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số 1. Vấn đề văn hóa, lối sống của nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số	6	3 1		3	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2. Lối sống cơ bản trong cộng đồng cộng đồng dân tộc thiểu số 3. Ảnh hưởng của các hủ tục văn hóa đến cộng đồng dân tộc thiểu số 4. Nguyên nhân dẫn đến lối sống lạc hậu của cộng đồng cộng đồng dân tộc thiểu số 5. CTXH với bảo tồn và phát huy văn hóa lành mạnh ở cộng đồng dân tộc thiểu số		0.5 0.5 0.5 0.5		1 1 1	
4	Kiểm tra định kỳ	1				1
5	Chương 4: CTXH về vấn đề chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường đối với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số 1. Một số vấn đề về chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường 2. Vấn đề chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường cho nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số 3. CTXH với việc giải quyết vấn đề sức khỏe và vệ sinh môi trường cho cộng đồng dân tộc thiểu số	4	2 1 0.5 0.5		2 2	
6	Chương 5: CTXH với vấn đề giáo dục của nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số	6	3		3	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	1. Thực trạng giáo dục nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số		1		1	
	2. Nguyên nhân ảnh hưởng chất lượng giáo dục nhóm cộng đồng DTTS		1		1	
	3. Vai trò của CTXH trong hỗ trợ giải quyết các vấn đề về giáo dục của cộng đồng DTTS		1		1	
7	Thi kết thúc môn học	1				1
	Cộng	28	13		13	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ DÂN TỘC THIỂU SỐ

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm về dân tộc và cộng đồng dân tộc thiểu số; mô tả được nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam.
2. Nhận diện được nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Phân loại được các chính sách của Nhà nước đối với nhóm dân tộc thiểu số.
3. Phổ biến các chính của Đảng và Nhà nước đối với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Những vấn đề chung về dân tộc thiểu số (1)
2. Sự phân bố nhóm dân tộc thiểu số ở Việt Nam
3. Một số chính sách của Nhà nước đối với nhóm dân tộc thiểu số(2)
4. Một số vấn đề khó khăn cơ bản của nhóm dân tộc thiểu số

4.1. Vấn đề nghèo đói

4.2. Vấn đề văn hóa, lối sống

4.3. Vấn đề sức khỏe và vệ sinh môi trường

4.4. Vấn đề giáo dục

CHƯƠNG 2. CTXH VỚI VẤN ĐỀ NGHÈO ĐÓI Ở CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được thực trạng nghèo đói ở các vùng DTTS, phân tích được quy trình và kỹ năng giải quyết vấn đề nghèo đói theo tiến trình của CTXH.
2. Nhận diện được vấn đề nghèo đói đối với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số; kỹ năng giải quyết vấn đề nghèo đói theo tiến trình phát triển cộng đồng.
3. Giúp đỡ các cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng yếu thế, giải quyết vấn đề nghèo đói góp phần bảo đảm an sinh xã hội;

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

- 1. Thực trạng nghèo đói ở các vùng dân tộc thiểu số (3)**
- 2. CTXH với vấn đề giảm nghèo của nhóm dân tộc thiểu số**
 - 2.1. Phương pháp phát triển cộng đồng trong việc xóa đói giảm nghèo**
 - 2.2. Một vài đặc điểm của cộng đồng nghèo**
 - 2.3. Quy trình và kỹ năng giải quyết vấn đề nghèo đói theo tiến trình của phát triển cộng đồng(1)**

CHƯƠNG 3: CTXH VỀ VẤN ĐỀ VĂN HÓA, LỐI SỐNG ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Giải thích được quy trình bảo tồn và phát huy văn hóa cho cộng đồng DTTS, phân tích được các vấn đề văn hóa, lối sống của nhóm cộng đồng DTTS.
2. Đề xuất được một số biện pháp phối hợp với các tổ chức xã hội để thực

hiện phòng ngừa và can thiệp trợ giúp với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số.

3. Tích cực tham gia cải tạo các phong tục, hủ tục lạc hậu của cộng đồng dân tộc thiểu số.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

- 1. Vấn đề văn hóa, lối sống của nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số (4)**
- 2. Lối sống cơ bản trong cộng đồng cộng đồng dân tộc thiểu số**
- 3. Ảnh hưởng của các hủ tục văn hóa đến cộng đồng dân tộc thiểu số**
- 4. Nguyên nhân dẫn đến lối sống lạc hậu của cộng đồng cộng đồng dân tộc thiểu số**
- 5. CTXH với bảo tồn và phát huy văn hóa lành mạnh ở cộng đồng dân tộc thiểu số (1)**

CHƯƠNG 4: CTXH VỀ VẤN ĐỀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG DTTS

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Giải thích được một số vấn đề về chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường, phân tích được quy trình giải quyết vấn đề sức khỏe và vệ sinh môi trường cho nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số.
2. Thu thập được thông tin xác định vấn đề, xác minh, đánh giá chẩn đoán, lên kế hoạch làm việc với đối tượng nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số.
3. Thấu hiểu, cảm thông, chia sẻ và giúp đỡ nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

- 1. Một số vấn đề về chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường**
- 2. Vấn đề chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường cho nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số**
- 3. CTXH với việc giải quyết vấn đề sức khỏe và vệ sinh môi trường cho cộng đồng dân tộc thiểu số (1)**

CHƯƠNG 5: CTXH VỚI VẤN ĐỀ GIÁO DỤC CỦA NHÓM CỘNG

ĐỒNG DTTS**(Thời gian: 6 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được chất lượng giáo dục đối với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số, phân tích được nguyên nhân ảnh hưởng chất lượng giáo dục nhóm cộng đồng DTTS.

2. Đánh giá, nhận diện được vấn đề chất lượng giáo dục đối với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số.

3. Có ý thức trách nhiệm nghề nghiệp, có thái độ ứng xử phù hợp với nhóm cộng đồng các dân tộc thiểu số; chia sẻ và giúp đỡ nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số trong việc giải quyết vấn đề nâng cao chất lượng giáo dục.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Thực trạng giáo dục của nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số (5)

2. Nguyên nhân ảnh hưởng chất lượng giáo dục nhóm cộng đồng DTTS

3. Vai trò của CTXH trong hỗ trợ giải quyết các vấn đề về giáo dục của cộng đồng DTTS (1)

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết.

II. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, đèn chiếu, phần mềm hỗ trợ...

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, tài liệu tham khảo, giấy A0, giấy màu, bút lông, tranh ảnh, bảng phụ, bài tập tình huống...

IV. Các điều kiện khác: Người học nghiên cứu tài liệu, làm việc có trách nhiệm, hiệu quả, liên hệ các dân tộc thiểu số tại Kon Tum đánh giá và nhận diện vấn đề, lên kế hoạch trợ giúp giải quyết vấn đề mà nhóm cộng đồng các dân tộc thiểu số mắc phải.

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ**I. Nội dung****1. Kiến thức**

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về công tác xã hội với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số: Khái niệm, đối tượng, chính sách...

- Mô tả được nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam

- Giải thích được quy trình giải quyết vấn đề theo tiến trình công tác xã hội; quy trình bảo tồn và phát huy văn hóa cho cộng đồng cộng đồng dân tộc thiểu số theo tiến trình của công tác xã hội.

- Phân tích được: Chất lượng giáo dục đối với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số; chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số.

- Vận dụng được kiến thức môn học vào thực tiễn nghề nghiệp sau này.

2. Kỹ năng

- Nhận diện được nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam; nhận diện được vấn đề nghèo đói đối với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số.

- Nghiên cứu, xử lý được thông tin liên quan đến nội dung môn học.

- Đề xuất được một số biện pháp phối hợp với các tổ chức xã hội để can thiệp trợ giúp với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số.

- Tạo lập được mối quan hệ với nhóm cộng đồng DTTS, thu thập thông tin xác định vấn đề, lên kế hoạch làm việc với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số.

- Thực hiện thành thạo các kỹ năng: Quan sát, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, thuyết trình, vấn đáp.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài, tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, khoa học, trung thực với kết quả làm việc nhóm.

- Chịu trách nhiệm về tiến độ và chất lượng của các bài thảo luận, bảo đảm sự phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên trong nhóm.

- Tự giác, chủ động trong việc giúp đỡ nhóm cộng đồng DTTS về các vấn đề nghèo đói, môi trường, giáo dục...

- Phổ biến các chính của Đảng và Nhà nước đối với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

- + Số bài kiểm tra: 01

- + Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong

giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ:

+ Số bài kiểm tra: 01

+ Hình thức kiểm tra: Tự luận

+ Thời gian kiểm tra: 01 giờ

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ phải được trình bày, đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi: Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập (Thời gian học lý thuyết, thực hành và đáp ứng được các yêu cầu khác quy định trong chương trình môn học). Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10. Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của Nhà trường.

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian thi: 1 giờ

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi/ đề thi: vào học kì VI trong chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các học sinh sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CĐKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

E. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học CTXH với cộng đồng DTTS được sử dụng đào tạo trình độ Cao đẳng ngành, nghề Công tác xã hội.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực: phương pháp nêu vấn đề, giải thích, phân tích, chứng minh, thảo luận (có sử dụng các thiết bị giáo dục hiện đại);
- Sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

2. Đối với người học

- Tham dự ít nhất 80% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học, mô đun được quy định trong chương trình môn học;
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;
- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Các khái niệm, nhận diện các nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số; các chính sách của nhà nước đối với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số; một số vấn đề mắc phải của nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số.
- Các kỹ năng giải quyết vấn đề nghèo đói đối với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số.
- Phân tích vấn đề chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường đối với nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số.
- Quy trình giải quyết vấn đề nâng cao chất lượng giáo dục cho cộng đồng dân tộc thiểu số theo tiến trình của công tác xã hội, bảo đảm hiệu quả bền vững.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Công tác xã hội với các dân tộc thiểu số: Bộ Lao động thương binh và xã hội; năm 2017.
2. Nguyễn Thị Thu Thanh. Chính sách dân tộc của Việt Nam qua 35 năm đổi mới. Tạp chí Cộng sản. 2020.
3. TS. Bùi Sỹ Lợi. Giảm nghèo bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ở nước ta hiện nay. Tạp chí Cộng sản. 6/3/2022.
4. PGS. TS Nguyễn Thị Song Hà. Chính sách bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số Việt nam. Tạp chí Cộng sản. 12/8/2023.
5. TS. Nguyễn Thị Luyện. Giáo dục dân tộc thiểu số, miền núi ở Việt Nam

qua hơn 35 năm đổi mới. Tạp chí cộng sản. 21/6/2022.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Truyền thông và vận động xã hội (Communication and social advocacy)

Mã môn học: 61032048

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (lý thuyết: 13 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 15 giờ; kiểm tra: 1 giờ, thi kết thúc môn học: 01 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí

Môn học này nằm trong khối kiến thức ngành, dành cho sinh viên ngành công tác xã hội, được bố trí học kỳ IV của chương trình đào tạo.

II. Tính chất

Truyền thông và vận động xã hội là môn học bắt buộc đối với sinh viên ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ cao đẳng.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Yêu cầu về kiến thức

1. Trình bày được những kiến thức cơ bản và cần thiết về truyền thông và vận động xã hội.
2. Phân biệt được đối tượng truyền thông và đối tượng vận động xã hội.
3. Đánh giá được kết quả hoạt động truyền thông và vận động xã hội trong công tác xã hội.
4. Mô tả được chương trình phát triển văn hoá quần chúng tại cơ sở.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Viết và trình bày bài truyền thông và vận động xã hội hiệu quả, thuyết phục được đối tượng cần truyền thông và người nghe, đáp ứng các yêu cầu trong bảng đánh giá kết quả truyền thông.
2. Vận dụng được các kỹ năng truyền thông và vận động từ trong hoạt động công tác xã hội tại cộng đồng một cách chủ động, tự tin và linh hoạt.
3. Có năng lực tiếp cận thực tế vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Nhận thức đúng vị trí, vai trò môn học từ đó có ý thức học tập tốt bộ môn.

2. Yêu nghề, hưởng ứng và ủng hộ tích cực việc đẩy mạnh và tăng cường thực hiện các hoạt động truyền thông và vận động xã hội cho công tác xã hội tại cộng đồng.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Số TT	Tên chương/ mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Kiểm tra
1	Chương 1: Truyền thông thay đổi hành vi	12	5		7	
	1. Một số vấn đề chung.		1			
	2. Tổng quan về truyền thông thay đổi hành vi.		1			
	3. Các phương pháp truyền thông trong công tác xã hội tại cộng đồng.		1		1	
	4. Kỹ năng truyền thông trực tiếp.		2		6	
2	Chương 2: Vận động xã hội trong nghề công tác xã hội	9	5		4	
	1. Tổng quan về vận động xã hội.		1			

	2. Phương pháp vận động xã hội.		1			
	3. Chuẩn bị cho buổi vận động trực tiếp tại cộng đồng.		1		1	
	4. Kỹ năng vận động trực tiếp		1		1	
	5. Thực hành kỹ năng vận động trực tiếp.		1		2	
3	Chương 3: Xây dựng chương trình phát triển văn hoá quần chúng và tổ chức đánh giá	7	3		4	
	1. Xây dựng chương trình phát triển văn hoá quần chúng ở tuyến cơ sở.		1		1	
	2. Đánh giá kết quả truyền thông trực tiếp trong hoạt động công tác xã hội.		1		2	
	3. Đánh giá kết quả vận động trong công tác xã hội tại cộng đồng.		1		1	
4	Kiểm tra định kỳ	1				1
5	Thi kết thúc môn học	1				1
	Cộng	30	13	0	15	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: TRUYỀN THÔNG THAY ĐỔI HÀNH VI

(Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được kiến thức cơ bản về truyền thông trong công tác xã hội.
2. Vận dụng đúng các bước và kỹ năng để truyền thông và thay đổi được nhận thức và hành vi của đối tượng đích. Thực hành thành thạo các kỹ năng truyền thông trực tiếp.
3. Ý thức học tập tốt bộ môn, chủ động viết và thực hành trong nhóm, trước lớp về kỹ năng truyền thông trực tiếp.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

- 1. Một số vấn đề chung (1)**
- 2. Tổng quan về truyền thông thay đổi hành vi (1, 2)**
- 3. Các phương pháp truyền thông trong công tác xã hội tại cộng đồng (1, 2)**
- 4. Kỹ năng truyền thông trực tiếp (1, 3)**

CHƯƠNG 2: VẬN ĐỘNG XÃ HỘI TRONG NGHỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI

(Thời gian: 9 giờ)

I. MỤC TIÊU:

1. Trình bày được kiến thức cơ bản về vận động xã hội, phân biệt được sự giống và khác nhau giữa truyền thông và vận động xã hội.
2. Vận dụng được các phương pháp và kỹ năng vận động xã hội vào hoạt động công tác xã hội. Thực hành tốt vận động trực tiếp tại cộng đồng.
3. Ý thức học tập tốt bộ môn, chủ động viết và thực hành trong nhóm, trước lớp về kỹ năng vận động.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

- 1. Tổng quan về vận động xã hội. (2)**
- 2. Phương pháp vận động xã hội. (1, 2)**
- 3. Kỹ năng vận động trực tiếp. (3)**
- 4. Chuẩn bị cho buổi vận động trực tiếp tại cộng đồng.(2, 3)**
- 5. Thực hành kỹ năng vận động trực tiếp (1, 2)**

CHƯƠNG 3: XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN VĂN

HOÁ QUẢN CHÚNG VÀ TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ

(Thời gian: 7 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được một số chương trình phát triển văn hoá quần chúng tại cơ sở. Đánh giá được kết quả truyền thông trực tiếp trong hoạt động công tác xã hội tại cộng đồng.

2. Vận dụng đúng các tiêu chí để thực hiện đánh giá kết quả vận động trong công tác xã hội tại cộng đồng.

3. Chuyên cần, yêu thích học tập bộ môn, chủ động trong thực hành. Có trách nhiệm trong việc xây dựng, tham gia hoạt động văn hóa quần chúng.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG:

1. Xây dựng chương trình phát triển văn hoá quần chúng ở tuyến cơ sở. (2)

2. Đánh giá kết quả truyền thông trực tiếp trong hoạt động công tác xã hội. (2-4)

3. Đánh giá kết quả vận động trong công tác xã hội tại cộng đồng (2, 3, 5).

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học chuyên môn hóa

II. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, có mạng internet

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình, tài liệu tham khảo.

IV. Các điều kiện khác: thư viện, trang Web

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Khái niệm truyền thông, truyền thông thay đổi hành vi, phân loại truyền thông

- Mục đích, đối tượng, hành vi, phân loại, yếu tố chính ảnh hưởng, quy trình thay đổi hành vi.

- Đánh giá được kết quả hoạt động truyền thông và vận động xã hội trong công tác xã hội.

- Chương trình phát triển văn hoá quần chúng tại cơ sở.

2. Kỹ năng

- Truyền thông và vận động
- Lập kế hoạch truyền thông
- Viết bài truyền thông cho đối tượng cụ thể, truyền thông trực tiếp; viết bài truyền thông gián tiếp

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức đúng vị trí, vai trò môn học từ đó có ý thức học tập tốt bộ môn.
- Yêu nghề, hưởng ứng và ủng hộ tích cực việc đẩy mạnh và tăng cường thực hiện các hoạt động truyền thông và vận động xã hội cho công tác xã hội tại cộng đồng.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:
 - + Số bài kiểm tra: 01 bài.
 - + Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.
 - + Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.
- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ: 01 bài
 - + Số bài kiểm tra: 1 bài
 - + Hình thức kiểm tra: Tự luận.
 - Thời gian kiểm tra: 1 giờ.
 - Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường

hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Tự luận.

- Thời gian thi: 1 giờ.

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ IV của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CDKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng môn học

- Môn học áp dụng cho sinh viên cao đẳng chuyên ngành Công tác xã hội năm thứ hai.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Sử dụng phương pháp dạy học tích cực.

2. Đối với người học

- Nghiên cứu, động não trả lời câu hỏi.

- Người học tìm hiểu trước giáo trình Truyền thông và vận động xã hội, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Các phương pháp truyền thông trong công tác xã hội tại cộng đồng

- Kỹ năng truyền thông trực tiếp

- Phương pháp vận động xã hội

- Kỹ năng vận động xã hội trực tiếp

- Xây dựng chương trình phát triển văn hoá quần chúng ở tuyến cơ sở

- Chuẩn bị cho buổi vận động trực tiếp tại cộng đồng

- Đánh giá kết quả truyền thông trực tiếp trong hoạt động công tác xã hội
- Đánh giá kết quả vận động trong công tác xã hội tại cộng đồng

IV. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Việt Hùng. Truyền thông thay đổi hành vi 2015.
2. Trương Thị Minh Nguyệt, Trần thị Hằng. Giáo trình truyền thông và vận động xã hội. Trường Cao đẳng cộng đồng Kon Tum 2021.
3. Giáo trình truyền thông và vận động xã hội. Trường cao đẳng cơ giới Ninh Bình 2018.
4. Lê Thanh Sơn và cộng sự. Tài liệu tập huấn truyền thông thay đổi hành vi sức khỏe 2009.
5. Đào Huy Đáp. Truyền thông và vận động xã hội trong công tác xã hội tại tuyến xã và thôn bản Hà Nội 2012.

V. Ghi chú và giải thích:

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Hành vi con người và môi trường xã hội (Human behavior and social environment).

Mã môn học: 610320522.

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (lý thuyết: 13 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 15 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

I. Vị trí

Là môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội trình độ cao đẳng, được bố trí học ở học kì III của chương trình đào tạo.

II. Tính chất

Là môn học bắt buộc, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành trong chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội trình độ cao đẳng.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC

I. Yêu cầu về kiến thức

1. Trình bày được các khái niệm cơ bản hành vi con người, môi trường xã hội, các mô hình lý thuyết trong nghiên cứu hành vi con người
2. Phân tích được mối quan hệ tương tác giữa con người và môi trường xã hội.
3. Giải thích được các yếu tố tác động đến hành vi cá nhân trong các bối cảnh xã hội khác nhau

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Quan sát và đánh giá được hành vi của con người trong môi trường sống cụ thể.
2. Vận dụng được lý thuyết hành vi vào thực hành công tác xã hội.
3. Làm việc nhóm hiệu quả trong các tình huống mô phỏng hoặc thực tiễn
4. Sử dụng được các công cụ, bảng đánh giá hành vi trong nghiên cứu và thực hành.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Chủ động, linh hoạt, tự học tập, trao đổi kinh nghiệm nhằm tích lũy kiến thức để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
2. Có trách nhiệm trong công việc và trong các mối quan hệ xã hội.
3. Thể hiện ý thức nghề nghiệp và tinh thần phục vụ cộng đồng cao.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
2	Chương 1: Những vấn đề chung về hành vi con người và môi trường xã hội	6	4		2	
	1. Hành vi con người 1.1. Khái niệm hành vi con người 1.2. Phân biệt hành vi và sản phẩm của hành vi con người 1.3. Các loại hành vi con người 1.4. Những yếu tố quy định hành vi con người 1.5. Cơ sở tâm lý điều khiển hành vi con người 1.6. Mục tiêu nghiên cứu hành vi con người 2. Môi trường xã hội 2.1. Khái niệm về môi trường xã hội 2.2. Phân loại môi trường xã hội		2		1	
			2		1	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
3	Chương 2: Mối quan hệ giữa hành vi con người và môi trường xã hội	11	5		6	
	1. Thuyết về vai trò trong sự phát triển hành vi con người					
	2. Thuyết về hành vi con người trong môi trường xã hội		1			
3	2.1. Phương pháp tiếp cận hành vi con người theo hệ thống		2		2	
	2.2. Các thuyết về nhân cách					
	3. Các yếu tố tác động đến hành vi con người.					
	3.1. Yếu tố sinh học					
	3.2. Môi trường tự nhiên		2		2	
	3.3. Môi trường xã hội					
	3.4. Nhận thức và hành vi con người					
	4. Mối quan hệ giữa hành vi con người và môi trường xã hội					
	4.1. Tác động của hành vi con người đến môi trường xã hội.		1		2	
	4.2. Tác động của môi trường xã hội đến hành vi con người.					
4	Chương 3: Các phương pháp tác động đến hành vi của con người	11	4		7	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	1. Biểu hiện hành vi của cá nhân con người đối với môi trường xã hội 1.1. Hành vi của cá nhân 1.2. Nhận thức bản thân 1.3. Kiểm soát bản thân 1.4. Thay đổi thái độ của cá nhân bằng cách thay đổi hành vi con người 1.5. Biết sửa chữa những sai lầm, tự tin và hài lòng với những gì mình có 2. Một số biện pháp giúp củng cố và phát triển hành vi tích cực, làm giảm những hành vi tiêu cực xã hội. 2.1. Một số biểu hiện hành vi xã hội 2.2. Một số biện pháp phát triển và củng cố những hành vi xã hội		2		2	
6	Kiểm tra định kì	1				1
7	Thi kết thúc	1				1
	Cộng	30	13		15	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HÀNH VI CON

NGƯỜI VÀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm hành vi con người, môi trường xã hội, lý thuyết về vai trò trong sự phát triển hành vi con người; phân tích được những ảnh hưởng của môi trường đối với hành vi con người và đời sống xã hội.

2. Nhận biết các vấn đề trong xã hội liên quan đến hành vi con người và môi trường xã hội.

3. Thực hiện tuyên truyền phòng chống tệ nạn xã hội những hành vi không hợp chuẩn mang lại, rèn luyện để hình thành những hành vi tích cực góp phần thúc đẩy xã hội phát triển.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Hành vi con người (1)

1.1. Khái niệm hành vi con người

1.2. Phân biệt hành vi và sản phẩm của hành vi

1.3. Các loại hành vi con người

1.4. Những yếu tố quy định hành vi con người

1.5. Cơ sở tâm lý điều khiển hành vi con người

1.6. Mục tiêu nghiên cứu hành vi con người

2. Môi trường (2)

2.1. Khái niệm về môi trường

2.2. Phân loại môi trường

CHƯƠNG 2. MỐI QUAN HỆ GIỮA HÀNH VI CON NGƯỜI VÀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

(Thời gian: 11 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được lý thuyết về vai trò trong sự phát triển hành vi con người, lý thuyết về hành vi con người trong môi trường xã hội và phân tích được các yếu tố tác động đến hành vi con người; mối quan hệ giữa hành vi con người và môi

trường xã hội.

2. Đánh giá được hành vi, nhân cách của trẻ hiện nay; thực hiện những tác động tích cực nhằm thúc đẩy hành vi con người cũng như môi trường xã hội theo hướng tốt đẹp.

3. Có thái độ đúng đắn về việc nghiên cứu các hành vi con người trong đời sống, đặc biệt là trong hoạt động nghề nghiệp; ý thức, trách nhiệm cao với cộng đồng.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Lý thuyết về vai trò trong sự phát triển hành vi con người (4)

2. Lý thuyết hành vi con người trong môi trường xã hội (2)

2.1. Phương pháp tiếp cận hành vi con người theo hệ thống

2.2. Các thuyết về nhân cách

3. Các yếu tố tác động đến hành vi con người (2)

3.1. Yếu tố sinh học

3.2. Môi trường tự nhiên

3.3. Môi trường xã hội

3.4. Nhận thức và hành vi con người

4. Mối quan hệ tương tác giữa hành vi con người và môi trường xã hội (2)

4.1. Tác động của hành vi con người đến môi trường xã hội.

4.2. Tác động của môi trường xã hội đến hành vi con người

CHƯƠNG 3. CÁC PHƯƠNG PHÁP TÁC ĐỘNG ĐẾN HÀNH VI CỦA CON NGƯỜI

(Thời gian: 11 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được biểu hiện hành vi của cá nhân con người đối với môi trường xã hội; một số biện pháp giúp củng cố và phát triển hành vi tích cực, làm giảm những hành vi tiêu cực xã hội của trẻ hiện nay.

2. Phân biệt được hành vi hợp chuẩn và hành vi không hợp chuẩn; phát

triển hành vi tích cực, làm giảm những hành vi tiêu cực trong xã hội.

3. Tuyên truyền phòng chống tệ nạn xã hội mà hành vi không hợp chuẩn mang lại, rèn luyện để hình thành những hành vi tích cực góp phần thúc đẩy xã hội phát triển.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Biểu hiện hành vi của cá nhân con người đối với môi trường xã hội (4)

1.1. Hành vi của cá nhân

1.2. Nhận thức bản thân

1.3. Kiểm soát bản thân

1.4. Thay đổi thái độ của cá nhân bằng cách thay đổi hành vi

1.5. Biết sửa chữa những sai lầm, tự tin và hài lòng với những gì mình có

2. Một số biện pháp giúp củng cố và phát triển hành vi tích cực, làm giảm những hành vi tiêu cực xã hội (5)

2.1. Một số biểu hiện hành vi xã hội

2.2. Một số biện pháp phát triển và củng cố những hành vi xã hội

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết.

II. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, đèn chiếu, phần mềm hỗ trợ...

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, tài liệu tham khảo, giấy A0, giấy màu, bút lông, tranh ảnh, bài tập tình huống...

IV. Các điều kiện khác: không

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Trình bày được các khái niệm cơ bản như hành vi con người, môi trường xã hội;

- Trình bày được các mô hình lý thuyết trong nghiên cứu hành vi con người như mô hình hệ sinh thái, mô hình phát triển tâm lý xã hội của Erik Erikson, các lý thuyết học tập, lý thuyết hành vi, lý thuyết vai trò;

- Phân tích được mối quan hệ tương tác giữa con người và môi trường xã hội như gia đình, trường học, cộng đồng;
- Giải thích được các yếu tố tác động đến hành vi cá nhân trong các bối cảnh xã hội khác nhau từ văn hóa, giới tính, tôn giáo, tầng lớp xã hội, truyền thông, sự tác động của bạo lực, nghèo đói, di cư, phân biệt đối xử.

2. Kỹ năng

- Quan sát và đánh giá được hành vi của con người trong môi trường sống cụ thể: nhận diện được các yếu tố sinh học, tâm lý, xã hội tác động đến hành vi của cá nhân và nhóm;
- Vận dụng được lý thuyết hành vi vào thực hành công tác xã hội: ứng dụng lý thuyết vào đánh giá trường hợp (casework), xây dựng kế hoạch can thiệp; lựa chọn và sử dụng các phương pháp tiếp cận phù hợp với từng đối tượng cụ thể;
- Làm việc nhóm hiệu quả trong các tình huống mô phỏng hoặc thực tiễn: cùng thảo luận, phân tích tình huống đa chiều về hành vi con người; hợp tác trong việc xây dựng hồ sơ đánh giá, kế hoạch can thiệp;
- Sử dụng được các công cụ, bảng đánh giá hành vi trong nghiên cứu và thực hành: áp dụng phiếu quan sát, phỏng vấn, bảng hỏi,... để đánh giá đặc điểm hành vi cá nhân trong môi trường xã hội.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Chủ động, linh hoạt, tự học tập, trao đổi kinh nghiệm nhằm tích lũy kiến thức để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;
- Có trách nhiệm trong công việc và trong các mối quan hệ xã hội: thể hiện sự tôn trọng, đồng cảm và trách nhiệm khi làm việc với đối tượng yếu thế hoặc dễ bị tổn thương; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và nguyên tắc bảo mật thông tin trong thực hành công tác xã hội;
- Thể hiện ý thức nghề nghiệp và tinh thần phục vụ cộng đồng: nhận thức được vai trò của bản thân trong việc hỗ trợ cá nhân, gia đình và cộng đồng nâng cao chất lượng cuộc sống; chủ động đề xuất các giải pháp phù hợp trong các tình huống thực tế.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:
- + Số bài: 1 bài

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá sinh viên thông qua kiểm tra vấn đáp, thảo luận, bài tập tình huống...hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên; với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ:

+ Số bài kiểm tra: 01;

+ Hình thức kiểm tra: Tự luận;

+ Thời gian kiểm tra: 45 phút.

+ Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian thi: 1 giờ

- Thời gian để hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kì III của chương trình đào tạo, hoặc theo kế hoạch của Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Đề thi kết thúc môn học được xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành và phải thể hiện rõ nội dung đề thi nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình môn học.

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc mô đun: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CDKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học Hành vi con người và môi trường xã hội được sử dụng đào tạo trình độ cao đẳng, chuyên ngành Công tác xã hội.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Trong quá trình giảng dạy cần vận dụng kết hợp lý thuyết và thực hành. Áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau như (trình bày, diễn giải, chứng minh, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của sinh viên...).

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

2. Đối với người học

- Tham dự ít nhất 80% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học, mô đun được quy định trong chương trình môn học, mô đun.

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

- Sinh viên nghiên cứu bài học trước khi đến lớp, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này. Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, thực hành, bài kiểm tra và thi.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Các yếu tố tác động đến hành vi con người; mối quan hệ giữa hành vi con người và môi trường xã hội.

- Nhận biết các vấn đề trong xã hội liên quan đến hành vi con người và vận dụng kiến thức vào công tác xã hội.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Hành vi con người và môi trường xã hội. Trường CĐCD Kon Tum: Bộ môn xã hội; 2021.

2. Phạm Minh Hạc. Hành vi và hoạt động: NXB Giáo dục; 1989.

3. Phạm Thị Ngọc Trâm. Môi trường sinh thái vấn đề và giải pháp: NXB Chính trị Quốc gia.; 1997.

4. Nguyễn Hồi Loan. Giáo Trình Hành Vi Con Người Và Môi Trường Xã

Hội. Hà Nội: NXB ĐHQG; 2018.

5. Lê Văn Phú. Công tác xã hội: NXB Đại học Quốc gia; 2004.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN**Tên mô đun:** Thực hành công tác xã hội 1 (Practice social work 1)**Mã mô đun:** 610320493**Thời gian thực hiện mô đun:** 60 giờ (lý thuyết: 0 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 59 giờ; kiểm tra: 01 giờ; thi: 0 giờ)**A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN****I. Vị trí:**

Là mô đun bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ Cao đẳng, được bố trí học sau các môn học cơ sở và các môn học chuyên ngành, đặc biệt sau môn Công tác xã hội cá nhân. Được bố trí giảng dạy vào học kỳ III của chương trình đào tạo.

II. Tính chất:

Là mô đun bắt buộc quan trọng của ngành, nghề Công tác xã hội. Giúp sinh viên vận dụng được các lý thuyết đã học từ môn Công tác xã hội cá nhân.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Mô tả được lịch sử thành lập của cơ sở; cấu trúc tổ chức của cơ sở; mục tiêu hoạt động của cơ sở; các hoạt động hiện nay của cơ sở.
2. Mô tả và phân tích được mô hình an sinh xã hội, các vấn đề xã hội, hoàn cảnh của các đối tượng xã hội, các nguồn lực hỗ trợ cho đối tượng.
3. Nhận biết, phân tích, đánh giá vấn đề của các đối tượng xã hội
4. Thu thập thông tin, xác định mục tiêu, lập kế hoạch kết nối dịch vụ hỗ trợ đối tượng xã hội
5. Lập kế hoạch can thiệp và trợ giúp các đối tượng xã hội huy động nguồn lực, tự vươn lên giải quyết vấn đề.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Thu thập thông tin của cơ sở thực hành, các đối tượng xã hội
2. Tìm kiếm, kết nối với các cơ sở cung cấp dịch vụ an sinh xã hội cho các

đối tượng xã hội.

3. Giáo dục nâng cao nhận thức cho các đối tượng xã hội.
4. Truyền thông giảm kì thị với người khuyết tật
5. Hỗ trợ trực tiếp người các đối tượng xã hội.
6. Tham vấn, hỗ trợ tâm lý cho các đối tượng xã hội.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Chấp hành các quy định về đạo đức nhân viên công tác xã hội
2. Chủ động, tích cực trong hỗ trợ các đối tượng xã hội

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương/ mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm,	Thi/ Kiểm tra
1	Bài 1. Tìm hiểu cơ sở hực hành	8			8	
	1. Lịch sử thành lập cơ sở 2. Cơ cấu tổ chức của cơ sở thực hành 3. Mục tiêu, chức năng của cơ sở				4	
	4. Đối tượng hỗ trợ tại cơ sở 5. Các hoạt động hiện nay tại cơ sở 6. Ảnh hưởng của cơ sở đến cộng đồng				4	
2	Bài 2: Thực hành CTXH cá nhân tại cơ sở	46			46	
	1. Tiếp cận thân chủ				10	

	2. Xác định vấn đề					
	3. Thu thập thông tin					
	4. Xây dựng kế hoạch can thiệp				4	
	5. Thực hiện kế hoạch can thiệp				28	
	6. Viết báo cáo thực hành				4	
3	Kiểm tra định kì	1				1
4	Bài 3. Tổng kết, lượng giá 1. Đánh giá kết quả thực hành 2. Tổng kết thực hành. 2.1. Trình bày các kết quả thu nhận được từ đợt thực hành (kiến thức, kỹ năng, thái độ). 2.2. Trao đổi các kinh nghiệm thực hành. 2.3. Đánh giá và bình bầu cá nhân xuất sắc.	5			5	
	Cộng	60	0		59	1

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1. TÌM HIỂU CƠ SỞ THỰC HÀNH

(Thời gian: 8 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả, trình bày lịch sử, cơ cấu tổ chức, mục tiêu, chức năng, đối tượng hỗ trợ của cơ sở thực hành. Phân tích, tổng hợp các thông tin để đánh giá ảnh hưởng hoạt động của cơ sở thực hành đến cộng đồng.

2. Thực hiện được việc lấy thông tin của cơ sở.

3. Cẩn thận, nghiêm túc, trung thực trong việc lấy thông tin, trân quý giá trị ngành nghề.

II. NỘI DUNG BÀI

- 1. Lịch sử thành lập cơ sở (1)**
- 2. Cơ cấu tổ chức của cơ sở thực hành (1)**
- 3. Mục tiêu, chức năng của cơ sở (1, 2)**
- 4. Đối tượng hỗ trợ tại cơ sở (1)**
- 5. Các hoạt động hiện nay tại cơ sở (1)**
- 6. Ảnh hưởng của cơ sở đến cộng đồng (1)**

Bài 2. THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI CÁ NHÂN TẠI CƠ SỞ

(Thời gian: 46 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Nhận biết, phân tích, đánh giá vấn đề của các đối tượng xã hội. Vận dụng các kỹ năng trong CTXH cá nhân trong thiết lập mối quan hệ, thực hiện tiến trình làm việc với cá nhân, tìm kiếm các nguồn lực trợ giúp các đối tượng xã hội, kết nối với các cơ sở cung cấp dịch vụ an sinh xã hội

2. Thu thập thông tin, xác định mục tiêu, lập kế hoạch kết nối dịch vụ hỗ trợ đối tượng xã hội. Lập kế hoạch can thiệp và trợ giúp các đối tượng xã hội huy động nguồn lực, tự vươn lên giải quyết vấn đề. Thực hiện kế hoạch can thiệp và trợ giúp các đối tượng xã hội huy động nguồn lực, tự vươn lên giải quyết vấn đề. Viết kế hoạch CTXH các nhân hàng tuần, tháng, nhật ký, báo cáo thực hành.

3. Nghiêm túc trong việc thực hành, trân quý giá trị ngành nghề, chủ động phấn đấu để trở thành một nhân viên xã hội chuyên nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội.

II. NỘI DUNG BÀI

- 1. Tiếp cận thân chủ (1, 3)**
- 2. Xác định vấn đề (1, 2)**
- 3. Thu thập thông tin (1, 3, 4)**
- 4. Xây dựng kế hoạch can thiệp (1-3)**
- 5. Thực hiện kế hoạch can thiệp (1, 3)**
- 6. Viết báo cáo thực hành (1)**

Bài 3. TỔNG KẾT, LƯỢNG GIÁ

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Tổng hợp và trình bày kết quả của quá trình thực hành tại cơ sở thông qua báo cáo, nhật ký thực hành.
2. Đánh giá, rút ra được những bài học kinh nghiệm cũng như đề xuất kiến nghị đối với các bên có liên quan.
3. Ý thức hơn về ngành/nghề mà mình đang theo học, tăng cường sự sẻ chia đối với những nhóm đối tượng có hoàn cảnh khác nhau.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Đánh giá kết quả thực hành

2. Tổng kết thực hành

2.1. Trình bày các kết quả thu nhận được từ đợt thực hành (kiến thức, kỹ năng, thái độ)

2.2. Trao đổi các kinh nghiệm thực hành

2.3. Đánh giá và bình bầu cá nhân xuất sắc

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn hóa, cơ sở thực hành nghề: Liên hệ với các cơ sở thực hành trong hoặc ngoài tỉnh có các đối tượng xã hội cụ thể, đáp ứng các nhu cầu học tập cho sinh viên và tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong quá trình thực hành công tác xã hội cá nhân.

II. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu/Tivi, Máy tính xách tay

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Học liệu: tập bài giảng : "Thực hành CTXH I", Võ Mạnh Tuấn, Nguyễn Thị Hồng Chuyên (tài liệu lưu hành nội bộ).

- Dụng cụ, nguyên vật liệu: giấy A0, A4, bút viết, giấy màu, kéo, hồ dán, đất nặn, video, hình ảnh, tài liệu phát tay, phương tiện dạy học khác...

IV. Các điều kiện khác: phương tiện đi lại, SV cần mạnh dạn, tự tin,...

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung:

1. Kiến thức:

- Lịch sử thành lập của cơ sở; cấu trúc tổ chức của cơ sở; mục tiêu hoạt động của cơ sở; các hoạt động hiện nay của cơ sở.
- Mô hình an sinh xã hội, các vấn đề xã hội, hoàn cảnh của các đối tượng xã hội cụ thể mà sinh viên tiếp cận, các nguồn lực hỗ trợ cho đối tượng.
- Kế hoạch can thiệp và trợ giúp thân chủ huy động nguồn lực, tự vươn lên giải quyết vấn đề.

2. Kỹ năng:

- Tiếp cận, lấy thông tin thân chủ. Xác định vấn đề của thân chủ
- Xây dựng được kế hoạch hỗ trợ thân chủ
- Tham vấn cho thân chủ

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Tích cực trong tiến trình trợ giúp thân chủ, tác phong làm việc khoa học, có trách nhiệm với công việc.
- Chủ động rèn luyện bản thân hình thành những năng lực phù hợp với nghiệp vụ ngành Công tác xã hội.

II. Phương pháp:

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:
 - + Số bài kiểm tra: 01 bài
 - + Hình thức kiểm tra: nhà giáo chấm điểm kế hoạch tuần, tháng
 - + Đề thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.
- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ:
 - + Số bài kiểm tra: 01
 - + Hình thức kiểm tra: Thực hành
 - + Thời gian kiểm tra: 60 phút
 - + Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ phải được trình bày/đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Lấy kết quả bài báo cáo thực hành

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: không làm ngân hàng đề

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình môn học thực hành Công tác xã hội 1 được sử dụng đào tạo trình độ Cao đẳng chuyên ngành, nghề Công tác xã hội.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo:

- Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực;
- Hướng dẫn thực hành theo trình tự của tiến trình CTXH cá nhân
- Quan tâm phát huy kinh nghiệm của người học trong quá trình thực hành

2. Đối với người học:

- Tham dự đủ 100% thời gian học được quy định trong chương trình mô đun.

- Thực hiện đúng quy định, nội quy nơi thực hành
- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường

III. Những trọng tâm cần chú ý:

- Nộp báo cáo, nhật ký, đánh giá đúng kế hoạch
- Báo cáo, nhật ký phải thể hiện đầy đủ các yêu cầu trong sổ tay thực hành
- Tự tin, năng động, mạnh dạn trong quá trình thực hành.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Võ Mạnh Tuấn. Giáo trình Thực hành công

tác xã hội 1: Trường Cao đẳng cộng đồng Kon Tum; 2021.

2. Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Võ Mạnh Tuấn. Công tác xã hội cá nhân: Trường Cao đẳng cộng đồng Kon Tum; 2021.

3. Bộ lao động thương binh và Xã hội. Tài liệu hướng dẫn thực hành công tác xã hội cá nhân và gia đình. Hà Nội 2017.

4. Trung tâm nghiên cứu - Tư vấn CTXH & PTCD. Kỹ năng tham vấn trong công tác xã hội 2012.

V. Ghi chú và giải thích

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực hành công tác xã hội 2 (Practice social work 2)

Mã mô đun: 610320503

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (lý thuyết: 0 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành: 59 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 0 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

I. Vị trí

Là mô đun chuyên ngành quan trọng của chương trình đào tạo của ngành, nghề Công tác xã hội, bố trí thực hiện trong học kỳ IV của khoá học.

II. Tính chất

Là mô đun bắt buộc dùng chung cho ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ cao đẳng tại Trường Cao đẳng Kon Tum.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

I. Yêu cầu về kiến thức

1. Mô tả được lịch sử hình thành và phát triển cơ cấu tổ chức, mục tiêu hoạt động của cơ sở; các hoạt động hiện nay của cơ sở thực hành.
2. Mô tả và phân tích được các vấn đề xã hội, hoàn cảnh của các đối tượng xã hội; xác định được các nguồn lực hỗ trợ cho đối tượng.
3. Phân tích tiến trình làm việc trong công tác xã hội với nhóm.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Xây dựng được Kế hoạch thực hành tổng thể, Kế hoạch can thiệp và trợ giúp nhóm thân chủ.
2. Hoàn thành Kế hoạch can thiệp và trợ giúp các đối tượng xã hội huy động nguồn lực, tự vươn lên giải quyết vấn đề.
3. Thực hiện được các kỹ năng: Làm việc nhóm; lãnh đạo nhóm; thu thập và đánh giá vấn đề; kỹ năng lập kế hoạch và lượng giá,...
4. Kết nối, huy động được các nguồn lực tham gia hỗ trợ thân chủ; đề xuất, khuyến nghị các giải pháp nâng cao chất lượng các hoạt động an sinh xã hội đối

với các bên liên quan.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Hình thành thái độ tích cực và động lực trở thành một nhân viên xã hội trong tương lai, có thêm năng lực tự chủ khi làm việc với một nhóm thân chủ yếu thế trong xã hội.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1. Tìm hiểu cơ sở thực hành	4				
	1. Lịch sử hình thành và phát triển của cơ sở thực hành 2. Cơ cấu tổ chức của cơ sở thực hành 3. Mục tiêu, chức năng của cơ sở				2	
	4. Đối tượng hỗ trợ tại cơ sở 5. Các hoạt động hiện nay tại cơ sở 6. Ảnh hưởng của cơ sở đến cộng đồng				2	
2	Bài 2: Thực hành công tác xã hội nhóm tại cơ sở	50			50	
	1. Chuẩn bị và thành lập nhóm				8	
	2. Xây dựng công cụ và lập kế hoạch				4	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	3. Thực hiện kế hoạch				30	
	4. Lượng giá và kết thúc nhóm				4	
	5. Viết báo cáo thực hành				4	
3	Kiểm tra định kì	1				1
4	Bài 3. Tổng kết, lượng giá 1. Đánh giá kết quả thực hành 2. Tổng kết thực hành 2.1. Trình bày các kết quả thu nhận được từ đợt thực hành (kiến thức, kỹ năng, thái độ) 2.2. Trao đổi các kinh nghiệm thực hành 2.3. Đánh giá và bình bầu cá nhân xuất sắc	5			5	
	Cộng	60	0	0	59	1

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1. TÌM HIỂU CƠ SỞ THỰC HÀNH

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được lịch sử hình thành và phát triển, cơ cấu tổ chức, mục tiêu, chức năng, đối tượng hỗ trợ của cơ sở thực hành; phân tích các kiến thức cơ bản trong CTXH nhóm, bước đầu tìm hiểu các thông tin liên quan đến cơ sở thực hành và chọn lựa nhóm thân chủ. Phân tích tiến trình CTXH nhóm vào nhóm đối tượng cụ thể.

2. Thực hiện được các kỹ năng: Làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm, kỹ năng xây dựng kế hoạch, kỹ năng phân tích và đánh giá vấn đề, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng truyền thông, kỹ năng xử lý mâu thuẫn.

3. Ý thức trong việc thực hành, hiểu rõ hơn về các vấn đề của các nhóm đối tượng xã hội trong các cơ sở xã hội; trân quý giá trị ngành nghề, có động lực phấn đấu để trở thành một nhân viên xã hội chuyên nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Lịch sử hình thành và phát triển của cơ sở thực hành (1)

2. Cơ cấu tổ chức của cơ sở thực hành (2)

3. Mục tiêu, chức năng của cơ sở (2)

4. Đối tượng hỗ trợ tại cơ sở (2)

5. Các hoạt động hiện nay tại cơ sở

6. Ảnh hưởng của cơ sở đến cộng đồng

BÀI 2: THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI NHÓM TẠI CƠ SỞ

(Thời gian: 50 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được cách triển khai kế hoạch và cách viết nhật ký, báo cáo thực hành tại cơ sở.

2. Tổ chức được các buổi họp nhóm, thiết kế các hoạt động nhóm và dẫn dắt các buổi làm việc; thực hiện được các kỹ năng, phương pháp CTXH nhóm vào quá trình thực hành. Đánh giá, rút ra được những bài học kinh nghiệm cũng như đề xuất kiến nghị đối với các bên có liên quan.

3. Nghiêm túc, chuyên nghiệp, thận trọng trong quá trình thực hành, tiếp xúc với các nhóm thân chủ (thường xuyên điều chỉnh, hoàn thiện các kỹ năng để phù hợp hơn với từng nhóm thân chủ,...).

II. NỘI DUNG BÀI

1. Chuẩn bị và thành lập nhóm (1, 3, 4)

1.1. Tiếp cận với các đối tượng

1.2. Xác định mục đích hỗ trợ nhóm

1.3. Đánh giá khả năng thành lập nhóm

1.4. Định hướng cho các thành viên trong nhóm

1.5. Chuẩn bị môi trường

1.6. Viết đề xuất thành lập nhóm

1.7. Thành lập nhóm

2. Xây dựng công cụ và lập kế hoạch (1, 2, 4)

2.1. Xây dựng các công cụ

2.2. Lập bảng kế hoạch

3. Thực hiện kế hoạch (2)

4. Lượng giá và kết thúc nhóm (1)

4.1. Lượng giá toàn đợt thực hành

4.2. Sơ đồ tương tác của nhóm thân chủ sau quá trình thực hành

5. Viết báo cáo thực hành

BÀI 3. TỔNG KẾT, LƯỢNG GIÁ

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Tổng hợp và trình bày kết quả của quá trình thực hành tại cơ sở thông qua báo cáo, nhật ký thực hành.

2. Đánh giá, rút ra được những bài học kinh nghiệm cũng như đề xuất kiến nghị đối với các bên có liên quan.

3. Ý thức hơn về ngành, nghề mà mình đang theo học, tăng cường sự sẻ chia đối với những nhóm đối tượng có hoàn cảnh khác nhau.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Đánh giá kết quả thực hành (1)

2. Tổng kết thực hành (1)

2.1. Trình bày các kết quả thu nhận được từ đợt thực hành (kiến thức, kỹ năng, thái độ)

2.2. Trao đổi các kinh nghiệm thực hành

2.3. Đánh giá và bình bầu cá nhân xuất sắc

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng

Liên hệ với các cơ sở thực hành trong hoặc ngoài tỉnh có các đối tượng xã hội cụ thể, đáp ứng các nhu cầu học tập cho sinh viên và tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong quá trình thực hành công tác xã hội với nhóm.

II. Trang thiết bị, máy móc: Máy chiếu/tivi, máy tính xách tay.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giấy A0, A4, bút viết, giấy màu, kéo, hồ dán, video, hình ảnh, tài liệu phát tay, phương tiện dạy học khác...

IV. Các điều kiện khác

Sinh viên nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm, nộp kế hoạch, lượng giá và báo cáo tuần.

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Lịch sử thành lập của cơ sở; cấu trúc tổ chức của cơ sở; mục tiêu hoạt động của cơ sở; các hoạt động hiện nay của cơ sở.
- Các vấn đề xã hội, hoàn cảnh của các đối tượng xã hội, các nguồn lực hỗ trợ cho đối tượng.
- Tiến trình làm việc trong công tác xã hội với nhóm.

2. Kỹ năng

- Can thiệp và trợ giúp các đối tượng xã hội huy động nguồn lực, tự vươn lên giải quyết vấn đề.
- Thực hiện thành thạo các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm, kỹ năng thu thập và đánh giá vấn đề, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng lượng giá,....

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Hình thành thái độ tích cực và động lực trở thành một nhân viên xã hội trong tương lai, có thêm năng lực tự chủ khi làm việc với một nhóm thân chủ yếu thể trong xã hội.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra thường xuyên:

+ Số bài kiểm tra: 01

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra định kỳ:

+ Số bài kiểm tra: 01.

+ Hình thức kiểm tra: Thực hành.

+ Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc mô đun

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Lấy kết quả bài báo cáo thực hành.

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Không làm ngân hàng đề thi.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Mô đun Thực hành Công tác xã hội II được sử dụng đào tạo trình độ Cao đẳng chuyên ngành, nghề Công tác xã hội.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực.

- Hướng dẫn thực hành, hỗ trợ làm kế hoạch và lượng giá hàng tuần, có sự liên kết với các trưởng nhóm, trưởng đoàn trong suốt quá trình thực hành.

2. Đối với người học

- Tham dự đủ 100% thời gian học được quy định trong chương trình môn.

- Thực hiện đúng quy định, nội quy nơi thực hành.

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Nộp báo cáo, nhật ký, đánh giá đúng kế hoạch.

- Báo cáo, nhật ký phải thể hiện đầy đủ các yêu cầu trong sổ tay thực hành.

- Sinh viên cần tự tin, năng động, mạnh dạn trong quá trình thực hành.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Võ Mạnh Tuấn, Nguyễn thị Hồng Chuyên. Giáo trình Thực hành Công tác xã hội II. Trường Cao đẳng cộng đồng Kon Tum 2021.

2. Bộ lao động thương binh và Xã hội. Tài liệu tập huấn công tác xã hội nhóm. Hà Nội 2017.

3. Nguyễn Thị Như Trang. Giáo Trình Lý Luận Về Thực Hành Công Tác Xã Hội: NXB Đại Học Quốc Gia; 2017.

4. Nguyễn thị Hồng Chuyên, Trần thị Hằng. Giáo trình Công tác xã hội nhóm. Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum 2021.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN**Tên mô đun:** Thực hành CTXH 3 (Practice social work 3)**Mã môn học:** 610320513**Mã mô đun:** 60 giờ (lý thuyết: 0 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành: 59 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 0 giờ).**A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN****I. Vị trí**

Là mô đun chuyên ngành quan trọng của chương trình đào tạo của ngành, nghề Công tác xã hội, bố trí thực hiện trong học kỳ V của khóa học.

II. Tính chất

Là mô đun bắt buộc dùng chung cho ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ cao đẳng tại Trường Cao đẳng Kon Tum.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Mô tả được lịch sử thành lập của cơ sở; cấu trúc tổ chức của cơ sở; mục tiêu hoạt động của cơ sở; các hoạt động hiện nay của cơ sở.

2. Mô tả và phân tích được nhu cầu vấn đề của cộng đồng từ đó phân tích xây dựng kế hoạch hỗ trợ cộng đồng.

3. Nhận diện nhu cầu cộng đồng, phân tích và lập kế hoạch can thiệp và trợ giúp cộng đồng huy động nguồn lực, tự vươn lên giải quyết vấn đề thông qua các dự án cộng đồng.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Lấy thông tin của cơ sở thực hành, các đối tượng xã hội trong cộng đồng của cơ sở thực hành

2. Thực hiện được việc xác định vấn đề, tìm kiếm nguồn lực, xây dựng chương trình dự án và phát triển tác phong làm việc chuyên nghiệp vào thực tiễn.

3. Đưa ra phương án tư vấn chính sách cho từng đối tượng cụ thể trong cộng đồng.

4. Xây dựng và triển khai các chiến dịch tuyên truyền giáo dục cộng đồng.
5. Lập kế hoạch và lên thời gian biểu, thực hiện kế hoạch hỗ trợ cộng đồng.
6. Giúp người dân được tiếp cận nguồn lực, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân trong cộng đồng.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Chấp hành các quy định về đạo đức nhân viên công tác xã hội.
2. Chủ động, tích cực trong hỗ trợ các đối tượng xã hội.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1. Hồ sơ cộng đồng	12			12	
	1. Chân dung cộng đồng				4	
	2. Các quan hệ xã hội trong cộng đồng				2	
	3. Tiềm lực của cộng đồng				2	
	4. Sự thay đổi của cộng đồng trong thời gian qua				2	
	5. Các dự án đang được triển khai tại cộng đồng				1	
	6. Các vấn đề và nhu cầu hiện nay của cộng đồng				1	
2	Bài 2: Dự án phát triển cộng đồng 1. Tóm tắt dự án	42			42	

STT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	2. Cơ sở lập luận 3. Mô tả dự án 4. Lập kế hoạch, thực hiện dự án 5. Đánh giá hiệu quả và tính bền vững của dự án					
3	Kiểm tra định kì.	1				1
4	Bài 3. Tổng kết, lượng giá 1. Đánh giá kết quả thực hành 2. Tổng kết thực hành. 2.1. Trình bày các kết quả thu nhận được từ đợt thực hành (kiến thức, kỹ năng, thái độ). 2.2. Trao đổi các kinh nghiệm thực hành. 2.3. Đánh giá và bình bầu cá nhân xuất sắc	5			5	
	Cộng	60	0	0	59	1

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1. TÌM HIỂU CƠ SỞ THỰC HÀNH

(Thời gian: 12 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày, mô tả được chân dung, các quan hệ xã hội, tiềm lực, sự thay đổi, các dự án phát triển cộng đồng hiện nay, vấn đề và nhu cầu hiện của cộng đồng

2. Thực hiện được việc lấy thông tin, phân tích, tổng hợp các thông tin để đánh giá ảnh hưởng, xây dựng dự án phát triển cộng đồng
3. Nghiêm túc, chuyên nghiệp, thận trọng trong quá trình thực hành.

II. NỘI DUNG BÀI (1)

1. Chân dung cộng đồng
2. Các quan hệ xã hội trong cộng đồng
3. Tiềm lực của cộng đồng
4. Sự thay đổi của cộng đồng trong thời gian qua
5. Các dự án đang được triển khai tại cộng đồng
6. Các vấn đề và nhu cầu hiện nay của cộng đồng

BÀI 2. THỰC HÀNH PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG TẠI CƠ SỞ.

(Thời gian: 42 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Phân tích, đánh giá hồ sơ cộng đồng, xác định được vấn đề của cộng đồng. Phân tích, xây dựng được kế hoạch làm việc cụ thể tại cộng đồng.
2. Xây dựng dự án phát triển cộng đồng, lập kế hoạch và thực hiện dự án

3. Nghiêm túc, chuyên nghiệp, thận trọng trong quá trình thực hành.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Tóm tắt dự án (1)
2. Cơ sở lập luận (1)
3. Mô tả dự án (1)
4. Lập kế hoạch, thực hiện dự án (1-3)
5. Đánh giá hiệu quả và tính bền vững của dự án (1, 3)

BÀI 3. TỔNG KẾT, LƯỢNG GIÁ.

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Tổng hợp và trình bày kết quả của quá trình thực hành tại cơ sở thông qua báo cáo, nhật ký thực hành.

2. Đánh giá, rút ra được những bài học kinh nghiệm cũng như đề xuất kiến nghị đối với các bên có liên quan.

3. Ý thức hơn về ngành, nghề mà mình đang theo học, tăng cường sự sẻ chia đối với những nhóm đối tượng có hoàn cảnh khác nhau.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Đánh giá kết quả thực hành (1)

2. Tổng kết thực hành (1)

2.1. Trình bày các kết quả thu nhận được từ đợt thực hành (kiến thức, kỹ năng, thái độ).

2.2. Trao đổi các kinh nghiệm thực hành.

2.3. Đánh giá và bình bầu cá nhân xuất sắc.

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng

Liên hệ với các cơ sở thực hành trong hoặc ngoài tỉnh có các đối tượng xã hội cụ thể, đáp ứng các nhu cầu học tập cho sinh viên và tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong quá trình thực hành phát triển cộng đồng.

II. Trang thiết bị, máy móc

Máy chiếu/Tivi, Máy tính xách tay

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giấy A0, A4, bút viết, giấy màu, kéo, hồ dán, đất nặn, video, hình ảnh, tài liệu phát tay, phương tiện dạy học khác...

IV. Các điều kiện khác

Sinh viên nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm, nộp kế hoạch, lượng giá và báo cáo tuần.

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Lịch sử thành lập của cơ sở; cấu trúc tổ chức của cơ sở; mục tiêu hoạt

động của cơ sở; các hoạt động hiện nay của cơ sở.

- Nhu cầu, vấn đề của cộng đồng, kế hoạch hỗ trợ cộng đồng.
- Phân tích và mô tả kế hoạch can thiệp và trợ giúp cộng đồng huy động nguồn lực, tự vươn lên giải quyết vấn đề thông qua các dự án cộng đồng.

2. Kỹ năng

- Xác định vấn đề, tìm kiếm nguồn lực, xây dựng chương trình dự án, nhận diện nhu cầu cộng đồng và phát triển tác phong làm việc chuyên nghiệp.
- Giải quyết vấn đề đối với phương pháp phát triển cộng đồng.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Chấp hành các quy định về đạo đức nhân viên công tác xã hội.
- Chủ động, tích cực trong hỗ trợ các đối tượng xã hội.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra thường xuyên:
 - + Số bài kiểm tra: 01
 - + Nhà giáo chấm điểm kế hoạch tuần, tháng để thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.
- Đối với kiểm tra định kỳ:
 - + Số bài kiểm tra: 01.
 - + Hình thức kiểm tra: Thực hành.
 - + Thời gian kiểm tra: 1 giờ.
 - Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày/đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc mô đun

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Lấy kết quả bài báo cáo thực hành.
- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Không làm ngân hàng đề thi

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình môn học Thực hành Công tác xã hội III được sử dụng đào tạo trình độ Cao đẳng chuyên ngành, nghề Công tác xã hội.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo

- Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực.
- Hướng dẫn thực hành, hỗ trợ làm kế hoạch và lượng giá hàng tuần, có sự liên kết với các trưởng nhóm, trưởng đoàn trong suốt quá trình thực hành.

2. Đối với người học

- Tham dự đủ 100% thời gian học được quy định trong chương trình mô đun.
- Thực hiện đúng quy định, nội quy nơi thực hành.
- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Xác định các vấn đề chính trong cộng đồng, xây dựng kế hoạch trợ giúp và hỗ trợ, trao quyền cho cộng đồng. Lập dự án phát triển cộng đồng dựa trên nhu cầu của người dân.
- Nộp báo cáo, nhật ký, đánh giá đúng kế hoạch
- Báo cáo, nhật ký phải thể hiện đầy đủ các yêu cầu trong sổ tay thực hành

IV. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Nguyễn Thị Bích Ngọc. Giáo trình môn học Thực hành công tác xã hội III. Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum 2021.
2. Lê Văn An, Ngô Tùng Đức, Lê Minh Đức, Trịnh Thục Thanh Thủy. Sổ tay hướng dẫn phát triển cộng đồng: NXB Nông nghiệp; 2021.
3. Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương. Tài liệu tập huấn phát triển cộng đồng. Hà Nội 2024.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có).

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực tập tại cơ sở (Internship at the facility).

Mã mô đun: 610350593

Thời gian thực hiện mô đun: 225 giờ (lý thuyết: 0 giờ; thảo luận, bài tập: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 225 giờ; kiểm tra: 0 giờ; thi kết thúc mô đun: 0 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN**I. Vị trí**

Mô đun Thực tập tại cơ sở được bố trí trong học kỳ cuối của khóa học, sau khi học xong các môn học, mô đun của ngành, nghề, trước khi thi tốt nghiệp.

II. Tính chất

Mô đun Thực tập tại cơ sở là mô đun thực tập chuyên môn nghề trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ cao đẳng, nhằm nâng cao tay nghề và tìm hiểu các quá trình làm việc thực tế tại doanh nghiệp.

B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Mô tả về các hoạt động của một cơ sở thực tập, cơ cấu tổ chức của cơ sở thực tập.
2. Mô tả và phân tích các đặc điểm, bản chất, quy luật của một số hiện tượng tâm lý của các đối tượng, nhóm đối tượng xã hội tại các cơ sở thực tập.
3. Phân tích và hệ thống đầy đủ các công việc của nhân viên công tác xã hội.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Thực hiện các công việc của nhân viên công tác xã hội tại cơ sở;
2. Xây dựng kế hoạch, viết nhật kí, báo cáo thực tập.

II. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Xây dựng được tác phong làm việc nghiêm túc, lòng yêu nghề; xây dựng được các mối quan hệ với cơ sở xã hội.
2. Thực hiện nghiêm túc công việc được giao và tự đánh giá kết quả theo

các tiêu chí đã được xác định.

3. Tham gia làm việc theo tổ, nhóm và chịu trách nhiệm một phần đối với công việc.

C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực tập	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1. Tiếp cận và tìm hiểu về cơ sở thực tập 1. Tiếp cận cơ sở thực tập 2. Tìm hiểu cơ sở thực tập 2.1. Tìm hiểu lịch sử hình thành và phát triển của cơ sở thực tập 2.2. Tìm hiểu về chức năng, nhiệm vụ của cơ sở thực tập 2.3. Tìm hiểu các hoạt động của cơ sở thực tập 2.4. Tìm hiểu về cơ cấu tổ chức của cơ sở thực tập 2.5. Tìm hiểu vai trò của nhân viên xã hội tại cơ sở thực tập 2.6. Tìm hiểu những thuận lợi và khó khăn của cơ sở thực tập	30			30	
2	Bài 2: Thực hiện nội dung thực tập tại cơ sở thực tập 1. Triển khai thực hiện các công việc chuyên môn theo vị trí công việc được phân công tại cơ sở thực tập	195			195	

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực tập	Thi/Kiểm tra
	2. Triển khai thực tập các công việc cơ bản của nhân viên công tác xã hội 2.1. Sinh viên lựa chọn một trong các nội dung sau để thực tập: CTXH cá nhân, CTXH với nhóm, phát triển cộng đồng. 2.2. Chọn đối tượng, tìm hiểu đặc điểm đối tượng, các vấn đề có liên quan 2.3. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề . 2.4. Thực hiện kế hoạch 2.5. Lượng giá 2.6. Viết báo cáo thực tập					
Cộng:		225	0		225	0

NỘI DUNG CHI TIẾT

BÀI 1: TIẾP CẬN VÀ TÌM HIỂU VỀ CƠ SỞ THỰC TẬP

(Thời gian: 30 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả, trình bày lịch sử, cơ cấu tổ chức, mục tiêu, chức năng, thuận lợi, khó khăn của cơ sở thực tập. Xác định vai trò của nhân viên công tác xã hội tại cơ sở thực tập. Phân tích, tổng hợp các thông tin để đánh giá ảnh hưởng hoạt động của cơ sở thực hành đến cộng đồng

2. Thực hiện việc lấy thông tin chung của cơ sở và vai trò, công việc của nhân viên công tác xã hội tại cơ sở.

3. Nghiêm túc trong tìm hiểu về các vấn đề của các nhóm xã hội trong các

cơ sở xã hội, trân quý giá trị ngành nghề, có động lực phấn đấu để trở thành một nhân viên xã hội chuyên nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Tiếp cận cơ sở thực tập (1)

2. Tìm hiểu cơ sở thực tập (1)

2.1. Tìm hiểu lịch sử hình thành và phát triển của cơ sở thực tập

2.2. Tìm hiểu về chức năng, nhiệm vụ của cơ sở thực tập

2.3. Tìm hiểu các hoạt động của cơ sở thực tập

2.4. Tìm hiểu về cơ cấu tổ chức của cơ sở thực tập

2.5. Tìm hiểu vai trò của nhân viên xã hội tại cơ sở thực tập

2.6. Tìm hiểu những thuận lợi và khó khăn của cơ sở thực tập

BÀI 2: THỰC HIỆN NỘI DUNG THỰC TẬP TẠI CƠ SỞ THỰC TẬP

(Thời gian: 195 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Nhận biết các đối tượng xã hội tại cơ sở thực tập. Phân tích các chính sách an sinh xã hội để hỗ trợ có hiệu quả các đối tượng xã hội tại cơ sở thực tập.

2. Thực hiện tham vấn cho các đối tượng xã hội. Lập kế hoạch và thực hiện hỗ trợ đối tượng xã hội tại cơ sở. Viết được báo cáo thực tập.

3. Chấp hành tốt các nội quy, có ý thức tự giác và tích cực tìm hiểu trong quá trình thực tập.

II. NỘI DUNG BÀI

1. Triển khai thực hiện các công việc chuyên môn theo vị trí công việc được phân công tại cơ sở thực tập.

2. Triển khai thực tập các công việc cơ bản của nhân viên công tác xã hội (1-5)

2.1. Lựa chọn một trong các nội dung sau để thực tập: CTXH cá nhân, CTXH với nhóm, phát triển cộng đồng.

2.2. Chọn đối tượng, tìm hiểu đặc điểm đối tượng, các vấn đề có liên quan

2.3. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề .**2.4. Thực hiện kế hoạch****2.5. Lượng giá****2.6. Viết báo cáo thực tập****D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN****I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng:**

Các cơ sở xã hội có các đối tượng xã hội cụ thể, đáp ứng các nhu cầu học tập, rèn luyện cho sinh viên và tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong quá trình đi thực tập

II. Trang thiết bị, máy móc

- Các thiết bị, dụng cụ hỗ trợ đối tượng xã hội

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Các biểu mẫu nhật ký, kế hoạch, báo cáo thực tập của nhà trường

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**I. Nội dung****1. Kiến thức**

- Mô tả về các hoạt động của một cơ sở thực tập, cơ cấu tổ chức của cơ sở thực tập.

- Mô tả và phân tích các đặc điểm, bản chất, quy luật của một số hiện tượng tâm lý của các nhóm khách thể tại các cơ sở thực tập/ của các vấn đề công tác xã hội.

- Phân tích và hệ thống đầy đủ các công việc của nhân viên công tác xã hội

2. Kỹ năng

- Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các vấn đề trong thực tế tại các đơn vị xã hội (gọi chung là cơ sở xã hội) một cách hợp lý, khoa học;

- Vận dụng chủ động thực hiện các công việc để giải quyết các vấn đề trong công tác xã hội một cách linh hoạt;

- Phân tích thông tin, xây dựng kế hoạch để hỗ trợ đối tượng xã hội, giải quyết các vấn đề, giao tiếp hiệu quả.

- Kết hợp với nhiều cá nhân để làm việc nhóm có hiệu quả;
- Sử dụng công nghệ thông tin để làm việc trong môi trường đa ngành

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Tiếp cận, làm quen với công việc của một nhân viên xã hội;
- Tác phong công nghiệp, lòng yêu nghề; xây dựng được các mối quan hệ giữa người học với cơ sở xã hội.
- Chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ: Không

2. Thi kết thúc mô đun

- Cán bộ hướng dẫn tại doanh nghiệp, cơ quan, công ty nhận xét, đánh giá quá trình thực tập của người học.
- Thông qua nhật ký, báo cáo và quá trình kiểm tra, theo dõi người học: nhà giáo hướng dẫn nhận xét, đánh giá quá trình thực tập của người học.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

I. Phạm vi áp dụng mô đun:

Chương trình mô đun Thực tập tại cơ sở được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ trung cấp.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

1. Đối với nhà giáo:

- Cung cấp chương trình thực tập tại cơ sở cho người học; phối hợp với các đơn vị hướng dẫn sinh viên thực tập theo đúng chương trình, kế hoạch đã quy định.
- Hỗ trợ sinh viên trong quá trình thực tập; chủ động nắm bắt tình hình người học tại cơ sở thực tập để kịp thời giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc (nếu có).
- Quán triệt người học nhận thức đúng tầm quan trọng của đợt đi thực tập nghề nghiệp.

2. Đối với người học:

- Chấp hành đúng các nội quy, quy định của cơ sở thực tập.

- Chủ động học tập tại cơ sở, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc.

- Xây dựng, thực hiện các kế hoạch tuần cụ thể, rõ ràng theo yêu cầu của cán bộ hướng dẫn; viết nhật ký, báo cáo thực tập đầy đủ, đúng quy định.

- Tham khảo tài liệu trên thư viện số, hoặc thư viện trường Cao đẳng Kon Tum, các báo cáo thực tập tại cơ sở.

III. Những trọng tâm cần chú ý:

- Nội quy của đơn vị thực tập, các đối tượng hỗ trợ, vai trò, công việc của nhân viên xã hội tại cơ sở

- Người học cần nắm rõ các hoạt động hỗ trợ và các dịch vụ trợ giúp đối tượng tại cơ sở thực tập..

IV. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Võ Mạnh Tuấn. Giáo trình Thực hành công tác xã hội 1: Trường Cao đẳng cộng đồng Kon Tum; 2021.

2. Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Trần Thị Hằng. Giáo trình Công tác xã hội nhóm: Trường CĐCD Kon Tum; 2021.

3. Ths Nguyễn Thị Thái Lan, TS Bùi Thị Xuân Mai. Giáo trình công tác xã hội cá nhân và gia đình: NXB Lao động - Xã hội 2014.

4. Trung tâm nghiên cứu - Tư vấn CTXH & PTCĐ. Kỹ năng tham vấn trong công tác xã hội 2012.

5. Lê Văn An. Sổ tay hướng dẫn phát triển cộng đồng. Hà Nội: NXB Nông nghiệp; 2021.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có).

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Cứu trợ xã hội (Social Relief)

Mã môn học: 610320532

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (lý thuyết: 13 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành: 15 giờ; kiểm tra: 01 giờ; thi kết thúc môn học: 01 giờ).

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**I. Vị trí**

Cứu trợ xã hội là môn học thuộc nhóm môn học tự chọn, nâng cao trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ cao đẳng. Môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ VI của chương trình đào tạo.

II. Tính chất

Đây là môn học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ cao đẳng.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được được cơ sở lý luận chung về cứu trợ xã hội, bao gồm một số kiến thức cơ bản về cứu trợ xã hội: Quan điểm của Đảng và Nhà nước về cứu trợ xã hội; tính tất yếu khách quan của cứu trợ xã hội; khái niệm cứu trợ xã hội và các khái niệm liên quan, phân biệt được các loại hình cứu trợ xã hội, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp thực hiện công tác cứu trợ xã hội

2. Nhận diện được quá trình hình thành và phát triển của công tác cứu trợ xã hội ở Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, từ trước Cách mạng tháng 8 năm 1945 đến nay.

3. Phân tích được nội dung và hình thức của các loại hình cứu trợ xã hội, bao gồm: Cứu trợ thường xuyên; cứu trợ đột xuất; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; trợ giúp các đối tượng tệ nạn xã hội.

4. Phân tích được các nguồn lực và cơ chế quản lý, sử dụng nguồn lực trong công tác cứu trợ xã hội, bao gồm nguồn lực từ Nhà nước, các tổ chức xã hội, quốc tế và cộng đồng.

5. Phân tích được vai trò, chức năng của các tổ chức tham gia vào hoạt động cứu trợ xã hội, đặc biệt là vai trò quản lý của Nhà nước và sự tham gia của các tổ chức phi Chính phủ trong hệ thống cứu trợ xã hội hiện nay.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Thực hiện được các kỹ năng cứu trợ các đối tượng xã hội, cứu trợ thường xuyên, cứu trợ đột xuất, kỹ năng trợ giúp các đối tượng nghiện ma túy, mại dâm để cứu trợ và trợ giúp các đối tượng xã hội.

3. Xây dựng được các kỹ năng nghiên cứu xã hội, lập kế hoạch, đánh giá được các vấn đề trong cộng đồng; phát huy được vai trò của cộng đồng, tổ chức xã hội và cá nhân trong việc huy động nguồn lực hoạt động cứu trợ xã hội.

3. Làm việc nhóm hiệu quả; thuyết trình mạch lạc, rõ ràng, tự tin; lắng nghe, quan sát, tham vấn trong thực hiện các công việc trong hoạt động cứu trợ xã hội; nhận diện đánh giá vấn đề chính xác.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Tuân thủ các quy định đạo đức nghề nghiệp, trung thực và có tính kỷ luật cao, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao trong hoạt động cứu trợ xã hội.

2. Tích cực nghiên cứu, nâng cao trình độ và tham gia vào các hoạt động nhằm bảo vệ quyền lợi cho các nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	BT, thảo luận	TH, thí nghiệm	Thi/ KT
1	Chương 1: Lý luận chung về cứu trợ xã hội	5	3		2	

	1. Quan điểm cơ bản của Đảng và nhà nước về cứu trợ xã hội 2. Tính tất yếu và khách quan của cứu trợ xã hội 2.1. Tác động tự nhiên 2.2. Tác động của điều kiện kinh tế 2.3. Tác động của chính trị - xã hội 2.4. Quy luật phát triển không đều của con người 2.5. Tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường 3. Khái niệm cứu trợ xã hội và các khái niệm liên quan 3.1. Khái niệm cứu trợ xã hội 3.2. Một số khái niệm liên quan đến cứu trợ xã hội	3	2		1	
	4. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp của môn Cứu trợ xã hội 4.1. Đối tượng nghiên cứu 4.2. Chức năng và nhiệm vụ 4.3. Phương pháp nghiên cứu 5. Cứu trợ xã hội ở Việt Nam 5.1. Thời kỳ trước Cách mạng tháng 8 năm 1945 5.2. Thời kỳ sau Cách mạng tháng 8 năm 1945 đến nay	2	1		1	
2	Chương 2: Nội dung và hình thức cứu trợ xã hội	10	5		5	
	1. Công tác cứu trợ thường xuyên 1.1. Khái niệm, đối tượng cứu trợ thường xuyên	4	2		2	

1.2. Nội dung và hình thức của cứu trợ thường xuyên 1.3. Mức trợ cấp cứu trợ thường xuyên 2. Cứu trợ đột xuất 2.1. Khái niệm, đối tượng của cứu trợ đột xuất 2.2. Nội dung và hình thức cứu trợ đột xuất 2.3. Mức trợ cấp cứu trợ đột xuất					
3. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 3.1. Khái niệm giảm nghèo bền vững 3.2. Các nội dung cơ bản của chương trình 3.3. Thực trạng kết quả thực hiện chương trình tại Việt Nam 3.4 Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế 3.5. Định hướng, giải pháp nâng cao hiệu quả chương trình	3	2		1	
4. Trợ giúp đối tượng tệ nạn xã hội 4.1. Khái niệm và dấu hiệu đặc trưng của tệ nạn xã hội 4.2. Một số loại tệ nạn xã hội ở Việt Nam 4.3. Mối quan hệ giữa tệ nạn xã hội với cơ chế thị trường, chính sách xã hội 4.4. Mối quan hệ giữa phòng chống AIDS với phòng chống tệ nạn xã hội 4.5. Mối quan hệ giữa sai lệch xã hội, tha hoá xã hội, tệ nạn xã hội và tội	3	1		2	

	phạm xã hội 4.6. Nội dung trợ giúp đối tượng tệ nạn xã hội					
3	Kiểm tra định kì	1				1
4	Chương 3: Nguồn lực cứu trợ xã hội	7	2		5	
	1. Mục đích của việc lập quỹ cứu trợ xã hội 1.1. Hỗ trợ cho đời sống dân sinh 1.2. Hỗ trợ cho tiến trình phát triển 1.3. Kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, củng cố và tăng cường trách nhiệm xã hội của mỗi công dân 2. Quan điểm hình thành nguồn lực cứu trợ xã hội 2.1. Nhà nước thống nhất quản lý nguồn lực 2.2. Xã hội hoá các nguồn lực 2.3. Tận dụng nguồn lực từ quốc tế	3	1		2	
	3. Cơ chế tạo nguồn quỹ cứu trợ xã hội 3.1. Cấp xã 3.2. Cấp tỉnh 4. Nguồn lực của quỹ 4.1. Nguồn lực từ Nhà nước 4.2. Nguồn lực từ các tổ chức, đoàn thể, hiệp hội, tổ chức kinh tế - xã hội, tổ chức từ thiện, nhân dân 4.3. Nguồn trợ giúp quốc tế 5. Quản lý và sử dụng nguồn lực cứu trợ xã hội 5.1. Cơ chế kế hoạch nguồn kinh phí	4	1		3	

	cứu trợ thường xuyên 5.2. Cơ chế thực hiện nguồn kinh phí cứu trợ đột xuất					
5	Chương 4: Tổ chức và quản lý các hoạt động cứu trợ xã hội	6	3		3	
6	1. Vai trò của nhà nước trong các hoạt động cứu trợ xã hội 1.1. Vai trò của nhà nước 1.2. Nguyên tắc hoạt động cứu trợ xã hội	3	2		1	
	2. Vai trò của cộng đồng, tổ chức xã hội và cá nhân trong hoạt động cứu trợ xã hội 2.1. Vai trò của cộng đồng 2.2. Vai trò của các tổ chức xã hội 2.3. Vai trò của các cá nhân	3	1		2	
6	Thi kết thúc môn học	1				1
Cộng		30	13	0	15	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CỨU TRỢ XÃ HỘI

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, đối tượng, chức năng, phương pháp nghiên cứu; phân tích được đặc trưng của hoạt động cứu trợ xã hội.

2. Thực hiện được các kỹ năng: Lắng nghe, quan sát, tham vấn trong thực hiện các công việc trong hoạt động cứu trợ xã hội.

3. Tuân thủ quan điểm cơ bản của Đảng, Nhà nước về cứu trợ xã hội, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao trong hoạt động cứu trợ xã hội.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Quan điểm cơ bản của Đảng, Nhà nước về cứu trợ xã hội (1-4)

2. Tính tất yếu và khách quan của cứu trợ xã hội (1, 2)

2.1. Tác động của tự nhiên

2.2. Tác động của điều kiện kinh tế

2.3. Tác động của chính trị - xã hội

2.4. Quy luật phát triển không đồng đều của con người

2.5. Tác động mặt trái của nền kinh tế thị trường

3. Khái niệm cứu trợ xã hội và các khái niệm liên quan (1, 2)

3.1. Khái niệm cứu trợ xã hội

3.2. Một số khái niệm liên quan đến cứu trợ xã hội

4. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, phương pháp môn Cứu trợ xã hội (1, 2)

4.1. Đối tượng nghiên cứu

4.2. Chức năng và nhiệm vụ

4.3. Phương pháp nghiên cứu

5. Cứu trợ xã hội ở Việt Nam (1, 3)

5.1. Thời kỳ trước Cách mạng tháng 8 năm 1945

5.2. Thời kỳ sau Cách mạng tháng 8 năm 1945 đến nay

CHƯƠNG 2: NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC CỨU TRỢ XÃ HỘI

(Thời gian: 10 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Phân tích được các nội dung cứu trợ thường xuyên, cứu trợ đột xuất, xóa đói giảm nghèo, trợ giúp đối tượng tệ nạn xã hội.

2. Thực hiện được các kỹ năng cứu trợ các đối tượng xã hội, cứu trợ thường xuyên, cứu trợ đột xuất, kỹ năng trợ giúp các đối tượng nghiện ma túy, mại dâm để cứu trợ và trợ giúp các đối tượng xã hội; xây dựng mạng lưới hỗ trợ, kết nối các nguồn lực trợ giúp đối tượng tệ nạn xã hội.

3. Nghiêm túc học tập, có ý thức vận dụng các chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện các chính sách về cứu trợ xã hội.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Công tác cứu trợ thường xuyên (1-3)

1.1. Khái niệm, đối tượng cứu trợ thường xuyên

1.2. Nội dung và hình thức cứu trợ thường xuyên

1.3. Mức trợ cấp cứu trợ thường xuyên

2. Cứu trợ đột xuất (1, 2)

2.1. Khái niệm, đối tượng cứu trợ đột xuất

2.2. Nội dung và hình thức cứu trợ đột xuất

2.3. Các mức trợ cấp cứu trợ đột xuất

3. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (1, 4, 5)

3.1. Khái niệm giảm nghèo bền vững

3.2. Các nội dung cơ bản của chương trình

3.3. Thực trạng kết quả thực hiện chương trình tại Việt Nam

3.4 Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

3.5. Định hướng, giải pháp nâng cao hiệu quả chương trình

4. Trợ giúp đối tượng tệ nạn xã hội (1, 2, 4)

4.1. Khái niệm và dấu hiệu đặc trưng của tệ nạn xã hội

4.2. Một số loại tệ nạn xã hội ở Việt Nam

4.3. Mối quan hệ giữa tệ nạn xã hội với cơ chế thị trường, chính sách xã hội

4.4. Mối quan hệ giữa phòng chống AIDS và phòng chống tệ nạn xã hội

4.5. Mối quan hệ giữa sai lệch xã hội, tha hóa xã hội, tệ nạn xã hội và tội

*phạm xã hội***4.6. Nội dung trợ giúp đối tượng tệ nạn xã hội****CHƯƠNG 3: NGUỒN LỰC CỨU TRỢ XÃ HỘI****(Thời gian: 7 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các kiến thức cơ bản về các nguồn lực cứu trợ xã hội, mục đích của việc lập quỹ cứu trợ; phân tích được cơ chế tạo nguồn quỹ và cách quản lý và sử dụng nguồn lực cứu trợ.

2. Thực hiện được các kỹ năng nghiên cứu xã hội, lập kế hoạch, đánh giá, quản lý và sử dụng nguồn lực cứu trợ xã hội; phát huy được vai trò của cộng đồng, tổ chức xã hội và cá nhân trong việc huy động nguồn lực hoạt động cứu trợ xã hội.

3. Nghiêm túc học tập, có trách nhiệm trong việc kêu gọi, huy động các nguồn lực trong nước và nước ngoài để hỗ trợ cho công tác cứu trợ thường xuyên, cứu trợ đột xuất.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG**1. Mục đích của việc lập quỹ cứu trợ xã hội (1, 2)****1.1. Hỗ trợ cho đời sống dân sinh****1.2. Hỗ trợ cho tiến trình phát triển**

1.3. Kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, củng cố và tăng cường trách nhiệm xã hội của mỗi công dân

2. Quan điểm hình thành nguồn lực cứu trợ xã hội (1, 2)**2.1. Nhà nước thống nhất quản lý nguồn lực****2.2. Xã hội hoá các nguồn lực****2.3. Tận dụng nguồn lực từ quốc tế****3. Cơ chế tạo nguồn quỹ cứu trợ xã hội (1, 4, 6)****3.1. Cấp xã****3.2. Cấp tỉnh****4. Nguồn lực của quỹ (1, 2)**

4.1. Nguồn lực từ Nhà nước**4.2. Nguồn lực từ các tổ chức, đoàn thể, hiệp hội, tổ chức kinh tế - xã hội, tổ chức từ thiện, nhân dân****4.3. Nguồn trợ giúp quốc tế****5. Quản lý và sử dụng nguồn lực cứu trợ xã hội (1, 2, 4, 5)****5.1. Cơ chế kế hoạch nguồn kinh phí cứu trợ thường xuyên****5.2. Cơ chế thực hiện nguồn kinh phí cứu trợ đột xuất****CHƯƠNG 4: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG****CỨU TRỢ XÃ HỘI****(Thời gian: 6 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được vai trò của nhà nước trong hoạt động cứu trợ xã hội; phân tích được vai trò của cộng đồng, tổ chức xã hội và cá nhân trong hoạt động cứu trợ xã hội.

2. Thực hiện được các kỹ năng lập kế hoạch, phát huy được vai trò của cộng đồng, tổ chức xã hội và cá nhân trong hoạt động cứu trợ xã hội.

3. Tuân thủ các chủ trương của Đảng và Nhà nước về nguồn ngân sách, định hướng và tổ chức việc thực hiện cứu trợ xã hội.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG**1. Vai trò của Nhà nước trong các hoạt động cứu trợ xã hội (1, 2, 4)****1.1. Vai trò của nhà nước****1.2. Nguyên tắc hoạt động cứu trợ xã hội**

2. Vai trò của cộng đồng, tổ chức xã hội và cá nhân trong hoạt động cứu trợ xã hội (1, 2, 4)

2.1. Vai trò của cộng đồng**2.2. Vai trò của các tổ chức xã hội****2.3. Vai trò của các cá nhân****D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC****I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

- Phòng học lý thuyết phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm;

- Phòng thực hành: Có đầy đủ trang thiết bị phụ vụ môn học, bàn, ghế, bảng...

II. Trang thiết bị máy móc: Tivi, máy vi tính, máy chiếu, phần mềm hỗ trợ...

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Học liệu

Giáo trình Cứu trợ xã hội, QĐ số 1345/QĐ-CĐCĐ ngày 04/12/2020 của Hiệu trưởng Nhà trường.

- Dụng cụ, nguyên vật liệu

Tranh ảnh, video liên quan tới từng bài giảng dạy, giấy A4, Ao, bút chì, thước, bút lông, bút dạ, bảng làm việc nhóm, giấy note, nam châm, kéo...

IV. Các điều kiện khác: Tham quan thực tế Trung tâm bảo trợ và công tác xã hội trong tỉnh.

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Trình bày được được cơ sở lý luận chung về cứu trợ xã hội, bao gồm một số kiến thức cơ bản về cứu trợ xã hội:

+ Quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác cứu trợ xã hội trong từng thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội.

+ Tính tất yếu khách quan và vai trò của công tác cứu trợ xã hội trong quá trình phát triển xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị, phát triển kinh tế.

+ Giải thích rõ các khái niệm cơ bản: Cứu trợ xã hội: Khái niệm, nội hàm, ý nghĩa thực tiễn.

+ Phân biệt được giữa cứu trợ xã hội với các khái niệm khác như an sinh xã hội, bảo trợ xã hội, từ thiện xã hội.

+ Phân loại được các loại hình cứu trợ xã hội, xác định rõ đối tượng cứu trợ, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp tổ chức thực hiện công tác cứu trợ xã hội trong thực tế.

- Nhận diện được quá trình hình thành và phát triển của công tác cứu trợ xã hội ở Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, từ trước Cách mạng tháng 8 năm 1945

đến nay.

- Phân tích được nội dung và hình thức của các loại hình cứu trợ xã hội, bao gồm: Cứu trợ thường xuyên; cứu trợ đột xuất; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; trợ giúp các đối tượng tệ nạn xã hội; đánh giá được hiệu quả và những hạn chế trong việc thực hiện các loại hình cứu trợ xã hội ở địa phương.

- Phân tích được các nguồn lực và cơ chế quản lý, sử dụng nguồn lực trong công tác cứu trợ xã hội, bao gồm nguồn lực từ Nhà nước, các tổ chức xã hội, quốc tế và cộng đồng.

- Phân tích được vai trò, chức năng của các tổ chức tham gia vào hoạt động cứu trợ xã hội, đặc biệt là vai trò quản lý của Nhà nước và sự tham gia của các tổ chức phi Chính phủ trong hệ thống cứu trợ xã hội hiện nay.

2. Kỹ năng

- Thực hiện được các kỹ năng cứu trợ các đối tượng xã hội, cứu trợ thường xuyên, cứu trợ đột xuất, kỹ năng trợ giúp các đối tượng nghiện ma túy, mại dâm để cứu trợ và trợ giúp các đối tượng xã hội.

- Xây dựng được các kỹ năng nghiên cứu xã hội, lập kế hoạch, đánh giá được các vấn đề trong cộng đồng; phát huy được vai trò của cộng đồng, tổ chức xã hội và cá nhân trong việc huy động nguồn lực hoạt động cứu trợ xã hội.

- Làm việc nhóm hiệu quả; thuyết trình mạch lạc, rõ ràng, tự tin; lắng nghe, quan sát, tham vấn trong thực hiện các công việc trong hoạt động cứu trợ xã hội; nhận diện đánh giá vấn đề chính xác.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, khoa học, trung thực với kết quả làm việc nhóm.

- Tích cực nghiên cứu, nâng cao trình độ và tham gia vào các hoạt động nhằm bảo vệ quyền lợi cho các nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội.

- Nhận thức hoạt động cứu trợ xã hội là một hoạt động không thể thiếu trong bối cảnh hiện nay của một nhân viên công tác xã hội. Qua đó, sinh viên sẽ có trách nhiệm hơn trong các hoạt động cứu trợ xã hội.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên

+ Số bài kiểm tra: 01

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá sinh viên thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kỹ năng, thao tác, kết quả thực hành, thí nghiệm, chấm điểm tường trình thí nghiệm hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng..

- Kiểm tra, đánh giá định kỳ

+ Số bài kiểm tra: 01 (1 bài lý thuyết)

+ Hình thức kiểm tra: Tự luận hoặc trắc nghiệm

+ Thời gian kiểm tra: 45 phút

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi:

+ Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập bao gồm: Thời gian học lý thuyết, thực hành, thí nghiệm và đáp ứng được các yêu cầu khác quy định trong chương trình môn học.

+ Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

+ Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của Nhà trường.

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian thi: 60 phút

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ VI của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CDKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Cứu trợ xã hội được sử dụng trong đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ Cao đẳng.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực, phát huy năng lực người học như: Thuyết trình, diễn giải, chứng minh, nêu và giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm..., đặc biệt chú ý liên hệ thực tế...

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

- Sử dụng linh hoạt các hình thức lên lớp giúp sinh viên tiếp thu những kiến thức một cách dễ dàng.

2. Đối với người học

- Sinh viên nghiên cứu bài học trước khi đến lớp, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này.

- Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, thực hành, thí nghiệm, bài kiểm tra và thi.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Lý luận chung về cứu trợ xã hội
- Nội dung và hình thức cứu trợ xã hội
- Nguồn lực cứu trợ xã hội
- Tổ chức quản lý các hoạt động cứu trợ xã hội

IV. Tài liệu tham khảo

1. Huỳnh Hà Tố Uyên. Giáo trình Cứu trợ xã hội: Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum; 2022.

2. Nguyễn Thị Vân. Cứu trợ xã hội. NXB Lao động - Xã hội: Hà Nội; 2007.

3. Cục Bảo trợ xã hội đã phối hợp với. Hệ thống các chính sách trợ giúp xã hội: Nhà xuất bản Thống kê; 2018.

4. Chính phủ. Nghị định 07/2021/NĐ-CP quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025.

5. Chính phủ. Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp

xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

6. Trương Vĩnh Kỳ. Trợ giúp xã hội. Hà Nội: NXB Lao động - Xã hội; 2008.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có).

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Công tác xã hội với trẻ em tự kỷ (Social work with autistic children)

Mã môn học: 610310552

Thời gian thực hiện môn học: 28 giờ (Lý thuyết: 13 giờ; thảo luận, bài tập: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 13 giờ; kiểm tra 01 giờ; thi kết thúc môn học: 01 giờ)

A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**I. Vị trí:**

Là môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Công tác xã hội, được bố trí vào học kì thứ V của chương trình đào tạo.

II. Tính chất môn học:

Môn học giúp sinh viên hiểu rõ về đặc điểm của trẻ em rối loạn phổ tự kỷ, các phương pháp can thiệp và hỗ trợ xã hội phù hợp. Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức về lý thuyết công tác xã hội, cũng như các kỹ năng thực hành như giao tiếp, xây dựng kế hoạch hỗ trợ cá nhân, và phối hợp với các tổ chức, gia đình để tạo môi trường sống và học tập thuận lợi cho trẻ.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được khái niệm về rối loạn phổ tự kỷ ở trẻ em; các đặc điểm và các dấu hiệu của rối loạn phổ tự kỷ điển hình;
2. Trình bày được các nguyên nhân và mức độ của rối loạn phổ tự kỷ;
3. Phân biệt được sự khác biệt phát triển ở trẻ em tự kỷ như trí nhớ, khả năng tập trung và hội chứng thiên tài so với trẻ em bình thường;
4. Phân tích được tầm quan trọng và các phương pháp phát hiện sớm trẻ em rối loạn phổ tự kỷ;
5. Trình bày và phân tích được các chương trình và phương pháp can thiệp sớm cho trẻ tự kỷ.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Rèn luyện kỹ năng giao tiếp và phối hợp trong công tác xã hội với trẻ em rối loạn phổ tự kỷ;

2. Có kỹ năng xây dựng kế hoạch hỗ trợ cá nhân. Kỹ năng đánh giá và đề xuất chương trình can thiệp sớm cho trẻ em rối loạn phổ tự kỷ.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Sinh viên ý thức được tính chuyên nghiệp. Có thái độ tôn trọng, chấp nhận và kiên trì trong việc giúp trẻ em rối loạn phổ tự kỷ hòa nhập với cuộc sống.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Số TT	Tên chương/ mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Thực hành, thí nghiệm	Thi/ Kiểm tra
1	Chương 1: Tổng quan về rối loạn phổ tự kỷ	4	4	0		
	1. Rối loạn phổ tự kỷ		1.5			
	2. Rối loạn phổ tự kỷ điển hình		2.5			
2	Chương 2: Nguyên nhân và mức độ của rối loạn phổ tự kỷ	5	3	0	2	
	1. Nguyên nhân		2			
	2. Đánh giá mức độ của rối loạn phổ tự kỷ		1		2	
3	Chương 3: Một số khác biệt phát triển trẻ em rối loạn phổ tự kỷ	5	2	0	3	
	1. Đặc điểm trí nhớ		0.5		1	
	2. Khả năng học và áp dụng		0.5		1	

	kỹ năng mới					
	3. Khả năng tập trung và chú ý		0.5		1	
	4. Hội chứng thiên tài		0.5			
4	Chương 4: Phát hiện sớm trẻ em rối loạn phổ tự kỷ	6	2	0	4	
	1. Tầm quan trọng phát hiện sớm trẻ em rối loạn phổ tự kỷ		1		2	
	2. Đối tượng sàng lọc phát hiện sớm trẻ em rối loạn phổ tự kỷ		1		2	
5	Kiểm tra định kỳ	1				1
6	Chương 5: Can thiệp sớm trẻ em rối loạn phổ tự kỷ	6	2	0	4	
	1. Can thiệp sớm trẻ em rối loạn phổ tự kỷ		0.5			
	2. Một số điều cần biết khi can thiệp sớm trẻ em rối loạn phổ tự kỷ		0.5			
	3. Nội dung can thiệp		0.5		2	
	4. Sự tham gia của cha mẹ		0.5			
	5. Chương trình can thiệp				2	
7	Thi kết thúc môn	1				1
	Tổng cộng:	28	13	0	13	02

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ RỐI LOẠN PHỔ TỰ KỶ

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các hội chứng rối loạn phổ tự kỷ. Các dấu hiệu đặc trưng và các rối loạn khác đi kèm với rối loạn phổ tự kỷ. Các nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng tỷ lệ mắc rối loạn này.

2. Phát triển kỹ năng nhận diện các dấu hiệu của trẻ em rối loạn phổ tự kỷ. Kỹ năng phân biệt giữa các loại rối loạn phổ tự kỷ.

3. Sinh viên ý thức được tính chuyên nghiệp. Có thái độ tôn trọng, chấp nhận và kiên trì trong việc giúp trẻ em rối loạn phổ tự kỷ hòa nhập với cuộc sống.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Hội chứng rối loạn phổ tự kỷ (1)

1.1. Hội chứng Asperger

1.2. Hội chứng Rett

1.3. Hội chứng thoái triển trẻ em

1.4. Rối loạn phát triển lan toả không đặc hiệu khác

2. Rối loạn phổ tự kỷ điển hình (2, 3)

2.1. Các dấu hiệu của tự kỷ

2.2. Những rối loạn khác đi kèm với rối loạn phổ tự kỷ

2.3. Tỷ lệ mắc chứng tự kỷ

2.4. Nguyên nhân gia tăng tỷ lệ mắc rối loạn phổ tự kỷ.

CHƯƠNG 2: NGUYÊN NHÂN VÀ MỨC ĐỘ CỦA RỐI LOẠN PHỔ TỰ KỶ

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các nguyên nhân gây ra rối loạn phổ tự kỷ ở trẻ em. Phân tích được các mức độ của rối loạn phổ tự kỷ.

2. Phát triển kỹ năng đánh giá và phân loại mức độ rối loạn phổ tự kỷ. Kỹ năng phân tích và nhận diện các nguyên nhân có thể gây ra rối loạn phổ tự kỷ ở trẻ em.

3. Sinh viên ý thức được tính chuyên nghiệp. Có thái độ tôn trọng, chấp

nhận và kiên trì trong việc giúp trẻ em rối loạn phổ tự kỷ hòa nhập với cuộc sống.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Nguyên nhân (1)

1.1. Nguyên nhân liên quan đến thời kỳ phát triển sớm của trẻ

1.2. Nguyên nhân liên quan đến di truyền và gen

1.3. Nguyên nhân liên quan đến yếu tố dinh dưỡng

2. Đánh giá mức độ rối loạn phổ tự kỷ (4, 5)

2.1. Mức độ nhẹ

2.2. Mức độ vừa/trung bình

2.3. Mức độ nặng.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KHÁC BIỆT PHÁT TRIỂN Ở TRẺ EM RỐI LOẠN PHỔ TỰ KỶ

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các đặc điểm phát triển của trẻ em rối loạn phổ tự kỷ, về hội chứng thiên tài và các lĩnh vực mà trẻ em rối loạn phổ tự kỷ có thể có năng khiếu đặc biệt.

2. Có kỹ năng đánh giá các đặc điểm phát triển khác biệt của trẻ em rối loạn phổ tự kỷ, đặc biệt là về trí nhớ, khả năng học hỏi và sự chú ý.

3. Sinh viên ý thức được tính chuyên nghiệp. Có thái độ tôn trọng, chấp nhận và kiên trì trong việc giúp trẻ em rối loạn phổ tự kỷ hòa nhập với cuộc sống.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Đặc điểm trí nhớ (1)

1.1. Đặc điểm trí nhớ của trẻ bình thường

1.2. Đặc điểm trí nhớ của trẻ em rối loạn phổ tự kỷ

2. Khả năng tập trung và chú ý

2.1. Khả năng tập trung và chú ý của trẻ bình thường

2.2. Khả năng tập trung và chú ý của trẻ em rối loạn phổ tự kỷ

3. Khả năng học và áp dụng kỹ năng mới (1)

3.1. Khả năng học và áp dụng kỹ năng mới của trẻ bình thường

3.2. Khả năng học và áp dụng kỹ năng mới của trẻ em rối loạn phổ tự kỷ

4. Hội chứng thiên tài (1)

4.1. Hội chứng thiên tài là gì?

4.2. Các lĩnh vực mà trẻ em rối loạn phổ tự kỷ có thể có năng khiếu đặc biệt

4.3. Đặc điểm hội chứng thiên tài ở trẻ em rối loạn phổ tự kỷ

4.4. Một số trường hợp nổi bật về hội chứng thiên tài ở người rối loạn phổ tự kỷ.

CHƯƠNG 4: PHÁT HIỆN SỚM TRẺ EM RỐI LOẠN PHỔ TỰ KỶ

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày và phân tích được tầm quan trọng của việc phát hiện sớm trẻ em rối loạn phổ tự kỷ. Các đối tượng sàng lọc và quy trình phát hiện sớm trẻ em rối loạn phổ tự kỷ.

2. Phát triển kỹ năng thực hiện đánh giá và nhận diện các dấu hiệu của trẻ em rối loạn phổ tự kỷ qua các công cụ sàng lọc.

3. Sinh viên ý thức được tính chuyên nghiệp. Có thái độ tôn trọng, chấp nhận và kiên trì trong việc giúp trẻ em rối loạn phổ tự kỷ hòa nhập với cuộc sống.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Tầm quan trọng phát hiện sớm trẻ em rối loạn phổ tự kỷ (1)

1.1. Khái niệm

1.2. Ý nghĩa của việc phát hiện sớm

2. Đối tượng sàng lọc phát hiện sớm trẻ em rối loạn phổ tự kỷ (1)

2.1. Đối tượng thuộc diện sàng lọc

2.2. Quy trình sàng lọc phát hiện sớm, can thiệp sớm

CHƯƠNG 5: CAN THIỆP SỚM TRẺ EM RỐI LOẠN PHỔ TỰ KỶ

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, ý nghĩa và mục tiêu của việc can thiệp sớm đối với trẻ em rối loạn phổ tự kỷ. Những nội dung cần biết khi thực hiện can thiệp sớm cho trẻ em rối loạn phổ tự kỷ.

2. Có kỹ năng xây dựng và triển khai các chương trình can thiệp sớm cho trẻ em rối loạn phổ tự kỷ tùy theo mức độ và đặc điểm của từng trẻ.

3. Sinh viên ý thức được tính chuyên nghiệp. Có thái độ tôn trọng, chấp nhận và kiên trì trong việc giúp trẻ em rối loạn phổ tự kỷ hòa nhập với cuộc sống.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Can thiệp sớm trẻ em rối loạn phổ tự kỷ (1)

1.1. Khái niệm

1.2. Ý nghĩa và mục tiêu của việc can thiệp sớm

2. Một số điều cần biết khi can thiệp sớm trẻ em rối loạn phổ tự kỷ (1)

2.1. Sớm và kịp thời

2.2. Cá nhân hóa can thiệp

2.3. Toàn diện, đa ngành

2.4. Tập trung vào kỹ năng giao tiếp

2.5. Sử dụng kỹ thuật dạy học đặc biệt

2.6. Tập trung vào gia đình

2.8. Áp dụng các hoạt động hàng ngày

2.9. Kiên nhẫn và liên tục

3. Nội dung can thiệp (6-8)

3.1. Can thiệp về kỹ năng giao tiếp

3.2. Can thiệp về hành vi

3.3. Can thiệp về kỹ năng xã hội

3.4. Can thiệp về kỹ năng tự chăm sóc và sống độc lập

3.5. Can thiệp về kỹ năng học tập

3.6. Can thiệp về kỹ năng quản lý cảm xúc

4. Sự tham gia của cha mẹ (1)

5. Chương trình can thiệp (6-8)

5.1. Chương trình can thiệp mức độ nhẹ

5.2. Chương trình can thiệp mức độ vừa/trung bình

5.3. Chương trình can thiệp mức độ nặng

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn

Phòng học chuyên môn bảo đảm các điều kiện ánh sáng, vệ sinh...

II. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu projector, hoặc tivi, bút lật trang. Máy vi tính cá nhân

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Học liệu: chương trình và giáo trình, phương án bài giảng
- Dụng cụ, nguyên vật liệu: phấn, bảng, bút, giấy A0,...

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Trình bày được khái niệm về rối loạn phổ tự (ASD) và các đặc điểm cơ bản của rối loạn này.
- Các dạng rối loạn phổ tự kỳ khác nhau, ví dụ như hội chứng Asperger, hội chứng Rett và các dạng khác.
- Trình bày và phân tích các nguyên nhân gây ra rối loạn phổ tự kỳ, bao gồm yếu tố di truyền, môi trường sống và các yếu tố phát triển sớm.
- So sánh mức độ của rối loạn phổ tự kỳ: nhẹ, vừa/trung bình, nặng, và cách đánh giá mức độ của trẻ.
- Phân tích các yếu tố tác động đến sự gia tăng tỷ lệ mắc rối loạn phổ tự kỳ trong cộng đồng.
- Phân biệt được sự khác biệt phát triển ở trẻ em rối loạn phổ tự kỳ như trí nhớ, khả năng tập trung và hội chứng thiên tài so với trẻ em bình thường:
- Phân tích được tầm quan trọng của việc phát hiện sớm để can thiệp kịp thời và cải thiện kết quả phát triển của trẻ.
- Trình bày được các phương pháp sàng lọc và công cụ để phát hiện sớm

rối loạn phổ tự kỷ.

- Trình bày và phân tích được các chương trình và phương pháp can thiệp sớm cho trẻ em rối loạn phổ tự kỷ, bao gồm các chương trình phát triển kỹ năng giao tiếp, hành vi và kỹ năng xã hội.

- Trình bày được các phương pháp can thiệp sớm về kỹ năng tự chăm sóc và học tập, giúp trẻ có thể sống độc lập. Tầm quan trọng của sự tham gia của gia đình và phối hợp với các chuyên gia trong quá trình can thiệp sớm.

2. Kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng giao tiếp hiệu quả với trẻ em rối loạn phổ tự kỷ, bao gồm việc sử dụng ngôn ngữ cơ thể, hình ảnh và các phương pháp hỗ trợ giao tiếp thay thế.

- Kỹ năng nhận diện và đáp ứng các dấu hiệu cảm xúc và hành vi của trẻ em rối loạn phổ tự kỷ, từ đó điều chỉnh cách thức giao tiếp để đạt được sự hiệu quả trong quá trình tương tác.

- Kỹ năng phối hợp với gia đình, giáo viên và các tổ chức để tạo ra môi trường học tập và phát triển phù hợp cho trẻ, bảo đảm sự liên tục và đồng bộ trong việc can thiệp và hỗ trợ.

- Kỹ năng đánh giá nhu cầu cá nhân của trẻ em rối loạn phổ tự kỷ như kỹ năng xã hội, giao tiếp, hành vi và khả năng học tập, để từ đó xây dựng một kế hoạch hỗ trợ cá nhân phù hợp.

- Kỹ năng lập kế hoạch can thiệp, xác định mục tiêu ngắn hạn và dài hạn cho trẻ em rối loạn phổ tự kỷ, cùng với các phương pháp can thiệp cụ thể như dạy học kỹ năng sống, quản lý cảm xúc, kỹ năng xã hội.

- Kỹ năng theo dõi và đánh giá hiệu quả của kế hoạch can thiệp, bao gồm việc điều chỉnh và cải thiện kế hoạch khi cần thiết, cũng như đánh giá các kết quả đạt được thông qua sự phát triển của trẻ và sự tham gia của gia đình.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Sinh viên cần áp dụng các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp trong công tác xã hội như tính công bằng, bảo mật thông tin và sự chuyên môn trong các hoạt động hỗ trợ trẻ em rối loạn phổ tự kỷ.

- Tính chuyên nghiệp đòi hỏi sinh viên duy trì thái độ làm việc nghiêm túc, đúng đắn và tuân thủ các quy định và phương pháp can thiệp chuẩn mực trong công việc với trẻ em rối loạn phổ tự kỷ.

- Sinh viên cần xây dựng thái độ tôn trọng đối với sự khác biệt của trẻ em rối loạn phổ tự kỷ, đồng thời hiểu và chấp nhận rằng mỗi trẻ có nhu cầu và khả năng khác nhau trong việc học hỏi và phát triển.

- Kiên trì trong việc áp dụng các phương pháp can thiệp, đặc biệt là trong những tình huống khó khăn khi trẻ không phản hồi ngay lập tức hoặc gặp phải các thách thức trong quá trình giao tiếp và phát triển.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

+ Số bài kiểm tra: : 01 bài

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (*tự luận, trắc nghiệm*), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ

+ Số bài kiểm tra: 1 bài.

+ Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm hoặc tự luận.

- Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi: Sinh viên phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (*thang điểm 10*) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (*trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt*)

- Hình thức thi: Tự luận.

- Thời gian thi: 1 giờ.

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên

cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CDKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn Công tác xã hội với trẻ em tự kỷ được sử dụng đào tạo trình độ Cao đẳng chuyên ngành Công tác xã hội

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: thuyết trình, vấn đáp, diễn giải, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của người học....

- Quan tâm phát huy kinh nghiệm của người học trong quá trình lên lớp; chú trọng đầu tư tổ chức tốt các tiết thảo luận cả về nội dung lẫn hình thức.

2. Đối với người học

- Nghiên cứu, thảo luận nhóm, quan sát, động não trả lời câu hỏi.

- Người học tìm hiểu giáo trình, một số tài liệu liên quan đến môn học này.

III. Những trọng tâm cần chú ý

Can thiệp sớm trẻ em rối loạn phổ tự kỷ, bao gồm: Một số điều cần biết khi can thiệp sớm trẻ em rối loạn phổ tự kỷ; Nội dung và chương trình can thiệp.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Võ Mạnh Tuấn, Nguyễn Thị Bích Hạnh, Nguyễn Hương Giang, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thị Hiền. Giáo trình môn học Công tác xã hội với trẻ tự kỷ: NXB Bách khoa Hà Nội; 2025.

2. Nguyễn Thị Thanh Mai. Thực trạng bệnh tự kỷ và một số định hướng. Tạp chí Lao động và xã hội online. 2016.

3. Hà Hoàng Kiệm. Phục hồi chức năng cho trẻ tự kỷ [Available from: <http://hahoangkiem.com/phuc-hoi-chuc-nang/phuc-hoi-chuc-nang-cho-tre-tu-ky-1399.html>].

4. Lê Thị Vui. Dịch tễ học rối loạn phổ tự kỷ ở trẻ 18-30 tháng và rào cản tiếp cận dịch vụ chẩn đoán, can thiệp rối loạn phổ tự kỷ tại Việt Nam, 2017-2019. Hà Nội: Trường Đại học Y tế công cộng; 2020.

5. Phạm Minh Mục. Nghiên cứu xây dựng mô hình phát hiện sớm, can thiệp sớm và giáo dục cho trẻ em rối loạn phổ tự kỉ Việt Nam dựa vào gia đình và cộng đồng. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam; 2022.

6. White SW, Keonig, K., & Scahill, L. Social skills development in children with autism spectrum disorders: A review of the intervention research. *Journal of Autism and Developmental Disorders*. 2007;37(10), 1858-68.

7. Wong C, Odom, S. L., Hume, K. A., Cox, A. W., Fettig, A., Kucharczyk, S., & Schultz, T. R. Evidence-based practices for children, youth, and young adults with autism spectrum disorder: A comprehensive review. *Journal of Autism and Developmental Disorders*. 2015;45(7), 1951-66.

8. Schreibman L DG, Stahmer AC, Landa R, Rogers SJ, McGee GG, et al. Naturalistic developmental behavioral interventions: Empirically validated treatments for autism spectrum disorder. *J Autism Dev Disord* 2015.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**Tên môn học:** Quản trị ngành công tác xã hội (Social work administration)**Mã môn học:** 610320372**Thời gian thực hiện môn học:** 30 giờ (lý thuyết: 13 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 15 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi kết thúc môn học: 1 giờ).**A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC****I. Vị trí**

Đây là môn học thuộc nhóm môn học tự chọn, nâng cao trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội trình độ cao đẳng, môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ VI.

II. Tính chất

Môn học Quản trị ngành công tác xã hội kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, là môn học tự chọn, nâng cao trong chương trình đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ cao đẳng hệ chính quy.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được các khái niệm cơ bản của quản trị ngành Công tác xã hội; mô tả được các tiến trình hoạch định, tổ chức, nhân sự và kiểm huấn trong quản trị ngành Công tác xã hội.

2. Nhận diện được các nguyên tắc, kỹ thuật, phương pháp để thực hiện có hiệu quả các chức năng quản trị trong công tác xã hội.

3. Giải thích được các yêu cầu và nhiệm vụ của nhà quản trị ngành Công tác xã hội.

4. Phân tích được các nguyên tắc của quản trị ngành Công tác xã hội.

II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Thực hiện thành thạo tiến trình quản lý trường hợp, xây dựng, duy trì và phát triển đội ngũ nhân sự.

2. Xây dựng được các chính sách, ra quyết định, tổ chức thực hiện quyết định.

3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp kiểm huấn; sử dụng thành thạo các kiểu kiểm huấn.

4. Lượng giá việc can thiệp với cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng trong các công tác.

5. Làm việc nhóm hiệu quả; thuyết trình mạch lạc, rõ ràng, tự tin; nhận diện đánh giá vấn đề chính xác.

III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Trung thực, thái độ ứng xử phù hợp, sẵn sàng phục vụ vì lợi ích của thân chủ, sẵn sàng phối hợp trong công việc.

2. Tự giác, cẩn thận, tỉ mỉ sử dụng thiết bị, dụng cụ học tập, trung thực trong học tập.

3. Khả năng tự tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học tập lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

C. NỘI DUNG MÔN HỌC

NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1: Khái quát về quản trị trong công tác xã hội	3	2		1	
	1. Khái niệm về quản trị công tác xã hội, phân biệt quản trị và quản lý 1.1. Khái niệm 1.2. Phân biệt quản trị và quản lý	1	1			
	2. Vai trò của quản trị công tác xã hội 3. Một số nguyên tắc cơ bản	1	0.5		0.5	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	Nhà quản trị công tác xã hội					
	4. Nhà quản trị công tác xã hội 4.1 Khái niệm 4.2. Yêu cầu đối với nhà quản trị công tác xã hội	1	0.5		0.5	
2	Chương 2: Hoạch định trong quản trị công tác xã hội	6	3		3	
	1. Khái niệm, vai trò của hoạch định trong công tác xã hội 1.1. Khái niệm 1.2. Vai trò của hoạch định trong công tác xã hội	1	1			
	2. Tiến trình hoạch định trong công tác xã hội 2.1. Hoạch định ở cấp độ tổ chức 2.2. Quản lý trường hợp (quản lý case)	3	1		2	
	3. Phân loại hoạch định 3.1 Hoạch định chiến lược 3.2 Hoạch định tác vụ (chiến thuật) 3.3 Hoạch định phòng ngừa 3.4. Hoạch định liên cơ sở	2	1		1	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
3	Chương 3: Ra quyết định trong quản trị công tác xã hội	4	2		2	
	1. Khái niệm 2. Những cách thức ra quyết định 2.1. Ra quyết định theo kiểu phán đoán 2.2. Ra quyết định theo kiểu giải quyết vấn đề 3. Hướng dẫn ra quyết định	2	1		1	
	4. Đánh giá quyết định 5. Những kỹ thuật ra quyết định 5.1. Kỹ thuật tập thể danh nghĩa 5.2. Kỹ thuật Delphi 6. Những khó khăn trong việc ra quyết định	2	1		1	
4	Chương 4: Công tác tổ chức, nhân sự trong quản trị công tác xã hội	6	2		4	
	1. Công tác tổ chức trong quản trị công tác xã hội 1.1. Khái niệm tổ chức và cơ cấu tổ chức	3	1		2	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	1.1.1. Khái niệm tổ chức 1.1.2. Khái niệm cơ cấu tổ chức 1.2. Mục tiêu, nguyên tắc quản trị của tổ chức 1.2.1. Mục tiêu của tổ chức 1.2.2. Nguyên tắc quản trị của tổ chức 1.3. Tầm hạn quản trị 1.4. Một số kiểu cơ cấu tổ chức quản trị 1.4.1. Cơ cấu tổ chức quản trị trực tuyến 1.4.2. Cơ cấu tổ chức quản trị theo chức năng 1.4.3. Cơ cấu tổ chức quản lý trực tuyến – chức năng					
	2. Công tác nhân sự 2.1. Tuyển dụng 2.2. Đào tạo và phát triển nhân lực 2.3. Đánh giá năng lực nhân viên 2.4. Động viên tinh thần làm việc của nhân viên	3	1		2	
5	Chương 5: Lãnh đạo trong	5	2		3	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	quản trị công tác xã hội					
	1. Khái niệm 2. Những hoạt động lãnh đạo 2.1. Lãnh đạo trực tiếp 2.2. Lãnh đạo bằng cách hỗ trợ 2.3. Lãnh đạo theo thành tích có định hướng 2.4. Lãnh đạo có tham dự 3. Phong cách lãnh đạo 3.1. Kiểu độc đoán – chỉ huy 3.2. Kiểu dân chủ 3.3. Kiểu thả lỏng (hay tự do – buông lỏng)	3	1		2	
	4. Những thuộc tính quan trọng để quản trị công tác xã hội có hiệu quả 4.1. Hiểu rõ con người trong hệ thống quản trị 4.2. Đưa ra các quyết định lãnh đạo thích hợp 4.3. Xây dựng nhóm làm việc 4.4. Dự kiến các tình huống và tìm cách ứng xử tốt 4.5. Giao tiếp và đàm phán 5. Những thuộc tính để lãnh	2	1		1	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
	đạo có hiệu quả trong thực hành quản trị công tác xã hội 5.1. Sự kiên nhẫn 5.2. Quản lý thời gian (kiểm soát thời gian) 5.3. Thỏa hiệp 5.4. Nhẹ nhàng, khéo léo 5.5. Sự sáng tạo					
6	Chương 6: Kiểm huấn	4	2		2	
	1. Khái niệm 2. Mục đích 3. Chức năng 3.1. Chức năng quản lý 3.2. Chức năng hỗ trợ 3.3. Chức năng đào tạo 4. Đặc điểm của kiểm huấn viên giỏi	2	1		1	
	5. Những nguyên tắc kiểm huấn cơ bản 6. Tiến trình kiểm huấn 6.1. Xây dựng các tiêu chuẩn và chọn phương pháp đo lường việc thực 6.2. Đo lường việc thực hiện 6.3. Điều chỉnh các sai lệch	2	1		1	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Thi/Kiểm tra
7	Kiểm tra định kì	1				1(1,0)
8	Thi kết thúc môn học	1				1(1,0)
	Cộng	30	13	0	15	2

NỘI DUNG CHI TIẾT

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ QUẢN TRỊ TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI

(Thời gian: 3 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, vai trò của quản trị công tác xã hội; giải thích được các nguyên tắc quản trị công tác xã hội; xác định được những yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ của nhà quản trị CTXH.

2. Thực hiện thành thạo các kỹ năng: Quan sát, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, thuyết trình, lắng nghe; ứng dụng tốt một số nguyên tắc cơ bản nhà quản trị công tác xã hội.

3. Thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm về quản trị công tác xã hội, phân biệt quản trị và quản lý (1-3)

1.1. Khái niệm

1.2. Phân biệt quản trị và quản lý

2. Vai trò của quản trị công tác xã hội (3)

3. Một số nguyên tắc cơ bản Nhà quản trị công tác xã hội (2)

4. Nhà quản trị công tác xã hội (1-3)

4.1 Khái niệm

4.2. Yêu cầu đối với nhà quản trị công tác xã hội

CHƯƠNG 2: HOẠCH ĐỊNH TRONG QUẢN TRỊ CÔNG TÁC XÃ HỘI

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm hoạch định; phân tích được vai trò của hoạch định trong công tác xã hội; mô tả được tiến trình hoạch định trong công tác xã hội; tóm lược được tiến trình quản lý trường hợp; phân biệt và thực hiện được các loại hoạch định.

2. Thực hiện thành thạo các kỹ năng: Quan sát, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, thuyết trình, lắng nghe; ứng dụng tốt tiến trình quản lý case vào các trường hợp cụ thể.

3. Thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, trung thực, sẵn sàng phục vụ vì lợi ích của thân chủ; thái độ sẵn sàng phối hợp trong công việc.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm, vai trò của hoạch định trong công tác xã hội (1, 3, 4)

1.1. Khái niệm

1.2. Vai trò của hoạch định trong công tác xã hội

2. Tiến trình hoạch định trong công tác xã hội (4)

2.1. Hoạch định ở cấp độ tổ chức

2.2. Quản lý trường hợp (quản lý case)

3. Phân loại hoạch định (1, 3, 4)

3.1 Hoạch định chiến lược

3.2 Hoạch định tác vụ (chiến thuật)

3.3 Hoạch định phòng ngừa

3.4. Hoạch định liên cơ sở

CHƯƠNG 3: RA QUYẾT ĐỊNH TRONG QUẢN TRỊ CÔNG TÁC XÃ HỘI

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, các cách thức ra quyết định; liệt kê được các

tiêu chuẩn xác định chất lượng quyết định; mô tả được những khó khăn trong việc ra quyết định.

2. Thực hiện tốt những cách thức, hướng dẫn ra quyết định, kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, thuyết trình.

3. Tích cực, tự giác và có thái độ ứng xử phù hợp khi giải quyết các vấn đề trong công tác xã hội, trung thực trong học tập.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm (1, 3, 4)

2. Những cách thức ra quyết định (3)

2.1. Ra quyết định theo kiểu phán đoán

2.2. Ra quyết định theo kiểu giải quyết vấn đề

3. Hướng dẫn ra quyết định (2)

4. Đánh giá quyết định (2)

5. Những kỹ thuật ra quyết định (3)

5.1. Kỹ thuật tập thể danh nghĩa

5.2. Kỹ thuật Delphi

6. Những khó khăn trong việc ra quyết định (1, 3, 4)

CHƯƠNG 4: CÔNG TÁC TỔ CHỨC, NHÂN SỰ TRONG QUẢN TRỊ CÔNG TÁC XÃ HỘI

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được định nghĩa tổ chức, những yếu tố của một tổ chức; mô tả được tiến trình tổ chức, nhân sự; nhận diện được những yếu tố cấu trúc, con người trong tổ chức; xác định được vai trò của nhân viên công tác xã hội.

2. Thực hiện tốt: Xây dựng, duy trì và phát triển đội ngũ nhân sự, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, thuyết trình.

3. Thái độ nghiêm túc, tích cực, tự giác, cẩn thận, say mê, trung thực trong học tập.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Công tác tổ chức trong quản trị công tác xã hội (1, 2)

1.1. Khái niệm tổ chức và cơ cấu tổ chức

1.1.1. Khái niệm tổ chức

1.1.2. Khái niệm cơ cấu tổ chức

1.2. Mục tiêu, nguyên tắc quản trị của tổ chức

1.2.1. Mục tiêu của tổ chức

1.2.2. Nguyên tắc quản trị của tổ chức

1.3. Tầm hạn quản trị

1.4. Một số kiểu cơ cấu tổ chức quản trị

1.4.1. Cơ cấu tổ chức quản trị trực tuyến

1.4.2. Cơ cấu tổ chức quản trị theo chức năng

1.4.3. Cơ cấu tổ chức quản lý trực tuyến – chức năng

2. Công tác nhân sự (1, 2)

2.1. Tuyển dụng

2.2. Đào tạo và phát triển nhân lực

2.3. Đánh giá năng lực nhân viên

2.4. Động viên tinh thần làm việc của nhân viên

CHƯƠNG 5: LÃNH ĐẠO TRONG QUẢN TRỊ CÔNG TÁC XÃ HỘI

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Mô tả được tiến trình lãnh đạo; trình bày được các lý thuyết lãnh đạo; áp dụng được các thuộc tính quan trọng để quản trị công tác xã hội có hiệu quả.

2. Vận dụng thành thạo những thuộc tính để lãnh đạo có hiệu quả trong thực hành công tác xã hội; thực hiện tốt các kỹ năng: Quan sát, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, thuyết trình, lắng nghe.

3. Thái độ nghiêm túc, tích cực, say mê học tập, ý thức vai trò, vị trí của môn học, từ đó có động lực và định hướng để trở thành những nhân viên công tác xã hội.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm (1-3)
2. Những hoạt động lãnh đạo (4)
 - 2.1. *lãnh đạo trực tiếp*
 - 2.2. *Lãnh đạo bằng cách hỗ trợ*
 - 2.3. *Lãnh đạo theo thành tích có định hướng*
 - 2.4. *Lãnh đạo có tham dự*
3. Phong cách lãnh đạo (1-3)
 - 3.1. *Kiểu độc đoán – chỉ huy*
 - 3.2. *Kiểu dân chủ*
 - 3.3. *Kiểu thả lỏng (hay tự do – buông lỏng)*
4. Những thuộc tính quan trọng để quản trị công tác xã hội có hiệu quả
(2)
 - 4.1. *Hiểu rõ con người trong hệ thống quản trị*
 - 4.2. *Đưa ra các quyết định lãnh đạo thích hợp*
 - 4.3. *Xây dựng nhóm làm việc*
 - 4.4. *Dự kiến các tình huống và tìm cách ứng xử tốt*
 - 4.5. *Giao tiếp và đàm phán*
5. Những thuộc tính để lãnh đạo có hiệu quả trong thực hành quản trị công tác xã hội (2, 4)
 - 5.1. *Sự kiên nhẫn*
 - 5.2. *Quản lý thời gian (kiểm soát thời gian)*
 - 5.3. *Thỏa hiệp*
 - 5.4. *Nhẹ nhàng, khéo léo*
 - 5.5. *Sự sáng tạo*

CHƯƠNG 6 : KIỂM HUẤN

(Thời gian: 4 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, mục đích, chức năng của kiểm huấn; mô tả được đặc điểm của kiểm huấn viên giỏi, tiến trình kiểm huấn; phân tích được các

phương pháp kiểm huấn có hiệu quả.

2. Thực hiện tốt các kiểu kiểm huấn; làm việc nhóm, giải quyết vấn đề.

3. Chuyên cần, cẩn thận, tỉ mỉ, nhanh nhẹn, thận trọng, có niềm say mê học tập và trong công việc.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm (2, 3)

2. Mục đích (4)

3. Chức năng (2)

3.1. Chức năng quản lý

3.2. Chức năng hỗ trợ

3.3. Chức năng đào tạo

4. Đặc điểm của kiểm huấn viên giỏi (1)

5. Những nguyên tắc kiểm huấn cơ bản (4)

6. Tiến trình kiểm huấn (2)

6.1. Xây dựng các tiêu chuẩn và chọn phương pháp đo lường việc thực

6.2. Đo lường việc thực hiện

6.3. Điều chỉnh các sai lệch

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng

- Phòng học lý thuyết phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm.

- Phòng thực hành: Có đầy đủ trang thiết bị phụ vụ môn học, bàn, ghế, bảng.

II. Trang thiết bị, máy móc

Tivi, máy vi tính, máy chiếu, màn hình.

III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Học liệu số

+ Giáo trình Quản trị ngành công tác xã hội ban hành theo QĐ số 63/QĐ-CĐCĐ ngày 10/01/2022 của Hiệu trưởng Nhà trường.

+ Nguyễn Thị Mỹ, Lê Thị Kim Bình. Giáo trình Quản trị ngành công tác xã hội. Hà Nội: Nhà xuất bản bách khoa Hà Nội; 2024.

- Dụng cụ, nguyên vật liệu

Tranh ảnh, video liên quan tới từng bài giảng dạy, 100 tờ giấy A4, 20 tờ A^o, 12 cây bút chì kim, thước, 10 cây bút lông, 10 cây bút dạ, 5 cái bảng làm việc nhóm, 4 lốc giấy note, 12 cục nam châm,...

IV. Các điều kiện khác

Không

E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Nội dung

1. Kiến thức

- Trình bày khái niệm Quản trị CTXH, nhà quản trị CTXH, phân biệt quản trị và quản lý.
- Mô tả và thực hiện giải quyết các Quản lý trường hợp (quản lý case).
- Những cách thức, hướng dẫn, đánh giá ra quyết định.
- Khái niệm tổ chức và cơ cấu tổ chức, các bước thực hiện trong công tác nhân sự.
- Khái niệm, những kiểu hoạt động, phong cách lãnh đạo. Giải quyết các bài tập tình huống về phong cách lãnh đạo.
- Khái niệm, chức năng, tiến trình của kiểm huấn.

2. Kỹ năng

- Tuân thủ tiến trình hoạch định; vận dụng được những thuộc tính để lãnh đạo có hiệu quả trong thực hành CTXH; tìm kiếm nguồn nhân sự, làm việc với họ, duy trì và phát triển đội ngũ nhân sự; thực hiện thành thạo các cách kiểm huấn có hiệu quả; sử dụng thành thạo các kiểu kiểm huấn.
- Rèn luyện tác phong, đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả.
- Sử dụng thành thạo các dụng cụ, thiết bị trong phòng học thực hành.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Học tập theo phương pháp biết suy luận, kết hợp lý luận với thực tiễn; thái độ nghiêm túc, cẩn thận, cách tiếp cận khoa học khi xem xét một vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị ngành công tác xã hội; tuân thủ các nguyên tắc quản trị; trung thực với kết quả làm việc nhóm.

- Tự giác, chủ động trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả trang thiết bị, dụng cụ, điện, nước.

- Hình thành sự đam mê, yêu thích và mong muốn tìm hiểu các vấn đề liên quan đến học tập.

II. Phương pháp

1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên

+ Số bài kiểm tra: 01

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá sinh viên thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kỹ năng, thao tác, kết quả thực hành, thí nghiệm, chấm điểm tường trình thí nghiệm hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Kiểm tra, đánh giá định kỳ

+ Số bài kiểm tra: 01

+ Hình thức kiểm tra: Tự luận

+ Thời gian kiểm tra: 45 phút

+ Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

2. Thi kết thúc môn học

- Điều kiện dự thi:

+ Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập bao gồm: Thời gian học lý thuyết, thực hành, thí nghiệm và đáp ứng được các yêu cầu khác quy định trong chương trình môn học.

+ Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

+ Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của Nhà trường.

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian thi: 60 phút

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ VI của chương trình đào

tạo hoặc hoặc theo kế hoạch đào tạo của Trường ban hành hằng năm.

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CDKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

I. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn Quản trị ngành CTXH được sử dụng đào tạo ngành, nghề Công tác xã hội trình độ Cao đẳng hệ chính quy.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

1. Đối với nhà giáo

- Trong quá trình giảng dạy có thể vận dụng kết hợp lý thuyết và thực hành; áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau như (trình bày, diễn giải, chứng minh, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của sinh viên...).

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự hướng dẫn kỹ năng.

2. Đối với người học

- Sinh viên nghiên cứu bài học trước khi đến lớp, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này. Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, thực hành, bài kiểm tra và thi.

- Hoàn thành các bài thực hành trước khi đến lớp.

III. Những trọng tâm cần chú ý

- Khái niệm cơ bản của quản trị ngành Công tác xã hội.

- Phân tích các nguyên tắc của quản trị ngành Công tác xã hội.

- Các yêu cầu và nhiệm vụ của nhà quản trị ngành Công tác xã hội.

- Các tiến trình hoạch định, tổ chức, nhân sự và kiểm huấn trong quản trị ngành Công tác xã hội.

- Năng lực và kỹ năng thực hành, thuyết trình, làm việc nhóm của SV.

- Các biện pháp sử dụng hiệu quả thiết bị, dụng cụ học tập, bảo vệ môi

trường.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Lê Chí An. Quản trị công tác xã hội. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TPHCM; 2018.
2. Lê Ngọc Hùng. Xã hội học về lãnh đạo, quản lý. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội; 2011.
3. Trịnh Thị Chinh. Quản trị ngành Công tác xã hội. Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động;; 2012.
4. James H. Donnelly J JLGvJMiv. Quản trị học căn bản. Hà Nội.: Nhà xuất bản Thống kê; 2001.

V. Ghi chú và giải thích (nếu có).